**TIẾNG VIỆT TẬP 2**

**Sách Cánh Diều**

**BÀI 94**

**anh ach**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **anh, ach**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **anh, ach** (với các mô hình: “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh ngang”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh khác thanh ngang”).

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **anh**, vần ach (BT Mở rộng vốn từ).

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Tủ sách của Thanh**.

- Viết đúng các vần **anh, ach** và các tiếng (quả) **chanh**, (cuốn) **sách** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, máy tính.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai (nếu có).

- 4 thẻ chữ viết nội dung BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Giới thiệu bài:** GV giới thiệu sách Tiếng Việt 1, tập hai và bài học mở đầu: vần anh, vần ach. (Đây là bài đầu tiên dạy vần có âm cuối là nh, ch; GV cần dạy kĩ để HS nắm chắc mô hình, tạo điều kiện học các bài sau nhanh hơn).

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần anh***

a) Chia sẻ

- GV giới thiệu vần **anh**: viết hoặc đưa lên bảng lần lượt chữ **a**, chữ **nh** (đã học). HS đọc: **a - nhờ - anh** (cá nhân, cả lớp).

- Đánh vần (2 HS làm mẫu, cả lớp nhắc lại**): a - nhờ - anh.**

- Phân tích (1 HS làm mẫu, một số HS nhắc lại): Vần **anh** có âm **a** và âm **nh**. Âm **a** đứng trước, âm **nh** đứng sau.

b) Khám phá

- GV chỉ hình quả chanh (hoặc quả chanh thật), hỏi: Đây là quả gì? (Quả chanh). Trong từ quả chanh, tiếng nào có vần **anh**? (Tiếng **chanh**).

- Phân tích (2 HS làm mẫu, cả lớp nhắc lại): Tiếng **chanh** có âm **ch** đứng trước, vần **anh** đứng sau. .

- Đánh vần, đọc trơn:

+ GV giới thiệu mô hình vần anh. HS (cá nhân, cả lớp): **a - nhờ - anh / anh**.

+ GV giới thiệu mô hình tiếng **chanh**. HS (cá nhân, tổ, cả lớp): chờ - anh - chanh / chanh.

***2.2. Dạy vần ach*** (như vần **anh**)

*Chú ý*: Vần **ach** giống vần **anh** đều bắt đầu bằng âm **a**. Khác vần **anh**, vần **ach** có âm cuối là **ch**, vần **anh** có âm cuối là **nh**.

Đánh vần, đọc trơn: a - chờ - ach / sờ - ach - sach - sắc - sách / cuốn sách.

*\* Củng cố:* Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? (Vần **anh**, vần **ach**). Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (Tiếng **chanh**, tiếng **sách**). Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ mới: **anh, quả chanh; ach, cuốn sách.**

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần anh? Tiếng nào có vần ach?).

- (Xác định YC) GV nêu YC của BT.

- (Đọc tên sự vật) GV chỉ từng từ ngữ dưới hình cho 1 HS đọc (hoặc đánh vần - nếu cần), cả lớp đọc: viên gạch, tách trà,....

- (Tìm tiếng có vần ...) HS tìm tiếng có vần **anh**, vần **ach**, làm bài trong VBT.

- (Báo cáo kết quả) HS 1: Những tiếng có vần **anh** (bánh, tranh). HS 2: Những tiếng có vần **ach** (gạch, tách, khách).

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **gạch** có vần **ach**,... Tiếng **bánh** có vần **anh**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) (cỡ nhỡ)

a) Cả lớp đọc các vần, từ **anh, ach, quả chanh, cuốn sách** GV viết mẫu trên bảng lớp.

b) Viết vần: **anh, ach** (cỡ nhỡ)

- 1 HS đọc vần **anh**, nói cách viết: chữ viết trước, viết sau; độ cao các con chữ.

- GV vừa viết vần **anh** vừa hướng dẫn: chữ **a** viết trước, **nh** viết sau; chú ý nét nối giữa **a** và **nh**./ Làm tương tự với vần **ach**.

- Cả lớp viết bảng con: **anh, ach** (2 lần). GV khuyến khích HS viết 2 lần mỗi vần để HS được luyện tập nhiều, không có thời gian nhàn rỗi để làm việc riêng.

- HS giơ bảng. GV nhận xét. c) Viết tiếng: (quả) **chanh**, (cuốn) **sách**.

- 1 HS đọc tiếng chanh, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu tiếng **chanh** vừa hướng dẫn quy trình viết, cách nối nét từ **ch** sang **anh**. / Làm tương tự với tiếng **sách**. Dấu sắc đặt trên **a**.

- Cả lớp viết: (quả) **chanh,** (cuốn) **sách.** /HS giơ bảng. GV nhận xét.

\* Thời gian Tập viết khoảng 15 phút. Tránh lấn thời gian viết vào tiết 2, để dành trọn 1 tiết cho Tập đọc.

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV đưa lên bảng hình minh hoạ bài Tủ sách của Thanh: Bài đọc nói về bạn Thanh còn nhỏ nhưng đã có một tủ sách. Nhờ có sách, Thanh học đọc rất nhanh.

b) GV đọc mẫu: nhấn giọng các từ ngữ **hiền lành, cục tác, ủn ỉn, tủ sách, rất nhanh** để gây ấn tượng, giúp HS chú ý và đọc đúng các từ ngữ đó.

c) Luyện đọc từ ngữ: GV chỉ từng từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân trên bảng lớp hoặc màn hình) cho 2 HS cùng đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: tủ sách, cuốn sách, tranh ảnh, hiền lành, cục tác, ủn ỉn, rất nhanh. (HS nào đọc ngắc ngứ thì có thể đánh vần).

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (GV chỉ từng câu, HS đếm: 6 câu, không kể tên bài). GV đánh số TT từng câu.

- (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ câu 1, mời 1 HS đọc, cả lớp đọc lại câu 1. Làm tương tự với các câu khác.

- (Đọc tiếp nối từng câu) HS (cá nhân, từng cặp) đọc tiếp nối từng câu. GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS. Nhắc lượt sau cố gắng đọc tốt hơn lượt trước.

- GV chỉ một vài câu đảo lộn thứ tự, kiểm tra một vài HS đọc.

e) Thi đọc từng đoạn, cả bài

- (Làm việc nhóm đôi) Từng cặp HS (nhìn SGK) cùng luyện đọc trước khi thi.

- Các cặp / tổ thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi đoạn 2 câu).

- Các cặp / tổ thi đọc cả bài (mỗi cặp, tổ đều đọc cả bài) (1) GV nhắc HS theo dõi các bạn đọc, để nhận xét ưu điểm, phát hiện lỗi đọc sai.

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc đồng thanh (đọc nhỏ để không ảnh hưởng đến lớp bạn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- HS làm bài trong VBT./1 HS báo cáo kết quả. GV giúp HS ghép các thẻ từ trên bảng lớp.

- Cả lớp nói lại kết quả (không đọc các chữ cái và số thứ tự): a) Những cuốn sách đó - 2) có tranh ảnh đẹp. b) Nhờ có sách, - 1) Thanh học đọc rất nhanh.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **anh** (Ví dụ: đánh, lạnh, nhanh,...); vần **ach** (VD: cách, mách, vạch,...) hoặc nói câu có vần **anh**, vần **ach**.

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; cùng người thân tìm tiếng có vần **anh,** vần **ach**; xem trước bài 95 (ênh, êch).

**BÀI 95**

**ênh êch**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **ênh, êch**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ênh, êch**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ênh**, vần **êch**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ước mơ của tảng đá** (1).

- Viết đúng các vần **ênh, êch,** các tiếng (dòng) **kênh,** (con) **ếch** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / bảng phụ viết bài Tập đọc.

- Các thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu: Ý nào đúng?

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 1 HS đọc bài Tập đọc Tủ sách của Thanh (bài 94) hoặc cả lớp viết bảng con: quả chanh, cuốn sách.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ênh**, vần **êch**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần ênh***

a) Chia sẻ

- GV viết hoặc đưa lên bảng chữ **ê**, chữ **nh** (đã học). /HS đánh vần**: ê - nhờ – ênh** (cả lớp, cá nhân).

- Phân tích (1 HS làm mẫu, vài HS nhắc lại): Vần **ênh** có âm **ê** và âm **nh**. Âm **ê** đứng trước, âm **nh** (nhờ) đứng sau.

b) Khám phá

- HS nói tên sự vật: dòng kênh. Trong từ dòng kênh, tiếng **kênh** có vần **ênh**.

- Phân tích: Tiếng **kênh** có âm **k** đứng trước, vần **ênh** đứng sau.

- Đánh vần: **ca - ênh - kênh / kênh.**

- GV chỉ mô hình vần **ênh**, tiếng **kênh**, từ khoá, cả lớp đánh vần, đọc trơn: *ê - nhờ - ênh / ca - ênh - kênh / dòng kênh.*

***2.2. Dạy vần êch*** (như vần **ênh**).

*Chú ý:* Vần **êch** giống vần **ênh** đều bắt đầu bằng âm **ê**. Khác vần **ênh**, vần **êch** có âm cuối là **ch**.

- Đánh vần, đọc trơn: ê - chờ - êch - sắc - ếch / con ếch

*\* Củng cố:* Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? (Vần **ênh**, vần **êch**). Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (dòng **kênh,** con **ếch**). Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: **ênh, dòng kênh; êch, con ếch.**

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **ênh**? Tiếng nào có vần **êch**?)

- GV nêu YC: chỉ từng từ ngữ, HS đánh vần, đọc trơn: **mắt xếch, chênh lệch**,...

- HS tìm tiếng có vần **ênh**, vần **êch**; làm bài trong VBT, 1 HS báo cáo: HS 1 nói tiếng có vần **ênh** (chênh, bệnh, bệnh). HS 2 nói tiếng có vần **êch** (xếch, lệch).

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **xếch** có vần **êch**. Tiếng **chênh** có vần **ênh**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học trên bảng lớp.

b) Viết vần: **ênh, êch**

- 1 HS đọc vần ênh, nói cách viết: chữ viết trước, viết sau; độ cao con chữ.

- GV vừa viết mẫu vần **ênh** vừa hướng dẫn: chữ **ê** viết trước, chữ **nh** viết sau; lưu ý cách viết nét mũ trên **ê**, nét nối giữa **ê** và **nh/** Làm tương tự với vần **êch** (khác vần **ênh** ở âm cuối **ch**).

- HS viết bảng con: **ênh, êch** (2 lần). / HS giơ bảng, GV nhận xét. c) Viết tiếng: (dòng) **kênh**, (con) **ếch**

- 1 HS đọc tiếng **kênh**, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: viết **k** trước, vần **ênh** sau. Thực hiện tương tự với tiếng **ếch**. Chú ý: dấu sắc đặt trên **ê**.

- HS viết: (dòng) **kênh**, (con) **ếch** (2 lần). Khuyến khích HS viết mỗi vần, mỗi tiếng 2 lần để HS được luyện tập nhiều, không có thời gian rỗi nghịch ngợm.

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV chỉ hình minh hoạ bài **Ước mơ của tảng đá** (1), giới thiệu: Đây là một tảng đá đứng chênh vênh trên dốc đá cao, nằm sát bờ biển. Các em hãy lắng nghe để biết: Tảng đá nghĩ gì, ước mong điều gì?

b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm: **xù xì, bạc phếch, chênh vênh, mênh mông**. Giải nghĩa từ: **chênh vênh** (không có chỗ dựa chắc chắn, gây cảm giác trơ trọi, thiếu vững chãi).

c) Luyện đọc từ ngữ: HS đọc yếu có thể đánh vần, cả lớp đọc trơn**: ước mơ, tảng đá, ven biển, bạc phếch, chênh vênh, quanh năm, mênh mông, lướt gió.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có mấy câu? (HS đếm: 7 câu). GV đánh số thứ tự câu.

- (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- (Đọc tiếp nối từng câu) HS (cá nhân, từng cặp) tự đứng lên đọc tiếp nối.

e) Thi đọc đoạn, bài

- Làm việc nhóm đối) Từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc trước khi thi.

- Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 / 3 câu) theo cặp, tổ. Có thể 2 tổ cùng đọc 1 đoạn. – Thi đọc cả bài (theo cặp, tổ) (mỗi cặp, mỗi tổ đều đọc cả bài).

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV chỉ từng ý a, b cho cả lớp đọc.

- HS làm bài trong VBT hoặc viết ý mình chọn (a hay b) vào thẻ.

- HS giơ thẻ, báo cáo kết quả. GV chốt lại ý đúng: Ý b. -Cả lớp đọc: Ý b: Tảng đá thèm được như những cánh buồm.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ênh** (VD: lênh khênh, vênh...); có vần **êch** (VD: hếch, kếch xù, ngốc nghếch,...) hoặc nói câu có vần **ênh** / vần **êch**. Nếu hết giờ, HS sẽ làm BT này ở nhà.

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; xem trước bài 96 (inh, ich).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 94, 95)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **anh, ach, ênh, êch**; các từ ngữ quả **chanh, cuốn sách, dòng kênh, con ếch** bằng kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ (làm quen).

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu/ bảng phụ viết mẫu chữ (vần, từ ngữ) trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

- Tập viết các vần và từ ngữ có vần vừa học ở bài 94, 95, viết chữ cỡ vừa.

- Bắt đầu luyện viết chữ cỡ nhỏ.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- GV viết bảng hoặc treo bảng phụ đã viết các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ, cỡ nhỏ).

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): **anh, quả chanh; ach, cuốn sách; ênh, dòng kênh; êch, con ếch.**

- HS nói cách viết các vần: **anh, ach, ênh, êch.**

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn HS viết các vần, tiếng, tập trung vào các từ chứa vần mới, Nhắc HS chú ý cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh.

- HS mở vở Luyện viết 1, tập hai, nhìn chữ mẫu, tập viết.

\* Có thể chia 2 chặng: mỗi chặng GV hướng dẫn HS viết 1 cặp vần - từ ngữ. GV nhận xét sau mỗi chặng để HS được nghỉ tay.

\* GV nhắc HS ngồi viết đúng tư thế, cầm bút đúng, biết đặt vở, xê dịch vở khi viết,... quan sát HS để giúp đỡ, uốn nắn kịp thời.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ) trên bảng hoặc trong vở Luyện viết 1, tập hai: *quả chanh, cuốn sách, dòng kênh, con ếch.*

- GV viết mẫu, hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý chiều cao các con chữ: q, d cao 2 li; h, g, k cao 2,5 li; s cao hơn 1 li; các chữ còn lại cao 1 li.

- HS viết vào vở Luyện viết. GV khích lệ HS hoàn thành phần Luyện tập thêm cỡ nhỏ. Khi HS viết, không đòi hỏi chính xác về độ cao các con chữ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS viết đúng, trình bày đẹp.

- Nhắc HS nào chưa hoàn thành bài viết sẽ viết tiếp ở nhà.

**BÀI 96**

**inh ich**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **inh, ich**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **inh, ich**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **inh**, vần **ich**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Ước mơ của tảng đá** (2).

- Viết đúng các vần **inh, ich,** các tiếng **kính** (mắt), **lịch** (bàn) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu.

- Hình ảnh hoặc 4 thẻ chữ viết nội dung BT đọc hiểu.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 1 HS đọc bài Tập đọc Ước mơ của tảng đá (1) (bài 95). 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần ênh, vần êch.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **inh**, vần **ich**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần inh***

- GV viết lần lượt chữ **i**, chữ **nh** (đã học), cả lớp: **i, nhờ**. / HS đánh vần (cá nhân, cả lớp): **i - nhờ - inh / inh. .**

- Phân tích vần **inh**: gồm âm **i** và **nh** (nhờ). Âm **i** đứng trước, **nh** đứng sau.

- HS nói tên sự vật: kính mắt. / Nhận biết: Tiếng **kính** có vần **inh**.

- Phân tích tiếng **kính**: âm **k** đứng trước, vần **inh** đứng sau, dấu sắc đặt trên **i**.

- GV giới thiệu mô hình tiếng kính. HS (cá nhân, tổ, cả lớp): ca - inh - kinh - sắc - kính / kính.

- HS nhìn mô hình vần **inh**, tiếng **kính**, từ khoá, đánh vần, đọc trơn: i- nhờ - inh / ca - inh - kinh - sắc - kính / kính mắt.

***2.2. Dạy vần ich*** (như vần **inh**)

Vần **ich** giống vần **inh** đều bắt đầu bằng âm **i**. Khác vần **inh**, vần **ich** có âm cuối là **ch**.

*\* Củng cố:* HS nói 2 vần mới vừa học là: vần **inh**, vần **ich**. 2 tiếng mới là: **kính, lịch**. Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: **inh, kính mắt; ich, lịch bàn**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **inh**? Tiếng nào có vần **ich**?).

- GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho 1 HS đọc, cả lớp đọc**: ấm tích, chim chích**,...

- HS tìm tiếng có vần **inh,** vần **ich**, làm bài trong VBT.

- HS nói kết quả.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **tích** có vần **ich,...** Tiếng **tính** có vần **inh**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) Cả lớp đọc từng vần, tiếng vừa học trên bảng lớp.

b) Viết vần: **inh, ich**.

- 1 HS đọc vần inh, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **inh** vừa hướng dẫn: viết chữ **i** trước, **nh** sau; độ cao các con chữ 1 li, chữ **h** cao 2,5 li; chú ý nét nối giữa **i** và **nh**. / Làm tương tự với vần **ich**. .

- Cả lớp viết: **inh, ich** (2 lần). / HS giơ bảng, GV nhận xét.

c) Viết tiếng **kính** (mắt), **lịch** (bàn).

- GV vừa viết mẫu tiếng **kính** vừa hướng dẫn: viết **k** trước, vần **inh** sau, dấu sắc đặt trên **i**; độ cao của các con chữ **k, h** là 2,5 li.

- Thực hiện tương tự với tiếng **lịch**. Dấu nặng đặt dưới **i**.

- Cả lớp viết: **kính** (mắt), **lịch** (bàn) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình, giới thiệu: Đây là tranh minh hoạ truyện **Ước mơ của tảng đá** phần 2. Tranh vẽ cảnh báo gió thổi mạnh làm tảng đá lăn xuống biển.

b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm: **kinh ngạc, chìm, năn nỉ, ngập tràn, kênh, hích, lăn lông lốc, ùm, mất tích**. Giải nghĩa từ: **kênh** (nâng một bên, một đầu của vật nặng - ở đây là tảng đá – lên); **năn nỉ** (nài xin).

c) Luyện đọc từ ngữ: *tâm tình, kinh ngạc, lăn xuống biển, năn nỉ, thích, bình minh, ngập tràn, kênh, hích một nhát, lăn lông lốc, mất tích*.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có mấy câu? (9 câu).

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, cả lớp).

e) Thi đọc đoạn, bài

- Từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc trước khi thi.

- Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4/5 câu) (theo cặp, tổ). Có thể 2 tổ cùng đọc 1 đoạn.

- Thi đọc cả bài (theo cặp, tổ).

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV giải thích: Nói tiếp ý 2 và 3 còn thiếu để hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện.

- 1 HS đọc trước lớp 4 ý chưa hoàn chỉnh.

- HS làm bài trong VBT hoặc làm miệng. /1 HS đọc kết quả.

- GV chốt lại đáp án.

- Cả lớp đọc:

(1) Tảng đá nhờ gió lăn nó xuống biển.

(2) Gió can ngăn, nhưng tảng đá không nghe / tảng đá vẫn thích thể.

(3) Gió đành kênh tảng đá lên, hích một nhát.

(4) Tảng đá lăn xuống biển và mất tích.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **inh** (định, hình, vinh,...); vần **ich** (bịch, địch, xích...) hoặc nói câu có vần **inh** / vần **ich**.

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; xem trước bài 97 (*ai, ay*).

**BÀI 97**

**ai ay**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **ai, ay**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ai, ay**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ai**, vần **ay**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Chú gà quan trọng** (1).

- Viết đúng các vần **ai, ay**, các tiếng (gà) **mái**, **máy bay** cỡ nhỡ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, máy tính.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 1 - 2 HS đọc bài Tập đọc *Ước mơ của tảng đá* (2)

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ai**, vần **ay**. Đây là bài đầu tiên dạy vần có âm cuối là bán âm **i, y**. GV cần dạy kĩ để HS nắm chắc mô hình, tạo điều kiện học các bài sau nhanh hơn.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần ai***

- GV viết bảng lần lượt chữ **a**, chữ **i**. / HS (cá nhân, cả lớp): **a - i - ai**.

- GV hỏi, HS nói: gà mái. Tiếng **mái** có vần **ai**. / Phân tích vần **ai**: gồm 2 âm - âm **a** và âm **i**. Âm **a** đứng trước, âm **i** đứng sau (hoặc: chữ **a** đứng trước, chữ **i** ngắn đứng sau).

- HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần: **a - i - ai / ai**.

- Đánh vần, đọc trơn: a - i - ai / mờ - ai - mai - sắc - mái / gà mái.

***2.2. Dạy vần ay*** (như vần **ai**).

- Vần **ay** gồm âm **a** và âm **y**. Âm **a** đứng trước, âm **y** đứng sau (hoặc: chữ **a** đứng trước, chữ **y** dài đứng sau).

- Vần **ay** giống vần **ai** đều có âm **a** đứng trước. Khác vần **ai**, vần **ay** có chữ **y** dài đứng sau.

*\* Củng cố*: HS nói vừa học 2 vần mới là: vần **ai, ay**; các tiếng mới là: **mái, máy bay**. Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **ai**? Tiếng nào có vần **ay**?)

- GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.

- HS tìm tiếng có vần **ai**, vần **ay**, làm bài trong VBT.

- HS báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **nai** có vần **ai**,... Tiếng **váy** có vần **ay**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, từ ngữ vừa học trên bảng lớp.

b) Viết vần: **ai, ay**

- 1 HS đọc vần **ai**, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vần **ai** vừa hướng dẫn: viết **a** trước, viết **i** (ngắn) sau; độ cao. các con chữ là 1 li; chú ý nét nối giữa **a** và **i.**

- Làm tương tự với vần **ay**. Vần **ay** khác vần **ai** ở âm cuối **y** (dài).

- HS viết: **ai, ay** (2 lần).

c) Viết tiếng: (gà) **mái**, **máy bay**

- 1 HS đọc **mái**, nói cách viết tiếng **mái**.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: Viết **m** trước, vần **ai** sau; độ cao các con chữ là 1 li, dấu sắc đặt trên **a**./ Làm tương tự với máy bay; dấu sắc đặt trên **a** (máy); khoảng cách giữa các con chữ bằng chiều ngang 1 con chữ o.

- HS viết: (gà) **mái**, **máy bay** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài **Chú gà quan trọng** (1); giới thiệu hình ảnh gà trống đang sai khiến, dạy dỗ gà mái mơ (gà mái trên lông có những chấm trắng), gà mái vàng (có lông màu vàng) và đàn gà con.

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp)**: quan trọng, gáy vang, tỉnh giấc, ưỡn ngực, đi đi lại lại, ra lệnh, gà mái mơ, quay sang, sai khiến, dạy dỗ**.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (9 câu).

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Có thể chia bài làm 2 đoạn đọc: 3 câu / 6 câu.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC của BT. / 1 HS đọc trước lớp 3 ý. / HS làm bài trong VBT.

- 1 HS đọc kết quả.

- Cả lớp nhắc lại: a) Gà trống cho là mình rất quan trọng. - Đúng. b) Lũ gà mái ưỡn ngực, đi đi lại lại. - Sai. c) Gà trống sai khiến, dạy dỗ tất cả. - Đúng.

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 10): **anh, ach, ênh, êch, inh, ich, ai, ay.**

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần **ai** (bài, tai, mai,...); có vần **ay** (cháy, ngay, tay,...) hoặc nói câu có vần **ai** / có vần **ay**.

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe, xem trước bài 98 (Kể chuyện), bài 99 (Ôn tập).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 96, 97)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **inh, ich, ai, ay**, các tiếng **kính mắt, lịch bàn, gà mái, máy bay** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ (làm quen).

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học. Tiếp tục luyện viết chữ cỡ nhỏ.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- GV viết bảng / treo bảng phụ đã viết mẫu các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ và cỡ nhỏ).

- HS đọc các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ): **inh, kính mắt; ich, lịch bàn; ai, gà mái, ay, máy bay**.

- HS nói cách viết các vần **inh, ich, ai, ay**.

- GV hướng dẫn HS về độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai. (Nên chia 2 đợt: mỗi đợt GV hướng dẫn HS viết 1 cặp vần, từ ngữ).

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): ***kính mắt, lịch bàn, gà mái, máy bay***.

- GV hướng dẫn HS viết các từ ngữ như đã hướng dẫn nhưng theo cỡ nhỏ: Các con chữ k, h, l, b, g, y cao 2,5 li. Chữ t cao 1,5 li. Các chữ khác cao 1 li.

- HS viết vào vở Luyện viết. Khi HS viết, không đòi hỏi phải thật chính xác về độ cao các con chữ. GV khích lệ HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS viết đúng, trình bày đẹp.

- Nhắc HS nào chưa hoàn thành bài viết sẽ viết tiếp ở nhà.

**BÀI 98**

**KỂ CHUYỆN**

**ONG MẬT VÀ ONG BẦU**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh. Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ong mật vừa biết làm ra thùng mật ngọt ngào, vừa biết đưa ra cách phân xử rất thông minh. Chê ong bầu không thật thà, không làm ra mật lại nhận thùng mật là của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, máy tính.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán:*** GV đưa lên bảng 6 tranh minh hoạ truyện Ong mật và ong bầu. Các em hãy xem tranh để biết truyện có những nhân vật nào? (Truyện có ong mật ong bầu, ong vò vẽ, bướm, kiến).

- GV chỉ hình ong mật, bên hình có chữ ong mật. Ong mật có nhiệm vụ làm mật. Cả lớp nhắc lại: ong mật.

- GV chỉ hình ong bầu, bên hình có chữ ong bầu. Ong bầu có nhiệm vụ làm tổ. Cả lớp: ong bầu.

- GV chỉ hình ong vò vẽ, bền hình có chữ ong vò vẽ. Ong vò vẽ là loài ong có thể đốt chết người. Ong vò vẽ được nhờ phân xử vụ kiện.

- Cả lớp: ong vò vẽ.

- Các em hãy thử đoán xem câu chuyện kể về việc gì? (Ong, bướm, kiến vây quanh thùng mật. Chắc chúng tranh cãi về thùng mật). (Lướt nhanh).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện nói về cuộc tranh cãi giữa ong mật và ong bầu về một thùng mật mà ai cũng nhận là của mình. Người được nhờ phân xử việc này là ong vò vẽ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện với giọng diễn cảm. Chú ý nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, làm rõ thái độ lúng túng của các con vật không biết ai mới là người làm ra thùng mật thơm ngon, kể rõ ràng, rành rẽ từng câu, từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

- GV kể 3 lần. Lần 1: kể không chỉ tranh. Lần 2: vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm. Lần 3: kể như lần 2 để khắc sâu nội dung câu chuyện.

**Ong mật và ong bầu**

(1) Một sớm mùa hè, ong mật và ong bầu cùng mang một thùng mật đến nhờ. ong vò vẽ phân xử. Hai bên đều nói đấy là mật của mình.

(2) Nhìn thùng mật vàng óng, đang toả hương thơm ngọt ngào, ong vò vẽ không phân xử được mật là của ai.

(3) Bướm vàng nói:

- Cứ theo màu sắc và hương thơm thì chỗ mật thơm ngon này chắc là của ông mật. Nhưng trong tổ ong bầu, tôi thấy cũng có mật như thế.

(4) Kiến thì bảo nên nhờ bác gấu phân xử.

(5) Đợi kiến nói xong, ong mật bèn lên tiếng:

- Chả cần phải nhờ ai. Cứ để tôi và ông bầu cùng làm mật. Ai làm ra được thứ mật ngọt ngào này thì thùng mật là của người đó.Ong bầu lập tức từ chối làm mật. .

(6) Thế là đã rõ: ong bầu không biết làm mật. Ong vò vẽ xử số mật kia chính là của ong mật.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

Với mỗi câu hỏi, GV có thể mời 2 HS tiếp nối nhau trả lời. Ý kiến của các em có thể lặp lại. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi đầy đủ, thành câu (1).

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Ong mật, ong bầu mang thùng mật đến nhờ ong vò vẽ làm gì? (Ong mật, ong bầu mang thùng mật đến nhờ ong vò vẽ phân xử: thùng mật. là của ai?).

- GV chỉ tranh 2, hỏi: Ông vò vẽ có biết thùng mật là của ai không? (Ong vò vẽ không phân xử được thùng mật là của ai).

- GV chỉ tranh 3: Bướm vàng nói gì trong cuộc phân xử? (Bướm vàng: Theo màu sắc và hương thơm thì thùng mật là của ong mật. Nhưng trong tổ ong bầu cũng có mật).

- GV chỉ tranh 4: Kiến muốn nhờ ai phân xử giúp? (Kiến muốn nhờ bác gấu phân xử giúp).

- GV chỉ tranh 5: Ong mật đề nghị phân xử thế nào? (Ong mật nói: Chả cần phải nhờ ai. Cứ để tôi và ong bầu cùng làm mật. Ai làm ra được thứ mật ngọt ngào này thì thùng mật là của người đó). Thái độ của ong bầu ra sao? (Ong bầu sợ hãi, từ chối làm mật).

- GV chỉ tranh 6: Vì sao ong vò vẽ kết luận thùng mật là của ong mật? (Ong vò vẽ kết luận thùng mật là của ong mật vì ong bầu từ chối làm một chứng tỏ ong bầu không biết làm mật).

b) Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau GV hỏi một vài HS, mỗi HS trả lời câu hỏi ở 2 tranh liền nhau.

c) Trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh GV hỏi

- 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh (có thể lặp lại với HS 2).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Một vài HS dựa vào 2 tranh minh hoạ, tự kể chuyện.

b) Một vài HS kể chuyện theo bất kì tranh nào bằng trò chơi ô cửa sổ (hoặc bốc thăm): GV chiếu lên màn hình ô cửa sổ được đánh số tương ứng với số thứ tự hình minh hoạ câu chuyện. HS được mời sẽ chọn 1 ô cửa bất kì (VD, ô số 3). GV mở cửa sổ làm hiện ra tranh minh hoạ 1 đoạn truyện (VD, tranh 2). HS kể lại đoạn 2 theo tranh 2. GV mời HS khác với cách làm tương tự.

c) 1 HS giỏi nhìn tranh, kể toàn bộ câu chuyện (có thể mời thêm HS 2 kể).

\* GV cất tranh, mời 1 HS giỏi kể chuyện không cần tranh (YC không bắt buộc).

Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Em nhận xét gì về ong mật? (Ong mật biết làm ra thùng mật ngọt ngào. / Ong mật rất thông minh, biết đưa ra cách phân xử).

- GV: Em nhận xét gì về ông bầu? (Ong bầu tham lam, không thật thà, không làm ra mật lại nhận thùng mật là của mình).

- GV: Câu chuyện khen ong mật vừa biết làm mát, vừa biết đưa ra cách phân xử rất thông minh. Chê ong bầu không thật thà, không làm ra mật lại nhận mật là của mình.

***3. Củng cố, dặn dò***

- GV nhận xét tiết học; khen những HS kể chuyện hay.

- Yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe ở lớp em đã học được điều gì hay.

- GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Thổi bóng*. Tìm đọc thêm 1 truyện trong sách Truyện đọc lớp 1.

**BÀI 99**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Chú gà quan trọng** (2).

- Điền chữ thích hợp (**ng** hoặc **ngh**) vào chỗ trống để hoàn thành 1 câu văn trong bài đọc rồi chép lại câu văn đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu.

- Vở Luyện viết 1, tập hai (phần Chính tả, từ trang 33 đến trang 48).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV mời 1 HS đọc bài **Chú gà quan trọng** (1), sau đó nêu yêu cầu của bài Ôn tập.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT 1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ tranh minh hoạ, giới thiệu: Bài *Chú gà quan trọng* (2) kể tiếp câu chuyện về chú gà trống tự cho mình là quan trọng. Đây là hình ảnh gà trống bị chó tợp (đớp). Các em hãy lắng nghe để biết câu chuyện kết thúc thế nào.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **tợp** (há miệng đớp rất nhanh); **hạch sách** (bắt bẻ, đòi hỏi để làm khó dễ)..

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **trốn sạch, nghếch mõm, nằm dài, lại gần, lay lay, tợp cho một cái, hết hồn, chạy mất, hạch sách.**

d) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số cầu của bài.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 3 và 4). GV nhắc HS: Câu 3 rất dài, cần nghỉ hơi đúng sau các dấu phẩy.

e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn (4 câu/ 3 câu).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV: Các ý 1, 2 của truyện đã được đánh số thứ tự. Cần đánh tiếp số thứ tự các ý 3, 4 cho đúng.

- 1 HS đọc 4 ý trước lớp,/ HS làm bài vào VBT.

- 1 HS đọc kết quả. GV chốt lại đáp án (viết số thứ tự vào ô tròn trên bảng lớp).

- Cả lớp đọc các ý theo thứ tự đúng (đọc ý 3 trước ý 4): (1) Lũ gà mái trốn sạch. (2) Gà trống bèn hạch sách bác chó. (4) Gà trống sợ, chạy mất. (3) Bác chó tợp gà trống.

***2.2. BT 2*** (Điền chữ **ng** hay **ngh**? - Tập chép)

- GV viết bảng hoặc treo bảng phụ đã viết câu văn để trống chữ cần điền; nêu YC của BT; mời 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả ng / ngh.

- HS đọc thầm câu văn, làm bài trong vở Luyện viết 1.

- (Chữa bài) 1 HS lên bảng viết hoàn chỉnh từ. Đáp án: *nằm nghếch mõm*.

- Cả lớp đọc lại câu văn đã hoàn chỉnh, chép vào vở Luyện viết 1 câu văn với cỡ chữ nhỏ (tô chữ B hoa đầu câu). (GV nhắc HS chú ý: các chữ đầu câu đều viết hoa, lùi vào cách lề vở 1 ô li).

- HS viết xong, rà soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau.

- GV chữa bài của HS (có thể chiếu một vài bài lên bảng), nhận xét chung. Thu bài của HS mang về để nhận xét, sửa chữa.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; biểu dương những HS học tốt.

-Yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe em đã học được điều gì hay ở lớp; xem trước bài 100 (*oi, ây*).

**BÀI 100**

**oi ây**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **oi, ây**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oi, ây**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oi**, vần **ây**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Sói và dê**..

- Viết đúng các vần **oi, ây**, các tiếng (con) **voi**, **cây** (dừa) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / Phiếu khổ to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài **Chú gà quan trọng** (2) (bài 99) (HS 1 đọc 4 câu đầu, HS 2 đọc 3 câu cuối).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oi,** vần **ây.**

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần oi*** .

- GV viết bảng: **o, i**. / HS: **o - i - oi.**

- HS nói: voi. / Tiếng **voi** có vần **oi**. / Phân tích vần **oi**, tiếng **voi**. / Đánh vần, đọc trơn: vờ - oi - voi / voi.

- GV chỉ mô hình vần **oi**, tiếng **voi**, cả lớp: o - i - oi/ vờ - oi - voi / con voi.

***2.2. Dạy vần ây*** (như vần **oi**): Đánh vần, đọc trơn: â - y - ây / cờ - ây - cây/ cây dừa.

*\* Củng cố*: HS nói lại các vần, tiếng vừa học; đọc trơn các vần, từ khoá.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oi**? Tiếng nào có vần **ây**?)

- GV chỉ từng từ ngữ dưới hình, 1 HS đọc, cả lớp đọc: **nhà ngói, chó sói**,...

- HS tìm tiếng có vần **oi**, vần **ây** (làm bài trong VBT). / HS báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **ngói** có vần **oi**,... Tiếng **cấy** có vần **ây**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học trên bảng lớp.

b) Viết vần**: oi, ây**

- 1 HS đọc vần oi, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **oi** vừa hướng dẫn: viết **o** trước, viết **i** sau; độ cao các con chữ là 1 li, chú ý nét nối giữa **o** và **i**. / Thực hiện tương tự với vần **ây**.

- HS viết bảng con: **oi, ây** (2 lần).

c) Viết tiếng: (con) **voi, cây** (dừa)

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: viết **v** trước, vần **oi** sau; độ cao của các con chữ là 1 li. / Thực hiện tương tự với tiếng **cây**.

- HS viết: (con) **voi, cây** (dừa) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Sói và dê; giới thiệu hình ảnh dê con, hình ảnh sói bị người đuổi đánh. Các em hãy nghe để hiểu nội dung câu chuyện.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **nện** (đánh thật mạnh, thật đau).

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **gặm cỏ, thấy sói, ngay trước mặt, bình tĩnh nói, ngon miệng, lấy hết sức, vác gậy chạy lại, nện, nên thân**.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 7 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: *Dê con bèn... “Be... be*...”.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn: 3 / 4 câu.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV: Các ý 1, 2 của truyện đã được đánh số. Cần đánh tiếp số thứ tự các ý 3, 4.

- 1 HS giỏi nói nội dung tranh 1 và 2: (1) Sói sắp ăn thịt dê con. (2) Dê con nói muốn hát tặng sói một bài để sói ngon miệng.

- HS làm bài trong VBT hoặc làm miệng.

- 1 HS nói kết quả: Số thứ tự đúng của các tranh là 1 – 2 – 4 – 3.

- 1 HS nói nội dung tranh 3, 4: (3) “*Dê con hét “be... be*...” thật to. (4) Ông chủ nghe thấy chạy tới nện sói một trận nên thân.

- (YC cao) 1 HS giỏi (hoặc cả lớp) nói nội dung 4 tranh tranh 3 nói trước tranh 4:

(1) Sói sắp ăn thịt dê con.

(2) Dê con nói muốn hát tặng sói một bài để sói ngon miệng.

(3) Dê con hét “be... be...” thật to.

(4) Ông chủ nghe thấy chạy tới nện sói một trận nên thân.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **oi** (VD: giỏi, mỏi, củ tỏi...); có vần **ây** (VD: vây cá, cục tẩy, đấy...) hoặc HS đặt câu với tiếng có vần **oi/ây**.

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe, xem trước bài 101 (*ôi, ơi*).

**BÀI 101**

**ôi ơi**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **ôi, ơi;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôi, ơi**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôi**, vần **ơi**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Ong và bướm**.

- Viết đúng các vần **ôi, ơi**, các tiếng (trái) **ổi, bơi lội** (trên bảng con).

- Học thuộc lòng (HTL) bài thơ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ chữ để HS làm BT chọn ý đúng: a hay b?

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Tập đọc *Sói và dê.*

- 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần **oi**, vần **ây**.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ôi**, vần **ơi**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần ôi***

- GV viết chữ **ô, i**./ HS (cá nhân, cả lớp): **ô - i - ôi.**

- HS nói: trái ổi. / Tiếng **ổ**i có vần **ôi**. / Phân tích vần ôi. / Đánh vần, đọc trơn: ô - i- ôi - hỏi - ổi / trái ổi.

**2.2. Dạy vần ơi** (như vần **ôi**): Đánh vần, đọc trơn: ơ -i- ơi / bờ - ơi - bơi / bơi lội.

\* Củng cố: HS nói các vần, tiếng vừa học. Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: **ôi, trái ổi; ơi, bơi lội.**

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Ghép chữ với hình cho đúng)

- HS đọc từng từ ngữ; làm bài trong VBT, nối hình với từng từ ngữ tương ứng.

- HS báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình, cả lớp: 1) rối nước 2) đĩa xôi...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.

b) Viết vần: **ôi, ơi**

- 1 HS đọc vần **ôi**, nói cách viết vần **ôi**. GV vừa viết vần ôi vừa hướng dẫn, nhắc HS chú ý dấu mũ trên **ô**, nét nối giữa **ô** và **i**./ Làm tương tự với vần **ơi.**

- Cả lớp viết: **ôi, ơi** (2 lần).

c) Viết tiếng: (trái) **ổi**, **bơi lội** (như mục b): GV vừa viết mẫu tiếng **ổi** vừa hướng dẫn. Chú ý đặt dấu hỏi trên **ô**, / Làm tương tự với **bơi**.

- HS viết: (trái) **ổi**, **bơi lội** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài thơ Ong và bướm; giới thiệu hình ảnh vườn hoa rực rỡ, ong đang chăm chỉ bay đi làm mật, bướm bay tới rủ ong cùng đi chơi.

b) GV đọc mẫu, giọng vui, nhẹ nhàng. Giải nghĩa từ: lượn (di chuyển bằng cách chao nghiêng thân hoặc uốn mình theo đường vòng); chơi rong (đi chơi lang thang, không có mục đích).

c) Luyện đọc từ ngữ: bướm trắng, lượn vườn hồng, bay vội, rủ đi chơi, trả lời, việc chưa xong, chơi rong, không thích.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài thơ có mấy dòng? (12 dòng).

- GV chỉ 2 dòng thơ một cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (mỗi đoạn 6 dòng); thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC. / 1 HS đọc 2 ý (a, b).

- HS làm bài trong VBT hoặc viết ý mình chọn vào thẻ. / HS báo cáo. GV chốt lại đáp án: Ý a.

- (Nhắc lại kết quả) 1 HS hỏi - cả lớp đáp:

+ 1 HS: Vì sao ong không đi chơi cùng bướm?

+ Cả lớp: Vì ong nghe lời mẹ, làm xong việc mới đi chơi.

h) học thuộc lòng bài thơ

- GV hướng dẫn HS học thuộc bài thơ theo cách xoá dần từng chữ, chỉ giữ lại những chữ đầu dòng. Sau đó xoá hết.

- HS thi đọc thuộc 6 dòng thơ đầu / 6 dòng thơ cuối / cả bài thơ.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ôi** (gối, nối, tối,...); có vần **ơi** (gợi ý, sợi dây ( với,...) hoặc đặt câu với tiếng có vần **ôi**, vần **ơi.**

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe: xem trước bài 102 (*ui, ưi*).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 100, 101)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oi, ây, ôi, ơi**; các từ ngữ **con voi, cây dừa, trái ổi, bơi lội** kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ của bài trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần và từ ngữ: **oi, con voi; ấy, cây dừa; ôi, trái ổi, ơi, bơi lội**.

- HS nói cách viết các vần **oi, ây, ôi, ơi.**

- GV vừa viết mẫu các vần, từ ngữ, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (dừa, ổi, lội).

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai. (Viết 2 đợt: HS nghe hướng dẫn, viết xong 1 cặp vần, từ ngữ thì dừng bút, nghe GV hướng dẫn tiếp, rồi tiếp tục viết).

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): *con voi, cây dừa, trái ổi, bơi lội*, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ: t cao 1,5 li; r cao hơn 1 li; d cao 2 li; y, b, l cao 2,5 li; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang chữ o.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Đọc lại 1 số từ đã viết.

- Tuyên dương những HS viết cẩn thận, sạch đẹp.

**BÀI 102**

**ui ưi**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **ui, ưi**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ui, ưi.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ui**, vần **ưi**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Hạt nắng bé con**.

- HS viết đúng các vần **ui, ưi**, các tiếng (ngọn**) núi, gửi** (thư) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, máy tính.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS đọc thuộc lòng bài Ong và bướm (bài 101). 1 HS nói tiếng ngoài bài em đã tìm được có vần ôi, vần ơi.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ui**, vần **ưi**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần ui***

- GV viết: **u,i**. /HS (cá nhân, cả lớp): **u - i - ui.**

- HS nói: ngọn núi. / Tiếng núi có vần **ui**. / Phân tích vần **ui**, tiếng **núi**. / Đánh vần, đọc trơn: u - i - ui / nờ - ui - nui - sắc - núi / ngọn núi.

***2.2. Dạy vần ưi*** (như vần **ui**)

- Đánh vần, đọc trơn: ư - i - ưi / gờ - ưi - gưi - hỏi - gửi / gửi thư.

*\* Củng cố*: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá**: ui, ngọn núi; ưi, gửi thư**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **ui**? Tiếng nào có vần **ưi**?)

- (Quy trình như các bài trước) HS tìm tiếng có vần **ui,** vần **ưi**.

- HS báo cáo.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng c**úi** có vần **ui**. Tiếng **ngửi** có vần **ưi...**

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) .

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.

b) Viết vần: **ui, ưi**

- 1 HS đọc vần **ui**, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **ui** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa **u** và **i**. / Làm tương tự với vần **ưi**.

- HS viết: **ui, ưi** (2 lần).

c) Viết tiếng: (ngọn) **núi, gửi** (thư) (như mục b).

- GV viết mẫu tiếng **núi**, hướng dẫn cách viết, cách nối nét. Dấu sắc đặt trên **ư**.

- HS viết: (ngọn) **núi, gửi** (thư) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh họa bài Hạt nắng bé con; giới thiệu: Bài đọc kể chuyện hạt nắng xuống đất chơi, đã làm nhiều việc tốt cho bông hồng, cho hạt mầm...

b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm: **thả, sụt sùi, an ủi, vàng óng, thì thầm, phả, đội đất**. Giải nghĩa từ: **sụt sùi** (Hạt nắng gặp bông hồng bị gãy cành đang sụt sùi khóc.): từ gợi tả tiếng khóc nhỏ, kéo dài, như cố giấu, cố nén. **Phả** (Nghe hạt mầm thì thầm, nó phả hơi ấm xuống đất. ): làm làn hơi bốc mạnh thành luồng.

c) Luyện đọc từ ngữ: **hạt nắng, xuống đất, gãy cành, sụt sùi, an ủi, gửi tặng, vàng óng, thì thầm, phả, đội đất, cánh tay hồng, bên kia núi**.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 6 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn: mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- 1 HS làm mẫu: a) Mẹ mặt trời - 2) thả hạt nắng xuống đất chơi.

- HS làm bài trên VBT.

-1 HS đọc kết quả.

- GV giúp HS nối, ghép các vế câu trên bảng lớp, chốt lại đáp án (a - 2,- 1, c - 3).

- Cả lớp đọc lại kết quả (không đọc các chữ cái và số TT): a) Mẹ mặt trời - 2) thả hạt nắng xuống đất chơi. b) Bông hồng - 1) được hạt nắng an ủi. c) Hạt nắng - 3) giúp hạt cây nảy mầm.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ui** (VD: vui, bụi, lùi, bụi,...).

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc: xem trước bài 103 (uôi, ươi).

**BÀI 103**

**uôi ươi**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết vần **uôi, ươi**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôi, ươi**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôi**, vần **ươi**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Cá và chim**.

- Viết đúng các vần **uôi, ươi**, các tiếng (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu khổ to ghi nội dung BT đọc hiểu.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Hạt nắng bé con (bài 102).

- 1 HS nói tiếng ngoài bài em đã tìm có vần **ui**, vần **ưi**.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uôi**, vần **ươi**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần uôi***

- GV viết bảng: âm đôi **uô**, chữ **i**. / HS (cá nhân, cả lớp); **uô - i - uôi.**

- HS nói: dòng suối. / Tiếng **suối** có vần **uôi.** / Phân tích vần **uôi**. / Đánh vần, đọc trơn: uô - i - uôi / sờ - uôi – suôi - sắc - suối / dòng suối.

***2.2. Dạy vần ươi*** (như vần **uôi**): Chú ý: Vần **ươi** gồm âm đôi **ươ** và âm **i**.

*\* Củng cố:* Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **uôi, dòng suối; ươi, quả bưởi**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôi**? Tiếng nào có vần **ươi**?)

- GV chỉ từng từ ngữ, 1 HS, cả lớp đọc.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- HS báo cáo.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **chuối** có vần **uôi**. Tiếng **tươi** có vần **ươi**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp. .

b) Viết vần: **uôi, ươi**

- 1 HS đọc vần **uôi**, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **uôi** vừa hướng dẫn: các con chữ cao 2 li, cách viết dấu mũ của **ô**, cách nối nét. / Làm tương tự với vần **ươi**.

- HS viết: **uôi, ươi** (2 lần).

c) Viết tiếng: (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** (như mục b).

- GV vừa viết mẫu tiếng **suối** vừa hướng dẫn: chữ s cao hơn 1 li; chú ý nét nối giữa các con chữ; dấu sắc đặt trên **ô**. / Làm tương tự với **bưởi**.

- HS viết: (dòng) **suối**, (quả) **bưởi** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cá và chim*: Cá bơi dưới nước, chim bay trên trời, thế mà cá và chim vẫn trò chuyện, kết bạn cùng nhau, đi chơi cùng nhau. Các em cùng lắng nghe để biết cá và chim trò chuyện thế nào.

b) GV đọc mẫu, giọng vui, nhẹ nhàng.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **bơi dưới suối, hót trên cây, biết bơi, xuống đây, đôi cánh, bay trên trời, thích lắm.**

d) Luyện đọc câu, đoạn

- GV: Bài có mấy câu văn, bao nhiêu dòng thơ? (4 câu văn, 13 dòng thơ).

- GV chỉ từng câu văn, từng khổ thơ cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu văn, từng khổ thơ (cá nhân, từng cặp): (Đọc cá nhân) HS 1 đọc câu đầu: Cả bơi dưới suối, thấy... bèn rủ: HS 2 đọc tiếp: 4 dòng thơ (lời cá). HS 3 đọc tiếp câu: Chim trả lời: và 4 dòng thơ (lời chim). HS 4 đọc câu: Cá nói: và 5 dòng thơ (lời cá). HS 5 đọc câu văn cuối cùng. (Đọc từng cặp). Cặp thứ nhất đọc câu đầu: Cá bơi dưới suối, thấy... bèn rủ: Cặp thứ hai đọc tiếp: 4 dòng thơ (lời cá)...

e) Thi đọc theo lời nhân vật

- GV: Bài Cả và chim là lời trò chuyện giữa cá và chim. Để đọc đúng vai, các em cần xác định những câu văn nào là lời người dẫn chuyện, những câu thơ nào là lời cá, lời chim. GV chỉ bài đọc trên bảng, cùng HS xác định:

+ Lời dẫn chuyện; 4 câu văn.

+ Lời cá rủ chim (4 dòng thơ): Này bạn chìm gì? . Thích lắm!

+ Lời chim (4 dòng thơ); Ôi bạn cả ơi! ... Chim bay trên trời, + Lời cá (5 dòng thơ): Không lo chim ơi! ... Thích lắm!

- Từng tốp (mỗi tốp 3 HS) nhìn SGK cùng luyện đọc theo vai.

- Một vài tốp thi đọc theo vai. Cả lớp và GV nhận xét.

- 1 HS đọc cả bài./ Cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc.

- GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc. /1 HS làm mẫu: a) Cả - 2) bơi dưới suối.

- HS làm bài trong VBT.

-1 HS đọc kết quả.

- Cả lớp đọc lại kết quả:

a) Cá - 2) bơi dưới suối.

b) Chim - 3) bay trên trời.

c) Cá và chim - 1) cùng đi chơi.

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 20).

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần uôi (tuổi, cuối, đuổi,...), có vần ươi (tưới, cưới,...).

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà luyện đọc thêm bài thơ.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 102, 103)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **ui, ưi, uôi, ươi**, các tiếng **ngọn núi, gửi thư, dòng suối, quả bưởi** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ) viết trên bảng: **ui, ngọn núi; ưi, gửi thư; uôi, dòng suối; ươi, quả bưởi**. /HS đọc, nói cách viết từng cặp vần.

- GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (ngọn núi, gửi thư, dòng suối, quả bưởi).

- HS viết các vần, từ ngữ vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): **ngọn núi, gửi thư, dòng suối, quả bưởi.**

- GV hướng dẫn HS viết từng từ ngữ, chú ý độ cao của các con chữ: s cao hơn 1 li; t cao 1,5 li, d, q cao 2 li; g, b, h cao 2,5 li. Khi HS viết, không đòi hỏi các em phải viết thật chính xác độ cao các con chữ.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- HS nêu lại độ cao của các con chữ mà GV đưa ra.

- Chỉ một số từ cho HS đọc lại.

- Tuyên dương những HS tích cực.

**BÀI 104**

**KỂ CHUYỆN**

**THỔI BÓNG**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khi tham gia các trò chơi, không nên hiếu thắng, không nên tức giận khi thua cuộc. Qua trò chơi, có thể nhìn thấy ưu điểm của các bạn để học hỏi, làm cho mình tiến bộ hơn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV gắn lên bảng tranh minh hoạ truyện Ong mật và ong bầu, mời HS 1 trả lời câu hỏi của GV theo 3 tranh đầu. HS 2 tự kể theo 3 tranh cuối (hoặc cả 2 HS cùng trả lời câu hỏi theo tranh).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***: GV chỉ tranh minh hoạ: Các em hãy xem tranh, nói câu chuyện có những nhân vật nào? (Chuyện có báo con, thầy giáo hổ và các con vật khác: khỉ, thỏ, chồn, gấu, hổ. GV: Hãy đoán chuyện gì xảy ra? (Các con vật vui chơi: thi chạy, leo cây, vật tay...) (Lướt nhanh).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện Thổi bóng kể về một chú báo con. Báo con rất khoẻ, chạy cực nhanh. Nó là nhà vô địch khi thi chạy nhưng lại thua các bạn trong các trò chơi khác. Thái độ của báo con khi thắng, khi thua thế nào, các em hãy cùng lắng nghe câu chuyện.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện với giọng diễn cảm. Kể gây ấn tượng với những từ ngữ thể hiện sự hớn hở của báo con khi thắng, sự ỉu xìu rồi tức giận của báo con khi thua, tài thổi bóng của báo. Đoạn cuối (lời khuyên của thầy hổ): giọng kể chậm rãi; lời báo con thấm thía.

- GV kể 3 lần - kể rõ ràng từng câu, từng đoạn. Lần 1: kể không chỉ tranh. Lần 2: vừa chỉ từng tranh vừa kể thật chậm. Kể lần 3: như lần 2.

**Thổi bóng**

(1) Giờ ra chơi, báo con ra sân nô đùa cùng các bạn.

(2) Các bạn rủ nhau thì chạy. Chạy thì ai nhanh bằng báo con! Báo con thắng cuộc. Nó hớn hở, hò reo ầm ĩ.

(3) Đến cuộc thi leo cây. Báo con leo trèo rất giỏi nhưng vẫn chưa bằng khỉ con. Thoắt một cái, khỉ con đã leo tót lên ngọn cây cao. Bị thua khỉ con, báo con ỉu xìu.

(4) Đến cuộc thi vật tay, báo con không thắng nổi gấu con. Nó xị mặt, vùng vằng.

(5) Thầy giáo hổ đi qua, thấy vậy liền gọi báo con vào phòng. Thầy nhờ báo con giúp thầy thổi bóng, trang trí lớp học. Báo con nhận lời. Chỉ loáng một cái, báo con đã thổi xong cả rổ bóng đủ màu sắc.

(6) Thầy giáo hổ khen báo con, rồi hỏi báo con đã hết bực tức chưa. Báo con xấu hổ, nói: “Em đã thổi hết tức giận vào trong những quả bóng rồi ạ”.

Thầy giáo bảo: “Khi chơi, không nên hiếu thắng. Ai cũng có điểm mạnh, điểm yếu. Em nhìn thấy ưu điểm của các bạn, học hỏi các bạn, như thế mới mau tiến bộ”. Báo con vui vẻ nói: “Từ nay em sẽ không tức giận khi thua nữa. Nếu em còn tức giận thì em sẽ thổi bóng ạ”.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh,

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Giờ ra chơi, bảo con làm gì? (Giờ ra chơi, báo con ra sân nô đùa cùng các bạn).

- GV chỉ tranh 2: Trong cuộc thi chạy, bảo thắng hay thua? (Trong cuộc thi chạy, báo chiến thắng). Thái độ của báo thế nào? (Nó hớn hở, hò reo ầm ĩ).

- GV chỉ tranh 3: Trong cuộc thi leo cây, ai thắng? (Trong cuộc thi leo cây, khỉ thắng). Thái độ của bảo thế nào? (Báo con ỉu xìu).

- GV chỉ tranh 4: Trong cuộc thi vật tay, ai thắng? (Trong cuộc thi vật tay, gấu thắng). Thái độ của báo thế nào? (Báo con xị mặt, vùng vằng).

- GV chỉ tranh 5: Nhìn thấy vẻ mặt của bảo, thầy hổ nhờ nó làm gì? (Thầy hổ nhờ báo thổi bóng trang trí lớp học). Bảo làm việc đó thế nào? (Báo làm rất nhanh. Loáng một cái, báo đã thổi xong cả rổ bóng đủ màu sắc).

- GV chỉ tranh 6: Thầy giáo khuyên bảo điều gì? (Thầy khuyên: Khi chơi, không nên hiếu thắng. Ai cũng có điểm mạnh, điểm yếu. Nhìn thấy ưu điểm của các bạn, học hỏi các bạn, mới mau tiến bộ). Báo nói thế nào? (Báo vui vẻ nói: Từ nay em sẽ không tức giận khi thua nữa. Nếu em còn tức giận thì em sẽ thổi bóng).

b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.

c) 1 HS trả lời các câu hỏi theo 6 tranh.

\* Với mỗi câu hỏi, GV có thể mời 2 HS tiếp nối nhau trả lời. Ý kiến của các em có thể lặp lại. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi đầy đủ, thành câu.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS kể chuyện theo 2 - 3 tranh.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ / gieo xúc xắc 6 mặt).

c) 1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện, không cần có sự hỗ trợ của tranh.

**2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**

- GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? (HS: Không nên hiếu thắng. Khi tham gia trò chơi, không nên tức giận khi thua cuộc...).

- GV: Câu chuyện là lời khuyên: Khi tham gia các trò chơi, không nên hiếu thắng, không nên tức giận khi thua cuộc. Qua trò chơi, các em sẽ nhìn thấy ưu điểm của mỗi bạn để học hỏi, làm cho mình tiến bộ hơn.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV biểu dương những HS kể chuyện hay. Yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe ở lớp em đã học được điều gì hay.

- Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Mèo con bị lạc* tuần tới, Tìm đọc thêm 1 truyện trong sách Truyện đọc lớp 1.

**BÀI 105**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Gà và vịt**.

- Nghe viết lại câu văn trong bài, cỡ chữ nhỏ, không mắc quá 1 lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / thẻ để HS ghi ý lựa chọn.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Gà và vịt, giới thiệu: Gà và vịt chơi với nhau, vịt thì biết bơi còn gà thì không. Vì sao vậy? Các em hãy lắng nghe câu chuyện.

b) GV đọc mẫu, giọng vui, đọc phân biệt lời của gà, lời của vịt. .

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): mờ sáng, tập bơi, đi vắng, kiếm giun, lười, tới nay, không biết bơi.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 10 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). GV nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu cuối: Thế là, chỉ vì lười mà tới nay / gà vẫn không biết bơi,

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6/4 câu); thi đọc cả bài (quy trình như đã hướng dẫn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC./1 HS đọc trên bảng lớp 2 ý để lựa chọn.

- HS làm bài trong VBT hoặc viết ý mình chọn vào thẻ. / HS giơ thẻ, báo cáo kết quả. Đáp án đúng: Ý b.

- Cả lớp đọc kết quả: Vịt rủ gà tập bơi, gà nói: - b) Tớ đi vắng rồi.

- GV: Câu trả lời của gà có gì đáng cười? HS phát biểu. GV: *Đó là lời nói dối rất buồn cười vì gà đi vắng thì sao còn nói được.*

***2.2. BT 2*** (Nghe viết).

- GV viết lên bảng câu văn cần nghe viết.

- 1 HS đọc, cả lớp đọc câu văn.

- Cả lớp đọc thầm lại câu văn, chú ý những từ các em dễ viết sai (lười, đến nay, không biết,...).

- HS gấp SGK. Đây là một câu dài, GV có thể đọc 2, 3 hoặc 5 tiếng một (Chỉ vì lười, đến nay / gà vẫn không biết bơi.) cho HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai với cỡ chữ nhỏ (đọc mỗi cụm từ 2 lần hoặc không quá 3 lần). HS viết xong Chỉ vì lười, (tô chữ C đầu câu đã viết hoa), GV đọc tiếp: đến nay ... .

- HS viết xong, nghe GV đọc chậm lại câu văn để sửa lỗi.

- HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. GV chữa bài, nhận xét chung.

**3. Củng cố, dặn dò.**

- Hôm nay em học bài tập đọc gì?

- Qua bài đọc đó em rút ra được bài học gì?

- Đọc lại bài đọc cho người thân nghe.

**BÀI 106**

**ao eo**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **ao, eo**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ao, eo**.

- Nhìn chữ, tìm phát hiện và đọc đúng tiếng có vần **ao, eo**.

- Đọc đúng và hiểu bài **Mèo dạy hổ** khen ngợi tinh thần cảnh giác của mèo.

- Viết đúng vần **ao, eo**, các tiếng (ngôi) **sao**, (con) **mèo** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Gà và vịt (bài 105).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ao**, vần **eo.**

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần ao***

- GV viết bảng: **a, o**./ HS (cá nhân, cả lớp): **a - o - ao**.

- HS nói: ngôi sao. Tiếng **sao** có vần **ao**. / Phân tích vần ao. / Đánh vần, đọc trơn: a - o – ao / sờ - ao - sao / ngôi sao.

***2.2. Dạy vần eo*** (như vần **ao**). Đánh vần đọc trơn: *e - o - eo / mờ - eo - meo - huyền - mèo / con mèo.*

*\* Củng cố*: Cả lớp đọc trơn các vấn mới, từ khoá: **ao, ngôi sao, eo, con mèo**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **ao**? Tiếng nào có vần **eo**?)

- HS đọc từng từ ngữ dưới hình. / HS tìm tiếng có vần **ao**, vần **eo**, nói kết quả.

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **kéo** có vần **eo**. Tiếng **gạo** có vần **ao**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học trên bảng: **ao, eo, ngôi sao, con mèo**.

b) Viết vần: **ao, eo**

- 1 HS đọc vần **ao**, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vần ao vừa hướng dẫn cách viết: độ cao các con chữ, cách nối nét. / Làm tương tự với vần eo.

- HS viết: **ao, eo** (2 lần). c) Viết: (ngôi) **sao**, (con) **mèo** (như mục b).

- GV vừa viết mẫu tiếng **sao** vừa hướng dẫn, chú ý chữ **s** cao hơn 1 li. Tương tự với tiếng **mèo**; dấu huyền đặt trên **e**.

- HS viết: (ngôi) **sao**, (con) **mèo** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài **Mèo dạy hổ**: Mèo ở trên cây cao, con hổ hung dữ đứng dưới gốc cây, không làm gì được mèo. Chuyện nói về con hổ gian ác và con mèo khôn ngoan.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **giao hẹn** (nếu điều kiện đặt ra với ai đó trước khi làm việc gì).

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **săn giỏi, giao hẹn, đồng ý, tài cao, lao ra vồ, leo tót, võ trèo.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 12 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài 2 đoạn: mỗi đoạn 6 câu.

g) Tìm hiểu bài đọc

- 1 HS đọc trước lớp nội dung BT nối ghép.

- HS viết ý mình chọn trên thẻ hoặc VBT, nói kết quả.

- GV chốt lại: Ý a đúng.

- Thực hành hỏi - đáp (1 HS hỏi- cả lớp đáp): 1 HS: Mèo không dạy hổ nữa vì... - Cả lớp: a) hổ không giữ lời hứa. - Đúng. 1 HS: Mèo không dạy hổ nữa vì... - Cả lớp: b) tài hổ đã cao. - Sai.

- GV: Em học được điều gì từ mèo qua câu chuyện này? HS phát biểu. GV: Mèo rất khôn ngoan, cảnh giác, đề phòng hổ nên đã giữ miếng võ trèo, không dạy cho hồ. Nhờ thế, mèo đã bảo vệ được bản thân. Các em cần học hỏi tinh thần cảnh giác, đề phòng kẻ xấu của mèo.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ao** (VD: cháo, cáo, bảo, pháo,...); có vần **eo** (VD: keo, héo, treo,...).

- GV dặn HS về nhà kể lại điều em học được qua câu chuyện **Mèo dạy hổ**; xem trước bài 107 (*au, âu).*

**BÀI 107**

**au âu**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết vần **au, âu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **au, âu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **au**, vần **âu**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Sáu củ cà rốt**.

- Viết đúng các vần **au, âu**, các tiếng (cây) **cau**, (chim) **sâu** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Mèo dạy hổ (bài 106).

- 1 HS nói tiếng ngoài bài em tìm được có vần ao, vần eo.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **au**, vần **âu**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần au***

- GV viết: **a, u.**

- HS (cá nhân, cả lớp): **a - u - au.**

- HS nói: cây **cau**. Tiếng **cau** có vần **au**. / Phân tích vần au, tiếng cau. / Đánh vần, đọc trơn: a - u - au / cờ - au - cau / cây cau.

**2.2. Dạy vần âu** (như vần **au**) .

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: **au, cây cau; âu, chim sâu**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **au**? Tiếng nào có vần **âu**?)

(Như những bài trước) Xác định YC. / Đọc tên sự vật. / Tìm tiếng có vần **au, âu**, nói kết quả.

- Cả lớp đồng thanh: Tiếng **tàu** có vần **au**. Tiếng **câu** có vần **âu**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng: **au, âu**, (cây) **cau**, (chim) **sâu**.

b) Viết vần: **au, âu**

- 1 HS đọc vần **au**, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vần **au** vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét từ **a** sang **u**. / Làm tương tự với vần **âu**. Chú ý dấu mũ đặt trên chữ **a**.

- HS viết: **au, âu** (2 lần).

c) Viết tiếng: (cây) **cau**, (chim) **sâu** (như mục b)

- GV vừa viết mẫu tiếng cau vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét. / Làm tương tự với tiếng sâu.

- HS viết: (cây) **cau**, (chim) **sâu** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện **Sáu củ cà rốt**: Thỏ con ôm một ôm to cà rốt đưa cho mẹ. Vì sao mặt thỏ mẹ lại nhăn nhó thế? Thỏ con có làm đúng lời mẹ dặn không? Các em cùng nghe đọc truyện.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **hấp, hì** (từ mô tả hành động hoặc âm thanh, thêm vào để câu nói gây ấn tượng).

c) Luyện đọc từ ngữ: **sáu củ, thỏ nâu, nhổ cà rốt, nằm sâu, hấp, một lát sau, la lên**.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 13 câu. Hấp! là 1 câu, Hì? là 1 câu.

- GV chỉ từng câu (hoặc liền 2, 3 câu) cho HS đọc vỡ. Đọc liền 3 câu: Hấp? Hấp! Một lát sau ... cả ôm. Đọc liền 2 cầu: Mẹ bảo: “*Nhổ sáu củ, con nhé!”.* Đọc liền 2 câu cuối bài *Hì! Con chưa ... mà.*

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 – 3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).

- Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài (từng cặp / tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC./1 HS đọc trên bảng lớp 3 ý a, b, c.

- HS làm bài, viết nhanh ý mình chọn lên thẻ hoặc VBT, báo cáo kết quả. - GV chốt lại đáp án: Ý a, c đúng, ý b sai.

- Cả lớp nói lại kết quả: a) Thỏ nâu nhổ một ôm cà rốt. - Đúng. b) Thỏ nâu chỉ nhổ sáu củ cà rốt. - Sai.

c) Thỏ nâu chưa biết đếm. - Đúng.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **au** (VD: cháu, giàu, mau, màu,...); có vần **âu** (VD: cậu, bầu, nấu, xấu,...).

- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe, xem trước bài 108 (êu, iu).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 106, 107)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **ao, eo, au, âu**; các từ ngữ **ngôi sao, con mèo, cây cau, chim sâu** - chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ vừa học trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- Cả lớp đọc các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ): *ao, ngôi sao, eo, con mèo; au, cây cau, âu, chim sâu*. /HS nói cách viết từng cặp vần **ao, eo, au, âu.**

- GV vừa viết mẫu từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ; cách nối nét; cách viết dấu phụ; vị trí đặt dấu thanh (mèo).

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *ngôi sao, con mèo, cây cau, chim sau*.

- GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ: s cao hơn 1 li, g, y, i, h cao 2,5 li.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Hôm nay con học vần gì? Tìm từ, tiếng chứa vần hôm nay học.

- Khen ngợi những bạn viết đẹp, cẩn thận.

**BÀI 108**

**êu iu**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **êu, iu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **êu, iu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **êu**, vần **iu**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ba lưỡi rìu** (1).

- Viết đúng các vần **êu, iu**, các tiếng (con) **sếu**, (cái) **rìu** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu khổ to viết nội dụng BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Tập đọc **Sáu củ cà rốt** (bài 107).

- 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần **au**, vần **âu** em tìm được.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **êu**, vần **iu**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần êu***

- GV viết: **ê, u.** / HS (cá nhân, cả lớp): **ê - u - êu**.

- HS nói: con sếu. Tiếng **sếu** có vần **êu**. / Phân tích vần êu tiếng sếu. / Đánh vần, đọc trơn: ê - u - êu / sờ - êu - sêu - sắc - sếu/ con sếu.

***2.2. Dạy vần iu*** (như vần **êu**)

- Đánh vần, đọc trơn: i - u - iu/ rờ - iu - riu - huyền - rìu/ cái rìu,

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: êu, con sếu; iu, cái rìu.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2)

- GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ, cả lớp đọc: *bé xíu, lều vải*,...

- HS đọc thầm, nối hình với từng từ ngữ trong VBT.

- 1 HS nói kết quả, GV giúp HS gắn chữ dưới hình trên bảng lớp.

- GV chỉ từng hình, cả lớp: 1) lều vải, 2) địu con, 3) trĩu quả,...

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xíu có vần **iu**. Tiếng lều có vần **êu**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **êu, iu, con sếu, cái rìu**.

b) Viết vần: **êu, iu**

- 1 HS đọc vần **êu**, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vần **êu** vừa hướng dẫn. Chú ý cách viết nét phụ trên âm **ê**, nét nối giữa **ê** và **u**. / Làm tương tự với vần **iu**.

- HS viết: **êu, iu** (2 lần).

c) Viết tiếng: (con) **sếu**, (cái) **rìu**

- GV vừa viết tiếng **sếu** vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ: **s** cao hơn 1 li, **êu** - 1 li; dấu sắc đặt trên **ê**. / Làm tương tự với tiếng **rìu**.

- HS viết: (con) s**ếu**, (cái) **rìu** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV giới thiệu truyện Ba lưỡi rìu (1): Chàng tiều phu nghèo đi đốn củi, làm văng lưỡi rìu xuống sông. Chàng ôm mặt khóc. Bụt hiện lên giúp chàng.

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): đốn củi, nghèo, rìu sắt, lưỡi rìu, vàng, khóc, ông lão, mếu máo, lặn xuống.

d) Luyện đọc cậu

- GV: Bài có mấy câu? (9 câu). GV đánh số thứ tự từng câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp; đọc liền 2 câu: 6, 7).

e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn: 4 câu/ 5 câu.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC./1 HS đọc trên bảng lớp 2 câu văn chưa hoàn thành.

- HS làm bài cá nhân. / 1 HS báo cáo kết quả.

- Cả lớp nhắc lại:

a) Chàng đốn củi chỉ có một chiếc rìu sắt,

b) Một hôm, chàng đi đốn củi, chẳng may lưỡi rìu văng xuống sông.

**4. Củng cố, dặn dò**

- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **êu** (kêu, nêu, trêu,...); có vần **iu** (thiu, chịu, níu,...).

- GV dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; xem trước bài 109 (**iêu, yêu**).

**BÀI 109**

**iêu yêu**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **iêu, yêu**; đánh vần, đọc đúng tiếng các vần **iêu, yêu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **iêu**, vần **yêu**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ba lưỡi rìu** (2).

- Viết đúng các vần **iêu, yêu**, các tiếng (vải) **thiều**, **đáng yêu** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Tập đọc **Ba lưỡi rìu** (1) (bài 108).

- 1 HS nói tiếng ngoài bài đọc em tìm được có vần êu, vần iu.

B. DẠY BÀI MỚI .

**1. Giới thiệu bài**: vần **iêu**, vần **yêu**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần iêu***

- GV viết: **iê, u**. - HS: **iê - u - iêu**. / Phân tích: Vần **iêu** gồm âm đôi **iê** và **u**. Âm **iê** đứng trước, **u** đứng sau.

- HS nói: vải thiều. Tiếng **thiều** có vần **iêu**.

- Phân tích vần iêu, tiếng nhiều. / Đánh vần: *thờ - iêu - thiêu - huyền - thiều / thiều*.

- Đánh vần, đọc trơn: *iê - u - iêu / thờ - iêu - thiêu - huyền - thiều / vải thiều*.

***2.2. Dạy vần yêu*** (như vần **iêu**)

- Đánh vần, đọc trơn: **yê - u - yêu** / đáng yêu.

- HS nhắc lại quy tắc chính tả: vần **iêu** viết là i**êu** khi có âm đầu đứng trước, viết là **yêu** khi trước nó không có âm đầu.

*\* Củng cố*: Cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **iêu**? Tiếng nào có vần **yêu**?)

- (Như các bài trước) Xác định yêu cầu. / Đọc tên sự vật (HS nào đọc ngắc ngứ thì đánh vần). / Tìm tiếng có vần **iêu, yêu**, nói kết quả.

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng niêu có vần **iêu**. Tiếng yêu có vần **yêu**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **iêu, yêu, vải thiều, đáng yêu**.

b) Viết vần: **iêu, yêu**

- 1 HS đọc vần iêu, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vần iêu, vừa hướng dẫn. Chú ý cách viết nét mũ trên **ê**, nét nối giữa **iê** và **u**. / Làm tương tự với vần **yêu**.

- HS viết bảng con**: iêu, yêu** (2 lần).

c) Viết tiếng: (vải) **thiều**, (đáng) **yêu**

- GV vừa viết tiếng **thiều**, vừa hướng dẫn. Chú ý chữ **t** cao 1,5 li, chữ **h** cao 2m5 li; dấu huyền đặt trên **ê.** / Làm tương tự với tiếng **yêu**.

- HS viết: (vải) **thiề**u, (đáng) **yêu** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV giới thiệu: Trong giờ học hôm nay các em sẽ đọc tiếp phần 2 của câu **chuyện Ba lưỡi rìu** để biết câu chuyện có kết thúc như thế nào.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: tiều phu (người đàn ông làm nghề đốn củi trong rừng).

Luyện đọc từ ngữ: **tiều phu, lưỡi rìu bạc, lặn xuống, lắc đầu, reo lên, yêu quý, túng thiếu, không tham, thưởng.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (HS đếm: 9 câu).

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Có thể đọc liền 4 câu cuối.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 4 câu cuối) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV giải thích: BT đã đánh số thứ tự cho tranh 1, 2, 5. Các em cần đánh số thứ tự cho 2 tranh còn lại. Chú ý quan sát màu sắc các lưỡi rìu để đánh số cho đúng

- HS làm bài vào VBT, viết số thứ tự cho tranh 3 và 4.

- HS báo cáo: thứ tự đúng là :1- 2 - 4 - 3 - 5.

- GV chỉ từng tranh theo thứ tự đúng, 1 HS giỏi nói nội dung câu chuyện:

(1) Chàng tiều phu làm văng lưỡi rìu xuống sông.

(2) Ông lão lấy từ dưới sông lên lưỡi rìu bạc, chàng tiều phu xua tay (tỏ ý đó không phải lưỡi rìu của mình).

(3) Ông lão lấy từ dưới sông lên lưỡi rìu vàng, chàng tiều phu vẫn lắc đầu.

(4) Ông lão lấy lên lưỡi rìu sắt, chàng vui mừng nhận chiếc rìu.

(5) Ông lão nói mình là Bụt và thưởng cho chàng cả lưỡi rìu vàng và bạc.

\* HS đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 30).

**4. Củng cố, dặn dò**

- Em vừa tìm hiểu câu chuyện gì? Em học được gì từ câu chuyện trên?

- Kể lại cho người thân nghe câu chuyện đã học.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 108, 109)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **êu, iu, iêu, yêu, các tiếng con sếu, cái rìu, vải thiều, đáng yêu** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ vừa học trên dòng kẻ ô li.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ**): êu, con sếu; iu, cái rìu, iêu, vải thiều; yêu, đáng yêu**. /HS nói cách viết từng cặp vần.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh (*sếu, cái rìu, vải thiều, đáng yêu).*

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỏ).

- GV viết mẫu, hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ: s, r cao hơn 1 li; đ cao 2 li; h, g, y cao 2,5 li. Khi HS viết, không YC khắt khe về độ cao các con chữ.

- HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại 1 số tiếng, từ vừa viết.

- Khen ngợi các em viết cẩn thận, sạch đẹp.

**BÀI 110**

**KỂ CHUYỆN**

**MÈO CON BỊ LẠC**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể lại từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ngợi sự quan tâm, lòng tốt của mọi người đã giúp mèo con bị lạc tìm về được ngôi nhà ấm áp của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ câu chuyện Thổi bóng, mời HS 1 trả lời câu hỏi theo 3 tranh đầu; HS 2 tự kể theo 3 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

- GV chỉ hình minh hoạ, HS quan sát, trả lời: Truyện có những nhân vật nào? (Truyện có mèo con, thỏ, sóc, nhím, cú mèo).

- GV chỉ từng nhân vật trong tranh cho HS nhắc lại:

+ GV chỉ mèo, thỏ trong tranh 1 và 2 - HS: Mèo con, thỏ.

+ GV chỉ sóc trong tranh 3- HS: Sóc.

+ GV chỉ nhím trong tranh 4 - HS: Nhím.

+ GV chỉ cú trong tranh 5 - HS: Cú.

- GV: Hãy đoán chuyện gì xảy ra với mèo con? (Chú ý tranh 1 và tranh 6). (Mèo bị lạc, gặp rất nhiều con vật khác. Cuối cùng, mèo nằm ngủ ngon lành).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện kể về những việc xảy ra với một chú mèo con bị lạc. Chúng ta cùng xem những ai đã giúp mèo con tìm được đường về nhà

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1 Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện với giọng diễn cảm. Nhân giống các từ ngữ gợi tả, gợi cảm làm rõ thái độ lo lắng của mèo con khi bị lạc; lòng tốt, sự ân cần của những người muốn giúp mèo con. Chú ý phân biệt lời các nhân vật: Lời mèo con nhỏ nhẹ, dễ thương. Lời chị thỏ, cô sóc, chú nhím ân cần. Lời bác cú mèo tự tin. GV kể 3 lần (như đã hướng dẫn).

**Mèo con bị lạc**

(1) Mèo con bị lạc, không biết đường về nhà. Chị thỏ đi qua, bảo: “Đừng lo! Chị sẽ đưa em về nhà chị”.

(2) Về đến nhà, chị thỏ lấy cà rốt cho mèo con ăn. Mèo con kêu: “Meo! Em không ăn cà rốt đâu!”. Chị thỏ đành đưa mèo con sang nhà cô sóc xem cô sóc có gì cho mèo ăn không.

(3) Đến nhà cô sóc, cô sóc ân cần mời mèo con ăn hạt dẻ. Mèo con rên rỉ: “Meo! Cháu không ăn hạt dẻ đâu”. Thế là mọi người lại đưa mèo con sang nhà chú nhím.

(4) Đến nhà chú nhím thì chú nhím lại bảo: “Tiếc là ta chẳng có gì cho cháu ăn”. Mèo con nghe vậy thì khóc lóc thảm thiết.

(5) Nghe tiếng khóc thảm thiết của mèo, bác cú bay tới hỏi: “Vì sao cháu khóc?. Mèo con trả lời: “Cháu bị lạc ạ!”. Bác cú bảo: “Mèo con đừng lo. Mọi người đừng lo. Mèo con hãy chạy theo bác, bác sẽ tìm được nhà cháu”.

(6) Bác cú bay lên cao. Mèo con chạy theo. Cuối cùng, nó về được nhà và ngủ một giấc ngon lành trong ngôi nhà ấm áp.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh (có thể lặp lại câu hỏi với 1 HS khác).

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Thấy mèo con bị lạc, chị thỏ đã làm gì? (Thấy mèo con bị lạc, chị thẻ bảo mèo đừng lo, chị sẽ đưa mèo về nhà chị).

- GV chỉ tranh 2, hỏi từng câu: Chị thỏ định cho mèo ăn gì? (Chị thỏ lấy cà rốt cho mèo con ăn). Mèo bảo sao? (Mèo con kêu: “Em không ăn cà rốt!”). Thỏ đã làm gì? (Chị thỏ đành đưa mèo con sang nhà cô sóc).

- GV chỉ tranh 3: Cô sóc mời mèo con ăn gì? (Cô sóc ân cần mời mèo con ăn hạt dẻ). Mèo con nói gì? (Mèo con rên rỉ: “Cháu không ăn hạt dẻ đâu”. Vì thế, mọi người lại đưa mèo con sang nhà chú nhím).

- GV chỉ tranh 4: Chú nhím nói gì với mèo? (Chú nhím nói: “Tiếc là ta chẳng có gì cho cháu ăn”). Nghe chú nhím nói, mèo thế nào? (Mèo con nghe vậy thì khóc lóc thảm thiết).

- GV chỉ tranh 5: Bác cú đã làm gì để giúp mèo con trở về nhà? (Bác cú bảo: “Mèo con hãy chạy theo bác, bác sẽ tìm được nhà cháu”).

- GV chỉ tranh 6: Câu chuyện kết thúc ra sao? (Mèo con chạy theo bác cú. Cuối cùng, nó về được nhà và ngủ một giấc ngon lành trong ngôi nhà ấm áp).

b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 - 3 tranh.

c) 1 HS trả lời các câu hỏi theo 6 tranh.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 1 HS kể lại câu chuyện theo 6 tranh.

\* GV cất tranh, mời 1 HS giỏi kể lại câu chuyện.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện khen ngợi những ai? HS: Câu chuyện khen ngợi chị thỏ, cô sóc, chú nhím, bác cú đã giúp đỡ mèo con bị lạc tìm được đường về nhà. GV: Câu chuyện ca ngợi sự quan tâm, lòng tốt của những người xung quanh đã giúp mèo con bị lạc tìm về được ngôi nhà ấm áp của mình.

- GV: Qua câu chuyện mèo con bị lạc, được những người xung quanh tận tình giúp đỡ nên đã tìm được đường trở về nhà, em hiểu điều gì? HS phát biểu.

GV kết luận:

+ Cần giúp đỡ mọi người khi họ gặp khó khăn.

+ Khi gặp khó khăn, có mọi người tận tình giúp đỡ, bạn sẽ vượt qua khó khăn.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; khen những HS kể chuyện hay.

- Yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.

- GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện **Cây khế.**

**BÀI 111**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Điều ước**.

- Điền vần thích hợp (**am** hay **ăng**) vào chỗ trống để hoàn thành câu văn rồi chép lại đúng chính tả câu văn, với cỡ chữ nhỏ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT 1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình minh hoạ truyện **Điều ước**; giới thiệu: Truyện kể về một bác đánh cá nghèo, được cá thần tặng một điều ước nhưng bác lại tham lam muốn quá nhiều. Các em hãy nghe câu chuyện để biết kết quả thế nào.

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ: **điều ước, nghèo, bé xíu, van xin, liền thả cá, ước muốn gì được nấy, chẳng được gì.**

d) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số câu trong bài (13 câu).

- GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc vỡ. Có thể đọc liền 2, 3 câu ngắn.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu ngắn). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu 1: *Có một bác đánh cá nghèo / câu được con cá bé xíu.*

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (8 câu/ 5 câu), thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC, mời 1 HS đọc 2 lời nói (a và b).

- HS tiếp nối nhau phát biểu: Các em có thể thích câu a (Tôi ước muốn gì được - nấy.) hoặc câu b (Tham quá sẽ chẳng được gì).

- GV: Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì? HS phát biểu. (GV: Câu chuyện là lời khuyên: Không nên tham lam. Tham quá sẽ chẳng được gì).

***2.2. BT 2*** (Điền vần **am** hay **ăng**? ( Tập chép)

- GV viết bảng câu văn (cỡ chữ nhỏ) để trống vẫn cần điền “Người nào th... lam quá thì sẽ ch... được gì.”; nêu YC.

- HS làm bài trong vở Luyện viết 1.

- (Chữa bài) 1 HS lên bảng điền vần, hoàn chỉnh từ.

- GV chốt đáp án: *tham lam / chẳng được gì*. / HS sửa bài (nếu sai).

- Cả lớp đọc câu văn; chép lại vào vở Luyện viết 1, tô chữ N hoa đầu câu (những HS viết câu văn vào vở có thể viết chữ N in hoa).

- HS viết xong sửa bài; đổi bài với bạn để sửa lỗi.

- GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS về nhà xem trước bài 112 (*ưu, ươu*).

**BÀI 112**

**ưu ươu**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **ưu, ươu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ưu, ươu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ưu**, vần **ươu.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Hươu, cừu, khướu và sói**.

- Viết đúng các vần **ưu, ươu**, các tiếng (con) **cừu**, **hươu** (sao) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- 2 khung thành ghi vần; 5 quả bóng ghi từ ở BT 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Tập đọc Điều ước (bài 111, mỗi em đọc 1 đoạn).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **ưu**, vần **ươu**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần ưu***

- GV viết**: ư, u**. /HS: **ư - u - ưu.**

- HS nói: con cừu. Tiếng **cừu** có vần **ưu**. / Phân tích vần ưu, tiếng **cừu**. Đánh vần, đọc trơn: *ư - u - ưu / cờ - ưu - cưu - huyền - cừu / con cừu.*

***2.2. Dạy vần ươu***: GV viết **ươ**, viết **u**. Đánh vần, đọc trơn: ươ - u - ươu / hờ - ươu - hươu / hươu sao.

*\* Củng cố*: Cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT2: Sút bóng vào hai khung thành cho trúng - tổ chức vui)

- GV chỉ hình, nêu YC: Mỗi HS là 1 cầu thủ, cần sút trúng bóng vào khung thành có vần **ưu**, có vần **ươu**.

- GV chỉ từng quả bóng, 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: **ốc bươu, quả lựu, ngải cứu**,.../ HS đọc thầm, làm bài.

- 2 HS lên bảng thi sút bóng (dùng phấn nối bóng với khung thành). Cầu thủ 1 sút bóng có vần ưu vào khung thành **ưu**. Cầu thủ 2 sút bóng có vần **ươu** vào khung thành **ươu./** Báo cáo kết quả: Sút bóng có tiếng **bươu** vào khung thành vần **ươu**,... Cả lớp bình chọn người thắng cuộc (sút đúng, nhanh).

- GV chỉ từng quả bóng, cả lớp: Tiếng **bươu** có vần **ươu**. Tiếng **lựu** có vần **ưu**.

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **ưu, ươu, con cừu, hươu sao**.

b) Viết vần: **ưu, ươu**

- 1 HS đọc vần **ưu, ươu**, nói cách viết. / GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao cách nối nét giữa **ư** và **u**, dấu râu đặt trên **ư**. / Làm tương tự với vần **ươu**.

- HS viết: **ưu, ươu** (2 lần).

c) Viết tiếng: (con) **cừu, hươu** (sao)

- GV vừa viết mẫu: **cừu**, vừa hướng dẫn. Chú ý dấu huyền đặt trên **ư**. / Làm tương tự với tiếng **hươu**.

- HS viết: (con) **cừu, hươu** (sao) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài **Hươu, cừu, khướu và sói**, giới thiệu hình ảnh từng con vật: **hươu, cừu, khướu và sói.**

b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm; đọc lời kêu cứu của cừu, tiếng la to của khướu với giọng phù hợp. Giải nghĩa: **be** (tiếng cừu hoặc dễ kêu to), **co giò chạy** (co cao chân chạy vội).

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **hươu, cừu, khướu, suối, mò tới, thấy vậy, co giò chạy, lao tới vồ, cứu tôi với, chạy mất.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 12 câu. GV đánh số thứ tự từng câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu (3 và 4), (7 và 8).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc 2 đoạn (8 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc g1) Ghép đúng

- GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- 1 HS làm mẫu: a) Cừu - 3) kêu to để cứu hươu.

- HS làm bài.

- 1 HS đọc kết quả (GV giúp HS nối các vế câu trên bảng lớp).

- Cả lớp đọc kết quả (chỉ đọc từ ngữ): a) Cừu - 3) kêu to để cứu hươu. b) Khướu - 1) làm sói sợ, bỏ cừu, chạy mất. c) Ba bạn - 2) từ đó thân nhau.

GV: Em thích nhân vật nào? Vì sao? (HS có thể thích cừu vì cừu tốt bụng, thấy sói đến, báo có sói để hươu trốn chạy. Có thể thích khướu vì khướu thông minh, la to “Hổ tới kìa!”, để đánh lừa, doạ sói, khiến sói sợ, bỏ cừu, chạy mất).

- GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Câu chuyện khen ngợi những người bạn tốt biết giúp nhau, chống lại kẻ ác.

**4. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS về nhà xem trước bài 113 (oa, oe).

**BÀI 113**

**oa oе**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **oa, oe**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oa, oe**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oa**, vần **oe**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Hoa loa kèn.**

- Viết đúng các vần **oa, oe**; các tiếng (cái) **loa**, (chích) **choè** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Bảng phụ, thẻ để làm BT lựa chọn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Tập đọc *Hươu, cừu, khướu và sói*.

- 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần *ưu, ươu* em tìm được.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oa**, vần **oe**. Đây là bài đầu tiên dạy vần có âm đệm (**o, u**). GV cần dạy kĩ để HS học các bài sau nhanh hơn.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần oa***

- GV viết bảng: **o, a**. / HS (cá nhân, cả lớp): **o - a - oa.**

- HS nhìn tranh, nói: cái loa. Nhận biết tiếng **loa** có vần **oa**. / Phân tích vần **oa**: có âm **o** đứng trước, âm **a** đứng sau. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - oa / lờ - oa - loa / cái loa.

***2.2. Dạy vần oe*** (như vần **oa**) Đánh vần, đọc trơn*: o - e - oe / chờ - oe - choe - huyền - choè / chích choè.*

\* Củng cố: HS nói các vần, tiếng vừa học. Cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá: **oa, cái loa; oe, chích choè.**

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oa**? Tiếng nào có vần **oe**?)

- Xác định YC / Đọc các từ ngữ (1 HS đánh vần, cả lớp đọc trơn: hoa sen, tròn xoe...). Tìm tiếng có vần **oa**, vần **oe**. / 2 HS báo cáo kết quả (HS 1 nói tiếng có vần **oa**. HS 2 nói tiếng có vần **oe**).

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **hoa** có vần **oa**. Tiếng **xoe** có vần **oe**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học.

b) Viết vần: **oa, oe**

- 1 HS đọc vần **oa**, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **oa**, vừa hướng dẫn; chú ý nét nối giữa **o** và **a**. / Làm tương tự với vần **oe**.

- Cả lớp viết bảng con: **oa, oe** (2 lần).

c) Viết tiếng: (cái) **loa**, (chích) **choè**

- GV vừa viết mẫu tiếng **loa** vừa hướng dẫn, chú ý chữ l cao 2,5 li. Làm tương tự với **chích choè**; dấu huyền đặt trên **e**.

- Cả lớp viết: (cái) **loa**, (chích) **choè** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài đọc, giới thiệu hình ảnh hoa hồng, hoa cúc đại đoá mập, khoẻ, hoa loa kèn nở như chiếc loa xinh.

b) GV đọc mẫu: gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả (khoe sắc, mập, khoẻ, thô, nép sát, bật nở, toả hương). Giải nghĩa từ: **thô** (to, nhìn không đẹp); **ngậm nụ** (nụ hoa chúm chím, sắp nở).

c) Luyện đọc từ ngữ: **hoa loa kèn, muôn hoa khoe sắc, cúc đại đoá, xoè, khoẻ, nắng mai, nép sát, ngậm nụ, thì thầm, bật nở, toả hương**.

d) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số cầu của bài. / GV chỉ từng câu, 1 HS đọc, cả lớp đọc (đọc liền câu 3 và 4).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). Chú ý nghỉ hơi ở câu cuối: Những đoá hoa ... xinh xắn / bắt đầu toả hương.

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu), thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn). g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC. / 1 HS đọc 2 ý của BT.

- HS làm bài.

- HS viết ý lựa chọn vào thẻ, giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng (Nhờ bác làm vườn...). Ý a sai (Loa kèn không muốn nở vì sợ cúc chê...). Để ý a đúng, cần sửa là: Loa kèn không muốn nở vì sợ hoa hồng chê...

- Cả lớp đọc: Ý b đúng (Nhờ bác làm vườn khích lệ, loa kèn bật nở).

**4. Củng cố, dặn dò**

- Chỉ một số từ ngữ để HS đọc lại.

- Chia sẻ bài tập đọc với người thân trong gia đình.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 112, 113)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **ưu, ươu, oa, oe, các từ ngữ con cừu, hươu sao, cái loa, chích choè** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- GV treo bảng phụ viết các vấn và từ ngữ của bài (cỡ vừa, cỡ nhỏ).

- Cả lớp đọc các vần, từ ngữ (cỡ nhỡ): **ưu, con cừu; ươu, hươu sao; oa, cái loa; oe, chích choè.**

- HS nói cách viết từng vần.

- GV viết mẫu, tập trung hướng dẫn các từ có vần **ưu, ươu, oa, oe**. Chú ý vị trí đặt dấu thanh của **cừu, cái, chích, choè**.

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): con cừu, hươu sao, cái loa, chích choè.

- GV hướng dẫn HS cách viết từng từ ngữ. Chú ý độ cao các con chữ: h, 1 cao 2,5 li; s cao hơn 1 li.

- HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại một số từ ngữ.

- Tuyên dương những HS viết nắn nót, cẩn thận.

**BÀI 114**

**uê uơ**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **uê, uơ**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uê, uơ**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần uê, vần uơ.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Lợn rừng và voi.**

- Viết đúng các vần **uê, uơ**, các tiếng (hoa) **huệ, huơ** (vòi) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 1 HS đọc bài Tập đọc Hoa loa kèn. 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần oa, oe em tìm được.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uê**, vần **uơ**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

**2.1. Dạy vần uê**

- GV viết **u, ê**. / HS: **u - ê - uê**.

- Phân tích vần **uê** gồm âm **u** và âm **ê**.

- HS nói: hoa huệ. Tiếng **huệ** có vần **uê**. / Phân tích vần **uê**, tiếng **huệ**. / Đánh vần, đọc trơn: *u - ê - uê / hờ - uê - huê - nặng - huệ / hoa huệ.*

***2.2. Dạy vần uơ*** (như vần **uê**): Đánh vần, đọc trơn: u - ơ - uơ / hờ - uơ - huơ / huơ vòi.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Xếp hoa vào hai nhóm)

- GV chỉ từng bông hoa, HS đánh vần, đọc trơn: *thuê, xum xuê, thuở bé*,...

- HS làm bài trong VBT, nối hoa với vần thích hợp (**uê** hay **uơ**).

- 2 HS lên bảng thi xếp hoa vào hai nhóm. Báo cáo: HS 1: Hoa có vần **uê**: thuê, (xum) xuê, (vạn) tuế, Huế. HS 2: Hoa có vần **uơ**: thuở (bé), huơ (tay)..

- GV chỉ từng quả bóng, cả lớp: Tiếng **thuê** có vần **uê**. Tiếng **thuở** có vần **uơ**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **uê, uơ, hoa huệ, huơ vòi** (cỡ nhỡ).

b) Viết vần **uê, uơ** .

- 1 HS đọc vần **uê**, nói cách viết.

- GV vừa viết vần, **uê** vừa hướng dẫn. Chú ý: cách nối nét, cách viết dấu mũ. / Làm tương tự với vần **uơ**.

- HS viết bảng con: **uê, uơ** (2 lần).

c) Viết tiếng: (hoa) **huệ, huơ** (vòi)

- GV vừa viết mẫu tiếng huê vừa hướng dẫn quy trình viết, cách nối nét, vị trí đặt dấu nặng dưới **ê**. / Làm tương tự với **huơ**.

- HS viết: (hoa) **huệ, huơ** (vòi) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV giới thiệu bài Lợn rừng và voi, hình ảnh voi dùng vòi nhấc bổng lợn rừng.

b) GV đọc mẫu. Mô tả, kết hợp giải nghĩa từ: Voi to nhưng **ngờ nghệch** lắm (ngờ nghệch: ngốc nghếch và chậm chạp). Nào ngờ, voi huơ vòi nhấc bổng lợn lên, ném xuống vệ đường (**huơ vòi**: đưa vòi lên cao, khua sang hai bên). *Đời thuở nào* lợn thắng được voi (đời thuở nào: không bao giờ).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS cùng đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: **lang thang, xum xuê, huơ vòi, ngờ nghệch, nhằm voi xông tới, nhấc bổng, ném xuống vệ đường, hết hồn, đời thuở nào, tự kiêu, hại thân.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (9 câu).

- GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân, từng cặp). Nhắc HS nghỉ hơi ở câu: *Nào ngờ, / voi huơ vòi / nhấc bổng lợn lên, / ném xuống vệ đường.*

e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC, chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- HS suy nghĩ, làm bài. / 1 HS đọc kết quả. Cả lớp đọc lại kết quả: a) Lợn rừng con nghĩ là - 2) mình thắng được voi. b) Lợn rừng mẹ bảo con - 1) chớ tự kiêu mà hại thân.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Cho HS đọc lại 1 số câu.

- Đọc bài tập đọc cho người thân nghe.

**BÀI 115**

**uy uya**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **uy, uya**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uy, uya**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uy**, vần **uya**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Vườn hoa đẹp**.

- Viết đúng các vần **uy, uya**, các tiếng (tàu) **thuỷ**, (đêm) **khuya** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Lợn rừng và voi.

- 1 HS trả lời câu hỏi: Lợn rừng mẹ dạy con điều gì?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uy**, vần **uya**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần uy***

- GV viết: **u, y./**HS: **u - y - uy**./ Phân tích vần **uy**: âm **u** đứng trước, âm **y** đứng sau; phát âm nhấn giọng vào **y**./ Đánh vần: **u - y - uy / uy** (HS quan sát ui, uy để nhận diện mặt chữ, phân biệt cách phát âm 2 vần).

- HS nói: tàu thuỷ. Tiếng **thuỷ** có vần **uy./** Phân tích vần **uy**, tiếng **thuỷ**. Chú ý dấu hỏi nằm trên âm **y**./ Đánh vần, đọc trơn: u - y - uy / thờ - uy - thuy - hỏi - thuỷ / tàu thuỷ. .

***2.2. Dạy vần uya*** (như vần *uy*): GV viết: **u, ya** (ya là nguyên âm đôi **iê**, đọc là **ia**). Đánh vần, đọc trơn: u - ya (ia) - uya / khờ - uya - khuya/ đêm khuya.

*\* Củng cố*: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uy**? Tiếng nào có vần **uya**?).

- GV chỉ từng từ ngữ, HS đánh vần, đọc trơn: **khuy áo, phéc mơ tuya**,....

- HS đọc thầm, tìm tiếng có vần **uy**, vần **uya**. HS báo cáo: Tiếng có vần **uy** (khuy, ruy, huy, luỹ); tiếng có vần **uya** (tuya).

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng khuy có vần **uy**. Tiếng **tuya** có vần **uya**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng: **uy, uya, tàu thuỷ, đêm khuya**.

b) Viết vần: **uy, uya**

- 1 HS đọc vần **uy**, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **uy** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét từ **u** sang **y**; chú ý chữ **y** cao 2,5 li. / Làm tương tự với vần **uya**.

- HS viết: **uy, uya** (2 lần).

c) Viết: (tàu) **thuỷ**, (đêm) **khuya**

- 1 HS đọc **tàu thuỷ**; nói cách viết tiếng **thuỷ**.

- GV viết mẫu tiếng thuỷ, hướng dẫn cách viết. Chú ý đặt dấu hỏi trên âm **y**./ Làm tương tự với **khuya**, chú ý chữ **k**, **h** cao 2,5 li.

- HS viết: (tàu) **thuỷ**, (đêm) **khuya** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Vườn hoa đẹp, giới thiệu các loài hoa: cúc thuý, tuy líp, hoa giấy, thuỷ tiên, dạ hương, bách nhật.

b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm: **đỏ mọng, mỏng, lâu ơi là lâu, rực rỡ, ngát hương.** Giải nghĩa từ: **pơ luya** (loại giấy rất mỏng, mềm, dùng để viết thư). .

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: **Thuỷ, cúc thuý, tuy líp, pơ luya, thuỷ tiên, nhuỵ vàng, dạ hương, khuya, bách nhật, khuy áo, ngát hương.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 8 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 4 câu); thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC, mời 1 HS nói câu M: *Hoa tuy líp đỏ mọng*.

- GV chỉ từng hình, cả lớp nói tên từng loài hoa: 1) hoa cúc thuý, 2) hoa tuy líp. 3) hoa giấy, 4) hoa thuỷ tiên, 5) hoa dạ hương, 6) hoa bách nhật..

- GV chỉ từng hình, 1 HS giỏi (dựa vào bài) nói về vẻ đẹp của từng loài hoa.

+ (Lặp lại) GV chỉ hình, từng HS tiếp nối nhau: GV chỉ hình 1, HS 1: Hoa cúc thuý đủ màu sắc. GV chỉ hình 2, HS 2: Hoa tuy líp đỏ mọng.

GV chỉ hình 3, HS 3: Hoa giấy cánh mỏng như tờ pơ luya.

GV chỉ hình 4, HS 4: Hoa thuỷ tiên cánh trắng, nhuỵ vàng.

GV chỉ hình 5, HS 5: Hoa dạ hương càng về khuya càng thơm.

GV chỉ hình 6, HS 6: Hoa bách nhật chỉ bằng cái khuy áo, tươi lâu ơi là lâu.

+ (Lặp lại) GV chỉ từng hình, cả lớp nhắc lại (nói nhỏ).

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 40).

**4. Củng cố, dặn dò**

- Chỉ một số câu cho HS đọc lại.

- Đọc bài tập đọc cho người thân nghe.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 114, 115)

**I. MỤC TIÊU**

Viết đúng các vần **uê, uơ, uy, uya**, các từ ngữ **hoa huệ, huơ vòi, tàu thuỷ, đêm khuya** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết các vần, từ ngữ (cỡ vừa, cỡ nhỏ).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): **uê, hoa huệ; uơ, huơ vòi; uy, tàu thuỷ; uya, đêm khuya**. /HS đọc, nói cách viết từng vần.

- GV hướng dẫn HS viết, tập trung hướng dẫn các từ có vần **uê, uơ, uy, uya**. Chú ý cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh trong các tiếng: *huệ, vòi, tàu thuỷ.*

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *hoa huệ, huơ vòi, tàu thuỷ, đêm khuya.*

- GV hướng dẫn HS viết từng từ ngữ. Chú ý độ cao các con chữ: h, k, y cao 2,5 li; đ cao 2 li; s cao hơn 1 li.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm cỡ chữ nhỏ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những HS viết cẩn thận, sạch đẹp.

**BÀI 116**

**KỂ CHUYỆN**

**CÂY KHẾ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Người hiền lành, tốt bụng sẽ gặp điều tốt lành. Người xấu xa, tham lam sẽ tự làm hại bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV gắn lên bảng 6 tranh minh họa chuyện Mèo con bị lạc, mời HS 1 trả lời câu hỏi theo 3 tranh đầu; HS 2 kể chuyện theo 3 tranh cuôi.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, chỉ tranh: Người anh, người em, cây khế, chim phượng hoàng đang ăn khế. Tranh cuối cùng vẽ cảnh gì? (Cảnh chim bay sát mặt biển, người anh rơi xuống biển). GV: Hãy đoán câu chuyện kể về điều gì? (Kể về hai anh em với cây khế và chim phượng hoàng. Cuối chuyện, người anh rơi xuống biển, chết chìm).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện Cây khế kể về hai anh em có tính tình rất khác nhau: người em chăm chỉ, tốt bụng, người anh lười biếng, tham lam. Cuối cùng người anh chết chìm dưới biển. Vì sao người anh rơi xuống biển, các em hãy lắng nghe câu chuyện. .

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Kể nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả, gợi cảm làm rõ tính cách tham lam của người anh, lòng tốt, sự thật thà của người em.

**Cây khế**

(1) Nhà kia có hai anh em. Người anh tham lam, lười biếng, còn người em thì tốt bụng, chăm chỉ.

(2) Người anh lấy vợ, cho em ra ở riêng. Anh ta chỉ chia cho em một cây khế. Người em ra sức chăm bón cho cây. Chẳng bao lâu, cây khế ra rất nhiều quả ngọt.

nài khẽ đem bán thì có một con chim

(3) Người em định hái khế đem bán thì có một con chim phượng hoàng rất to ngày nào cũng bay tới ăn khế. Người em không nỡ đuôi chim nhưng rất buồn. Thấy vậy, phượng hoàng bảo: “Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng”.

(4) Rồi một hôm, phượng hoàng tới, đưa người em đến một hòn đảo giữa biển. Ở đó có một cái hang có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Người em nhặt một ít vàng bạc cho vào túi ba gang. Từ đó, người em trở nên giàu có.

(5) Thấy em giàu có, người anh lân la hỏi. Người em thật thà kể lại mọi chuyện. Người anh liền đòi đổi nhà cửa, ruộng vườn của mình lấy cây khế.

(6) Năm ấy khế chín, phượng hoàng lại đến ăn, lại hứa: “Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng”. Sau đó, chim cũng chở người anh bay ra đảo. Nhưng vì anh ta tham lam, mang túi rất to, lấy rất nhiều vàng bạc nên khi bay qua biển, phượng hoàng đuối sức vì chở quá nặng, cánh nó sã xuống, người anh bị rơi xuống, chết chìm dưới biển sâu.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh (có thể lặp lại câu hỏi với 1 HS khác).

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Hai anh em nhà kia tính tình khác nhau thế nào ? (Người anh tham lam, lười biếng còn người em thì tốt bụng, chăm chỉ).

- GV chỉ tranh 2: Khi cho em ra ở riêng, người anh chia gì cho em? (Người anh chỉ chia cho em một cây khế).

- GV chỉ tranh 3: Chim phượng hoàng bay đến cây khế để làm gì? Nó hứa gì? (Chim bay đến để ăn khế. Nó hứa: Ăn một quả, trả một cục vàng! May túi ba gang, mang đi mà đựng).

- GV chỉ tranh 4: Người em theo chim đi đâu và lấy được gì? (Người em theo chim đi đến một hòn đảo và lấy được vàng bạc châu báu đựng vào túi ba gang)..

- GV chỉ tranh 5: Khi thấy em trở nên giàu có, người anh đã làm gì? (Người anh đòi đổi nhà cửa, ruộng vườn của mình lấy cây khế).

- GV chỉ tranh 6: Vì sao người anh rơi xuống biển? (Người anh tham lam, lấy quá nhiều vàng bạc, vì thế khi bay qua biển, phượng hoàng đuối sức vì chở quá nặng, cánh nó sã xuống, người anh bị rơi xuống, chết chìm dưới biển sâu).

b) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 2 tranh.

c) 1 HS trả lời các câu hỏi theo 6 tranh.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 1 HS tự kế toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể chuyện, không cần tranh.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Em thích nhân vật nào trong truyện, không thích nhân vật nào? Vì sao?

- HS có thể thích người em, thích chim phượng hoàng, chê người anh. GV kết luận: Người em chăm chỉ, tốt bụng, không tham, thấy vàng bạc rất nhiều cũng chỉ lấy vừa túi ba gang. - Phượng hoàng to, đẹp, đã hứa và làm đúng lời hứa. / Người anh lười biếng, tham lam (chia tài sản chỉ cho em một cây khế). Phượng hoàng bảo mang túi ba gang, anh ta mang túi rất to. Đến đảo, anh ta lấy vàng bạc đầy túi khiến phượng hoàng phải chở nặng, sã cánh, anh ta rơi xuống biển.

- GV: Có phải phượng hoàng giết hại người anh không? HS phát biểu, GV: Phượng hoàng không giết người anh. Vì tham lam, anh ta đã tự làm hại mình. Câu chuyện muốn nói: Ai chăm chỉ, tốt bụng sẽ gặp được điều tốt lành. Kẻ xấu xa, tham lam sẽ tự gieo hoạ cho bản thân.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS kể chuyện hay.

- Dặn HS về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Hoa tặng bà tuần sau.*

**BÀI 117**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Bài học cho gà trống.**

- Làm đúng BT điền dấu kết thúc câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi.

- Tập chép đúng chính tả, cỡ chữ nhỏ 1 câu văn trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / bảng phụ viết BT về dấu câu.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Bài học cho gà trống: Bài đọc giải thích: Vì sao gà trống không bay cao được? Vì sao mặt gà trống lúc nào cũng đỏ?

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ: *khướu, chích chòe, khuya, hội khoẻ, rong chơi, bay vút, xoè cánh, rơi bịch xuống, ngượng.*

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 6 câu.

- GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu dài: *Hoạ mi, khướu, chích chòe tập bay từ sáng đến khuya/ để tham gia hội khoẻ.*

e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.

g) BT về dấu câu (Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi...).

- GV giải thích YC: Có 2 câu văn chưa đặt dấu kết thúc câu. Các em cần đặt dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi cuối mỗi câu cho phù hợp.

- GV chỉ bảng phụ, cả lớp đọc 2 câu văn còn thiếu dấu kết thúc câu.

- 1 HS lên bảng, đặt dấu kết thúc câu. GV chốt đáp án.

- Cả lớp đọc lại 2 câu văn hoàn chỉnh: a) Vì sao gà trống thua? (dấu chấm hỏi) b) Đến bây giờ, gà trống vẫn đỏ mặt. (dấu chấm)

- GV: Câu chuyện khuyên các em điều gì? (Câu chuyện khuyên HS: Cần chăm chỉ luyện tập mới khoẻ mạnh, đạt được điều mình mong muốn).

***2.2. BT 2*** (Tập chép)

- GV viết lên bảng câu văn cần tập chép.

- 1 HS, sau đó cả lớp đọc câu văn.

- Cả lớp đọc thầm lại câu văn, chú ý những từ các em dễ viết sai. VD: hoạ mi, khướu, chích chòe, khuya, chú ý vị trí đặt dấu thanh.

- HS chép vào vở Luyện viết 1 câu văn, tô chữ hoa H đầu câu (HS chép câu văn vào vở có thể viết chữ H in hoa).

- HS tự soát bài; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau.

- GV chữa bài cho HS, đánh giá chung.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại một số câu.

- Đọc lại bài tập đọc cho người thân nghe.

**BÀI 118**

**oam oăm**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **oam, oăm**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oam, oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oam,** vần **oăm**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Mưu chú thỏ**.

- Viết đúng các vần **oam, oăm,** các tiếng **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, thẻ để HS viết ý lựa chọn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Bài học cho gà trống.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oam**, vần **oăm**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần oam***

- GV giới thiệu vần **oam**./HS (cá nhân, cả lớp): **o - a - mờ - oam**. (Đây là vấn đầu tiên có mô hình “âm đệm + âm chính + âm cuối” mà HS được học, GV dạy kĩ để HS học những vần tiếp theo nhanh hơn.

- HS nhìn hình, nói: ngoạm./ Tiếng **ngoạm** có vần **oam**. / Phân tích vần **oam**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **m** đứng cuối./ Đánh vần, đọc trơn: o - a - mờ - oam / ngờ - oam - ngoam - nặng - ngoạm / ngoạm.

***2.2. Dạy vần oăm*** (như vần **oam**): Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - mờ - oăm / khờ - oăm - khoăm - huyền - khoằm / mỏ khoằm.*

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?).

- GV chỉ từng từ cho 1 HS đánh vần, 1 tô đánh vần: *nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm,..*

- HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần **oam**, vần **oăm**. /HS nói kết quả

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **nhoàm** có vần **oam**. Tiếng **hoắm** có vần **oăm**...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm**.

b) Viết vần: **oam, oăm**

- 1 HS đọc vần oam, nói cách viết. / GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa **o, a, m**. / Làm tương tự với vần **oăm**.

- HS viết: **oam, oăm** (2 lần).

c) Viết tiếng: n**goạm**, (mỏ) **khoằm**

- GV vừa viết tiếng **ngoạm** vừa hướng dẫn. Chú ý chữ **g** cao 2,5 li, dấu nặng đặt dưới **a**. / Làm tương tự với **khoằm**, dấu huyền đặt trên **ă**.

- HS viết: **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu).

- GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8).

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.

- HS viết ý mình chọn lên thẻ. / HS giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng.

- Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời):

+1 HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng?

+ Cả lớp: (Ý b) Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác.

- GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 119**

**oan oat**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **oan, oat**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oan, oat**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oan**, vần **oat**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Đeo chuông cổ mèo**.

- Viết đúng các vần **oan, oat**, các tiếng (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu khổ to, thẻ để HS viết ý lựa chọn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 đoạn của bài Mưu chú thỏ.

- 1 HS trả lời câu hỏi: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oan**, vần **oat.**

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần oan***

- GV viết: **o, a, n** / HS: **o - a - nờ - oan.**

- HS nói: máy khoan. Tiếng **khoan** có vần **oan**. / Phân tích vần **oan**: âm **o** đứng trước, **a** đứng giữa, **n** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - nờ - oan / khờ - oan - khoan / máy khoan.

***2.2. Dạy vần oat*** (như vần **oan**) Đánh vần, đọc trơn: *o - a - tờ - oat/ thờ - oat - thoat - sắc - thoát / trốn thoát.*

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: *oan, máy khoan, oat, trốn thoát*.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oan**? Tiếng nào có vần **oat**?)

- GV chỉ từng từ ngữ cho HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn: **phim hoạt hình, đĩa oản,...**

- HS đọc thầm, làm bài.

- HS báo cáo kết quả tìm tiếng có vần **oan**, vần **oat**.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **hoạt** có vần **oat**. Tiếng **oản** có vần **oan**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: *oan, oat, máy khoan, trốn thoát.*

b) Viết vần: **oan, oat**

- 1 HS đọc vần oan, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết, cách nồi nét giữa **o, a** và **n**. / Làm tương tự với vần **oat**. Chú ý chữ **t** cao 1,5 li.

- HS viết bảng con: **oan, oat** (2 lần).

c) Viết tiếng: (máy) **khoan**, (trốn) **thoát**

- GV vừa viết mẫu tiếng khoan vừa hướng dẫn cách viết, độ cao các con chữ, cách nối nét. / Làm tương tự với **thoát**, chú ý dấu sắc đặt trên **a**.

- HS viết: (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Đeo chuông cổ mèo, chỉ hình chuột nhắt, chuột già, bầy chuột, mèo và cái chuông.

b) GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: vuốt (móng nhọn, sắc, cong của một số loài động vật như hổ, báo, mèo, diều hâu, đại bàng).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần, cả lớp đọc trơn: đeo chuông, thoát, vuốt mèo, gật gù, dám nhận, khôn ngoan, rất hay.

d) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số câu; chỉ từng câu ( hoặc chỉ liền hai câu lời nhân vật) cho HS đọc vỡ.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu lời nhân vật) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liên 2 câu lời nhân vật) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc theo vai người dẫn chuyện, chuột nhắt, chuột già)

- GV tổ 3 màu trong bài đọc trên bảng lớp đánh dấu những câu văn là lời người dẫn chuyện, lời chuột nhắt, lời chuột già.

- (Làm mẫu) 3 HS giỏi (mỗi HS 1 vai) đọc mẫu.

- Từng tốp 3 HS phân vai luyện đọc trước khi thi.

- Một vài tốp thi đọc.

- GV khen những HS, tốp HS nhập vai tốt, đọc đúng lượt lời, biểu cảm.

- Cuối cùng, cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ).

g) Tìm hiểu bài đọc

- 1 HS đọc nội dung BT.

- HS làm bài, viết ý lựa chọn (a hay b) lên thẻ. / HS giơ thẻ báo cáo kết quả. / Đáp án: Ý a đúng.

- Thực hành: 1 HS hỏi - cả lớp đáp

+ 1 HS: Vì sao kế của chuột nhắt không thực hiện được:

+ Cả lớp: (Ý a) Vì chuột đến gần sẽ bị mèo vồ.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 118, 119)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oam, oăm, oan, oat**, các từ ngữ **ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát**

- kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ) trên bảng: *oam, ngoạm; oăm, mỏ khoằm; oan, máy khoan; oat, trốn thoát.*

- GV hướng dẫn HS viết từng vần, từ ngữ. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (*ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát*).

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát.*

- GV hướng dẫn HS viết. Chú ý độ cao các con chữ: g, k, h, y: 2,5 li; t cao 1,5 li.

- HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm..

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những bạn viết nắn nót, sạch đẹp.

**BÀI 120**

**oăn oăt**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **oăn, oăt**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăn, oăt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oăn,** vần **oăt**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cải xanh và chim sâu**.

- Viết đúng các vần **oăn, oăt**, các tiếng (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết nội dung BT đọc hiểu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Tập đọc Đeo chuông cổ mèo.

- 1 HS trả lời câu hỏi: Vì sao kế của chuột nhắt không thực hiện được.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oăn**, vần **oăt**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần oăn***

- GV viết: **o, ă, n**. / HS: **o - ă - nờ - oăn**.

- HS nhìn tranh, nói: tóc xoăn. Tiếng **xoăn** có vần **oăn**. / Phân tích vần oăn, tiếng xoăn. / Đánh vần, đọc trơn: o - ă - nờ - oăn / xờ - oăn - xoăn / tóc xoăn.

***2.2. Dạy vần oăt*** (như vần ***oăn***) Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - tờ - oăt / ngờ - oăt - ngoăt - nặng - ngoặt / chỗ ngoặt.*

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: *oăn, tóc xoăn; oăt, chỗ ngoặt*.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với hình)

- GV chỉ từng từ ngữ, 2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: khuya khoắt, dây xoắn,.../HS đọc thầm, làm bài, nối hình với từ ngữ tương ứng. TH - 1 HS báo cáo: 1) khuya khoắt, 2) ngoắt đuôi... Cả lớp nhắc lại.

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **khoắt** có vần **oăt**. Tiếng **xoắn** có vần **oăn...**

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oăn, oăt, tóc xoăn, chỗ ngoặt**.

b) Viết vần: **oăn, oăt**

- 1 HS đọc vần oăn, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **oăn** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa **o, ă, n**./ Làm tương tự với vần **oăt**.

- HS viết: **oăn, oăt** (2 lần).

c) Viết tiếng: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt**

- GV viết mẫu tiếng **xoăn**, hướng dẫn cách viết, cách nối nét từ **x** sang vần **oăn** / Làm tương tự với **ngoặt**, chú ý dấu nặng đặt dưới **ă**.

- HS viết: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV chỉ hình, giới thiệu bài Cải xanh và chim sâu: chim sâu bay trên vườn cải, những cây cải được vẽ nhân hoá.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: làu bàu (nói nhỏ trong miệng, vẻ khó chịu), oằn mình (cong mình lại để chống đỡ lũ sâu), mềm oặt (mềm, rũ xuống).

c) Luyện đọc từ ngữ: sáng sớm, làu bàu, buồn bã, nào ngờ, oằn mình chống đỡ, ngoắt phải, ngoặt trái, rũ xuống, mềm oặt, thoăn thoắt.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có mấy câu? (11 câu).

- GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền câu 2 và 3.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn).

e) Thi đọc 3 đoạn (xem mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc .

- GV nêu YC; chỉ từng ý trong sơ đồ (trên bảng phụ), cả lớp đọc.

- HS làm trong VBT hoặc làm miệng, hoàn thành câu 2 và 4.

- 1 HS đọc kết quả. Cả lớp nhắc lại: (1) Cải xanh ngái ngủ, xua chim sâu đi. (2) Lũ sâu rủ nhau đến cắn cải xanh. (3) Chim sâu bay đến cứu cải xanh. (4) Từ đó, cải xanh và chim sâu thành bạn thân.

- GV: Qua bài đọc, em biết gì về chim sâu? (Chim sâu rất có ích. Chim sâu bắt sâu bọ giúp cây lá tốt tươi).

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 121**

**uân uât**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **uân, uât**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uân, uât**.

- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần **uân**, vần **uât**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cáo và gà**.

- Viết đúng các vần **uân, uất**, các tiếng **huân** (chương), (sản) **xuất** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ để HS viết ý lựa chọn (BT đọc hiểu).

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS đọc bài Cải xanh và chim sâu hoặc cả lớp viết bảng con: (tóc) xoăn, (chỗ) ngoặt.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uân**, vần **uât**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần uân***

- GV viết: **u, â, n**. HS: **u - â - nờ - uân**.

- HS nói: huân chương. Tiếng **huân** có vần **uân**, / Phân tích vần uân, tiếng huân. / Đánh vần, đọc trơn: u - â - nờ - uân /hờ - uân - huân / huân chương.

***2.2. Dạy vần uât*** (như vần **uân**): Đánh vần, đọc trơn: u - â - tờ - uât / xờ - uât - xuât - sắc - xuất / sản xuất.

*\* Củng cố:* Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: uân, huân chương; uât, sản xuất.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng)

- GV (đưa lên bên phải bảng hình ảnh trò chơi với 5 củ cà rốt từ; bên trái cũng lặp lại nội dung tương tự); nêu YC của trò chơi.

- GV chỉ từng củ cà rốt, 1 HS đọc, cả lớp đọc: *mùa xuân, ảo thuật,..*

- HS làm bài: chuyển từng củ cà rốt về kho vần **uân**, vần **uât**.

- 2 HS lên bảng thi xếp cà rốt về kho (nối chữ với hình) đúng, nhanh.

- HS báo cáo: Kho vần **uân** chứa 3 củ cà rốt: mùa xuân, tuần tra, khuân vác. Kho vần **uât** chứa 2 củ: ảo thuật, mỹ thuật.

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xuân có vần uân. Tiếng thuật có vần uât,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) HS đọc các vần, tiếng: uân, uât, huân chương, sản xuất.

b) Viết vần: uân, uât

- HS đọc vần uân, nói cách viết.

- GV viết vần uân, hướng dẫn cách viết, viết dấu mũ trên â, cách nối nét. / Làm tương tự với vần uât.

- HS viết: uân, uât (2 lần).

c) Viết tiếng: huân chương), (sản) xuất

- GV viết mẫu tiếng huân, hướng dẫn. Chú ý chữ **h** cao 2,5 li, cách nối nét / Làm tương tự với xuất, dấu sắc đặt trên **â**.

- HS viết: **huân** (chương), (sản) **xuất** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Cáo và gà: gà bay vù lên cây trước mõm cáo, các bác nông dân cầm gậy đuổi theo cáo.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: tuấn tú (khuôn mặt đẹp, thông minh, sáng sủa); uất (tức quá nhưng phải nhịn, không nói ra).

c) Luyện đọc từ ngữ: đi dạo, ngọt ngào, đi chơi xuân, tuấn tú, mải nghe nịnh, ngoạm, lao ra đuổi, mở miệng, bay tót lên, uất quá.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 11 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (có thể đọc liền các câu 2, 3, 4, 5).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu lời nhân vật).

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC./HS đọc nội dung BT./ HS làm bài, viết phương án lựa chọn (a hay b) lên thẻ. /HS giơ thẻ, GV kết luận: Ý b đúng. .

- Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp

+ 1 HS: Gà làm cách nào để thoát thân?

+ Cả lớp: (Ý b) Lừa cáo mở miệng, bay đi.

- GV: Bài đọc khuyên các em điều gì? HS phát biểu. GV: Bài học khuyên các em cần cảnh giác, đề phòng kẻ xấu phỉnh nịnh, dụ dỗ. Khi gặp nạn, cần thông minh nghĩ cách tự cứu mình.

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 50).

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 120, 121)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oăn, oăt, uân, uât**, các từ ngữ **tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- Cả lớp đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): *oăn, tóc xoăn; oăt, chỗ ngoặt, uân, huân chương; uât, sản xuất.*

- HS nói cách viết từng vần.

- GV hướng dẫn HS. Chú ý chiều cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (tóc, chỗ ngoặt, sản xuất).

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất.*

- GV hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ: s cao hơn 1 li; t cao 1,5 li; h, g cao 2,5 li.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những bạn viết nắn nót, sạch đẹp.

**BÀI 122**

**KỂ CHUYỆN**

**HOA TẶNG BÀ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ai tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu - 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV gắn lên bảng tranh minh họa truyện Cây khế.

- Mời - HS 1 trả lời câu hỏi theo 3 tranh đầu. HS 2 kể chuyện theo 3 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ chuyện, HS xem tranh, nói tên các con vật trong tranh. (Truyện có voi con, voi mẹ, bác dê, cún con, voi bà). GV: Các em hãy đoán voi con làm gì? (Voi đi cùng dê. Voi lấy nước giếng cho chó con. Chó con tặng hoa cho voi. Voi tặng hoa cho bà).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện Hoa tặng bà kể về một chú voi con ngoan ngoãn, tốt bụng. Voi đem hoa tặng bà bị ốm nằm ở bệnh viện. Với bà, đó là món quà rất tuyệt vời. Các em hãy lắng nghe để biết vì sao món quà ấy rất tuyệt.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm; nhấn giọng, gây. ấn tượng với các từ ngữ thể hiện lòng tốt, sự ân cần, sốt sắng giúp đỡ mọi người của voi. Lời thoại giữa 2 bà cháu vui, ấm áp.

**Hoa tặng bà**

(1) Bà của voi con bị bệnh phải nằm viện. Đi học về, voi con xin phép mẹ vào bệnh viện thăm bà.

(2) Trên đường đi, thấy bác dê đang vác trên vai một bao gạo, nặng nhọc lê từng bước, voi con vội chạy tới nói: “Để cháu giúp bác”. Thế là voi dùng vòi nhẹ nhàng nhấc bổng bao gạo lên, đưa bao gạo về tận nhà cho bác dê. Bác dê cảm ơn voi con.

(3) Đi qua một vườn hoa, voi thấy cún con đang ngẩn ngơ đứng bên giếng nước. Thì ra cún đến giếng múc nước tưới hoa, nhỡ tay làm rơi gàu xuống giếng. Nó chưa nghĩ ra cách gì để lấy gàu lên thì voi con đã chạy lại, bảo: “Để tớ giúp cho”.

(4) Voi thò cái vòi dài xuống giếng, vớt gàu lên, lại còn múc một gàu đầy nước nữa. Cún cảm động, chạy đi hái một bó hoa tươi thắm tặng voi.

(5) Voi mang bó hoa đến bệnh viện, tặng bà và nói: - Bà ơi, cháu chúc bà chóng khoẻ. Bà cảm ơn voi con và hỏi: - Bó hoa đẹp quá, cháu hái ở đâu vậy?

(6) Voi kể cho bà nghe nó có bó hoa như thế nào. Nghe xong, bà rất vui, khen voi:

- Cháu còn nhỏ đã biết giúp đỡ mọi người. Bó hoa này thật tuyệt!

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh (có thể lặp lại câu hỏi với 1 HS khác).

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Đi học về, voi con xin phép mẹ đi đâu? (Đi học về, với con xin phép mẹ vào bệnh viện thăm bà).

- GV chỉ tranh 2: Trên đường đi, voi con giúp bác dê làm gì? (Trên đường đi, voi con thấy bác dê đang vác một bao gạo nặng. Voi chạy tới xin giúp bác. Voi dùng vòi nhấc bổng bao gạo lên, đưa bao gạo về tận nhà cho bác dê).

- GV chỉ tranh 3: Voi con giúp cún con làm gì? (Cún đến giếng múc nước, nhỡ tay làm gàu rơi xuống giếng. Voi thò cái vòi dài xuống giếng, vớt gàu lên, lại còn múc một gàu đầy nước cho cún).

- GV chỉ tranh 4: Cún con cảm ơn voi thế nào? (Cún cảm động vì lòng tốt của voi, chạy đi hái một bó hoa tươi thắm tặng voi).

- GV chỉ tranh 5: Voi bà hỏi gì khi nhận bó hoa voi con tặng? (Khi nhận bó hoa của voi con tặng, voi bà hỏi: Bó hoa đẹp quá, cháu hái ở đâu vậy?).

- GV chỉ tranh 6: Nghe voi con kể, voi bà khen cháu thế nào? (Voi bà khen: Cháu còn nhỏ đã biết giúp đỡ mọi người. Bó hoa này thật tuyệt!).

b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.

c) 1 HS trả lời câu hỏi theo 6 tranh.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS chỉ 2 tranh, tự KC.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 1 HS chỉ 6 tranh, tự KC. (Có thể lặp lại với HS nữa).

\* GV cất tranh, 1 HS kể chuyện, không có tranh (YC không bắt buộc).

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- Vì sao voi bà nói bó hoa của voi con tặng “thật tuyệt”. HS phát biểu. GV chốt lại: Vì đó là bó hoa tặng cho lòng tốt của voi con. Đó là phần thưởng cho lòng nhân hậu chú voi còn nhỏ nhưng đã biết quan tâm, giúp đỡ mọi người.

- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Voi con tốt bụng, nhân hậu, hiếu thảo. Những người tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.

- GV: Em thích nhân vật nào trong truyện? (HS có thể thích voi con vì voi con tốt bụng, biết quan tâm đến mọi người. Có thể thích voi bà vì voi bà biết động viên, khích lệ cháu làm điều tốt).

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS kể chuyện hay.

- Dặn HS về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện tuần sau*.*

**BÀI 123**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn thú.

- Điền đúng vần thích hợp (oăn hay oăm) vào chỗ trống trong 2 câu văn rồi chép lại 2 câu đó đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT 1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Vườn thú: Bé Xuân được cô giáo đưa đi thăm vườn thú. Về nhà bé kể cho bà về các con vật ở vườn thú. Các em hãy nghe bé Xuân kể gì. .

b) GV đọc mẫu: giọng vui, hồn nhiên.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): vườn thú, ngoạm, tảng thịt bò, quất lên lưng, chích chòe, nhảy thoăn thoắt, mỏ khoằm, trắng toát.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 11 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). Có thể đọc liền câu 3 và 4 kể về con hổ; câu 5 và 6 kể về con voi..

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV giải thích YC: Thay hình ảnh bằng từ ngữ thích hợp và nói lại...

- GV chỉ hình từng con vật, cả lớp: a) con hổ, b con voi,...

- GV chỉ từng ý a, b, c, d, e, cả lớp thay hình ảnh bằng từ ngữ, hoàn thành câu:

a) Con hổ rất tham ăn.

b) Con voi lấy đuôi quất lên lưng.

c) Chích chòe nhảy thoăn thoắt.

d) Con vẹt có cái mỏ khoằm.

e) Con công trắng toàn thân trắng toát.

***2.2. BT 2*** (Điền vần **oăn** hay **oăm**? - Tập chép)

- GV viết bảng 2 câu văn cần điền vần, cỡ chữ nhỏ; nêu 2 yêu cầu của bài tập.

- HS làm BT trong vở Luyện viết 1.

- (Chữa bài) 1 HS điền vần trên bảng: Vẹt có cái mỏ khoằm. Chích chòe nhảy thoăn thoắt. / Cả lớp đọc 2 câu đã hoàn chỉnh; sửa bài (nếu làm sai).

- Cả lớp chép vào vở Luyện viết 1 hai câu văn; tổ chữ **V, C** hoa đầu câu.

- HS viết xong, tự soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi.

- GV chữa bài, nhận xét chung.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Chỉ cho HS đọc 1 số từ ngữ.

- Tuyên dương những HS tích cực.

**BÀI 124**

**oen oet**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết vần **oen**, vần **oet**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oen, oet**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oen, oet**; ghép đúng các vế câu (BT 3).

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Chú hề**.

- Viết đúng các vần **oen, oet**, các tiếng **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ) cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ ghi nội dung BT 3, BT đọc hiểu.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 1- 2 HS đọc bài Vườn thú (bài 123).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oen**, vần **oet**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

2.1. Dạy vần oen.

- GV viết: **o - e - n** / HS: **o - e - nờ - oen**, / Phân tích vần **oen**. / Đánh vần: o - e - nờ - oen/oen.

- HS nói: nhoẻn cười. Tiếng **nhoẻn** có vần **oen**. - Phân tích vần **oen**. / Đánh vần, đọc trơn: o - e - nờ - oen / nhờ - oen - nhoen - hỏi - nhoẻn / nhoẻn cười.

***2.2. Dạy vần oet*** (như vần **oen**). Đánh vần, đọc trơn: o - e - tờ - oet / khờ - oet - khoet - sắc - khoét / khoét tổ.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: oen, nhoẻn cười; oet, khoét tổ.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng có vần **oen**? Tiếng nào có vần **oet**?)

- HS đánh vần, đọc trơn từng từ ngữ: cưa xoèn xoẹt,...

- HS đọc thầm, tìm tiếng có vần oen, vần oet; báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xoèn có vần oen. Tiếng xoẹt có vần oet,...

***3.2. BT 3*** (Ghép đúng)

- GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc; đọc cả mẫu: Bầu trời (c) - xám ngoét (2).

- HS làm bài trong VBT. /1 HS báo cáo kết quả.

- Cả lớp đọc lại kết quả: a) Màu sơn - 3) đỏ choét. b) Thanh sắt - 1) hoen gỉ. c) Bầu trời - 2) xám ngoét.

***3.3. Tập viết*** (bảng con - BT 5)

a) HS đọc các vần, tiếng: oen, oet, nhoẻn cười, khoét tổ.

b) Viết vần: **oen, oet**

- HS đọc vần oen, nói cách viết. (GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa o và e (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ o xuống thấp để nối sang e); viết liền nét từ e sang n./ Làm tương tự với vần oet (khác vần oen ở chữ t đứng cuối).

- HS viết: **oen, oet** (2 lần). c) Viết tiếng: **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ).

- GV vừa viết mẫu tiếng **nhoẻn** vừa hướng dẫn quy trình viết, chú ý dấu hỏi đặt trên **e.** / Làm tương tự với tiếng **khoét**. Dấu sắc đặt trên **e**.

- HS viết: **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.4. Tập đọc*** (BT 4)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài thơ Chú hề: Chú hề là một vai diễn trong rạp xiếc chuyên biểu diễn tiết mục khôi hài để khán giả vui. Chú rất khôi hài (mặt trắng, má đỏ, mũi và miệng tô son đỏ choét), áo quần loè loẹt. Chú giỏi diễn các trò vui nên các bạn nhỏ rất thích. Trẻ em đi xem xiếc đều thích chú hề.

b) GV đọc mẫu, giọng vui; nhấn giọng gây ấn tượng với các từ ngữ**: choen choét, cà chua, loè loẹt, nhoẻn miệng cười, thân thiện**. Giải nghĩa từ **lòe loẹt**( nhiều màu sắc, trông ngộ nghĩnh); **thân thiện** (tử tế, gần gũi, có thiện cảm).

c) Luyện đọc từ ngữ: vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: **đỏ choen choét, quả cà chua, loè loẹt, nhoẻn miệng cười, thân thiện, sáng bừng, xem xiếc..**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 12 dòng thơ.

- GV chỉ từng cặp 2 dòng thơ cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ; thi đọc cả bài (quy trình như đã hướng dẫn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ đầu câu, cả lớp nói: Môi đỏ choen choét. Mũi quả cà chua. Áo quần lòe loẹt. Nụ cười thân thiện.

- (Lặp lại) 1 HS xướng từ ngữ đầu câu - cả lớp nói tiếp:

+1 HS: Môi -Cả lớp: đỏ choen choét.

+1 HS: Mũi - Cả lớp: quả cà chua.

+1 HS: Áo quần - Cả lớp: loè loẹt.

+1 HS: Nụ cười - Cả lớp: thân thiện.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 125**

**uyên uyêt**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết vần **uyên, uyêt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uyên, uyêt**.

- Ghép đúng chữ (có vần **uyên**, vần **uyêt**) với hình tương ứng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Vầng trăng khuyết**.

- Viết đúng các vần **uyên, uyêt**, các **tiếng khuyên**, **duyệt** (binh) cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài thơ Chú hề (bài 124) hoặc cả lớp viết bảng con: **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài:** vần **uyên**, vần **uyêt.**

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần uyên***

- GV viết: **u, yê, n**. / HS: **u - yê - nờ - uyên**.

- HS nói: chim vành khuyên. Tiếng **khuyên** có vần **uyên**. / Phân tích vần **uyên**: âm **u** đứng trước, về đứng giữa (đọc liền hơi **yê**), **n** đứng cuối./ Đánh vần, đọc trơn : u - yê - nờ - uyên / khờ - uyên - khuyên / khuyên, chim vành khuyên.

***2.2. Dạy vần uyêt*** (như vần **uyên**): Đánh vần: u - yê - tờ - uyêt / dờ - uyêt - duyêt - nặng - duyệt / duyệt binh.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ (***BT 2: Ghép chữ với hình cho đúng)

- GV chỉ từng từ ngữ cho một vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: *thuyền buồm, truyện cổ*,.../ HS làm bài trong VBT.

- GV chỉ từng hình theo số TT, 1 HS đọc từ ngữ tương ứng: 1) trượt tuyết, 2). trăng khuyết... - GV chỉ từng hình, cả lớp nhắc lại.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp đồng thanh: Tiếng **thuyền** có vần **uyên**. Tiếng khuyết có vần **uyêt**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT4)

a) HS đọc các vần, tiếng: **uyên, uyêt, khuyên, duyệt binh**.

b) Viết vần: **uyên, uyêt**

- 1 HS đọc vần uyên, nói cách viết.

- GV vừa viết vần **uyên** vừa hướng dẫn: viết **u** trước, **yê** sau, **n** viết cuối. Chú ý cách nối nét từ **y** sang **ê**. / Làm tương tự với vần **uyêt**.

- HS viết: **uyên, uyêt** (2 lần).

c) Viết tiếng: **khuyên, duyệt** (binh)

- GV vừa viết mẫu tiếng khuyên vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ **k. h, y** là 5 li. / Làm tương tự với duyệt, dấu nặng đặt dưới **ê**.

- HS viết: **khuyên, duyệt** (binh) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh họa bài Vầng trăng khuyết, giới thiệu: Có một chiếc thuyền lần đầu ra biển. Nhìn thấy vầng trăng khuyết, thuyền rất lạ. Bác tàu thuỷ giải thích cho thuyền hiểu vì sao trăng khuyết.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: huyền ảo (vừa như thật vừa như trong mơ, đẹp kì lạ và bí ẩn); gặm (cắn dần, huỷ hoại từng ít một để ăn, thường là vật cứng, khó cắn đứt. VD: gặm xương).

c) Luyện đọc từ ngữ: 2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: **trăng khuyết, chiếc thuyền, luôn miệng reo, tuyệt quá, nhuộm hồng, huyền ảo, lưỡi liềm, gặm, trăng tròn.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu).

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền câu 2 và 3, đọc liền 2 câu cuối.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn, liền 2 câu lời nhân vật).

e) Thi đọc đoạn, bài

- Từng cặp HS làm việc nhóm đôi, cùng luyện đọc.

- Từng cặp / tổ thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).

- Từng cặp / tổ thi đọc cả bài (mỗi cặp, tổ đều đọc cả bài).

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc đồng thanh cả bài (hạ giọng).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV chỉ trên bảng từng vế câu cho cả lớp đọc.

- HS làm bài trên VBT.

- 1 HS nói kết quả nối ghép.

- Cả lớp đọc lại kết quả (không đọc chữ a, b, số TT): a) Chiếc thuyền - 2 lần đầu ra biển.

b) Mảnh trăng - 1) cong như lưỡi liềm.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 124, 125)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oen, oet, uyên, uyêt**; từ ngữ **nhoẻn cười, khoét tổ, khuyên, duyệt binh** - kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Chữ mẫu, bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc trên bảng các vần và từ ngữ cỡ vừa: *oen, nhoẻn cười, oet, khoét tổ, uyên, khuyên, uyêt, duyệt binh.*

- GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả cách viết):

+ **oen**: Chú ý viết **o** liền mạch với **e, n** (từ điểm kết thúc **o**, điều chỉnh hướng bút xuống thấp để rê bút sang viết **e**, từ **e** nối sang **n** thành vần **oen**).

+ **nhoẻn cười**: Viết **nh**, lia bút viết vần **oen**, thêm dấu hỏi trên **e** thành **nhoẻn**.

+ **oet**: Viết **o - e** như trên, từ **e** rê bút viết tiếp **t** thành vần **oet**.

+ **khoét tổ**: Viết **kh**, lia bút viết tiếp vần **oet**, thêm dấu sắc trên **e** thành chữ **khoét**. Viết chữ **tổ** cần chú ý lia bút từ **t** sang viết **o**, ghi dấu mũ thành **ô**, thêm dấu hỏi trên **ô** thành chữ **tổ**.

+ **uyên**: Viết liền nét các con chữ: kết thúc **u** rê bút viết tiếp **y**, từ **y** rê bút và chỉnh hướng viết **e** rồi **n**, ghi dấu mũ trên **e** thành **ê**, tạo thành vần **uyên**.

+ **khuyên**: Viết xong **kh**, rê bút sang viết tiếp vần **uyên** như hướng dẫn.

+ **uyêt**: Viết liền nét các con chữ. Chú ý viết **u - y** sang **e** như trên, từ điểm kết thúc **e**, rê bút viết **t**, thêm dấu mũ trên **e** thành **ê**, tạo thành vần **uyêt**.

+ **duyệt binh**: Viết xong **d**, rê bút viết tiếp vần **uyêt**, thêm dấu nặng dưới ê thành chữ duyệt. Viết chữ **binh** cần chuyển hướng đầu bút từ nét cuối chữ **b**, rê bút viết tiếp vần inh thành chữ binh.

- HS viết vào vở Luyện viết, có thể chia mỗi chặng viết 2 vần - 2 từ ngữ.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): **nhoẻn cười, khoét tổ, khuyên, duyệt bin**h.

- GV hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý chữ **d** cao 2 li; **t** cao 1,5 li; **h, k , b** cao 2,5 li. Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang 1 chữ o.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những bạn viết nắn nót, sạch đẹp.

**BÀI 126**

**uyn uyt**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết các vần **uyn, uyt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uyn, uyt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uyn**, vần **uyt**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Đôi bạn**.

- Viết đúng các vần **uyn, uyt**, các tiếng (màn) **tuyn**, (xe) **buýt** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Tập đọc Vầng trăng khuyết (bài 125).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uyn**, vần **uyt**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần uyn***

- GV viết: **u, y, n**.

- HS: **u - y - nờ - uyn.**

- HS nói: **màn tuyn**. Tiếng **tuyn** có vần **uyn**./ Phân tích vần **uyn**: có âm **u** đứng trước, **y** đứng giữa, **n** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: u - y - nờ - uyn / tờ - uyn - tuyn / màn tuyn.

***2.2. Dạy vần uyt*** (như vần **uyn**): Đánh vần, đọc trơn: u - y - tờ - uyt / bờ - uyt - buyt - sắc - buýt / xe buýt.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: *tuyn, màn tuyn; uyt, xe buýt*.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uyn?** Tiếng nào có vần **uyt**?).

- 1 HS đánh vần, cả lớp đọc trơn từng từ ngữ: **tuýt còi, huýt sáo**,...

- HS tìm tiếng có vần uyn, vần uyt; báo cáo kết quả: Tiếng có vần **uyn** (luyn). có vần **uyt** (tuýt, huýt, xuýt).

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **tuýt** có vần **uyt**. Tiếng **luyn** có vần **uyn**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: *uyn, uyt, màn tuyn, xe buýt*.

b) Viết vần: **uyn, uyt**

- 1 HS đọc vần **uyn**, nói cách viết.

- GV viết vần u**yn**, hướng dẫn HS viết liền các nét (không nhấc bút). / Làm tương tự với vần **uyt**. Chú ý nét nối giữa **y** và **t**.

- HS viết: **uyn, uyt** (2 lần).

c) Viết: (màn) **tuyn,** (xe) **buýt**

- GV vừa viết tiếng **tuyn** vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao chữ **t** là 1,5 li, chữ **y** 2,5 li; cách nối nét từ **t** sang **u**. / Làm tương tự với **buýt**, dấu sắc đặt trên **y**.

- HS viết: (màn) **tuyn**, (xe) **buýt** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh họa truyện Đôi bạn: Mèo Kít đang nằm trên bờ, chó Tuyn đuổi đám vịt trên mặt ao.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: xoắn xuýt (*quấn lấy, bám chặt lấy như không rời ra*); kêu váng (kêu to lên).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: **Tuyn, Kít, xoắn xuýt, đôi khi, đùa dai, huýt sáo, nghịch, suýt ngã, kêu váng.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc gồm mấy câu? (8 câu).

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn - mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc.

- HS làm bài trên VBT.

- 1 HS báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng ý, cả lớp đồng thanh (không đọc các chữ cái, số TT): a) Tuyn - 2) là một con chó nhỏ. b) Kít - 3) là một con mèo nhỏ. c) Tuyn và Kít / 1) xoắn xuýt bên nhau.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 127**

**oang oac**

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết vần **oang**, vần **oac**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oang, oac**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oang**, vần **oac**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Thỏ trắng và quạ khoang**.

- Viết đúng các vần **oang, oac**, các tiếng **khoang** (tàu), (áo) **khoác** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài Tập đọc Đôi bạn (mỗi em đều đọc cả bài) hoặc cả lớp viết bảng con 2 từ: **màn tuyn, xe buýt.**

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oang**, vần **oac**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

***2.1. Dạy vần oang***

- GV viết: **o, a, ng**. HS: **o - a - ngờ - oang.**

- HS nói: khoang tàu. Tiếng **khoang** có vần **oang**. Phân tích vần **oang**: âm **o** đứng trước, **a** đứng giữa, **ng** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - ngờ - oang / khờ - oang - khoang/ khoang tàu.

***2.2. Dạy vần oac*** (như vần **oang**)

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **oang, khoang tàu; oac, áo khoác**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oang**? Tiếng nào có vần **oac**?)

- Vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn từng từ ngữ: **nứt toác, xoạc chân**,...

- HS tìm tiếng có vần oang, vần oac; mời 1 nhóm 3 – 4 HS chơi trò chơi truyền điện. VD với tốp có 4 HS (Hà, Lê, Sơn, Nam):

+ HS 1 (Hà) chỉ HS 2 (Lê) nêu YC: Bạn Lê nói tiếng có vần **oang**.

+ HS 2 (Lê) đáp: quạ khoang. Tiếng **khoang** có vần **oang**.

+ Sau đó HS 2 (Lê) chỉ HS 3 (Sơn), nêu YC: Bạn Sơn nói tiếng có vần **oac**.

+ HS 3 (Sơn) đáp: xoạc chân. Tiếng **xoạc** có vần **oac**.

+ HS 3 (Sơn) chỉ HS 1 (Hà): Bạn Hà nói tiếng có vần **oac**.

+ HS 1 (Hà): nứt toác. Tiếng **toác** có vần **oac**.

+ HS 1 (Hà) chỉ HS 4 (Nam): Bạn Nam nói tiếng có vần **oang**.

+ HS 4 (Nam): áo choàng. Tiếng **choàng** có vần **oang.**

v.v.

(Nếu HS nói tiếng có vần **oang, oac** ở ngoài bài cũng không sao).

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng toác có vần oac. Tiếng khoang có vần oang,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4).

a) HS đọc các vần, tiếng: **oang, oac**, khoang tàu, áo khoác.

b) Viết vần: **oang, oac**

- 1 HS đọc vần **oang**, nói cách viết.

- GV viết vần **oang**, hướng dẫn cách nối nét giữa **o** và **a**, giữa **n** và **g**./ Làm tương tự với vần oac.

- HS viết**: oang, oac** (2 lần).

c) Viết: **khoang** (tàu), (áo) **khoác**

- GV viết tiếng khoang, hướng dẫn cách lia bút khi kết thúc kh để viết tiếp oang./ Làm tương tự với khoác, dấu sắc đặt trên a.

- HS viết: khoang (tàu), (áo) khoác (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Thỏ trắng và quạ khoang: Quạ khoang đang bay lên, chó đuổi theo thỏ trắng. Thỏ trắng chạy vắt chân lên cổ. Giải nghĩa từ: quạ khoang (loài chim quạ, lông đen nhưng phía sau cổ, trên lưng, và một dải quanh ngực có màu trắng, có cánh dài, mỏ dài, hay bắt gà con).

b) GV đọc mẫu, giọng hồi hộp ở đoạn kể chó vồ quạ, đuổi bắt thỏ. Giải nghĩa từ: **khoác lác** (nói phóng lên cho oai, không có thật); **tẽn tò** (cảm giác ngượng, xấu hổ, bị hẫng vì nhầm lẫn); **bẽn lẽn** (dáng rụt rè, thiếu tự tin vì thẹn, xấu hổ).

c) Luyện đọc từ ngữ: **quạ khoang, khoe, biết bay, khoác lác, tẽn tò, nhảy lên, lao tới, nhanh như cắt, rối rít, bẽn lẽn**.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 12 câu.

- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Có thể đọc liền 2 cầu ngắn, đọc liền 3 câu cuối bài..

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu) (cá nhân, từng cặp). Chú ý nghỉ hơi câu dài để không bị hụt hơi: Thỏ thấy vậy / bèn nhảy lên mô đất...

e) Thi đọc từng đoạn, cả bài (chia bài làm 3 đoạn: mỗi đoạn 4 câu).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC, mời 1 HS đọc 3 ý.

- HS làm bài trong VBT.

- 1 HS báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng ý, cả lớp đồng thanh:

a) Thỏ mắng quạ khoác lác. (Sai)

b) Thỏ dũng cảm, mưu trí cứu quạ. (Đúng)

c) Quạ cảm ơn thỏ. (Đúng).

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 60).

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 126, 127)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **uyn, uyt, oang, oac**, từ ngữ **màn tuyn, xe buýt, khoang tàu, áo khoác** - kiểu chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ, chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc trên bảng các vần và từ ngữ (cỡ vừa): **uyn, màn tuyn; uyt, xe buýt; oang, khoang tàu; oac, áo khoác.**

- GV hướng dẫn HS viết (chia 2 chặng: mỗi chặng một cặp vần, từ ngữ):

+ **uyn**: Chú ý viết liền nét **u - y - n** (không nhấc bút).

+ màn **tuyn**: Viết chữ màn cần lưu ý lia bút từ **m** sang **a**, viết tiếp **n**, thêm dấu huyền trên **a** thành chữ màn. Chữ tuyn bắt đầu bằng **t**, nối nét sang vần **uyn**. Khoảng cách giữa 2 chữ màn tuyn bằng 1 con chữ **o**.

+ **uyt**: Chú ý viết liền nét **u - y - t** (không nhấc bút, từ **y** sang **t** chỉ rê bút).

+ **xe buýt**: Viết liền nét chữ xe. Viết chữ **buýt**: rê bút từ **b** sang **u** để viết tiếp vần **tuyt**, thêm dấu sắc trên **y** thành buýt. Chú ý khoảng cách hợp lý giữa xe và buýt.

+ **oang**: Chú ý rê bút, chuyển hướng khi viết xong **o** để viết sang **a**, giữa **n** và **g** có thể lia bút, để khoảng cách giữa **n** và **g** không xa quá. .

+ **khoang tàu**: Viết xong **kh**, lia bút viết tiếp vần **oang**; chữ tàu viết liền nét, ghi dấu huyền trên **a** thành chữ tàu. Chú ý khoảng cách hợp lý giữa khoang và tàu.

+ **oac**: Chú ý viết **o - a** như ở vần **oang**; từ a lia bút viết tiếp **c** thành **oac**.

+ **áo khoác**: Chú ý lia bút từ **a** sang **o**, thêm dấu sắc trên **a** thành chữ **áo**. Viết chữ **kh**, vần **oac**, dấu sắc đặt trên **a**.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *màn tuyn, xe buýt, khoang tàu, áo khoác.*

- GV hướng dẫn HS cách viết các chữ theo cỡ nhỏ. Chú ý chiều cao các con chữ: **t** cao 1,5 li ; **y, b, k, h, g**: cao 2,5 li.

- HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại một số từ vừa viết.

- Tuyên dương những HS viết nắn nót, sạch đẹp.

**BÀI 128**

**KỂ CHUYỆN**

**CÁ ĐUÔI CỜ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi cá săn sắt tốt bụng, sắp đến đích vẫn sẵn sàng bỏ cuộc đua để giúp chị chim sẻ tìm lại quả trứng sắp nở. Chê cá rô ích kỷ, chỉ nghĩ đến chiến thắng. Cá săn sắt được mọi người yêu quý, đính lá cờ vào đuôi.

**I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu /6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ câu chuyện Hoa tặng bà, mời 2 HS tiếp nối nhau, mỗi HS kể chuyện theo 3 tranh.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

**1.1. Quan sát và phỏng đoán:** GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, giới thiệu chuyện Cá đuôi cờ: Các em hãy xem tranh để biết chuyện có những nhân vật nào? / GV (chỉ hình cá săn sắt): Truyện có cá săn sắt (cả lớp nhắc lại: cá săn sắt). GV (chỉ hình cá rô, chị chim sẻ): Truyện có cá rô, chị chim sẻ. Ngoài ra còn có cua, ếch, các loài cá khác. / GV: Hãy đoán điều gì xảy ra trong câu chuyện? (Các loài cá mở hội thi bơi. Có chuyện gì đó đã xảy ra với chim sẻ...).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện:*** Câu chuyện kể về cuộc thi bơi giữa các loài cá. Cá săn sắt và cá rô đã vượt lên trước nhưng giữa đường, cá săn sắt lại dừng cuộc thi Vì muốn giúp đỡ chị chim sẻ. Cá săn sắt về đích chậm nhưng vẫn được trao giải. Vì sao như vậy? Các em hãy theo dõi câu chuyện.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, làm rõ thái độ, hành động khác biệt của cá rô, cá săn sắt trước tai nạn của chị chim sẻ, thái độ cảm phục của cả hội thi trước hành động cao đẹp của cá săn sắt.

**Cá đuôi cờ**

(1) Các loài cá trong hồ mở hội thi bơi. Chẳng mấy chốc, cá săn sắt và cá rô đã vượt lên trước.

(2) Khi hai bạn đang cố hết sức về đích thì nghe thấy tiếng chị chim sẻ kêu thảm thiết: “Ai cứu con tôi với! Trứng của tôi sắp nở những cơn dông đã lật nhào tô của tôi xuống hồ rồi”.

(3) Cá rô chẳng nói gì, cứ bơi tiếp. Còn cá săn sắt lập tức quay lại giúp chị chim sẻ.

(4) Sau một hồi tìm kiếm, cá săn sắt đã tìm thấy trứng cho chị chim sẻ. Sau đó, nó vội rẽ nước tiếp tục cuộc thi. Nhưng không kịp nữa vì cá rô đã về đích rồi.

(5) Tại lễ trao giải thưởng, chị chim sẻ bay tới và nói:

- Cá săn sắt đang dẫn đầu cuộc đua nhưng anh ấy đã dừng lại để cứu con tôi nên mới về đích chậm.

(6) Nghe lời kể của chị chim sẻ, mọi người đều nhất trí trao giải đặc biệt cho cá săn sắt tốt bụng. Người ta đính lá cờ vào đuôi cá săn sắt. Từ đó, cá săn sắt còn được gọi là “cá đuôi cờ”.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Các loài cá trong hồ mở hội gì? (Các loài cá trong hồ mở hội thi bơi). Ai đã vượt lên trước? (Cá săn sắt và cá rô đã vượt lên trước).

- GV chỉ tranh 2: Khi cá săn sắt và cá rô đang cố sức về đích thì chim sẻ bay đến nói gì? (Khi cá săn sắt và cá rô đang cố sức về đích thì chị chim sẻ bay đến, kêu thảm thiết: “Ai cứu con tôi với! Trứng của tôi sắp nở nhưng cơn dông đã lật nhào tổ của tôi xuống hồ rồi”.

- GV chỉ tranh 3: Cá rô hay cá săn sắt quay lại giúp chị chim sẻ? (Ca săn sắt lập tức quay lại giúp chị chim sẻ).

- GV chỉ tranh 4: Cá săn sắt đã giúp được gì cho chị chim sẻ? (Cá săn sắt đã tìm thấy trứng giúp chị chim sẻ). Khi nó tiếp tục cuộc thi thì ai đã về đích? (Khi nó tiếp tục cuộc thi thì cá rô đã về đích rồi).

- GV chỉ tranh 5: Tại lễ trao giải, chim sẻ đã nói gì với mọi người? (Tại lễ trao giải, chim sẻ đã nói với mọi người: “Cá săn sắt đang dẫn đầu cuộc đua nhưng anh ấy đã dừng lại để cứu con tôi nên mới về đích chậm”).

- GV chỉ tranh 6: Vì sao cá săn sắt được trao giải đặc biệt? (Cá săn sắt được trao giải đặc biệt vì lòng tốt sẵn sàng cứu người). Vì sao cá săn sắt còn được gọi là cá đuôi cờ? (Cá săn sắt còn được gọi là cá đuôi cờ vì mọi người đã đính giải thưởng đặc biệt là lá cờ vào đuôi của nó).

b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.

c) 1 HS trả lời các câu hỏi theo 6 tranh.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS chỉ 2 tranh, tự kể chuyện.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì. HS có thể chọn tranh bằng trò chơi Xúc xắc 6 mặt, HS 1 gieo quân xúc xắc, xuất hiện mặt số nào thì kể theo tranh đoạn ấy (VD: gieo xúc xắc được số 5 – kể theo tranh 5). HS 2 gieo xúc xắc và kể đoạn khác. Nếu gieo trúng số của bạn trước (đoạn đã kể) thì gieo lại để rơi vào đoạn chưa kể.

c) 1 hoặc 2 HS chỉ tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Em nhận xét gì về cá săn sắt? (Cá săn sắt tốt bụng, sẵn lòng giúp đỡ người khác. Cá săn sắt thương người, đang thi cũng quay lại giúp chị chim sẻ tìm quả trứng rơi xuống hồ,...).

- GV: Em nhận xét gì về cá rô? (Cá rô chỉ nghĩ đến cuộc thi, nghe chị chim sẻ kêu cứu cũng không giúp. / Cá rô chỉ nghĩ đến mình, không giúp người khác lúc khó khăn. Cá rô đáng trách...).

- GV: Câu chuyện khen ngợi cá săn sắt đã giúp đỡ chị chim sẻ nên được mọi người yêu quý, được đính cờ vào đuôi nên có tên là cá đuôi cờ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS kể chuyện hay.

- Dặn HS về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện tuần sau*.*

**BÀI 129**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Những người bạn tốt**.

- Làm đúng BT điền dấu kết thúc câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi.

- Nghe viết 2 câu văn với cỡ chữ nhỏ, không mắc quá 1 lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu MĐYC của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc Những người bạn tốt kể chuyện mèo, lợn và ếch lập đội thi bơi thuyền. Các bạn mỗi người đều có tài riêng nhưng đều bị mèo chê nên cuối cùng mèo phải thi bơi thuyền một mình. Vừa ra xa bờ, mèo rơi xuống nước. Các bạn đã cư xử với mèo như thế nào?

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lợn (heo); rộng ngoác (rộng hết cỡ, khác hẳn bình thường); xuýt xoa (phát ra âm thanh như tiếng gió, cảm giác bị rét và kinh ngạc trước việc gì).

c) Luyện đọc từ ngữ: bơi thuyền, vận động viên, chẳng thích ai, miệng ếch rộng ngoác, chèo khỏe, thuyền tròng trành, rơi xuống nước, choàng, xuýt xoa, thật tuyệt.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 11 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền 3 câu cuối bài) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 3 câu cuối bài) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc từng đoạn, cả bài (chia bài làm 2 đoạn: 4 câu /7 câu).

- Cuối cùng, cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ).

- GV hỏi: Vậy ai là bạn tốt của mèo? (Lợn và ếch là bạn tốt của mèo).

g) BT về dấu câu (Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi...).

- GV nêu YC: Ba câu văn đều thiếu dấu kết thúc câu. Cần đặt dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi cuối mỗi cầu cho phù hợp.

- Cả lớp đọc từng câu. /1 HS nói kết quả. / GV chỉ từng câu, cả lớp đọc:

a) Ai là bạn tốt của mèo? (dấu chấm hỏi)

b) Mèo xin lỗi hai bạn ếch và lợn. (dấu chấm)

c) Vì sao mèo xin lỗi hai bạn ếch và lợn? (dấu chấm hỏi)

***2.2. BT 2*** (Nghe viết)

- GV viết bảng 2 câu văn cần nghe viết; nêu YC; chỉ hình thức thể hiện 2 câu văn: dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng.

- 1 HS đọc 2 câu văn. Cả lớp đọc lại.

- GV nhắc HS chú ý những từ dễ viết sai (xuýt xoa, tuyệt); cách trình bày 2 câu văn: Viết chữ đầu câu 1 (Mèo xuýt xoa) lùi vào 1 ô. Chữ đầu câu 2, cũng lùi vào 1 ô, gạch đầu dòng, viết Các bạn...

- HS gấp SGK, mở vở Luyện viết 1. GV có thể đọc từng câu / hoặc đọc 2 - 3 tiếng một cho HS viết (Mèo xuýt xoa: /Các bạn / thật là tuyệt vời.).

- GV đọc chậm Mèo xuýt xoa cho HS viết, tô chữ viết hoa M đầu câu. HS viết xong, GV đọc tiếp: (hai chấm xuống dòng, gạch đầu dòng) Các bạn / thật là / tuyệt vời. Đọc mỗi cụm từ 2 lần hoặc không quá 3 lần. HS nào viết bài vào vở có thể viết chữ in hoa M, C đầu câu.

- HS viết xong, nghe GV đọc chậm lại hai câu văn để sửa lỗi.

- HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. / GV chữa bài, nhận xét chung.

**3. Củng cố, dặn dò**

- HS đọc lại một số câu, từ.

- Tuyên dương những HS viết đẹp, sạch sẽ.

**BÀI 130**

**oăng oăc**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **oăng, oăc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăng, oăc**

- Ghép đúng từ ngữ (có vần **oăng**, vần **oăc**) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ai can đảm?.**

- Viết đúng các vần **oăng, oăc**, các tiếng (con) **hoẵng**, **ngoắc** (tay) cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI C

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Những người bạn tốt (SGK, bài 129).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oăng**, vần **oăc**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần oăng***

- GV viết: **o, ă, ng**. / HS: **o - ă - ngờ - oăng**.

- HS nói: con hoẵng. / Tiếng **hoẵng** có vần **oăng**. / Phân tích vần **oăng:** âm **o** đứng trước, **ă** ở giữa, **ng** nằm ở cuối.

- Đánh vần, đọc trơn: o - ă - ngờ - oăng / hờ - oăng - hoăng - ngã - hoẵng/ con hoẵng.

***2.2. Dạy vần oăc*** (như vần oăng): So sánh vần **oăc** khác vần **oăng** ở âm cuối **c**.

- Đánh vần, đọc trơn: o - ă - cờ - oăc / ngờ - oăc - ngoăc - sắc - ngoắc / ngoắc tay.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **oăng**, **con hoẵng**; **oăc, ngoắc tay**.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với hình)

- GV chỉ từng từ ngữ, 2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: ngoắc sừng, cổ dài ngoằng,... / HS làm bài, nối hình với từ ngữ tương ứng trong VBT.

- GV chỉ từng hình, cả lớp đọc: 1) cổ dài ngoẵng, 2) ngoắc sừng, 3) chớp loằng ngoằng, 4) dấu ngoặc đơn 5) chạy loăng quăng.

- GV chỉ từng tiếng (có vần **oăng**, **oăc**), cả lớp: Tiếng **ngoẵng** có vần **oăng**. Tiếng **ngoắc** có vần **oăc**...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: *oăng, oăc, con hoẵng, ngoắc tay*.

b) Viết vần: **oăng, oăc**

- 1 HS đọc vần **oăng**, nói cách viết.

- GV viết vần **oăng**, hướng dẫn cách nối nét giữa **o** và **a** (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ **o** xuống hơi thấp để nối sang **a**), viết liền nét từ **a** sang **ng**, đặt dấu mũ ở trên **a** để thành **ă**. / Làm tương tự với vần **oăc** (chỉ khác **oăng** ở âm cuối **c**).

- HS viết: **oăng, oăc** (2 lần).

c) Viết tiếng: (con) **hoẵng, ngoắc** (tay)

- GV vừa viết mẫu tiếng hoẵng vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét từ h sang o; dấu ngã đặt trên ă. Làm tương tự với ngoắc, dấu sắc đặt trên ă.

- HS viết: (con) **hoẵng, ngoắc** (tay) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài đọc Ai can đảm? nói về 3 bạn cùng chơi trong sân: Một bạn khoe mình có khẩu súng nhựa. (Hoằng, mặc áo màu xanh da trời, đang bỏ chạy). Một bạn khoe thanh kiếm gỗ (Thắng, mặc áo màu cam sẫm). Bạn Tiến (áo vàng) chưa kịp nói gì. Nhưng khi có đàn ngỗng đến thì mới rõ ai can đảm. Giải nghĩa từ: can đảm (không sợ hãi, không ngại nguy hiểm).

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **Hoằng, liến thoắng, khoe, vung thanh kiếm, chẳng sợ, vươn cổ dài ngoằng, quàng quạc, chúi mỏ, ngoắc, xua ngỗng, chạy miết**. Giải nghĩa từ: **ngoắc** (móc vào vật khác).

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 10 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền câu 3 và 4) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu: Chúng vươn cổ dài ngoằng,/ kêu “quàng quạc”, / chúi mỏ về phía trước / như định đớp bọn trẻ.

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (đoạn 6 câu/ 4 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

g1) Ghép đúng:

- GV nêu YC, chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- HS làm bài. /1 HS đọc kết quả. (GV nối các vế câu trên bảng lớp).

- Cả lớp đọc kết quả: a) Hoằng - 3) ngoắc súng vào vai, bỏ chạy. b) Thắng - 1) nấp sau lưng Tiến. c) Tiến - 2) nhặt cành cây, xua ngỗng đi.

g2) GV: Em thích nhân vật nào? Vì sao? HS phát biểu: Thích Tiến vì Tiến can đảm. Tiến không có gì trong tay nhưng can đảm nhặt cành cây, xua ngỗng đi. GV: Hoằng có súng nhựa, Thắng có kiếm gỗ. Nhưng Hoằng thấy ngỗng thì sợ, ngoắc súng vào vai, bỏ chạy. Thắng thấy ngỗng cũng sợ, nấp sau lưng Tiến. Tiến không có gì trong tay nhưng can đảm nhặt cành cây, xua ngỗng đi.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 131**

**oanh oach**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **oanh, oach**; đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **oanh, oach**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oanh**, vần **oach**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Bác nông dân và con gấu** (1).

- Viết đúng các vần **oanh, oach**, các tiếng **khoanh** (bánh), (thu) **hoạch** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu /bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài đi can đảm? (bài 130).

- 1 HS nói tiếng em tìm được có vần oăng, vần oăc.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oanh,** vần **oach**.

**2. Chia sẻ và khám** phá (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần oanh***

- GV viết **o, a, nh**./HS: **o - a - nhờ - oanh.**

- HS nói: khoanh bánh. / Tiếng khoanh có vần oanh. / Phân tích vần **oanh**: âm **o** đứng tước, **a** đứng giữa, **nh** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - nhờ - oanh / khờ - oanh - khoanh / khoanh bánh. .

***2.2. Dạy vần oach*** (như vần **oanh**): So sánh vần **oanh** với vần **oach**.

\* Củng cố: HS đọc trơn các vần, từ khóa: *o - a - chờ - oach / hờ - oach - hoach - nặng - hoạch / thu hoạch.*

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oanh**? Tiếng nào có vần **oach**?)

- GV chỉ từng từ ngữ, HS đọc: *doanh trại, làm kế hoạch nhỏ*, ...

- HS làm bài; nói tiếng có vần **oanh**; tiếng có vần **oach**.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp đồng thanh: Tiếng **doanh** có vần **oanh**. Tiếng **hoạch** có vần **oach**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng: oanh, oach, khoanh bánh, thu hoạch.

b) Viết vần: **oanh, oach**

- 1 HS đọc vần **oanh**, nói cách viết.

- GV viết mẫu vần **oanh**, hướng dẫn cách nối nét từ **o** sang **a**. / Làm tương tự với vần **oach.**

- HS viết bảng con: **oanh, oach** (2 lần).

c) Viết tiếng: **khoanh** (bánh), (thu) **hoạch**

- GV vừa viết mẫu tiếng khoanh vừa hướng dẫn. Chú ý cách nối nét từ kh sang o. / Làm tương tự với tiếng hoạch...

- HS viết bảng con: **khoanh** (bánh), (thu) **hoạch** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Bác nông dân và con gấu (1): Truyện kể về một bác nông dân vào rừng trồng cải củ bị gấu đến quát mắng. Sự việc diễn ra thế nào? Các em hãy lắng nghe.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: khoảnh đất (phần đất không rộng lắm); cải củ (loại rau trồng để ăn củ nằm dưới đất, củ trắng nõn, lá dùng để muối dưa).

c) Luyện đọc từ ngữ: **cuốc đất, trồng cải củ, gieo, ngoảnh lại, chạy tới, bình tĩnh, khoảnh đất, thu hoạch, thuộc về.**

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 8 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền câu 3 và 4) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc 2 câu ngắn) (cá nhân, cả lớp).

e) Thi đọc theo vai (người dẫn chuyện, gấu, bác nông dân)

- GV tô 3 màu trong bài đọc trên bảng lớp, đánh dấu những câu văn là lời người dẫn chuyện, lời gấu, lời bác nông dân.

- GV mời 3 HS giỏi phân vai, đọc làm mẫu.

- Từng tốp 3 HS, luyện đọc theo với trước khi thi.

- Một vài tốp thi đọc theo vai.

- GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.

- Cuối cùng, cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV chỉ trên bảng câu văn chưa hoàn thành, nêu YC.

- 1 HS nói tiếp để hoàn thành câu.

- Cả lớp nhắc lại: Lúc thu hoạch, tôi chỉ lấy gốc. Tất cả phần còn lại thuộc về ông.

- GV: Phần còn lại thuộc về gấu là phần nào? (Phần lá, ngọn)./ GV: Phần ngon nhất của cây cải củ là phần củ, nằm dưới gốc. Bác nông dân đã khôn ngoan, có tính toán trước khi giao hẹn với gấu: bác chỉ lấy phần gốc.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 130, 131)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oăng, oăc, oanh, oach**; từ ngữ **con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và nhỏ. Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ vừa học cỡ nhỡ, cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- Cả lớp đọc các vần và từ ngữ (cỡ vừa): *oăng, con hoẵng; oăc, ngoắc tay; oanh, khoanh bánh; oach, thu hoạch.*

- GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả), (có thể chia làm 2 chặng: mỗi chặng hướng dẫn HS viết một cặp vần, từ ngữ):

+ Đăng: Viết **o** liền mạch với **ă, n, g** (từ điểm kết thúc **o**, chỉnh hướng bút xuống thấp, rê bút sang viết **a**, từ **a** nối sang **n**, lia bút viết tiếp **g**, ghi dấu mũ trên **a** để hoàn thành vần **oăng**.

+ **con hoẵng**: Viết chữ con chú ý lia bút từ **c** sang **o**, chuyển hướng và rê bút viết **n**. Viết chữ hoẵng bắt đầu từ **h**, lia bút viết sang **o** để viết vần **oăng**, đặt dấu ngã trên **ă** thành chữ **hoẵng.** Giữa 2 chữ cần để khoảng cách như quy ước.

+ **oăc**: Viết **o - ă** như trên, từ **ă** rê bút viết tiếp **c** thành vần **oăc** (dấu mũ trên **a**).

+ **ngoắc tay**: Viết xong ng, lia bút sang viết tiếp vần oăc, thêm dấu sắc trên thành chữ ngoắc. Viết chữ tay cần chú ý lia bút từ t sang a rồi nối nét sang y (tay).

+ **oanh**: Viết liền các con chữ (viết oa, nối nét sang n đến h để thành vần oanh).

+ **khoanh bánh**: Viết xong kh, rê bút sang viết tiếp vần oanh.

+ **oach**: Viết liền mạch các con chữ (viết **o - a** như ở vần **oanh**, lia bút viết sang **c** rồi nối nét viết tiếp h, tạo thành vần **oach**).

+ **thu hoạch**: Viết xong th thì nối nét viết tiếp u (thu). Viết chữ hoạch chú ý rê bút từ h sang o để viết vần oach, thêm dấu nặng dưới a để thành chữ hoạch.

- HS viết vào vở Luyện viết (có thể chia mỗi chặng 1 cặp vần - từ ngữ).

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch.

- GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang một chữ o.

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- HS đọc lại một số câu, từ.

- Tuyên dương những HS viết đẹp, sạch sẽ.

**BÀI 132**

**uênh uêch**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần **uênh, uêch**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uênh, uêch**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uênh**, vần **uêch.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Bác nông dân và con gấu** (2).

- Viết đúng các vần **uênh, uêch**, các tiếng **huênh** (hoang), **nguệch** (ngoạc) cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài *Bác nông dân và con gấu* (1).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **uênh**, vần **uêch**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần uênh***

- GV viết: **u, ê, nh**/ HS: **u - ê - nhờ – uênh.**

- HS nói: nói huênh hoang. (Tiếng **huênh** có vần **uênh**. Phân tích vần uênh.

- Đánh vần, đọc trơn: u - ê - nhờ - uênh / hờ - uênh - huênh / huênh hoang.

***2.2. Dạy vần uêch*** (như vần **uênh**): So sánh với vần **uênh** (chỉ khác ở âm cuối **ch**). / Đánh vần, đọc trơn: u - ê - chờ - uêch / ngờ - uêch - nguêch - nặng - nguệch / nguệch ngoạc.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn; uênh, nói huênh hoang; uêch, vẽ nguệch ngoạc.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uênh**? Tiếng nào có vần **uêch**?)

- GV đưa lên bảng lớp nội dung BT, nêu YC.

- GV chỉ từng từ, HS đánh vần, đọc trơn: xuềnh (xoàng), (bộc) tuệch,...

- 1 HS đọc mẫu: Trống huếch, tiếng **huếch** có vần **uêch.**

- HS đánh dấu tiếng có vần **uênh**, vần **uêch** trong VBT.

- GV chỉ bảng, 1 HS nói kết quả, GV giúp HS đánh dấu: Tiếng có vần **uênh** (xuềnh, chuếnh). Tiếng có vần **uêch** (tuệch, tuếch, huếch, khuếch).

- GV chỉ bảng, cả lớp: Tiếng **xuềnh** có vần **uênh**. Tiếng **tuệch** có vần **uêch**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **uênh, uêch, huênh** (hoang), **nguệch** (ngoạc).

b) Viết vần: **uênh, uêch**

- 1 HS đọc vần **uênh**, nói cách viết. / GV viết vần **uênh**, hướng dẫn cách nối nét, viết dấu mũ trên **ê**. / Làm tương tự với vần **uêch**.

- HS viết: **uênh, uêch** (2 lần).

c) Viết tiếng: **huênh** (hoang), **nguệch** (ngoạc)

- GV vừa viết tiếng huênh vừa mô tả cách viết, độ cao các con chữ, cách nối nét giữa h và u./ Làm tương tự với nguệch, dấu nặng đặt dưới ê.

- HS viết bảng con: **huênh** (hoang), **nguệch** (ngoạc) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3).

a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Bác nông dân và con gấu (2): Bác nông dân đang gom củ cải bỏ vào sọt. Con gấu đứng gần đó, một tay cầm những lá cải, một tay đang xoa lưỡi.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: huênh hoang (thái độ khoe khoang, nói phóng lên, không đúng sự thật).

c) Luyện đọc từ ngữ: thích lắm, miệng rộng huếch, gật gù, huênh hoang, biết tay, trắng nõn, nếm, đắng ngắt.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 8 câu.

- GV chỉ từng câu (liền 2, 3 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn - mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng ý a, b cho cả lớp đọc.

- HS làm bài trong VBT, báo cáo kết quả. Đáp án: Ý b đúng.

- Hỏi - đáp:

+ 1 HS: Vì sao gấu tức mà không làm gì được?

+ Cả lớp: (Ý b) Vì bác nông dân đã làm đúng lời hứa.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 133**

**uynh uych**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS nhận biết vần **uynh**, vần **uych**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uynh, uych**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uynh,** vần **uych.**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Hà mã bay**.

- Viết đúng các vần **uynh, uych**, các tiếng **huỳnh huỵch** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Bác nông dân và con gấu (2).

B. DẠY BÀI MỚI.

**1. Giới thiệu bài:** vần **uynh**, vần **uych**.

**2. Chia sẻ và khám phá**

**2.1. Dạy vần uynh**

- GV viết: **u, y, nh**. / HS đọc: **u - y - nhờ – uynh**.

- HS nói: họp phụ huynh. / Tiếng **huynh** có vần **uynh**. / Phân tích vần uynh, tiếng huynh. / Đánh vần, đọc trơn: u - y - nhờ - uynh / hờ - huynh - huynh / họp phụ huynh.

***2.2. Dạy vần uych*** (như vần **uynh**): So sánh với vần **uynh** (chỉ khác ở âm cuối **ch**). / Đánh vần, đọc trơn: u - y - chờ - uych / hờ - uych - huych - nặng - huych / chạy huỳnh huỵch.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn: uynh, họp phụ huynh; uych, chạy huỳnh huỵch.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **uynh**? Tiếng nào có vần **uych**?)

- GV chỉ từng từ ngữ, HS đánh vần, đọc trơn: **ngã huỵch, đèn huỳnh quang**.

- HS làm bài trong VBT, nói tiếng có vần **uynh**; vần **uych**.

-GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng **huých** có vần **uych.** Tiếng **huỳnh** có vần **uynh**,...

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đánh vần, đọc các vần, tiếng*: uynh, uych, huỳnh huỵch.*

b) Viết vần: **uynh, uych**

- 1 HS đọc vần uynh, nói cách viết.

- GV viết vần uynh, hướng dẫn HS viết liền nét các chữ, không nhấc bút. / Làm tương tự với vần uych. Chú ý: viết **u, y**, lia bút viết tiếp **ch**; viết **y - c** không quá gần hoặc quá xa.

- HS viết: **uynh, uych** (2 lần).

c) Viết tiếng: **huỳnh huỵch**

- GV viết tiếng **huỳnh**, hướng dẫn quy trình viết, dấu huyền đặt trên y. Làm tương tự với huỵch. Chú ý lia bút khi kết thúc **y** để viết **ch**; dấu nặng đặt dưới **y**.

- HS viết: **huỳnh huỵch** (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Hà mã bay: Hà mã là con vật to lớn, rất nặng cân, đầu to, mõm rộng, ăn cỏ, sống ở sông, đầm. Thế mà chú hà mã nhỏ trong câu chuyện này lại mơ ước bay lên bầu trời. Đây là hình ảnh hà mã đang tập nhảy dù, thực hiện ước mơ.

b) GV đọc mẫu

GV đọc một số câu, kết hợp mô tả, giải nghĩa từ: Hà mã chọn một bãi rộng, khuỳnh chân lấy đà (khuỳnh chân: vòng rộng chân ra và gập cong lại - mời 1 HS nam làm động tác khuỳnh chân, lấy đà: tạo sức để chạy hoặc nhảy vọt lên). Nhưng luýnh quýnh mãi, chú vẫn chẳng bay được (luýnh quýnh: hành động vụng về, lúng túng do mất bình tĩnh). Để giảm cân, sáng sáng, hà mã chạy huỳnh huỵch (chạy huỳnh huỵch. chạy mạnh, phát ra âm thanh huỳnh huỵch). Sau một tháng, chú leo lên mỏm đá, nhảy vọt lên (giơ tay chỉ lên), nhưng lại rơi huỵch xuống đất (chỉ tay xuống đất).

c) Luyện đọc từ ngữ: 2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: bãi rộng, khuỳnh chân, luýnh quýnh, huỳnh huỵch, nhảy vọt, rơi huỵch, nhảy dù, thật tuyệt.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 10 câu.

- GV chỉ từng câu (liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn: mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).

g) Tìm hiểu bài đọc

- 1 HS đọc 2 câu hỏi.

- Cả lớp đọc lại.

- 1 HS đọc lại câu hỏi b (Theo em, con người bay lên bầu trời bằng cách nào?), GV chỉ từng hình ảnh dưới câu hỏi, HS nói tên từng sự vật. (Khinh khí cầu, máy bay, tàu vũ trụ, tên lửa).

- Từng cặp HS trao đổi để trả lời, làm bài trong VBT.

- 2 HS thực hành hỏi - đáp:

HS 1: a) Hà mã bố giúp con bay lên bầu trời bằng cách nào?

HS 2: Hà mã bố giúp con bay lên bầu trời bằng cách ghi tên con vào lớp học nhảy dù.

HS 1: (b) Theo em, con người bay lên bầu trời bằng cách nào?

HS 2: Con người bay lên bầu trời bằng khinh khí cầu, máy bay, tàu vũ trụ,...

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

\* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 70).

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 132, 133)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **uênh, uêch, uynh, uych**, các từ ngữ **huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu MĐYC của bài học.

**2. Luyện viết**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- Cả lớp đọc các vần và từ ngữ (cỡ vừa) trên bảng: *uênh, huênh hoang; uêch, nguệch ngoạc, uynh, uych; huỳnh huỵch.*

- GV hướng dẫn (viết mẫu và mô tả) (có thể chia 2 chặng - mỗi chặng viết 1 cặp vần, từ ngữ):

+ uênh: Điều chỉnh hướng bút khi viết xong u và viết sang e; viết liền nét các chữ **e, n, h** (không nhấc bút, dấu mũ đặt trên **e** để thành **ê**).

+ **huênh hoang**: Viết h rồi rê bút sang viết tiếp vần uênh thành chữ huênh. Viết xong **h** cần lia bút viết tiếp vần **oang** thành chữ **hoang**. Khoảng cách giữa 2 chữ huênh hoang bằng **1** con chữ **o**.

+ **uêch:** Viết xong **u** thì chuyển hướng viết tiếp **ê**, viết xong **ê** cần lia bút viết **c - h** (không nhấc bút từ **c** sang **h**).

+ **nguệch ngoạc**: Viết liền mạch chữ **ng** (từ **n** lia bút viết tiếp **g**) rồi viết tiếp vần **uêch**, thêm dấu nặng dưới **ê** thành **nguệch**. Viết ng xong, lia bút viết vần **oac** (giữa **o** sang **a**, **a** sang **c** viết liền, không để khoảng cách quá rộng, quá hẹp), thêm dấu nặng dưới **a** thành ngoạc, để khoảng cách hợp lý giữa **nguệch** và **ngoạc**.

+ **uynh:** Viết liền nét từ u sang y, từ y sang n - h.

+ **uych**: Viết liền nét từ u sang y, sau đó lia bút viết tiếp ch.

+ **huỳnh huỵch**: Viết h ở cả 2 chữ liền nét với uynh, uych; ghi dấu huyền trên y thành chữ huỳnh, ghi dấu nặng dưới y thành chữ huỵch.

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- Cả lớp đọc các từ (cỡ nhỏ): *nguệch ngoạc, phụ huynh.*

- GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ, chú ý độ cao các con chữ **g, p, y, h.**

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm chữ cỡ nhỏ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- HS đọc lại một số câu, từ.

- Tuyên dương những HS viết đẹp, sạch sẽ.

**BÀI 134**

**KỂ CHUYỆN**

**CHIM HOẠ MI**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể lại từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi chim hoạ mi thật có tiếng hót kì diệu. Hoạ mi thật quý giá hơn nhiều hoạ mi máy vì nó sống tình cảm, gắn bó với con người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu (nếu có)/6 tranh minh hoạ phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV gắn lên bảng tranh minh hoạ câu chuyện Cá đuôi cờ, mời 2 HS tiếp nối nhau, mỗi HS kể chuyện theo 3 tranh.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***11. Quan sát và phỏng đoán:*** GV chỉ các tranh minh hoạ truyện Chim hoạ mi: Các em hãy xem tranh để biết truyện có những nhân vật nào? (Truyện có chim hoạ mi, nhà vua, những người hầu của vua, hoạ mi máy). GV: Các em thử đoán xem có chuyện gì xảy ra? (Khu vườn của nhà vua có một chú chim hoạ mi. Vua cầm trên tay chim hoạ mi máy, và hoạ mi thật bay qua cửa sổ...).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***: Chuyện Chim họa mi kể về một con chim hoạ mi có tiếng hót mê hồn, được nhà vua yêu quý. Nhưng nó phải bỏ về rừng khi nhà vua được tặng một con hoạ mi máy có thể hót liên tục 30 lần không mệt. Câu chuyện kết thúc thế nào? Hoạ mi thật hay hoạ mi máy đáng quý? Các em hãy lắng nghe.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện với giọng diễn cảm. Kể gây ấn tượng với các từ ngữ tả vẻ đẹp của vườn thượng uyển, tiếng hót kì diệu của hoạ mi, sự khao khát của nhà vua khi lâm bệnh muốn được nghe tiếng hót của hoạ mi, phép thần của tiếng hót...

GV kể chuyện 3 lần, kể rõ ràng từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

**Chim hoạ mi**

(1) Ngày xưa, có một ông vua sống trong một cung điện tuyệt đẹp. Trong cung điện có khu vườn đầy hoa thơm cỏ lạ. Điều kì diệu nhất trong khu vườn là có một con chim hoạ mi có tiếng hót mê hồn.

(2) Lời ca ngợi chim họa mi đến tại vua. Nhà vua đòi người hầu đem hoạ mi đến hót cho vua nghe. Tiếng hót tuyệt diệu của hoạ mi làm nhà vua cảm động rơi nước mắt. Ngài giữ hoạ mi ở lại trong cung điện.

(3) Ít lâu sau, có người tặng nhà vua một con hoạ mi chạy bằng máy. Hoạ mi máy có thể hót liên tục ba mươi lần không mệt. Cả triều đình rất thích con chim giả. Hoạ mi thật buồn bã bay đi.

(4) Vài năm sau, nhà vua lâm bệnh nặng. Nằm trên giường bệnh, nhà vua khao khát được nghe tiếng hót của hoạ mi. Nhưng chim máy dùng lâu đã hỏng và ngưng hot.

(5) Giữa lúc đó, chim họa mi bé nhỏ từ rừng xanh bay về, đậu trên cành cây bên cửa sổ hót cho vua nghe. Tiếng hót của hoạ mi không khác gì liều thuốc bổ, giúp vua khỏi bệnh.

(6) Nhà vua tha thiết giữ hoạ mi ở lại. Nhưng hoạ mi xin được trở về rừng. Nó hứa chiều chiều sẽ bay đến bên cửa sổ hót cho vua nghe.

**2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh**

a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh. Có thể lặp lại câu hỏi lần 2 với HS khác.

- GV chỉ tranh 1, hỏi: Nhà vua sống ở đâu? (Nhà vua sống trong một cung điện tuyệt đẹp). Nơi đó có khu vườn thế nào? Điều kì diệu nhất trong khu vườn là gì? (Nơi đó có khu vườn đầy hoa thơm, cỏ lạ. Điều kì diệu nhất trong khu vườn là có một con chim hoạ mi có tiếng hót mê hồn).

- GV chỉ tranh 2: Nhà vua làm gì để được nghe hoạ mi hót? (Vua đời người hầu đem hoạ mi đến hót cho vua nghe). Tiếng hót của hoạ mi làm vua cảm thấy thế nào? (Tiếng hót tuyệt diệu của hoạ mi làm nhà vua cảm động rơi nước mắt. Nhà vua giữ hoạ mi ở lại trong cung điện.)

- GV chỉ tranh 3: Ít lâu sau, nhà vua được tặng một con chim máy có đặc điểm gì? (Vua được tặng một con hoạ mi máy có thể hót liên tục ba mươi lần không mệt). Vì sao hoạ mi thật buồn bã bay đi? (Hoạ mi thật buồn bã bay đi vì cả triều đình rất thích con chim giả).

- GV chỉ tranh 4: Lúc bệnh nặng, nhà vua khao khát điều gì? (Lúc bệnh nặng, nhà vua khao khát được nghe tiếng hót của hoạ mi). Vì sao chim máy không hót được? (Chim máy không hót được vì dùng lâu đã hỏng).

- GV chỉ tranh 5: Hoạ mi thật làm gì? (Hoạ mi thật từ rừng xanh bay về đâu trên cành cây bên cửa sổ hót cho vua nghe). Tiếng hótt của nó giúp nhà vua thế nào? (Tiếng hót của nó như liều thuốc bổ, giúp nhà vua khỏi bệnh).

- GV chỉ tranh 6: Nhà vua muốn giữ hoạ mi ở lại nhưng nó xin vua điều gì? Nó hứa gì? (Nhà vua muốn giữ hoạ mi ở lại nhưng nó xin được trở về rừng. Nó hứa chiều chiều sẽ bay đến bên cửa sổ hót cho vua nghe).

b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.

c) 1 HS trả lời các câu hỏi theo 6 tranh.

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) Mỗi HS kể chuyện theo tranh bất kì. Có thể tổ chức trò chơi Ai tài kể chuyện? GV làm 6 phiếu ghi số TT 6 tranh. HS bốc thăm trúng số nào sẽ kể lại theo tranh đó. Cả lớp bình chọn HS có tài kể chuyện (kể đúng và hay).

c) 1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện, không cần sự hỗ trợ của tranh.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Em nhận xét gì về chim họa mi thật? (Hoạ mi có tiếng hót kì diệu khiến nhà vua cảm động và khỏi được bệnh tật. / Hoạ mi có tiếng hót mê hồn, đem niềm vui đến cho nhà vua. / Hoạ mi là bạn thân thiết của nhà vua. / Hoạ mi thật mới có tình cảm với nhà vua. Hoạ mi máy chỉ là một cái máy biết hót).

- GV: Câu chuyện muốn nói điều gì? (Hoạ mi rất yêu quý nhà vua. / Họa mi sống rất tình cảm. / Không nên bỏ rơi bạn khi có bạn mới,...). GV: Câu chuyện ca ngợi chim hoạ mi có tiếng hót kì diệu đem lại niềm vui, hạnh phúc cho con người. Hoạ mi thật quý giá hơn nhiều hoạ mi giả vì nó sống tình cảm, gắn bó với con người. Hoạ mi máy chỉ là một cái máy biết hót, không có tình cảm. Câu chuyện cũng là lời khuyên: Không nên có bạn mới thì quên bạn cũ).

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS kể chuyện hay.

- Dặn HS về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện tuần sau*.*

**BÀI 135**

**ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cá to, cá nhỏ**.

- Điền chữ thích hợp (**c** hay **k**) vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu rồi chép lại câu văn đúng chính tả, cỡ chữ nhỏ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. BT 1*** (Tập đọc)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Cá to, cá nhỏ: Cá to đuổi bắt lũ cá nhỏ. Nó huênh hoang cho là: kẻ yếu phải làm thức ăn cho kẻ mạnh. Nhưng khi một chiếc lưới được quăng xuống chụp lấy cả cá to lẫn cá nhỏ thì sự việc xảy ra thế nào, các em hãy nghe câu chuyện.

b) GV đọc mẫu. Vừa đọc vừa kết hợp mô tả, giải nghĩa từ: Lũ cá nhỏ luýnh quýnh (luýnh quýnh: hành động vụng về, lúng túng do quá sợ). Cá to ngoác cái miệng rộng huếch (ngoác: rộng quá cỡ, rộng huếch: trống rỗng, như rộng ngoác).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: đuổi bắt, luýnh quýnh, xin tha mạng, ngoác miệng, rộng huếch, huênh hoang, xoạch, chụp lấy, lọt qua mắt lưới, thoát hết, mắc lại, ngoảnh đầu.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 10 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền câu 5 và 6, câu 9 và 10) cho cả lớp đọc.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 6 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc .

- 1 HS đọc nội dung BT. / Cả lớp làm bài.

- HS nói kết quả. Đáp án: Ý b đúng, ý a sai.

- Cả lớp đọc: Khi lưới được kéo lên – b) Lũ cá nhỏ lọt qua mắt lưới, cá to bị mắc lại.

***2.2. BT 2*** (Điền chữ **c** hay **k**? – Tập chép)

- GV viết bảng câu văn để trống chữ cần điền: Con ...á to ...iêu ngạo, huênh hoang, bị mắc lưới; nêu YC; mời 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả **c/k**.

- HS làm bài trong vở Luyện viết 1.

- (Chữa bài) 1 HS điền chữ trên bảng lớp.

- GV viết hoàn chỉnh câu văn: cá to, kiêu ngạo. / Cả lớp sửa bài theo đáp án.

- Cả lớp đọc lại câu văn, chú ý các từ: kiêu ngạo, huênh hoang, lưới.

- Cả lớp chép lại vào vở Luyện viết 1 câu văn, tô chữ C hoa đầu câu.

- HS tự sửa bài; đổi bài cho bạn, cùng sửa lỗi.

- GV chữa bài cho HS; nhận xét.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Chỉ cho HS đọc lại 1 số từ ngữ.

- Tuyên dương những bạn viết sạch đẹp.

**BÀI 136**

**oai oay uây**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết vần **oai, oay, uây**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oai, oay, uây**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oai**, vần **oay**, vần **uây**.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Thám tử mèo.**

- Viết đúng các vần **oai, oay, uây,** các tiếng **xoài, xoay**, **khuấy** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS đọc bài Cá to, cá nhỏ.

- 1 HS nói tiếng trong bài có vần uynh (luýnh quýnh), uêch (rộng huếch), uênh (huênh hoang).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: vần **oai**, vần **oay**, vần **uây**.

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần oai***

- GV viết: **o, a, i**./ HS: **o - a - i - oai**. / Phân tích vần **oai**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, âm **i** đứng sau. / Đánh vần: **o - a - i - oai / oai**.

- HS nói: điện thoại. / Tiếng thoại có vần oai: / Phân tích tiếng thoại, / Đánh vần, đọc trơn: o - a - i- oai / thờ - oai – thoai - nặng - thoại / điện thoại.

***2.2. Dạy vần oay*** (như vần **oai**): So sánh: Vần **oai** có i ngắn đứng cuối. Vần **oay** có **y** dài đứng cuối. Đánh vần, đọc trơn: o - a - y - oay / xờ - oay - xoay / ghế xoay.

***2.3. Dạy vần uây*** (như vần **oai, oay**): Phân tích vần **uây**: gồm âm **u**, âm **a** và **y** (dài)./ Đánh vần, đọc trơn: u - â - y - uây / khờ - uây - khuây - sắc – khuấy / khuấy bột.

\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn: oai, điện thoại, oay, ghế xoay; uây, khuấy bột.

**3. Luyện tập**

***3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tìm tiếng có vần *oai, oay, uây*)

- HS đánh vần (nếu cần), đọc trơn từng từ ngữ: *quả xoài, ngoái lại*,...

- HS tìm tiếng có vần **oai,** vần **oay,** vần **uây**; nói kết quả.

- GV chỉ từng tiếng, cả lớp: *Tiếng xoài có vần oai,...*

***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

a) HS đọc các vần, tiếng: *oai, oay, uây, xoài, xoay, khuấy.*

b) Viết vần: *oai, oay, uây*

- HS đọc vần **oai**, nói cách viết.

- GV viết vần **oai**, hướng dẫn cách nối nét giữa **o, a** và **i.** / Làm tương tự với vần **oay** (khác **oai** ở âm **y** dài đứng cuối), vần **uây**.

- HS viết: **oai, oay, uây** (2 lần).

c) Viết tiếng: **xoài, xoay, khuấy.**

- GV viết mẫu tiếng **xoài**, hướng dẫn. / Làm tương tự với **xoay, khuấy**.

- HS viết: (quả) **xoài**, (ghế) xoay, **khuấy** (bột) (2 lần).

**TIẾT 2**

***3.3. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc Thám tử mèo: Hình ảnh nhà vua sắp trao huân chương cho thám tử mèo. Các thám tử chó đứng xung quanh. Giải nghĩa từ thám tử: người làm nghề điều tra các việc theo yêu cầu của ai đó.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **nguây nguẩy** (bộ điệu tỏ ý không bằng lòng, không đồng ý bằng những động tác như vung vẩy tay chân, lắc đầu, nhún vai,...); trúng tuyển (thi đỗ); **buột miệng** (tự nhiên nói ra, không kịp nén lại).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần, cả lớp đọc trơn: thám tử, tuyển, nguây nguẩy, loay hoay, hoá trang, trúng tuyển, mừng công, huân chương, khoái chí, buột miệng, đội trưởng.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 11 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu: Đúng lúc... “Meo!”).

e) Thi đọc 2 đoạn (đoạn 5 câu / 6 câu); thi đọc cả bài.

g) Tìm hiểu bài đọc

- HS đọc YC./ HS làm bài trong VBT hoặc viết ý mình chọn lên thẻ, giơ thẻ báo cáo kết quả. / Đáp án: Ý b.

- Cả lớp đọc: Mèo được giữ lại ở đội thám tử vì nó có tài.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.

- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.

**BÀI 137**

**VẦN ÍT GẶP**

(3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết các vần ít gặp **oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu**, bước đầu đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần ít gặp.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oap,** vần **uâng**.

- Viết đúng các vần vừa học trên bảng con.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Ý kiến hay**.

\* Lên lớp 2, HS còn học lại những vần ít gặp nên mức độ ở lớp 1 chỉ là “nhận biết”. GV không đòi hỏi HS lớp 1 phải đọc, viết đúng ngay các vần, tiếng chứa vần ít gặp, cũng không dạy đọc, viết quá kĩ những vần này.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / phiếu khổ to viết BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1 ,2**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài **Thám tử mèo**.

- 1 HS nói tiếng ngoài bài có vần **oai** (khoai, khoái, hoài...); vần **oay** (hí hoáy, tí toáy...).

- 1 HS nói tiếng có vần **uây** (khuây khỏa, giải khuây).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- Bài Vần ít gặp giới thiệu 9 vần mới là những vần khó, ít gặp. GV đọc: **oong, ooc, oap, uyp, uâng, oao, oeo, uêu, uyu.**

**2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)

***2.1. Dạy vần oong***

- GV viết: **oo** (**o** kéo dài), ng./HS: **oo - ngờ - oong**.

- Phân tích vần **oong**: gồm 1 âm **o** (kéo dài) đứng trước, âm **ng** đứng sau.

- Đánh vần: **o** (đọc kéo dài) **- ngờ - oong/ oong.**

- HS nhìn hình minh hoạ, nói: cái xoong, / Tiếng **xoong** có vần **oong.**

- Phân tích vần oong: gồm 1 âm o (kéo dài) đứng trước, âm ng đứng sau. / Phân tích tiếng xoong./ Đánh vần, đọc trơn: xờ - oong - xoong / cái xoong.

***2.2. Dạy vần ooc*** (như vần **oong**): HS nhìn hình, nói: quần soóc. / Tiếng **soóc** có vần **ooc**. / So sánh sự khác biệt giữa vần **oong** và vần **ooc** (vần **ooc** có âm **c** đứng cuối). / Đánh vần, đọc trơn: **o** (đọc kéo dài) - cờ - ooc / sờ - ooc - sooc - sắc - soóc / quần soóc.

Chú ý: dấu sắc đặt trên âm o thứ 2.

***2.3. Dạy vần uyp:*** HS nhìn hình, nói: đèn tuýp. / Tiếng tuýp có vần uyp. / Đánh vần, đọc trơn: u - y - pờ - uyp / tờ - uyp - tuyp - sắc - tuýp / đèn tuýp..

***2.4. Dạy vần oeo:*** GV chỉ hình, đọc (hoặc nói): **ngoằn ngoèo**. / HS nhắc lại: **ngoằn ngoèo**. / Nhận biết: Tiếng ngoèo có vần oeo. / Đánh vần, đọc trơn: o - e - o - oeo / ngờ - oeo - ngoeo - huyền - ngoèo / ngoằn ngoèo.

***2.5. Dạy vần uêu, oao***: GV chỉ hình, đọc / nói: nguều ngoào. HS nhắc lại: nguều ngoào. / Nhận biết: Tiếng nguều có vần uêu. / Tiếng ngoào có vân oao. / Đánh vần, đọc trơn: u - ê - u - uêu / ngờ - uêu - nguêu - huyền - nguều./ o - a - o - oao / ngờ - oao - ngoao - huyền - ngoào / nguều ngoào.

***2.6. Dạy vần uyu:*** GV chỉ hình, đọc: khuỷu tay. HS nhắc lại: khuỷu tay. Nhận biết: tiếng khuỷu có vần uyu. Đánh vần, đọc trơn: u - y - u - uyu/ khờ - uyu - khuyu - hỏi - khuỷu/ khuỷu tay.

\* Củng cố: Các em vừa học 7 vần mới là vần gì? / Cả lớp: *oong, ooc, uyp, oeo, uêu, oao, uyu*./ Các em vừa học các tiếng mới là gì? GV chỉ từng tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn: (cái) xoong, (quần) soóc, (đèn) tuýp, (ngoằn) ngoèo, nguều ngoào, khuỷu (tay).

***2.7. Dạy vần oap, vần uâng*** (BT 2)

- GV viết bảng: **o - a - p**./ HS: **o - a - p - oap**./ Phân tích vần **oap**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, âm **p** đứng sau. / Đánh vần: **o - a - pờ - oap / oap**.

- GV viết bảng: **u - â - ng.** / HS: **u - â - ngờ - uâng**. / Phân tích vần uâng. / Đánh vần: u - â - ngờ - uâng /uâng.

- GV nêu YC (Tìm tiếng có vần oap, vần uâng).

- GV chỉ từng bông hoa từ, cả lớp đánh vần, đọc trơn: bóng, khúc khuỷu, bâng khuâng (u - â - ngờ - uâng - khờ - uâng - khuâng), ì oạp (o - a - pờ - oap - nặng - oạp / oạp), đàn oóc, boong tàu (là sàn lộ ra trên tàu thuỷ, có thể đi lại).

- HS tìm tiếng có vần oap:ì oạp. GV giải nghĩa: ì oạp (từ mô phỏng tiếng nước vỗ mạnh và liên tiếp vào vật cứng, âm thanh lúc to lúc nhỏ. Sóng vỗ bờ ì oạp).

- HS tìm tiếng có vần uâng: bâng khuâng. GV giải nghĩa: bâng khuâng (buồn nhớ không rõ ràng, xen lẫn với ý nghĩ luyến tiếc).

- Cả lớp đánh vần, đọc trơn: ì oạp, bâng khuâng.

- GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng oạp có vần oap. Tiếng khuâng có vần uâng.

\* Củng cố: Các em vừa học 2 vần mới là gì? (Vần oap, vần uâng). / Các em vừa học các tiếng mới là gì? (ì oạp, bâng khuâng).

**3. Luyện tập**

***3.1. Tập viết*** (bảng con - BT 4)

**3.1.1**. HS đọc các vần, tiếng được viết trên bảng lớp: oong, ooc, uyp, oeo / xoong, (quần) soóc, (đèn) tuýp, (ngoằn) ngoèo.

a) Viết các vần, tiếng: oong, ooc, (cái) xoong, (quần) soóc.

- 1 HS đánh vần, đọc trơn vần oong: o (kéo dài) - ngờ - oong / oong, nói cách viết. / GV vừa viết mẫu vần oong vừa hướng dẫn: Vần oong được tạo nên từ chữ o (kéo dài), và ng. Chú ý cách nối nét giữa các con chữ. / Làm tương tự với vần ooc được tạo nên từ chữ o (kéo dài), và c.

- HS viết bảng: oong, ooc (2 lần).

- 1 HS đánh vần, đọc trơn: cái xoong, nói cách viết tiếng **xoong**.

- GV viết mẫu, hướng dẫn cách nối nét. / Làm tương tự với tiếng **soóc**, dấu sắc trên âm o thứ hai.

- HS viết: (cái) **xoong,** (quần) **soóc** (2 lần).

b) Viết các vần, tiếng: **uyp, oeo**, (đèn) **tuýp**, (ngoằn) n**goèo**

- 1 HS đánh vần, đọc trơn vần uyp, oeo, nói cách viết.

- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: Vần **uyp** gồm chữ **u, y** (dài) và **p**. Vần oeo gồm: **o, e** và **o**. Chú ý nét nối giữa các con chữ.

- HS viết: **uyp, oeo** (2 lần).

- HS đánh vần, đọc trơn: (đèn) tuýp, (ngoằn) ngoèo./ GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết, cách nối chữ, vị trí đặt các dấu thanh của mỗi tiếng.

- HS viết: (đèn) tuýp, (ngoằn) ngoèo (2 lần).

**3.1.2**. HS đánh vần, đọc trơn: uêu, oao, uyu, oap, uâng, nguều ngoào, khúc khuỷu, ì oạp, bâng khuâng.

a) Viết các vần, tiếng: **uêu, oao, uyu, nguều ngoào, khúc khuỷu.**

- 1 HS đánh vần, đọc trơn vần uêu, **oao, uyu**, nói cách viết.

- GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn. Sau đó hướng dẫn viết các tiếng. Chú ý nét nối giữa các con chữ.

- HS viết bảng: uêu, oao, uyu (2 lần). Viết: nguều ngoào, (khúc) khuỷu (2 lần).

b) Viết các vần, tiếng: oap, uâng, ì oạp, bâng khuâng (như đã hướng dẫn).

- HS viết: **oap, uâng** (2 lần). / Viết: (ì) **oạp**, (bâng) **khuâng** (2 lần).

- Cả lớp đọc trơn 9 vần khó vừa học (SGK, chân trang 76); làm BT: Đánh dấu x vào ô trống thích hợp trong VBT.

**TIẾT 3**

***3.2. Tập đọc*** (BT 3)

a) GV chỉ hình minh hoạ bài Ý kiến hay, giới thiệu hình ảnh thỏ, mèo, sóc, vượn đang vui chơi trên boong tàu thuỷ vào đêm trăng.

b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: tiu nghỉu (buồn bã, thất vọng vì điều xảy ra trái với dự tính); kiếm vỏ ốc biển (kiếm hiểu là tìm kiếm).

c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần, cả lớp đọc trơn (vài lượt): boong tàu, đèn tuýp, đàn oóc, tiu nghỉu, ngoao ngoao, nguều ngoào, ngoằn ngoèo, bâng khuâng, sóng vỗ ì oạp, kiếm vỏ ốc biển.

d) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 11 câu.

- GV chỉ từng câu (chỉ liền các câu cuối bài) cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 8 và 9 / câu 10 và 11). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu dài: Mèo tiu nghỉu ... cá to / cũng ngoao ngoao hoà giọng. Vượn làm xiếc, / tay nguều ngoào / đu trên ... ngoằn ngoèo.

e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (3 câu/ 3 câu / 5 câu); thi đọc cả bài. Cuối cùng 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.

g) Tìm hiểu bài đọc

- GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.

- 1 HS đọc câu mẫu: Tay vượn (b) - nguều ngoào (4).

- HS làm bài trong VBT. / 1 HS đọc kết quả.

- Cả lớp đọc (chỉ phần lời): a) Mèo - 2) **ngoao ngoao.**

b) Tay vượn - 4) nguều ngoào. c) Dây buồm - 5) ngoằn ngoèo. d) Sóc - 3) bâng khuâng. e) Sóng - 1)ì oạp.

**4. Củng cố, dặn dò**

**-** Hôm nay mình học những vần gì?

- Đọc lại một số tiếng GV chỉ.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết – sau bài 136, 137)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oai, oay, uây, oong, ooc, oap, các tiếng xoài, xoay, khuấy, cái xoong, quần soóc, ì oạp** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Mẫu chữ, bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: Tập viết các vần, các tiếng vừa học ở bài 136 và một số vần, một số tiếng vừa học ở bài 137 (Vần ít gặp). Tiếp tục luyện viết chữ cỡ nhỏ.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): *oai, xoài; oay, xoay; uây, khuấy; oong, cái xoong*. / GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả cách viết). Chú ý cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (xoài, khuấy). HS viết 2 chặng để được nghỉ tay.

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỏ): *ooc, quần soóc; oap, ì oạp*.

- HS viết từng vần, từ ngữ (cỡ nhỏ). Chú ý độ cao các con chữ *q, p, s.*

- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm (cỡ chữ nhỏ).

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những bạn viết cẩn thận, sạch đẹp.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết - sau bài 137)

**I. MỤC TIÊU**

- Viết đúng các vần **oeo, uêu, oao, uâng, uyp, uyu**; các tiếng **ngoằn ngoèo, nguều ngoào, bâng khuâng, đèn tuýp, khúc khuỷu** - chữ viết thường, cỡ vừa và nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét, đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: Tập viết tiếp 6 vần và từ ngữ có vần vừa học ở bài 137 (Vần ít gặp). Tiếp tục luyện viết chữ cỡ nhỏ.

**2. Luyện tập**

***2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***

- HS đánh vần, đọc trơn các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): *oeo, ngoằn ngoèo; uêu, oao, nguều ngoào; uâng, bâng khuâng, uyp, đèn tuýp.*

- GV hướng dẫn cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh trong các tiếng: *ngoằn ngoèo, nguều ngoào, đèn tuýp*.

- HS viết vào vở Luyện viết.

***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***

- HS đánh vần, đọc trơn các vần và từ ngữ (cỡ nhỏ): uyp, đèn tuýp; uyu, khúc khuỷu. GV hướng dẫn cách viết. Chú ý hạ độ cao các con chữ: *y, p, đ, t, k, h*.

- HS viết vào vở Luyện viết.

**3. Củng cố, dặn dò**: GV dặn HS về nhà đọc bài thơ Mời vào, truyện Hươu cao cô dạy con, Ngựa vằn nhanh trí để chuẩn bị làm bài kiểm tra thử: Đọc thành tiếng.

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II.**

**Đánh giá**

**ĐỌC THÀNH TIẾNG**

(3 - 4 tiết)

**1. Chuẩn bị:** Trước khi đánh giá, GV dành thời gian hướng dẫn cả lớp đọc một lượt từng khổ thơ của bài thơ Mời vào, từng đoạn của bài Hươu cao cổ dạy con, Ngựa vằn nhanh trí.

**2. Kiểm tra**

Cách thực hiện:

- Mỗi HS trong lớp đọc một đoạn văn, thơ khoảng 40 chữ chứa vần đã học. Ngữ liệu để đánh giá là các đoạn đã được đánh số thứ tự trong bài đọc mà để đánh giá đã giới thiệu (Mời vào, Hươu cao cổ dạy con, Ngựa vằn nhanh trí), cũng có thể là một bài ngắn, một đoạn bất kì trong các bài đọc của SGK đã học trước đó, trong Truyện đọc lớp 1; hoặc một đoạn văn bản ngoài SGK (vì đến lúc này, HS đã học xong các vần tiếng Việt).

- GV làm các thăm ghi tên bài đọc, số của đoạn cần đọc.

- HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc.

- HS đọc trước lớp đoạn văn (không nhất thiết phải đọc hết đoạn). GV có thể yêu cầu HS phân tích 1 tiếng bất kì để tăng điểm cho HS.

- GV nhận xét. Chỉ đánh giá đạt và khá, giỏi. Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để đánh giá lại.

**ĐỌC HIỆU, VIẾT**

(Bài luyện tập)

(1 - 2 tiết)

- GV có thể bố trí cho HS làm bài luyện tập vào 1 tiết Tiếng Việt còn dư trong tuần, tiết tự học buổi chiều hoặc yêu cầu HS làm bài ở nhà để chuẩn bị làm bài kiểm tra chính thức.

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng một đoạn thơ, văn trong bài kiểm tra thử (Đọc thành tiếng).

- Hoàn thành bài đánh giá (đọc hiểu, viết): Làm đúng các BT nối ghép, đọc hiểu; BT điền chữ (ng hay ngh?). Chép đúng một khổ thơ, mắc không quá 1 lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

HS làm bài Đọc trong VBT, làm bài viết trong vở Luyện viết 1. GV cũng có thể làm phiếu photo bài đánh giá kĩ năng đọc hiểu, viết của HS (theo đề bài trong SGK) phát cho từng HS. Với bài Tập chép, cần viết mẫu tên bài và 4 dòng thơ, có dòng kẻ ô li dưới bài thơ, giúp HS chép thẳng hàng. Các chữ cái đầu câu được viết hoa sẵn để HS tô.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. GV giới thiệu**: Bài đánh giá kiểm tra khả năng đọc thành tiếng / khả năng đọc hiểu, viết của HS.

**2. Tìm hiểu đề bài**

**PHẦN A - ĐỌC**

- GV nêu YC của BT 1 (Nối từ ngữ với hình), hướng dẫn: HS đọc thầm từng từ ngữ, nối từ ngữ với hình. 1 HS làm mẫu: nối từ suối chảy với hình 5.

- GV nêu YC của BT 2. / HS đọc thầm truyện Quà tặng mẹ, điền từ thích hợp để hoàn thành 2 câu văn. Báo cáo: Các con của thỏ mẹ rất ngoan / hiếu thảo. Thỏ mẹ rất cảm động / hạnh phúc.

**PHẦN B – VIẾT**

- GV nêu yêu cầu của BT 1 (Điền chữ ng hay ngh?), nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả để làm bài đúng. Mời 1 HS làm mẫu: Cô thỏ làm việc vất vả, chẳng nghỉ ngơi.

- GV nêu YC của BT 2 (Tập chép); nhắc HS: Cần chép lại không mắc quá 1 lỗi chính tả, đúng kiểu chữ, cỡ chữ 4 dòng (16 chữ) của bài thơ Ngủ rồi.

- HS làm xong bài.

- GV chữa bài cho HS. Có thể đưa sản phẩm một số HS lên màn hình cho cả lớp nhận xét.

**ĐỌC HIỂU, VIẾT**

(Bài kiểm tra)

(2 tiết)

- GV tham khảo cách ra BT trong Bài luyện tập Đọc hiểu, viết (SGK) để ra đề kiểm tra cho HS.

- GV photo đề bài, phát đề cho từng HS.

- GV chỉ giải thích đề, hướng dẫn khi có HS thắc mắc vì chưa hiểu đề.

- HS làm bài kiểm tra. / Cuối giờ GV thu bài, chấm bài.

\* Để ra đề kiểm tra đọc hiểu không bị lạc vần, giáo viên có thể chọn ngữ liệu trong sách Truyện đọc lớp 1.

**PHẦN LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

CHỦ ĐIỂM

**GIA ĐÌNH**

TẬP ĐỌC

**CHUỘT CON ĐÁNG YÊU**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, tốc độ 40 – 50 tiếng/ phút, phát âm đúng các tiếng, không phải đánh vần. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu (sau dấu chấm nghỉ dài hơn sau dấu phẩy).

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện.

- Hiểu câu chuyện nói về tình yêu mẹ của chuột con: Chuột con ước được to lớn như voi nhưng vì yêu mẹ, nó vui vẻ làm chuột bé nhỏ để được mẹ bế bồng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu (nếu có) để chiếu lên bảng một số từ ngữ trong bài đọc và sơ đồ tóm tắt truyện. Có thể viết trên bảng phụ nếu không có máy.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Trò chơi Mèo vồ chuột*** (tổ chức chơi nhanh, không quá 10 phút)

a) GV phổ biến cách chơi

- Chơi theo cặp. YC: 1) Từng cặp gồm hai HS ngồi cạnh nhau đứng lên, quay mặt vào nhau. 2) Giơ 2 tay ra. 3) Phân vai: 1 HS làm mèo, 1 HS làm chuột.

- Chuột ngửa lòng bàn tay, mèo úp 2 bàn tay lên 2 bàn tay chuột.

- Mèo đập tay lên tay chuột. Chuột rụt tay. Nếu chuột rụt tay kịp, mèo không đập trúng là mèo thua. Ngược lại, nếu chuột không rụt tay kịp, mèo đập trúng là mèo thắng. Sau đó, hai bạn đổi vai và chơi thêm một lần nữa.

b) GV mời 2 HS lên bảng làm mẫu: 1 HS đóng vai mèo (đội mũ có hình mèo). 1 HS đóng vai chuột (đội mũ có hình chuột).

c) Các cặp cùng chơi “Mèo vồ chuột”.

d) GV thông báo nhanh kết quả.

***1.2. Thảo luận*** (GV hỏi một số HS)

(1) Các em chơi trò gì?

(2) Các em chơi có vui không?

(3) Em thích đóng vai mèo hay với chuột? Vì sao? Ý kiến HS có thể rất đa dạng, VD: Có em thích làm mèo để được bắt chuột. Có em không làm chuột vì chuột rất hôi. Có em không thích làm mèo vì mèo ác,... HS tự do nói ý kiến, GV không cần đánh giá đúng - sai.

(4) Nếu một con chuột thật biến thành mèo thì nó sẽ gặp những thiệt thòi gì (những gì nó không thích) nhỉ? (GV có thể gợi ý: Nó còn được ăn những món ăn nó yêu thích nữa không nhỉ? Mẹ nó có nhận ra nó không nhỉ? Mẹ nó có còn bế được nó không?). HS tự do nói ý kiến, GV không cần đánh giá đúng - sai.

***1.3. Giới thiệu bài***

a) GV: Bây giờ các em sẽ đọc câu chuyện về một con chuột xem con chuột ấy có nghĩ giống như các em không nhé.

b) GV gắn (hoặc chiếu) lên bảng hình minh hoạ bài tập đọc. HS quan sát tranh.

- Tranh vẽ những gì? (Một con voi, hai con chuột – một to, một bé).

- Con voi thế nào? (Con voi rất to).

- Con chuột to là mẹ, con chuột bé là con. Các em hãy thử đoán xem hai mẹ con chuột nói chuyện gì.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu (thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho HS): Giọng kể nhẹ nhàng, tình cảm. Lời chuột con ỉu xìu, buồn phiền khi nói về thái độ của các bạn, khi ước được to lớn như voi. Lời chuột mẹ dịu dàng: “Nếu con to như voi thì làm sao mẹ bế được con?”. Lời chuột con ở cuối truyện vui vẻ, đáng yêu: “Vậy thì con thích là chuột con bé nhỏ của mẹ hơn”.

b) Luyện đọc từ ngữ (HS nhìn bảng / màn hình): GV hướng dẫn cả lớp đọc đúng. đọc trơn (không phải đánh vần) từ ngữ có vần khó, từ ngữ HS lớp mình phát âm dễ lẫn, ví dụ: chuột, trêu, phụng phịu, Tí Teo, ngừng, thở dài, dịu dàng, hiểu ra ngay,... Giải nghĩa: phụng phịu (từ gợi tả vẻ mặt xị xuống, tỏ ý hờn dỗi, không bằng lòng).

c) Luyện đọc câu (nhìn SGK)

- GV: Bài đọc có bao nhiêu câu? (HS đếm: 12 câu).

- (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng câu (hoặc liền 2 câu) cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.

- (Đọc tiếp nối từng câu – cá nhân, từng cặp):

+ Từng HS (nhìn bài trong SGK hoặc trên bảng lớp) đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu lời chuột con, 2 câu lời chuột mẹ). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu dài: Chú chuột nọ bé nhất lớp / nên thường bị bạn trêu; Nếu con to như voi / thì làm sao mẹ bế được con? Nhắc lượt đọc sau cố gắng đọc tốt hơn lượt trước. GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS.

+ Từng cặp HS đọc tiếp nối. (Mỗi cặp cùng đọc 1 hoặc 2 câu).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc đoạn, bài

- (Làm việc nhóm đôi) Từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc trước khi thi.

– Từng cặp / sau đó từng tổ thi đọc tiếp nối 3 đoạn (Từ đầu đến ... chả đi học nữa. / Từ Ngừng một lát... đến ... mẹ bế được con? / Còn lại). Có thể 2 tổ cùng đọc 1 đoạn).

- Từng cặp / sau đó từng tổ thi đọc cả bài. (Mỗi cặp / mỗi tổ đều đọc cả bài).

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc đồng thanh cả bài (không đọc to, ảnh hưởng đến lớp bạn)

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

a) BT 1

- GV đưa lên bảng sơ đồ tóm tắt truyện. 4 HS tiếp nối nhau đọc trước lớp 4 ý trong sơ đồ (HS 1 đọc câu lệnh và nội dung ô 1).

- Từng cặp HS cùng hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện.

- 4 HS, mỗi em 1 câu, tiếp nối nhau hoàn chỉnh sơ đồ. GV chốt lại đáp án:

(1) Chuột con bé tí teo, thường bị bạn trêu.

(2) Nó ước được to như bạn voi.

(3) Mẹ nó bảo: “Nếu con to như voi thì mẹ không bế được con. / thì làm sao mẹ bế được con?”.

(4) Nó hiểu ra, vui vẻ làm chuột con để được mẹ bế. / được mẹ âu yếm, bế bồng / được mẹ yêu quý.

- 1 HS nhìn sơ đồ nói lại.

- Cả lớp nhìn sơ đồ, nói lại.

b) BT 2

- GV nêu YC: Chuột con có gì đáng yêu?

- HS phát biểu tự do. Ví dụ: Chuột con đáng yêu vì nó bé nhỏ, trông rất dễ thương. / Vì chuột con ngây thơ, muốn được to như voi. / Vì chuột con yêu mẹ, không muốn được to như voi nữa.

- GV: Chuột con thật đáng yêu. Nó ước được to lớn như voi để không bị bạn bè trêu nhưng vì yêu mẹ, nó không muốn làm voi, mà vui vẻ làm chuột con.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- 1 tốp (3 HS giỏi) đọc mẫu: 1 HS đọc lời người dẫn chuyện, 1 HS đọc lời chuột con, 1 HS đọc lời chuột mẹ.

- 2 - 3 tốp thi đọc theo vai. Cả lớp và GV bình chọn tốp đọc hay nhất. Tiêu chí: (1) Đọc đúng vai, đúng lượt lời. (2) Đọc đúng từ, câu. (3) Đọc rõ ràng, biểu cảm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; khen ngợi những HS đọc bài tốt.

- Dặn HS về nhà đọc (hoặc kể) cho người thân nghe câu chuyện Chuột con đáng yêu (kể đầy đủ hoặc kể tóm tắt theo sơ đồ); xem trước bài sắp học.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Chép lại bài đồng dao Con mèo mà trèo cây cau không mắc quá 1 lỗi; tốc độ tối thiểu 2 chữ / phút.

- Làm đúng các BT chính tả: Điền chữ: ng hay ngh?; Điền vần: uôn hay uôt, ương hay ươc?

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu (nếu có) để chiếu nội dung BT hoặc bài làm của HS lên bảng lớp.

- Bảng phụ viết bài tập chép.

- Phiếu khổ to viết 4 câu văn ở BT 3.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

- GV nêu mục tiêu: HS tập chép bài đồng dao Con mèo mà trèo cây cau. Làm các BT chính tả: Điền chữ: **ng** hay **ngh**?;Điền vần: **uôn** hay **uôt**, **ương** hay **ươc**?

**2. Luyện tập**

***2.1. Tập chép***

- GV đọc bài đồng dao. / 2 HS nhìn bảng đọc lại bài. / Cả lớp đọc lại.

- GV: Bài đồng dao cho em biết điều gì? HS: Con mèo trèo lên cây cau hỏi thăm chú chuột đi đâu. GV: Mèo không hỏi thăm chuột mà sục sạo tìm bắt chuột để ăn thịt vì mèo vốn là kẻ thù của họ nhà chuột.

- GV chỉ từng tiếng HS dễ viết sai cho cả lớp đọc. VD: *trèo, cây cau, chuột, vắng, đường, mắm, muối, giỗ,...*

- HS mở vở Luyện viết 1, tập hai, nhìn mẫu, chép bài; tô những chữ viết hoa đầu câu. (HS chép bài vào vở có thể viết chữ in hoa đầu câu). Chú ý tư thế ngồi, cách cầm bút, đặt vở.

- HS viết xong, cầm bút chì, nghe GV đọc chậm, soát lại bài viết. HS gạch chân chữ viết sai bằng bút chì; ghi số lỗi ra lề vở.

- GV chiếu một vài bài viết của HS lên bảng, nhận xét.

***2.2. Làm bài tập chính tả***

a) BT 2 (Chữ nào hợp với chỗ trống: **ng** hay **ngh**?)

- 1 HS đọc trước lớp YC của BT. GV ghi lên bảng: **...ừng, .e, ...ay**, nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả (*ngh + e, ê, i, ng+ a, o, ô, ơ, u, ư*) để làm bài cho đúng.

- HS làm bài trong vở Luyện viết 1, tập hai. (HS làm bài trong vở chỉ viết: **ng**ừng, **ng**he, **ng**ay).

- (Chữa bài) 1 HS điền chữ trên bảng lớp, GV chốt đáp án. (GV có thể viết lên bảng 2 lần các từ chưa hoàn thành, mời 2 nhóm – mỗi nhóm 3 HS thi tiếp sức).

- Cả lớp đọc lại từng từ ngữ. Sau đó sửa bài theo đáp án đúng: ngừng một lát / nghe vậy / hiểu ra ngay.

b) BT 3 (Em chọn vần nào: uôn hay uôt, ương hay ươc?).

- 1 HS đọc YC.

- HS đọc thầm từng câu, làm bài trong vở Luyện viết 1, tập hai. GV phát cho 1 HS tờ phiếu khổ to viết 4 câu chưa hoàn chỉnh để làm bài.

- (Chữa bài) HS làm bài trên phiếu báo cáo kết quả. (GV có thể viết lên bảng 2 lần các từ chưa hoàn thành, mời 2 nhóm – mỗi nhóm 4 HS thi tiếp sức).

- Cả lớp đọc lại 4 câu đã hoàn chỉnh: 1) Chuột con đến trường. 2) Các bạn gọi chuột là “Tí Teo”. 3) Chuột ước được to như voi. 4) Vì yêu mẹ, nó vẫn muốn làm chuột.

- HS sửa bài theo đáp án đúng: 1) trường 2) chuột 3) được 4) muốn.

- Cuối giờ, GV có thể chiếu vở của một vài HS lên bảng, nhận xét, đánh giá.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen những HS làm bài tốt.

- YC một số HS về nhà chép lại bài đồng dao cho đúng, sạch, đẹp (nếu chép chưa đúng, chưa đẹp ở lớp).

TẬP ĐỌC

**MÓN QUÀ QUÝ NHẤT**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài với tốc độ 40 – 50 tiếng/ phút, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu (dấu chấm nghỉ dài hơn so với dấu phẩy).

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài.

- Hiểu câu chuyện nói về tình cảm bà cháu: Bạn nhỏ rất yêu bà, còn với bà, tình cảm của cháu là món quà quý giá nhất.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu (nếu có) / giấy khổ to để chiếu hoặc viết nội dung bài đọc.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Chuột con đáng yêu, trả lời câu hỏi:

- HS 1: Vì sao chuột con ước được to lớn như voi?

- HS 2: Vì sao cuối cùng chuột con vẫn muốn làm con của mẹ chuột? Em có thích chú chuột con trong câu chuyện không?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Thảo luận nhóm***

- Nói về ngày sinh nhật: Sinh nhật bạn là ngày nào? Những ai chúc mừng sinh nhật bạn? Chúc mừng thế nào? Bạn thường chúc mừng sinh nhật ai? Chúc mừng thế nào? Hãy nói về những món quà sinh nhật của bạn.

- HS thảo luận. GV nhận xét khích lệ, không kết luận đúng - sai.

***1.2. Giới thiệu bài*** . Bây giờ các em sẽ đọc câu chuyện về một món quà sinh nhật.

HS quan sát tranh minh họa: Tranh vẽ hai bà cháu. Bà mở chiếc hộp, nhìn cháu. Đó là một chiếc hộp rỗng, từ trong hộp bay lên rất nhiều trái tim... Ánh mắt hai bà cháu nhìn nhau thật tình cảm.

Tên bài đọc là Món quà quý nhất. Món quà đó là gì mà quý nhất? Các em hãy nghe truyện.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng kể nhẹ nhàng, tình cảm. Lời bà dịu dàng, lời Huệ nhỏ nhẹ, dễ thương.

b) Luyện đọc từ ngữ (HS nhìn bảng / màn hình): GV hướng dẫn HS đọc đúng, đọc trơn các từ ngữ khó, từ ngữ HS dễ phát âm sai (được tô màu/ gạch chân trong bài), VD: *sinh nhật, ngạc nhiên, rỗng, nụ hôn, đầy ắp, cảm động, quý nhất.*

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu).

- GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 hoặc 3 câu) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu. (Đọc liền 3 câu lời Huệ: Huệ đáp: “Đây không phải... đầy ắp mới thôi”; đọc liền 2 câu cuối – lời bà). GV sửa lỗi phát âm cho HS.

**TIẾT 2**

d) Thi đọc đoạn, bài

- Từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc.

- Các cặp / các tổ tiếp nối nhau thi đọc 2 đoạn (4 câu / 6 câu). (Mỗi cặp / tổ đều đọc 1 đoạn. Có thể 2 tổ cùng đọc 1 đoạn).

- Các cặp / tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đồng thanh (đọc nhỏ).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 câu hỏi trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời các câu hỏi.

- GV hỏi (theo 4 câu hỏi) - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Bé Huệ tặng bà món quà nhân dịp sinh nhật bà. Khi mở hộp quà, bà nói gì? / HS: Khi mở hộp quà, bà nói bà không thấy gì ở bên trong.

+ GV: Huệ trả lời thế nào? /HS: Huệ trả lời: Đây không phải là cái hộp rỗng đâu ạ. Cháu đã gửi rất nhiều nụ hôn vào đó, đến khi đầy ắp mới thôi.

+ GV (dắt dẫn): Nghe Huế nói, bà cảm động: Quà của cháu là món quà quý nhất. GV: Vì sao bà nói đó là món quà quý nhất? Chọn ý trả lời em thích./HS tiếp nối nhau trả lời, mỗi em có thể chọn phương án mình thích - a hoặc b: a) Vì món quà đầy ắp tình cảm của cháu. / b) Vì tình yêu của cháu là món quà bà quý nhất.

+ GV: Hãy thay câu “Cháu ngoan quá!” bằng lời cảm ơn của bà. / HS: Bà cảm ơn cháu nhé. / Món quà thật quý. Bà cảm ơn cháu. /...

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

- GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (HS: Hai bà cháu rất thương yêu nhau. Huệ rất yêu bà. Với bà, tình cảm của cháu là món quà quý nhất).

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- Từng tốp (3 HS) luyện đọc theo các vai: người dẫn chuyện, bà, Huệ.

- Một vài tốp thi đọc truyện theo vai. GV khen ngợi những HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời; đọc đúng từ, câu; rõ ràng, biểu cảm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; khen ngợi những HS đọc bài tốt.

- Dặn HS về nhà đọc hoặc kể cho người thân nghe câu chuyện Món quà quý nhất, xem trước bài đọc tiếp theo.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa **A, Ă, Â** theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ ngạc nhiên, dịu dàng, câu Anh lớn nhường em bé bằng kiểu chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí; đưa bút theo đúng quy trình; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu để chiếu chữ, từ ngữ, câu ứng dụng lên bảng lớp (hoặc bảng phụ viết mẫu chữ **A, Ă, Â** đặt trong khung chữ có đánh số thứ tự vào các dòng kẻ ngang, dọc trên khung chữ; từ ngữ, câu ứng dụng cỡ nhỏ viết trên dòng kẻ ô li).

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

\* MỞ ĐẦU: GV nêu YC của các tiết Tập viết trong phần luyện tập thực hành:

- Tập tô các chữ viết hoa cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết từ ngữ, câu ứng dụng chữ thường, cỡ nhỏ.

- HS cần có vở Luyện viết 1, tập hai, bút chì, bút mực, cái gọt bút chì,...

- Tập viết đòi hỏi đức tính cẩn thận, kiên nhẫn.

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng các chữ in hoa A, Ă, Â (hoặc gắn từng bìa chữ), hỏi HS: Đây là mẫu chữ gì? (HS: Đây là mẫu chữ in hoa A, Ă, Â).

- GV: SGK đã giới thiệu chữ A in hoa từ bài 1. Bài 35 giới thiệu cả mẫu chữ A, Ă, Â in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô các chữ viết hoa A, Ă, Â. Các chữ này về cơ bản dựa trên đường nét của chữ in hoa, chỉ khác ở các nét uốn mềm mại. Trong tiết học này, các em cũng luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa A, Ă, Â***

- GV dùng máy chiếu (hoặc đưa lên bảng từng bìa chữ mẫu), hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô từng chữ viết hoa (kết hợp mô tả và cầm que chỉ “tô” theo từng nét để HS theo dõi):

+ Chữ viết hoa A gồm 3 nét: Nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng hơi lượn ở phía trên – đặt bút ở ĐK 3, tô từ dưới lên, lượn sang bên phải, đến ĐK 6 thì dừng lại. Nét 2 là nét móc ngược phải, tô từ trên xuống, lượn cong ở cuối nét. Nét 3 là nét lượn ngang giữa thân chữ, tô từ trái sang phải (lượn lên rồi lượn xuống).

+ Chữ viết hoa Ă, gồm 4 nét: Ba nét đầu tô như chữ A. Nét 4 là nét cong dưới (nhỏ) – dấu á, tô trên đầu chữ A. Chữ Â khác chữ A hoa ở dấu mũ (2 nét).

- HS tô các chữ viết hoa A, Ă, Â cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- GV chiếu lên bảng hoặc mở bảng phụ đã viết từ và câu ứng dụng (cỡ nhỏ). HS (cá nhân, cả lớp) đọc: ngạc nhiên, dịu dàng, Anh lớn nhường em bé.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các con chữ (d cao 2 li; g, h, l, b cao 2,5 li); khoảng cách giữa các chữ (tiếng), viết liền mạch, nối nét giữa các chữ (giữa chữ viết hoa A và nh), vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai. GV khích lệ HS hoàn thành phần Luyện tập thêm..

- GV nhận xét, đánh giá bài viết của một số HS.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp. Nhắc những em chưa hoàn thành bài viết trong vở Luyện viết 1, tập hai về nhà tiếp tục luyện viết.

- Dặn HS về nhà chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: đọc bài Bưu thiếp “Lời yêu thương” (SGK, tr. 87, 88), Trưng bày bưu thiếp... (tr. 96, 97); quan sát vài bưu thiếp, nghĩ về người thân trong gia đình em sẽ tặng bưu thiếp, chuẩn bị giấy màu, bút chì màu, bút dạ, hồ dán, kéo, tranh ảnh người thân,... để làm bưu thiếp.

TẬP ĐỌC

**NẮNG**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ với tốc độ 40 – 50 tiếng / phút, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ (nghỉ dài như khi gặp dấu chấm).

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài đọc.

- Hiểu nội dung bài thơ: Nắng như một bạn nhỏ: nhanh nhẹn, chăm chỉ, đáng yêu, luôn giúp đỡ mọi người.

- Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài Món quà quý nhất, trả lời câu hỏi: Vì sao bà của bé Huệ nói quà của Huệ là món quà quý nhất?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1***. HS nghe hát hoặc hát một bài hát về nắng, VD: Bài hát Nắng bốn mùa (Nhạc: Nguyễn Tiến Nghĩa, thơ: Mai Anh Đức).

***1.2. Giới thiệu bài***

HS quan sát tranh minh họa: Hai mẹ con bạn nhỏ đang hong thóc (mẹ đổ thóc ra sân, bạn nhỏ tãi thóc), những tia nắng vàng chiếu rực rỡ giúp thúc mau khô. Bài thơ các em học hôm nay nói về nắng. Các em hãy nghe để biết nắng đáng yêu thế nào, nắng làm gì cho mọi người.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng đọc nhẹ nhàng, nhí nhảnh, tình cảm.

b) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): năng, lên cao, thẳng mạch, trải vàng, hong thóc, đuổi kịp, thoắt, vườn rau, xuyên qua, xâu kim,... Giải nghĩa từ: mạch (đường vữa giữa các viên gạch xây).

c) Luyện đọc từng dòng thơ .

- GV: Bài thơ có bao nhiêu dòng? (10 dòng).

- Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân / từng cặp). GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS.

d) Thi đọc tiếp nối 2 khổ thơ; thi đọc cả bài. (Quy trình đã hướng dẫn).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, cùng trả lời các câu hỏi.

- GV hỏi – HS trong lớp trả lời:

+ GV: Nắng giúp ai làm gì?Em hãy nói tiếp: / HS: Nắng giúp bố xây nhà. Nắng giúp mẹ hong thóc. Nắng giúp ông nhặt cỏ. Nắng giúp bà xâu kim.

+ GV: Tìm những câu cho thấy nắng rất nhanh nhẹn. / HS: Nắng chạy nhanh lắm nhé. Chẳng ai đuổi kịp đâu. Thoắt đã về vườn rau... Rồi xuyên qua cửa sổ...

+ GV: Em thấy nắng giống ai? / HS: Nắng giống một bạn nhỏ chăm chỉ.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đồng thanh đáp.

- GV: Qua bài thơ, em hiểu điều gì về nắng? HS phát biểu. GV: Nắng làm nhiều việc tốt. Nắng giống một bạn nhỏ: nhanh nhẹn, chăm chỉ, đáng yêu, luôn giúp đỡ mọi người.

***2.3. Học thuộc lòng***

- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối theo cách xoá dần từng chữ, chỉ giữ lại những chữ đầu dòng, cuối cùng xoá hết.

- HS tự nhẩm HTL.

- HS thị đọc thuộc lòng 6 dòng thơ (hoặc cả bài thơ).

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; khen ngợi những HS học tốt. Nhắc HS về nhà đọc thuộc lòng bài thơ Nắng cho người thân nghe. .

- Nhắc lại YC chuẩn bị ĐDHT cho tiết “Góc sáng tạo”; chuẩn bị cho tiết KC Cô bé quàng khăn đỏ (quan sát tranh; đọc lời gợi ý dưới tranh). GV báo trước với 2 HS sẽ được mời KC theo vai (cô bé quàng khăn đỏ và sói).

GÓC SÁNG TẠO

**BƯU THIẾP “LỜI YÊU THƯƠNG”**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Làm được 1 bưu thiếp đơn giản, có trang trí (cắt dán hoặc vẽ).

- Viết được lời yêu thương (2, 3 câu) lên bưu thiếp để tặng một người thân, chữ viết rõ ràng, ít lỗi chính tả.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a) Chuẩn bị của GV

- Một số bưu thiếp sưu tầm, có thể là sản phẩm của HS năm trước.

- Những mảnh giấy có dòng kẻ ô li cắt hình chữ nhật hoặc hình trái tim để HS viết chữ cho đẹp, thẳng hàng, dán vào bưu thiếp.

- Những viên nam châm để gắn sản phẩm của HS lên bảng lớp.

b) Chuẩn bị của HS

- Tranh ảnh người thân; giấy màu, bút chì màu, bút dạ, kéo, hồ dán,...

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

\* MỞ ĐẦU

GV: Từ phần LTTH, các em sẽ có thêm các tiết học Góc sáng tạo. Trong các tiết học này, các em sẽ thực hiện các hoạt động sáng tạo:

- Làm bưu thiếp tặng một người thân trong gia đình.

- Vẽ, trang trí hoặc sưu tầm tranh, ảnh về cây hoa, con vật yêu thích.

- Làm quà tặng thầy cô hoặc người bạn mà em quý mến.

- Tự vẽ bản thân, tự giới thiệu bản thân. Các em cũng sẽ học cách trưng bày, giới thiệu, đánh giá những sản phẩm đã làm.

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài**

a) Chia sẻ: GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ (BT 1), nhận ra hình các bưu thiếp, đoán xem phải làm gì (làm bưu thiếp).

b) Giới thiệu bài: Tiết học hôm nay có tên Bưu thiếp “Lời yêu thương”. Trong tiết học này, các em sẽ tập làm 1 bưu thiếp đơn giản, trang trí và viết lên đó lời yêu thương tặng một người thân là bố, mẹ, hoặc ông, bà, anh chị em. Các em sẽ thi đua xem ai làm được bưu thiếp nhanh, đẹp, viết được những lời hay.

**2. Khám phá**

***2.1***. Cả lớp nhìn SGK, nghe 4 bạn tiếp nối nhau đọc 4 hoạt động của tiết học.

- HS 1 đọc YC của BT 1. Cả lớp quan sát bưu thiếp mẫu trong SGK (hình dáng, trang trí), hoặc bưu thiếp GV, HS sưu tầm. GV: Bưu thiếp được dùng làm gì? HS phát biểu. GV: Bưu thiếp là mảnh giấy dày hay giấy bìa cứng được trang trí đẹp để viết lên đó lời chia vui, bày tỏ tình cảm quý mến, yêu thương với người nhận.

- HS 2 đọc YC của BT 2. Cả lớp quan sát 4 bưu thiếp trong SGK để hiểu cách làm, cách trang trí bưu thiếp (cắt dán hoặc vẽ). Có thể trang trí bằng tấm ảnh người thân hoặc tranh vẽ người thân trong gia đình do em tự vẽ. GV giới thiệu một vài bưu thiếp của HS năm trước đã làm (nếu có).

- HS 3 đọc yêu cầu của BT 3 (đọc cả lời trong 3 bưu thiếp mẫu). GV nhắc HS: Viết lên bưu thiếp 2 – 3 câu lời yêu thương tặng 1 người thân trong gia đình. Viết nhiều câu hơn càng tốt.

- HS 4 đọc YC của BT4. GV: Các em sẽ mang bưu thiếp về nhà, tặng người thân. Cùng người thân trao đổi, hoàn thiện bưu thiếp cho đẹp hơn; sửa phần lời cho hay hơn để chuẩn bị trưng bày ở lớp vào tuần tiếp theo.

***2.2.*** HS (5 – 7 em) nói trước lớp: Em sẽ làm bưu thiếp để tặng ai trong gia đình? Tặng bố, mẹ hay ông, bà, anh, chị, em?

**3. Luyện tập**

***3.1. Chuẩn bị***

a) HS bày lên bàn những đồ dùng đã chuẩn bị, tranh ảnh người thân, những hình ảnh để trang trí, cắt dán,... GV phát cho HS những mẩu giấy trắng có dòng kẻ ô li, cắt hình trái tim hoặc hình chữ nhật để HS viết rồi đính vào vị trí phù hợp trên bưu thiếp. Những HS chưa có sự chuẩn bị có thể làm bài trực tiếp vào VBT.

b) GV nhắc HS có thể trang trí bưu thiếp và viết lời trên cùng một mặt giấy (viết vị trí giữa hoặc trên, dưới trang giấy). Nếu HS làm bưu thiếp gấp (4 trang, trang 2 và 3 mở) thì có thể vẽ, trang trí ở trang 1; viết lời ở giữa trang 3./ HS làm bài trên VBT sẽ vẽ, trang trí và viết lời trên cùng trang 1 của bài.

c) Về sử dụng VBT: HS mở VBT, GV hướng dẫn cách sử dụng trang vở:

- Với những HS đã có sự chuẩn bị để làm một bưu thiếp rời thì trang vở đó là nơi đính sản phẩm, lưu giữ sản phẩm, ghi nhận sự tiến bộ của HS.

- Với những HS chưa có sự chuẩn bị, các em sẽ làm bưu thiếp trên trang vở này. Các em trang trí quanh trang giấy và viết lời yêu thương ở vị trí trung tâm- chỗ có hình chữ nhật (hoặc hình trái tim) và các dòng kẻ ô li.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 8 phút.

***3.2. Làm bưu thiếp***

- HS lấy giấy màu, tập làm 1 bưu thiếp đơn giản (BT 2). GV nhắc các em trang trí cho bưu thiếp: cắt dán, vẽ hoặc gắn tranh, ảnh người thân.

- HS viết lời yêu thương lên bưu thiếp tặng người thân (BT 3). GV đi đến từng bàn, hướng dẫn và giúp đỡ HS: chỉ cho các em vị trí thích hợp để viết / hoặc đính lời yêu thương lên bưu thiếp. Đây là một dạng bài làm văn đơn giản nên YC viết được coi trọng. Nếu HS nào chỉ viết 1 câu, GV nhắc HS viết thêm. Khen ngợi những HS viết hay, viết được 3, 4 câu. Nhắc các em chú ý đặt dấu chấm kết thúc câu.

***3.3. Giới thiệu một vài sản phẩm***

GV đính lên bảng 4 – 5 sản phẩm của HS. Mời HS giới thiệu bưu thiếp của mình: hình dáng, trang trí, đọc lời trên bưu thiếp. (GV có thể phóng to sản phẩm trên màn hình) cho cả lớp nhận xét..

\* GV cần động viên để tất cả HS đều làm việc; mạnh dạn thể hiện mình – suy nghĩ và tình cảm khi vẽ, trang trí, viết lời trên bưu thiếp. Chấp nhận nếu HS viết sai chính tả, viết thiếu dấu câu. Không đòi hỏi chữ viết phải đẹp. Cuối giờ, GV sửa lời trên bưu thiếp cho một số HS (lỗi chính tả, ngắt câu) để HS viết lại vào mẫu giấy khác (có dòng kẻ ô li) rồi đính lại vào sản phẩm.

**4. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo.

- Nhắc HS mang bưu thiếp về nhà tặng người thân. Cùng người thân hoàn thiện bưu thiếp, đính lại vào VBT (để không quên, tránh thất lạc), chuẩn bị trưng bày ở lớp vào tuần sau,

- Dặn HS chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo: Tìm và mang đến lớp 1 quyển sách (truyện hoặc thơ, sách khoa học) để giới thiệu với các bạn, đọc (hoặc kể) cho các bạn nghe 1 câu chuyện hoặc 1 tin thú vị trong sách.

- Nhắc lại yêu cầu chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Cô bé quàng khăn đỏ*.

KỂ CHUYỆN

**CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ.

- Nhìn tranh, kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. (Nêu YC trọng tâm của kể chuyện ở giai đoạn Học vần là Trả lời câu hỏi theo tranh, thì ở giai đoạn LTTH là kể chuyện theo tranh. Hoạt động nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời từng câu hỏi dưới tranh vẫn diễn ra nhưng là bước đệm, tạo điều kiện để HS có thể kể chuyện theo tranh). Bước đầu biết thay đổi giọng, kể phân biệt lời người dẫn chuyện, lời cô bé, lời sói.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Phải nhớ lời cha mẹ dặn, đi đến nơi về đến chốn, không được la cà dọc đường, dễ bị kẻ xấu lợi dụng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

- 1 chiếc khăn trùm đầu màu đỏ, 1 mặt nạ sói để 2 HS cùng GV (vai dẫn chuyện) kể lại câu chuyện theo vai (YC không bắt buộc).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ: Các em hãy xem tranh để biết truyện có những nhân vật nào (truyện có một cô bé quàng chiếc khăn màu đỏ, mẹ cô bé, con sói, bà cụ và bác thợ săn). GV: Hãy đoán nội dung câu chuyện. (Mẹ bảo cô bé mang quà đến biếu bà. Trên đường đi, cô bé gặp sói và bị sói lừa,...).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***

Cô bé quàng khăn đỏ là một câu chuyện rất nổi tiếng. Trẻ em tất cả các nước đều biết câu chuyện này. Câu chuyện là lời khuyên bổ ích với tất cả trẻ em. Lời khuyên đó là gì? Các em hãy nghe câu chuyện.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện với giọng diễn cảm. Câu mở đầu: kể khoan thai. Đoạn sói lừa Khăn Đỏ để định ăn thịt hai bà cháu: giọng kể tăng dần sự căng thẳng. Lời sói lúc ngọt ngào khi dụ Khăn Đỏ vào rừng chơi; lúc ôm ôm rồi hăm dọa khi giả giọng bà lão trả lời Khăn Đỏ. Giọng Khăn Đỏ nói với sói: ngây thơ, hồn nhiên. Đoạn kết: kể với giọng hồ hởi. Câu cuối kể về sự ân hận của Khăn Đỏ: giọng thấm thía.

Kể 3 lần, rõ ràng từng câu, từng đoạn theo mỗi tranh. Dưới đây là nội dung câu chuyện:

Cô bé quàng khăn đỏ

(1) Xưa, có một cô bé đi đâu cũng quang chiếc khăn màu đỏ nên mọi người gọi em là “Khăn Đỏ”.

Một hôm, bà của Khăn Đỏ bị ốm, mẹ bảo em mang bánh đến biếu bà. Mẹ dặn em đừng la cà dọc đường. Khăn Đỏ vâng lời mẹ ra đi.

(2) Dọc đường, Khăn Đỏ gặp sói. Vì không biết sói rất độc ác nên em kể với sói là em mang bánh đến biếu bà. Sói bảo: “Cô bé ơi, hoa trong rừng đẹp lắm. Hãy rẽ vào mà xem!”. Khăn Đỏ thích quá, liền rẽ vào rừng.

(3) Sói lẻn đến nhà bà. Nó xô cửa, đến bên giường, nuốt chửng bà, rồi đội mũ của bà, nằm lên giường, đắp chăn, đợi Khăn Đỏ đến.

(4) Khăn Đỏ mải chơi, mãi tới trưa mới ra khỏi rừng. Đến nhà, thấy bà đang nằm, nom rất lạ, Khăn Đỏ hỏi:

- Bà ơi! Sao hôm nay tai bà to thế?

Sói đáp:

- Tại bà to để bà nghe cháu rõ hơn.

- Sao hôm nay tay bà to thế?

- Tay bà to để bà ôm cháu chặt hơn.

- Sao hôm nay mồm bà to thế?

- Mồm bà to để bà ăn thịt cháu.

Nói xong, sói nhảy phốc xuống giường, nuốt chửng Khăn Đỏ. Rồi nó nằm vật ra, ngáy ầm ĩ.

(5) Một bác thợ săn đi qua nhà nghe tiếng ngáy lạ bèn bước vào. Thấy sói, bác giương súng định bắn nhưng thấy bụng sói rất to, bác nghi ngờ, bèn lấy dao rạch bụng sói. Rạch được vài mũi thì thấy chiếc khăn đỏ chói. Rồi Khăn Đỏ nhảy ra. Tiếp đến là bà cụ.

(6) Hai bà cháu cảm ơn bác thợ săn. Khăn Đỏ xin lỗi bà. Cô bé rất ân hận vì đã không nhớ lời mẹ dặn, làm hai bà cháu suýt mất mạng.

Theo Truyện cổ Pê-rôn (Hoàng Minh kể)

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

GV: Để làm tốt bài tập kể chuyện theo tranh, các em hãy nhìn tranh, nghe thấy cô hỏi và trả lời (Với mỗi câu hỏi, GV có thể mời 2 HS tiếp nối nhau trả lời. Ý kiến của các em có thể lặp lại. GV nhắc HS trả lời câu hỏi đầy đủ, thành câu).

- GV chỉ tranh 1 (dưới tranh có 3 câu hỏi), hỏi từng câu: Vì sao cô bé được gọi là “Khăn Đỏ”? (Cô bé được gọi là Khăn Đỏ vì đi đâu em cũng quang chiếc khăn màu đỏ). Khăn Đỏ được mẹ giao việc gì? (Khăn Đỏ được mẹ giao việc mang bánh đến biếu bà đang bị ốm). Mẹ dặn em điều gì? (Mẹ dặn em đừng la cà dọc đường).

- GV chỉ tranh 2, hỏi: Khăn Đỏ thật thà kể cho sói biết điều gì? (Gặp sói, Khăn Đỏ thật thà kể cho sói biết em mang bánh đến biếu bà). Sói nói gì để lừa Khăn Đỏ? (Để lừa Khăn Đỏ, sói nói: “Cô bé ơi, hoa trong rừng đẹp lắm. Hãy rẽ vào mà xem!”).

- GV chỉ tranh 3: Sói lên đến nhà bà và đã làm gì? (Sói lẻn đến nhà bà, nó nuốt chửng bà, rồi đội mũ của bà, nằm lên giường, đắp chăn, đợi Khăn Đỏ đến).

- GV chỉ tranh 4: Khăn Đỏ đến nhà bà và thấy gì? (Khăn Đỏ đến nhà bà, thấy bà đang nằm rất lạ). Cô bé nói gì? (Cô bé nói: Bà ơi! Sao hôm nay tai bà to thế? / Tai bà to để bà nghe cháu rõ hơn. /- Sao hôm nay tay bà to thế?/- Tay bà to để bà ôm cháu chặt hơn. /- Sao hôm nay mồm bà to thế? /- Mồm bà to để bà ăn thịt cháu).

- GV chỉ tranh 5: Bác thợ săn nghe thấy gì và đã làm gì? (Bác thợ săn đi qua nhà bà nghe tiếng ngáy lạ bèn bước vào. Thấy sói, bác giương súng định bắn nhưng thấy bụng sói rất to, bác nghi ngờ, bèn lấy dao rạch bụng sói. Rạch vài mũi thì thấy chiếc khăn đỏ chói, rồi Khăn Đỏ nhảy ra. Tiếp đến là bà cụ).

- GV chỉ tranh 6: Qua câu chuyện, Khăn Đỏ đã hiểu ra điều gì? (Khăn Đỏ hiểu: Vì không nhớ lời mẹ dặn, la cà dọc đường, Khăn Đỏ đã làm hai bà cháu suýt mất mạng).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) 1- 2 HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 1 HS nhìn 6 tranh, tự kể chuyện (có thể lặp lại YC với HS 2). GV nhắc HS hướng đến người nghe khi kể: kể to, rõ, nhìn vào người nghe.

\* Kể chuyện phân vai (YC dành cho HS giỏi): GV vào vai người dẫn chuyện, cùng 2 HS giỏi (đã được dặn chuẩn bị trước): 1 em vào vai Khăn Đỏ quàng lên đầu 1 chiếc khăn đỏ, 1 em vai sói có thể đeo mặt nạ sói - cùng kể chuyện theo vai.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện này khuyên các em điều gì?

- HS phát biểu. VD: Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nghe lời cha mẹ, đi đâu không được la cà dọc đường. Câu chuyện khuyên chúng ta phải đi đến nơi, về đến chốn, không được la cà dọc đường. La cà dọc đường dễ gặp nguy hiểm, bị kẻ xấu lợi dụng,...).

- GV: Câu chuyện khuyên các em phải nhớ lời cha mẹ dặn, đi đến nơi về đến chốn, không được la cà dọc đường, dễ bị kẻ xấu lợi dụng.

- Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay trong tiết học.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Ba món quà (xem tranh, đọc gợi ý dưới tranh).

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách bảo (đọc truyện, thơ, sách khoa học). Có thể mang đến lớp cuốn Truyện đọc lớp 1.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa **B** theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ ngữ: **trải vàng, đuổi kịp**, câu **Bà cháu thương yêu nhau** chữ thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; đưa bút theo đúng quy trình viết; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Mẫu chữ viết hoa B đặt trong khung chữ (theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập hai).

- Máy chiếu (nếu có) để chiếu từ ngữ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ) lên bảng lớp / hoặc bảng phụ viết sẵn từ và câu ứng dụng trên dòng kẻ ô li.

- Bìa chữ viết hoa mẫu A, Ă, Â (để kiểm tra bài cũ).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa A, C, A đã học.

- GV kiểm tra một vài HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa B (hoặc gắn bìa chữ in hoa B), hỏi HS: Đây là mẫu chữ gì? (HS: Đây là mẫu chữ in hoa B).

- GV: SGK đã giới thiệu chữ in hoa B từ bài 11. Bài 35 giới thiệu mẫu chữ B in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa B (chỉ khác chữ B in hoa ở các nét uốn mềm mại) và luyện viết các từ ngữ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa B***

- GV dùng máy chiếu / bìa chữ, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tô (kết hợp mô tả và cầm que chỉ “tô” theo từng nét để HS theo dõi): Chữ viết hoa B gồm 2 nét: Nét 1 giống nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang phải. Đặt bút trên ĐK 6, tô nét móc ngược trái từ trên xuống dưới, đầu móc cong vào trong. Nét 2 là kết hợp của 2 nét cơ bản (cong trên và cong phải) liền nhau, tạo vòng xoắn giữa thân chữ, bắt đầu tô nét cong trên từ ĐK 5, tạo vòng xoắn giữa thân chữ rồi tô tiếp nét cong phải, cuối nét lượn vào trong.

- HS tô chữ viết hoa B cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc từ ngữ, câu ứng dụng: trải vàng, đuổi kịp; Bà cháu thương yêu nhau.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái (*t, g, đ, k, h, y*), khoảng cách giữa các chữ (tiếng), viết liền mạch, nối nét giữa các chữ (nối nét từ chữ viết hoa B sang a), vị trí đặt dấu thanh (trên các tiếng: trải vàng, đuổi kịp, Bà cháu).

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

- GV nhận xét, đánh giá bài viết của một số HS.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp. Nhắc những em chưa hoàn thành bài viết trong vở Luyện viết 1, tập hai về nhà tiếp tục luyện viết.

- Nhắc lại yêu cầu chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn quyển sách mình mang tới lớp.

- Đọc to, rõ cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV và HS mang đến lớp một số đầu sách hay, phù hợp với tuổi thiếu nhi. Hình thành 1 giá sách, một thư viện mini của lớp.

- Truyện đọc lớp 1, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2020.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

\* MỞ ĐẦU

GV giới thiệu: Từ phần LTTH, mỗi tuần sẽ có 2 tiết Tự đọc sách báo. Trong những tiết học này, các em sẽ mang đến lớp những quyển sách, truyện, thơ, tờ báo yêu thích. Các em sẽ đọc sách báo tại lớp; chọn một đoạn thú vị trong sách báo, đọc cho các bạn nghe. Để tiết học bổ ích, các em cần chọn mang đến lớp những cuốn sách, tờ báo thú vị.

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học***

- Cả lớp nhìn SGK, nghe 4 bạn tiếp nối nhau đọc 4 YC của tiết học.

- HS 1 đọc YC 1. GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS: YC mỗi HS bày trước mặt quyển sách mình mang đến (có thể là truyện, thơ, sách khoa học, truyện tranh). HS có thể bày cuốn *Truyện đọc lớp 1.*

- HS 2 đọc YC 2. HS giới thiệu bìa 1 cuốn sách được in trong SGK. VD: Cô bé Lọ Lem là một truyện cổ tích hay. *Dế rô-bốt* là 1 truyện tranh rất thú vị. *Mười vạn câu hỏi “Vì sao*?” là sách khoa học, cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích, Góc sân và khoảng trời là tập thơ của nhà thơ Trần Đăng Khoa, *Truyện đọc lớp 1* là cuốn sách có nhiều truyện rất hấp dẫn,...

- Một vài HS giới thiệu sách của mình trước lớp. VD: Đây là truyện cổ tích *Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn*. Truyện rất hay. Bố tôi đã mua tặng tôi quyển truyện này nhân ngày sinh nhật tôi tròn 6 tuổi,...

- HS 3 đọc YC 3 (Tự đọc sách). GV giới thiệu truyện Chú sóc ngoan (M): Đây là câu chuyện kể về một chú sóc nhỏ ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương cha mẹ. / Nếu không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc truyện này. Nếu tất cả HS đều có sách mang đến lớp: *Truyện Chú sóc ngoan* rất hay. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc truyện này).

- HS 4 đọc YC 4. GV: Khi đọc sách, các em chú ý chọn đọc kĩ một truyện hoặc một đoạn em thích để đọc lại cho các bạn nghe.

\* Thời gian chuẩn bị không quá 10 phút, để dành nhiều thời gian cho HS tự đọc và đọc lại cho các bạn nghe.

***2.2. Tự đọc sách***

- GV bảo đảm yên tĩnh cho HS đọc; nhắc HS cần chọn một đoạn yêu thích, đọc đi đọc lại để đọc tự tin, to, rõ trước lớp. HS có thể đọc sách ở ngoài lớp học, dưới gốc cây trong sân trường.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc.

- HS đọc sách (đến hết tiết 1).

**TIẾT 2**

\* HS có thể đọc thêm 5 – 7 phút nữa ở tiết 2.

***2.3. Đọc cho các bạn nghe*** (BT 4)

- Lần lượt từng HS đứng trước lớp (hướng về các bạn), đọc lại to, rõ những gì vừa đọc (HS có thể đọc cả một mẩu truyện ngắn; có thể cho HS dùng micro - nếu có). HS đọc xong, các bạn có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm ). VD: Đặt câu hỏi cho HS vừa đọc truyện Chú sóc ngoan: Chi tiết nào cho thấy sóc nhỏ rất thương yêu bố? (Sóc thấy trán bố đẫm mồ hôi, cái đuôi dài lấm bẩn. Nó nghĩ: “Chắc bố phải vất vả lắm mới kiếm được chùm hạt dẻ này”). Nghĩ vậy, sóc con đưa hạt dẻ to nhất mời bố.

- Cả lớp bình chọn bạn đọc to, rõ, đọc hay, cung cấp những thông tin, mẩu chuyện thú vị.

- Cuối giờ, GV hướng dẫn HS thành lập các nhóm tự đọc sách để trao đổi sách báo, cùng đi thư viện, hỗ trợ nhau đọc sách. Mời HS đăng kí đọc trước lớp trong tiết học sau.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS đã thể hiện tốt trong tiết học.

- Nhắc HS chuẩn bị trước cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau (đọc truyện): Tìm 1 quyển truyện và mang đến lớp.

CHỦ ĐIỂM

**TRƯỜNG HỌC**

TẬP ĐỌC

**THẦY GIÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài với tốc độ 40 – 50 tiếng / phút, phát âm đúng các tiếng, không phải đánh vần. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Làm đúng bài tập đọc hiểu.

- Hiểu câu chuyện nói về tình cảm của bạn HS với thầy giáo: Các bạn HS rất yêu quý thầy giáo vì thầy rất quan tâm tới HS, ân cần, dịu dàng, độ lượng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / hoặc giấy khổ to, bảng phụ.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

2 HS đọc thuộc lòng 6 dòng thơ cuối hoặc cả bài thơ Nắng, trả lời câu hỏi: Qua bài thơ, em thấy nắng giống ai?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Thảo luận nhóm*** (Nói về thầy, cô giáo)

- GV khuyến khích HS nói tự do về thầy, cô giáo: Bạn biết thầy, cô giáo phải làm việc gì? Tính tình thầy, cô giáo thế nào? Nếu bạn là thầy giáo, cô giáo, bạn sẽ thế nào?

- Một vài HS phát biểu. GV nhận xét khích lệ, không đánh giá đúng - sai.

***1.2. Giới thiệu bài***

- Hôm nay, các em sẽ đọc truyện kể về một thầy giáo. (GV đưa lên bảng tranh minh hoạ bài đọc).

- HS quan sát tranh, nói những gì mình quan sát được: Tranh vẽ thầy giáo hiền hậu nhìn một bạn HS đang khoanh tay xin lỗi thầy.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng kể nhẹ nhàng, tình cảm.

b) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): dãy bàn, đỏ ửng, ngừng đọc, sau lưng, múa may, quay lại, cúi gằm mặt, nhẹ nhàng, chuông báo, rụt rè, mỉm cười.

**TIẾT 2**

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có bao nhiêu câu? (14 câu).

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc vỡ từng câu.

-Đọc tiếp nối từng câu (đọc liên 2 hoặc 3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).

d) Thi đọc đoạn, bài

- Từng cặp HS nhìn SGK cùng luyện đọc trước khi thi.

- Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 3 đoạn. (Từ đầu đến ... có sốt không. Tiếp theo đến ... nữa nhé!”. / Còn lại)..

- Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 1 HS đọc YC của BT.

- Cả lớp đọc lại.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài trong VBT.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Vì sao các bạn HS rất thích thầy giáo của mình? HS:

a) Vì thầy dạy buổi đầu tiên. (Sai).

b) Vì thấy rất quan tâm tới HS. (Đúng).

c) Vì thấy dịu dàng bảo bạn khi học trò nghịch ngợm. (Đúng)

+ GV: Bạn nhỏ mắc lỗi sẽ nói gì khi được thầy tha lỗi? / HS có thể nói: Cảm ơn thầy đã tha lỗi cho em. Chào thầy em về ạ”. Hoặc “Em cảm ơn thầy. Em về ạ”.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- GV mời 3 HS đọc truyện theo vai: người dẫn chuyện, thầy giáo, 1 HD.

- Lặp lại với tốp thứ hai.

- Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn tốp đọc tốt.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Chỉ một số câu, từ cho HS đọc lại.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe viết lại đúng 4 dòng thơ (15 chữ) Cô giáo với mùa thu, không mắc quá 1 lỗi.

- Nhớ quy tắc chính tả g, gh; điền đúng g, gh vào chỗ trống để hoàn thành câu.

- Tìm trong bài Thầy giáo tiếng có vần ai, vần ay; viết lại cho đúng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng lớp viết các dòng thơ cần viết chính tả, viết các chữ cần điền âm đầu (BT 2): đứng lên ...ế; cúi ...ằm mặt; bước lại ...ần.

- Bảng con / hoặc 2 băng giấy để 2 HS thi làm BT 3 trước lớp.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS làm lại BT 2 của tiết Chính tả tuần trước: điền (miệng) vần uôn hay uôt, ương hay ươc vào chỗ trống để hoàn thành 4 câu văn.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Nghe viết chính tả*** (cỡ chữ nhỏ)

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc khổ thơ cần viết chính tả.

- GV hỏi HS về nội dung khổ thơ (ca ngợi cô giáo hiền, giọng nói đầm ấm).

- GV chỉ cho HS đọc những chữ các em dễ viết sai, VD: giáo, hiền, giọng, lời. Nhắc HS viết hoa chữ Tấm.

- HS nhẩm đánh vần, đọc thầm từng tiếng mình dễ viết sai.

- HS gấp SGK, nghe GV đọc từng dòng thơ, viết vào vở Luyện viết 1, tập hai, tô những chữ hoa đầu câu (GV đọc mỗi dòng không quá 3 lần). (Với dòng thơ 4 chữ, có thể đọc liền cả dòng hoặc đọc 2 chữ một: *Hiền như- cô Tấm / Giọng cô – đầm ấm*,...).

- HS viết xong, cầm bút chì, nghe GV đọc chậm từng dòng thơ, soát lỗi. Gạch dưới chữ viết sai bằng bút chì, viết lại cho đúng ra lề vở, ghi số lỗi bên bài viết.

- HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. Trong khi đó, GV chữa bài cho HS. GV có thể chiếu một số bài lên bảng lớp để sửa chữa.

***2.2. Làm bài tập chính tả***

a) BT 2 (Em chọn chữ nào: **g** hay **gh**?).

- GV nêu YC; viết / chiếu lên bảng các từ ngữ: đứng lên ...**ế**, cúi gằm mặt, bước lại ...**ần**.

- 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả: **gh + e, ê, i; g+a, o, ô, u,...**

- HS làm bài.

- (Chữa bài) 1 HS lên bảng điền chữ **g, gh** vào chỗ trống để hoàn thành câu, đọc kết quả: đứng lên **gh**ế, cúi **g**ằm mặt, bước lại **g**ần.

- Cả lớp đọc lại 3 câu văn; sửa bài theo đáp án.

b) BT 3 (Tìm nhanh, viết đúng)

- HS đọc YC.

- Tìm trong bài đọc, viết vào vở Luyện viết 1, tập hai 1 tiếng có vần **ai**, 2 tiếng có vần **ay** (viết nhiều hơn 2 vần **ay** càng tốt).

- (Chữa bài) GV phát thẻ giấy cho 2 HS làm bài trên bảng lớp, nói kết quả: 1 tiếng có vần ai (lại); 2 tiếng có vần ay (2 trong các tiếng: ngay, dãy, may, quay, nãy).

- Cả lớp nói lại kết quả.

**3, Củng cố, dặn dò**

- Chỉ cho HS đọc một số tiếng.

- Tuyên dương những HS tích cực.

TẬP ĐỌC

**KIẾN EM ĐI HỌC**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung câu chuyện vui: Kiến em rất buồn vì thầy giáo chế chữ kiến quá nhỏ, thầy không đọc được. Thì ra thầy giáo của kiến em là thầy voi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Các thẻ chữ để HS làm BT chọn ý đúng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Thầy giáo; trả lời câu hỏi: Vì sao các bạn HS rất thích thầy giáo của mình?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Chọn 1 trong 2 cách***

a) Nghe hát hoặc hát bài Ngày đầu tiên đi học (Tác giả: Nguyễn Ngọc Thiện).

b) Thảo luận nhóm: Nói về ngày đầu tiên em đi học:

- Ngày đầu tiên em đến trường là ngày nào? Ấn tượng rõ nhất của ngày đầu em đến trường là ai, là cái gì? Ấn tượng đó là vui hay buồn? Về nhà em đã kể những gì cho người thân nghe về ngày đầu đi học?

- GV nhận xét khích lệ, không kết luận đúng - sai.

***1.2. Giới thiệu bài***

Các em sẽ đọc câu chuyện về ngày đầu đến trường của một chú kiến. Chú kiến trong truyện này rất thích đi học. Bố mẹ mua cho kiến mọi thứ để chú đến trường.

HS quan sát tranh: Tranh vẽ kiến và cặp sách. Trong tranh, kiến bé tí tẹo, còn thầy giáo voi to khổng lồ. Thầy voi đeo kính, nằm rạp xuống mặt đất, giương kính hiển vi lên soi thứ gì đó dưới đất. Không rõ có chuyện gì xảy ra mà ngày đầu từ trường trở về, kiến rất buồn.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng kể chậm, nhẹ nhàng. Lời kiến anh ân cần, lời kiến em buồn tủi. Kết thúc truyện, GV bình luận: Thì ra thầy giáo của kiến là thầy voi. Voi thì quá to. Kiến thì quá bé. Thảo nào thầy bảo không đọc được chữ của kiến.

b) Luyện đọc từ ngữ: buồn lắm, oà lên, nức nở, nằm sát đất, giương kính lên,...

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có mấy câu? (11 câu).

- HS đọc vỡ từng câu.

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). GV sửa lỗi phát âm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu: Thầy nằm sát đất, giường kính lên / cũng không đọc được.

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 6 câu); thi đọc cả bài (theo cặp / tô). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi và các phương án trả lời.

- HS suy nghĩ, chọn ý trả lời đúng, ý mình thích.

- GV (câu hỏi 1): Vì sao từ trường trở về, kiến em rất buồn? /HS: Vì thầy chê chữ kiến em nhỏ quá.

- GV (câu hỏi 2): Nếu em là kiến anh, em sẽ làm gì? / HS có thể chọn ý bất kì. VD: HS 1 (chọn ý a*): Nói với mẹ xin chuyển kiến em sang lớp của thầy kiến*.

- GV (nêu lại câu hỏi 2, mời HS 2). / HS 2 (có thể chọn ý b): *Khuyên em đừng buồn vì thầy là voi thì không đọc được chữ của kiến.*

- GV (nêu lại câu hỏi 2, mời HS 3) / HS 3 (có thể nêu ý kiến khác). VD: Nói với kiến em: *Anh sẽ dẫn em đến học lớp cô giáo ong. Cô giáo ong chắc chắn sẽ đọc được chữ của em. Rồi em sẽ thấy đi học rất vui thôi.*

\* Có thể tổ chức cho HS lớp 1 tập tranh luận theo câu hỏi 2, vì 2 phương án trả lời mà SGK nêu ra đều có lý; ngoài ra, HS còn có thể đưa ra phương án khác.

Các bước tiến hành như sau: .

- GV đọc và giải thích YC của BT: Mỗi người có thể đưa ra cách giải quyết của mình. Cần trao đổi, tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình, đồng thời thuyết phục nhau, làm sáng tỏ vấn đề.

- Hình thành các nhóm theo 3 gợi ý của SGK: Nhóm đề nghị chuyển kiến em đến một lớp phù hợp hơn; Nhóm an ủi kiến em đừng buồn; Nhóm có ý kiến khác. Có thể tập hợp nhóm như sau: một HS giơ tấm biển ghi ý kiến (ví dụ: Chuyển lớp, An ủi hay Ý kiến khác), HS tán thành ý kiến nào thì ngồi vào nhóm ấy.

- Các nhóm trao đổi, lập luận để bảo vệ ý kiến của nhóm mình, phản bác ý kiến của nhóm bạn. GV tôn trọng quan điểm riêng của HS, hướng dẫn và giúp đỡ từng nhóm.

- Các nhóm cử đại diện tham gia tranh luận. Có thể tổ chức tranh luận theo cách sau:

+ Trước hết, đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Ví dụ, nhóm đề nghị Chuyển lớp có thể lập luận: “*Kiến thì phải học lớp của kiến. Thầy kiến đọc được chữ kiến thì mới giúp kiến em tiến bộ được*”.Nhóm An ủi lập luận: "*Nên động viên để kiến em tự tin. Kiến em học cùng các loài khác thì sẽ biết thêm nhiều điều mới lạ*”.Nhóm thứ 3 có thể nói: “*Nên đề nghị nhà trường mua máy chiếu hắt để phóng to chữ của kiến em*”.

+ Đại diện của nhóm có ý kiến khác biệt tranh luận. Ví dụ, nhóm Chuyển lớp tranh luận với nhóm An ủi: “*Dù thầy voi quan tâm đến kiến thì thấy cũng không đọc được chữ của kiến, do đó không giúp kiến em tiến bộ được*”. Nhóm An ủi tranh luận với nhóm Chuyển lớp: “*Chưa chắc đã có lớp học riêng của kiến; hoặc có nhưng lớp ấy xa*”.

- Sau mỗi cuộc tranh luận, cả lớp cùng GV nhận xét, đánh giá. GV phát hiện, biểu dương những ý kiến hay để khuyến khích HS phát huy sự tự tin và năng lực lập luận.

- GV (câu hỏi 3): Nói lời kiến em xin phép mẹ cho chuyển sang lớp của thầy kiến. (VD: “*Mẹ ơi, con xin phép mẹ cho con chuyển sang lớp của thầy giáo kiến nhé. Vì thầy giáo voi không đọc được chữ của con”./ “Mẹ ơi, mẹ xin phép thầy giáo voi cho con chuyển sang lớp của thầy giáo kiến nhé. Thầy giáo kiến mới đọc được chữ của con mẹ ạ*”./...).

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- 1 tốp (3 HS) làm mẫu: đọc theo 3 vai (người dẫn chuyện, kiến anh, kiến em).

- 2 tốp thi đọc truyện theo vai. GV khen tốp đọc hay. Tiêu chí: (1) Mỗi bạn đều đọc đúng vai, đúng lượt lời. (2) Đọc đúng từ, câu. (3) Đọc rõ ràng, biểu cảm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Chia sẻ câu chuyện với bạn bè, người thân.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa C theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng: buồn bã, nức nở; Chữ kiến nhỏ quá, thầy chê bằng kiểu chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí: đưa bút theo đúng quy trình viết; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Máy chiếu (hoặc bảng phụ) để chiếu / viết mẫu chữ viết hoa C đặt trong khung chữ; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa B đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa C (hoặc gắn bìa chữ in hoa C), hỏi HS: Đây là mẫu chữ gì? / HS: Đây là mẫu chữ in hoa C.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ C in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa C (chỉ khác C in hoa ở các nét uốn mềm mại) và luyện viết các từ ngữ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa C***

- GV dùng máy chiếu hoặc bìa chữ mẫu, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tô chữ (kết hợp mô tả và cầm que chỉ “tô” theo từng nét để HS theo dõi): Chữ viết hoa **C** gồm 1 nét có sự kết hợp của 2 nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau. Đặt bút trên ĐK 6, tô nét cong dưới rồi chuyển hướng tô tiếp nét cong trái, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, phần cuối nét lượn vào trong.

- HS tô chữ viết hoa **C** cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc từ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ): buồn bã, nức nở; Chữ kiến nhỏ quá...

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái (b, h, k: cao 2,5 li; q: cao 2 li); khoảng cách giữa các chữ (tiếng), viết liền mạch, nối nét giữa các chữ, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai, hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp.

- Dặn HS hoàn thiện bưu thiếp đã làm và không quên mang đến lớp để tham gia trưng bày bưu thiếp trong tiết tới.

TẬP ĐỌC

**ĐI HỌC**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài thơ.

- Hiểu nội dung bài thơ: Bạn nhỏ đã biết tự đến trường. Đường đến trường thật đẹp. Bạn yêu mái trường, yêu cô giáo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Kiến em đi học; trả lời câu hỏi: *Vì sao từ trường trở về, kiến em rất buồn?*

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. HS nghe hoặc hát bài hát Đi học*** (Lời: Minh Chính, nhạc: Bảo An).

***1.2. Giới thiệu bài***

GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ: Các bạn nhỏ ở vùng đồi núi trung du đi học. Đường đến trường thật đẹp, có cọ xoè ô che nắng trên đường các bạn đi học.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng đọc vui, nhẹ nhàng, tình cảm.

b) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp) đọc: **dắt tay, từng bước, một mình, tới lớp, nằm lặng, hương rừng, nước suối, thầm thì, xoè ô, râm mát.**

c) Luyện đọc các dòng thơ

- GV: Bài thơ có bao nhiêu dòng? (12 dòng).

- HS (cá nhân, từng cặp) đọc tiếp nối 2 dòng thơ một.

d) Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ, cả bài thơ (từng cặp, tổ). Cuối cùng, 1-2 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh (đọc nhỏ).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối đọc 3 câu hỏi trong SGK.

- HS làm việc nhóm đôi, trao đổi, trả lời câu hỏi.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Vì sao hôm nay bạn nhỏ tới lớp một mình? /HS: Bạn nhỏ đến lớp một mình vì hôm nay mẹ bạn lên nương.

+ GV: Trường của bạn nhỏ ở đâu? / HS: Trường của bạn nhỏ nằm lặng giữa rừng cây.

+ GV: Đường đến trường có những gì? Những ý nào đúng? HS:

b) Có hương rừng thơm, dòng suối trong.

c) Có những cây cọ xoè ô che nắng cho bạn nhỏ.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

- GV: Bài thơ nói điều gì? HS phát biểu. GV: Bài thơ nói về tình cảm của bạn HS với mái trường, với thầy cô. Bạn yêu con đường dẫn đến trường, yêu trường học, yêu cô giáo.

\* Nếu còn thời gian, GV có thể hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Ba món quà, nhắc HS nhớ mang bưu thiếp đến lớp, tham gia tiết trưng bày bưu thiếp.

GÓC SÁNG TẠO

**TRƯNG BÀY BƯU THIẾP “LỜI YÊU THƯƠNG”**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết cùng các bạn trong nhóm trưng bày bưu thiếp.

- Biết bình chọn bưu thiếp mình yêu thích.

- Biết giới thiệu tự tin, đọc bưu thiếp to, rõ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

- Các viên nam châm, kẹp hoặc ghim, băng dính để đính sản phẩm lên bảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

- Trong tiết học này, các em sẽ cùng trưng bày bưu thiếp Lời yêu thương. Chúng ta sẽ xem bưu thiếp của bạn nào được nhiều bạn yêu thích.

- GV kiểm tra: HS nào quên sản phẩm ở nhà, HS nào đã sửa chữa, viết lại phần lời để nâng chất lượng bưu thiếp.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học*** (5, 6 phút)

- HS 1 đọc YC của BT 1. Cả lớp lắng nghe, quan sát minh hoạ: Các bạn HS của các tổ đang gắn bưu thiếp lên bảng lớp hoặc bày lên mặt bàn.

- HS 2 đọc YC của BT 2 (bắt đầu từ Cùng xem, cùng đọc và bình chọn... ). GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc lời trong 4 bưu thiếp. Nhắc HS: Khi bình chọn, cần chú ý cả hình thức và lời viết trên bưu thiếp.

- HS 3 đọc YC của BT 3. GV: Những bưu thiếp được bình chọn nhiều nhất sẽ được giữ lại, gắn lên bảng lớp.

- HS 4 đọc YC của BT 4. Cả lớp quan sát hình ảnh các bạn HS có bưu thiếp được bình chọn đang cầm trên tay sản phẩm của mình, nhận lời chúc mừng.

***2.2. Trưng bày***

- HS gắn bưu thiếp lên bảng lớp, bảng nhóm hoặc bày lên mặt bàn. Có thể gắn các bưu thiếp lên tường như một phòng tranh. GV chỉ vị trí cho các tổ gắn bưu thiếp: Một vài tổ gắn lên bảng lớp, một vài tổ gắn lên bảng nhóm, lên tường hoặc bày trên mặt bàn của tổ trưởng. Khuyến khích cách trưng bày mới lạ. (Nhắc những HS đính bưu thiếp trong VBT thì gỡ ra để trưng bày. Bạn nào làm bài trong VBT thì mở trang vở đó).

- Các tổ trưng bày sản phẩm.

- Cả lớp đếm số bưu thiếp của mỗi tổ xem tổ nào có đủ sản phẩm (1 tiêu chí thi đua).

***2.3. Bình chọn***

Lần lượt từng tổ đi xem bưu thiếp của tổ mình và các tổ bạn. Một tổ (VD: tổ 1) xem trước. Các thành viên trao đổi nhanh, chọn tổ trưng bày đẹp; chọn 3 bưu thiếp ấn tượng của tổ mình, một vài bưu thiếp ấn tượng của tổ khác. Tổ trưởng báo cáo kết quả (GV đánh dấu những sản phẩm được chọn). Tiếp đến các tổ khác.

***2.4. Tổng kết***

GV gắn lên bảng lớp những bưu thiếp được đánh giá cao. Kết luận về nhóm trưng bày đẹp (có đủ sản phẩm; sắp xếp hợp lý, sáng tạo).

***2.5. Thưởng thức***

- Các bạn có bưu thiếp được bình chọn lần lượt giới thiệu trước lớp bưu thiếp của mình (làm tặng ai, trang trí thế nào), đọc lời ghi trong bưu thiếp.

- Cả lớp bình chọn những bưu thiếp được yêu thích nhất minh hoạ, trang trí, tô màu ấn tượng, lời viết hay). GV đếm số HS giơ tay bình chọn cho từng bạn.

- Cả lớp hoan hô tất cả các bạn được gắn bài lên bảng lớp.

\* GV nên nhận xét khéo léo để HS nào được giới thiệu bưu thiếp trước lớp cũng vui vì được thầy cô và các bạn động viên. Không em nào phải khóc, phải buồn vì được ít bình chọn. Có thể thay đổi cách tổ chức: chọn 1 tổ có nhiều sản phẩm hay, mời tất cả các thành viên giới thiệu sản phẩm, đọc lời trong sản phẩm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học; khen ngợi những HS tham gia tích cực buổi trưng bày, hoàn thành tốt BT sáng tạo.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo tuần tới (đọc trước nội dung bài - SGK, tr. 105, 106 và 115); tìm tranh, ảnh (hoặc vẽ) một con vật hoặc loài cây, loài hoa yêu thích.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Ba món quà.

KỂ CHUYỆN

**BA MÓN QUÀ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Ba món quà.

- Nhìn tranh, kể được từng đoạn, toàn bộ câu chuyện theo tranh. Bước đầu biết thay đổi giọng kể để phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của người cha.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Sách vở, kiến thức là món quà quý nhất, là kho của dùng mãi không cạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / 5 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ câu chuyện Cô bé quàng khăn đỏ, mời HS 1 nhìn tranh, kể theo 3 tranh đầu. HS 2 kể theo 3 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

- GV gắn lên bảng tranh minh hoạ truyện Ba món quà. Các em hãy xem tranh để biết truyện có những nhân vật nào. (Truyện có ông bố và ba người con trai). GV: Hãy đoán nội dung câu chuyện. (Truyện kể về ba món quà của ba người con tặng cha mẹ).

- GV chỉ tranh 1 giới thiệu hình ảnh ba người con trai:

- Người đứng cạnh cha (mặc áo đỏ) là con cả.

+ Người đứng giữa (mặc áo màu vàng) là con út.

+ Người đứng cuối (mặc áo xanh lá cây) là con thứ hai.

**1.2.** Giới thiệu câu chuyện: Ba món quà là câu chuyện kể về ba món quà của ba người con trai tặng cha mẹ. Đó là quà gì? Món quà nào được người cha đánh giá là quý nhất?

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Kể đoạn 1 với giọng chậm rãi, lời người cha ôn tồn, khoan thai. Kể gây ấn tượng với những từ ngữ nức nở khen ngon – trầm trồ – sửng sốt mô tả thái độ của mọi người trước mỗi món quà. Kể chậm, rõ lời nhận xét, đánh giá từng món quà của người cha.

**Ba món quà**

(1) Gia đình kia có ba người con trai. Một hôm, người cha gọi ba con lại, bảo: “Các con đã lớn rồi. Từ mai, hãy đi đó đi đây mà học những điều khôn ngoan. Vào ngày này sang năm, mỗi con hãy mang về cho cha mẹ một món quà mà mình cho là quý nhất”.Ba anh em vâng lời ra đi.

(2) Một năm sau, đúng hẹn, họ trở về.

Người em út tặng cha mẹ một xe thức ăn quý hiếm. Ai ăn cũng nức nở khen ngon. Người cha nói: “Xe thức ăn này có thể dùng được mươi ngày”.

(3) Anh thứ hai tặng cha mẹ một cái hộp đầy châu báu. Ai nấy trầm trồ. Người cha bảo: “Châu báu này dùng được mươi năm”.

(4) Còn anh cả vác về một tay nải nặng. Nhưng anh chưa vội mở ra. Anh kể chuyện cho mọi người nghe. Anh nói những điều ít ai biết. Chuyện anh kể hay quá, cả xóm kéo đến nghe.

(5) Cuối cùng, anh mở tay nải ra. Mọi người sửng sốt: Toàn sách là sách! Người cha khen: “Quà con mang về là món quà quý nhất. Bởi vì kiến thức mới là kho của dùng mãi không cạn”.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

- GV chỉ tranh 1, hỏi từng câu: Người cha gọi ba con trai lại và nói gì? Người cha gọi ba con lại, bảo: “Các con đã lớn rồi. Từ mai, hãy đi đó đi đây mà học những điều khôn ngoan. Vào ngày này sang năm, mỗi con hãy mang về cho cha mẹ một món quà mà mình cho là quý nhất?). Các con nghe lời cha, đã làm gì? (Ba anh em vâng lời cha, ra đi).

- GV chỉ tranh 2: Năm sau trở về, người em út tặng cha mẹ quà gì? (Năm sau trở về, người em út tặng cha mẹ một xe thức ăn quý hiếm. Ai ăn cũng nức nở khen ngon). Người cha nói thế nào về món quà đó? (Người cha nói: “Xe thức ăn này có thể dùng được mươi ngày”).

- GV chỉ tranh 3: Anh thứ hai tặng cha mẹ quà gì? (Anh thứ hai tặng cha mẹ một hộp đầy châu báu. Ai nấy trầm trồ). Người cha nói thế nào về món quà của anh? (Người cha bảo: “Châu báu này dùng được mươi năm”).

- GV chỉ tranh 4: Quà của người anh cả có gì lạ? (Quà của anh cả là một tay nải nặng. Nhưng anh chưa vội mở ra). Trước khi mở quà, anh làm gì? (Trước khi mở quà, anh kể chuyện cho mọi người nghe. Anh nói những điều ít ai biết. Chuyện anh kể hay quá, cả xóm kéo đến nghe).

- GV chỉ tranh 5: Món quà của anh cả là gì mà khiến mọi người sửng sốt? (Mọi người sửng sốt vì quà của anh cả toàn sách là sách). Người cha nói thế nào về món quà đó? (Người cha khen: “Quà con mang về là món quà quý nhất. Bởi vì kiến thức mới là kho của dùng mãi không cạn”).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 5 tranh (GV mời thêm 1 HS nữa kể chuyện).

\* GV cất tranh, mời 1 HS giỏi kể lại câu chuyện (YC không bắt buộc).

Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể chuyện đúng, kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Em thích nhân vật nào – người cha, người con cả, con thứ hai, hay người con út? HS thích người cha (vì sự thông thái), thích người con cả (vì món quà quý, dùng không cạn mà anh mang về). Nếu có HS thích người con thứ hai, hoặc con út, GV cũng không nên đánh giá như thế là sai, vì những món quà của họ tuy không quý nhất nhưng cũng rất quý.

- GV: Người cha đánh giá món quà của anh cả là quý nhất, theo em đánh giá ấy có đúng không? Câu chuyện này giúp em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Sách vở, kiến thức là tài sản quý, là kho của cải dùng mãi không cạn. Các em cần chăm chỉ học tập để trở thành người thông minh, hiểu biết, giàu có tri thức.

- Cả lớp bình chọn những bạn HS kể chuyện hay, hiểu câu chuyện.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Chuyện của hoa hồng. Nhắc lại yêu cầu chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo (Tìm và mang đến lớp 1 quyển truyện, đọc cho các bạn nghe đoạn truyện, câu chuyện thú vị vừa đọc).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa D, Đ theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ ngữ, câu ứng dụng (rừng cây, đồi vắng, Đường đến trường thật đẹp) chữ thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; đưa bút đúng quy trình viết; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu (hoặc bảng phụ) chiếu / viết mẫu chữ hoa D, Đ đặt trong khung chữ; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

- Bìa chữ viết hoa C (để kiểm tra bài cũ).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa C đã học.

- GV kiểm tra 3 – 4 HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa D, Đ (hoặc gắn bìa), hỏi HS: Đây là mẫu chữ gì? (HS: Đây là mẫu chữ in hoa D, Đ).

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ D, Đ in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa D, Đ (chỉ khác chữ D, Đ in hoa ở các nét uốn); luyện viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa D, Đ***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tô chữ (GV vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tô” theo từng nét):

+ Chữ viết hoa D gồm 1 nét là kết hợp của 2 nét cơ bản: lượn hai đầu (dọc) và cong phải. Đặt bút trên ĐK 6 tô nét lượn hai đầu từ trên xuống dưới, sau đó lượn sang phải để tô tiếp nét cong phải, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, phần cuối nét cong lượn hắn vào trong.

+ Chữ viết hoa Đ gồm 2 nét: Nét đầu tô như chữ viết hoa D. Nét 2 là nét thẳng ngang (ngắn), tô ngang thân chữ.

- HS tô các chữ viết hoa D, Đ cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc từ ngữ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ): rừng cây, đồi vắng, Đường đến trường thật đẹp.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các con chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), viết liền mạch, nối nét giữa các chữ, giữa chữ viết hoa Đ và chữ ư, cách đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn quyển truyện mình mang tới lớp.

- Đọc to, rõ cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / hình minh hoạ các bìa sách ở BT 1.

- Một số truyện thú vị, phù hợp với lứa tuổi do GV và HS mang đến lớp.

- Sách Truyện đọc lớp 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Giới thiệu bài**

Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tập giới thiệu rõ ràng, tự tin một quyển truyện mình yêu thích. Đọc cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học***

- HS 1 đọc trước lớp 4 YC của bài học trong SGK.

- HS 2 nhìn bìa sách, đọc tên truyện: Cây khế, Truyện đọc lớp 1, Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn, Nàng tiên cá, Truyện cười dân gian Việt Nam, Dế Mèn phiêu lưu kí,...

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu truyện Cậu bé và đám cháy (M): Đây là một truyện rất bổ ích vì nó dạy các em biết cách thoát hiểm khi nhà em hay lớp em bị cháy. Nếu không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc truyện này. (Nếu tất cả HS đều có sách mang đến lớp: Truyện Cậu bé và đám cháy rất bổ ích. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc truyện này).

***2.2. Giới thiệu tên truyện***

- GV yêu cầu mỗi HS đặt trước mặt quyển truyện mình mang đến lớp; hỏi các nhóm đã trao đổi sách báo, hỗ trợ nhau đọc sách như thế nào.

- Một vài HS giới thiệu tên truyện của mình. VD: Tôi mang đến lớp quyển Chuyện kể hằng đêm. Truyện rất hay. Mẹ tặng tôi quyển truyện này vào đêm Nô-en.

\* GV vẫn khen ngợi nếu có HS mang truyện tranh hoặc một quyển thơ, tờ báo đến lớp. Vì điều quan trọng là các em có sách báo để đọc trong giờ học.

\* Thời gian dành cho các hoạt động trên khoảng 10 phút.

***2.3. Tự đọc sách***

- GV dành thời gian yên tĩnh cho HS tự đọc sách. Nhắc HS chọn đọc kĩ, đọc đi đọc lại một đoạn truyện hay để có thể tự tin đọc to, rõ trước lớp. Với những HS không mang sách đến lớp, GV nhắc các em mượn sách của lớp đặt trên giá (thư viện mini); có thể đọc lại truyện Cậu bé và đám cháy. Có thể cho phép 1, 2 nhóm HS đọc sách dưới gốc cây trong sân trường.

- GV đi tới từng nhóm giúp HS chọn đoạn đọc.

**TIẾT 2**

\* HS có thể đọc thêm 5 – 7 phút nữa ở tiết 2.

***2.4. Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích***

- GV mời HS đọc truyện trước lớp, ưu tiên HS đã đăng kí đọc từ tuần trước.

- Từng HS đứng trước lớp (hướng về các bạn), đọc to, rõ đoạn truyện yêu thích (HS có thể sử dụng micro – nếu có). Các bạn và thầy / cô có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm. VD: Đặt câu hỏi cho HS vừa đọc truyện Cậu bé và đám cháy: Em học được ở bạn Huy điều gì qua câu chuyện này? (Huy bình tĩnh khi thấy cháy. / Huy gọi ngay số điện thoại báo cháy. / Huy biết nhúng khăn tắm, quần áo nhét kín các khe cửa để khói không luồn vào nhà. /...).

- Cả lớp bình chọn bạn đọc truyện hay, thú vị. (GV nhận xét khéo léo để HS nào cũng thấy mình được thầy cô và các bạn động viên).

- GV mời HS đăng kí đọc trước lớp trong tiết học sau.

\* YC kể lại đoạn vừa đọc là YC khó với lớp 1. GV không đòi hỏi HS phải kể lại câu chuyện nếu HS không tự nguyện.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS đã thể hiện tốt trong tiết học.

- Nhắc HS chuẩn bị trước cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau (đọc truyện tranh): tìm 1 quyển truyện tranh, mang đến lớp. Nếu không tìm được truyện tranh, em có thể mang những quyển sách khác đến lớp.

CHỦ ĐIỂM

**THIÊN NHIÊN**

TẬP ĐỌC

**SƠN CA, NAI VÀ ẾCH**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung chính của câu chuyện: Sơn ca, nai và ếch rất thân thiết với nhau. Chúng thử đổi việc cho nhau. Cuối cùng, ba bạn đã hiểu: Mỗi loài có thói quen, cách sống rất riêng, đổi việc là dại dột.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / hoặc giấy khổ to, bảng phụ / VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ Đi học, trả lời câu hỏi: Đường đến trường của bạn nhỏ có gì đẹp?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý).

***1.1. Thảo luận nhóm***

GV đưa lên bảng minh hoạ bài tập đọc, yêu cầu HS:

- Quan sát tranh, chỉ các con vật trong tranh (sơn ca, ếch, nai).

- Hãy nói những gì em biết về môi trường sống của mỗi con vật trên? (Sơn ca bay trên bầu trời. Nai sống trong rừng rậm. Ếch sống dưới nước, trong ao, hồ, đầm).

- Hãy tưởng tượng nếu các con vật đổi việc cho nhau thì sẽ thế nào? Giống như nếu em rời ngôi nhà ấm áp của mình chuyển xuống ở dưới ao, hồ, hoặc vào sông trong rừng rậm, hoặc làm tổ trên cây thì sẽ thế nào? HS phát biểu. GV không kết luận đúng - sai.

***1.2. Giới thiệu bài***

Các em sẽ đọc câu chuyện kể về ba bạn sơn ca, nai và ếch muốn đối việc cho nhau để nếm trải những cảm giác mới. Nhưng cuối cùng các bạn đã hiểu: nêu đổi nơi ở, thay đổi lối sống của mình thì điều gì sẽ xảy ra.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng ở 5 câu đầu, hồi hộp ở câu kể về quyết định đổi chỗ; căng thẳng ở đoạn mô tả sự đổi chỗ của các con vật và hậu quả; giọng vui, nhẹ nhàng, thoải mái ở 2 câu cuối.

b) Luyện đọc từ ngữ: **quyết định, đổi việc, suýt nữa thì chết đuối, leo lên, tung mình, rơi huỵch, đau điếng, rừng rậm, khủng khiếp, dại dột**. Giải nghĩa từ: **chết đuối** (chết ngạt do chìm dưới nước).

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 12 câu.

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc vỡ từng câu (đọc liền 2 – 3 câu ngắn).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

d) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (5 câu / 5 câu/ 2 câu); thi đọc cả bài.

**TIẾT 2**

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi, BT trong SGK.

- HS quan sát tranh minh hoạ BT 3 (gợi ý trả lời câu hỏi 3). GV chỉ từng hình, HS nói: máy bay, tập bơi, thuyền, lặn dưới nước, lửa, tàu thuỷ, lều. Nhắc HS bài 133 Hà mã bay (SGK, tr. 71) đã có gợi ý trả lời ý a.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi – HS trong lớp trả lời:

+ GV (câu hỏi 1): Sơn ca, nai và ếch đã đổi việc cho nhau như thế nào? HS: Sơn ca xuống nước. Nai tập bay. Ếch vào rừng.

+ GV (câu hỏi 2): Chọn ý đúng: Ba bạn không đổi việc cho nhau nữa vì đã hiểu: Cả lớp giơ thẻ: Ý a..

Cả lớp: Ba bạn không đổi việc cho nhau nữa vì đã hiểu: Mỗi loài có một cách sống; đổi việc là dại dột.

- GV (câu hỏi 3) hỏi - HS trả lời (GV mở rộng gợi ý). Đáp án:

a) Để bay lên bầu trời, con người đã sử dụng máy bay, khinh khí cầu, tàu lượn, tàu vũ trụ,....

b) Để bơi, lặn dưới nước, con người đã tập bơi, tập lặn, lướt ván, đóng thuyền, đóng tàu thuỷ, làm tàu ngầm,...

c) Đề sống được trong rừng sâu, con người đã dùng lửa, dùng túi ngủ, dựng lều, dựng nhà cửa,...

- GV: Con người rất thông minh. Vì vậy, khác với các con vật, con người có thể luyện tập hoặc chế tạo ra các phương tiện để bay lên trời, bơi lặn dưới nước, sống trong rừng sâu,...

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - 1 tổ (hoặc cả lớp) đáp.

***2.3. Luyện đọc lại***: 2 HS thi đọc bài trước lớp. (Mỗi HS đều đọc cả bài).

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những HS tích cực.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Tập chép lại bài thơ *Chim sâu*, mắc không quá 2 lỗi.

- Điền đúng vần uyt, uych, chữ c, k vào chỗ trống để hoàn thành các câu văn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV viết lên bảng lớp (2 lần): *...ế, cúi ...ằm, lại ...ần*; mời 2 HS lên bảng điền chữ g hay gh vào chỗ trống để hoàn thành từ.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tập chép***

- 1 HS nhìn bảng đọc bài thơ Chim sâu. Cả lớp đọc lại.

- GV chỉ từng tiếng dễ viết sai, cả lớp đọc (VD: *chim sâu, chăm nhặt, bắt sâu, búp nở, hoa cười).*

- HS nhẩm đánh vần từng tiếng các em dễ viết sai.

- GV: Bài thơ nói điều gì? HS: *Bài thơ khen chim sâu chăm chỉ bắt sâu cho cây lá nên cây lá rất yêu quý, biết ơn chim sâu.*

- HS mở vở Luyện viết 1, tập hai, nhìn mẫu, chép lại bài thơ, tô các chữ hoa đầu câu. (GV nhắc những HS chép câu văn vào vở nhớ viết chữ đầu câu lùi vào 1 ô).

- HS viết xong, tự đối chiếu với bài mẫu, soát bài; dùng bút chì gạch chân chữ viết sai, ghi số lỗi ra lề vở.

- GV sửa chữa, nhận xét một số bài của HS.

***2.2. Làm bài tập chính tả***

a) BT 2 (Em chọn vần nào: uyt hay uych?)

- HS đọc YC. GV viết lên bảng s.., h... (2 lần).

- HS làm bài vào VBT (điền vẫn còn thiếu vào từng chỗ trống).

- 2 HS báo cáo kết quả (điền vần trên bảng lớp).

- Cả lớp đọc 2 cậu đã hoàn chỉnh:

a) Sơn ca thử lao mình xuống nước, suýt chết đuối.

b) Nai leo lên mỏm đá tập bay thì rơi huỵch xuống đất.

b) BT 3 (Chữ nào hợp với chỗ trống: **c** hay **k**?)

- HS đọc YC. GV viết lên bảng: *...ể, ...âu chuyện, ...ính, ...on.*

- HS làm bài vào VBT hoặc vào vở (chỉ viết chữ cần điền: kể, con,...).

- (Chữa bài) 1 HS điền chữ trên bảng lớp. (Có thể tổ chức thi tiếp sức: Các từ thiếu chữ được viết trên bảng 2 lần. Hai nhóm (mỗi nhóm 4 HS) tiếp nối nhau điền chữ. Nhóm điền đúng, nhanh, báo cáo kết quả rõ ràng sẽ thắng cuộc).

- Cả lớp đọc*: kể viết là ca* / *câu (chuyện) viết là cờ* / *kính viết là ca* / *con viết là cờ*.

- Cả lớp đọc lại 2 câu văn:

1) Sơn ca, nai và ếch thường kể cho nhau nghe những câu chuyện thú vị.

2) Thầy giáo voi giương kính lên cũng không đọc được chữ của kiến con.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV tuyên dương, khen ngợi những HS tích cực.

TẬP ĐỌC

**CHUYỆN TRONG VƯỜN**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung bài: Mai nhân hậu, yêu cây cỏ, hoa lá, thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Sơn ca, nai và ếch; trả lời câu hỏi: Vì sao ba bạn không đổi việc cho nhau nữa?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý).

***1.1.*** HS nghe hát hoặc hát bài Hoa lá mùa xuân (Sáng tác: Hoàng Hà).

***1.2. Giới thiệu bài***: HS quan sát tranh minh hoạ vườn hoa, hai bà cháu ôm nhau. Có chuyện gì xảy ra trong vườn?

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Lời bà dịu dàng, lời Mai nhỏ nhẹ, dễ thương.

b) Luyện đọc từ ngữ: sáng sớm, tưới hoa, cẩn thận, kẻo ngã, ngã sóng soài, ứa nhựa, chạy vội,... GV giải nghĩa: phủi (gạt nhẹ).

c) Luyện đọc câu.

- GV: Bài đọc có 14 câu.

- GV chỉ từng câu (liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu) (cá nhân, từng cặp).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (Từ đầu đến ... kẻo ngã nhé! / Tiếp theo đến ... không sao ạ! / còn lại); thi đọc cả bài (quy trình như đã hướng dẫn).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 câu hỏi trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời các câu hỏi.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Thấy Mai ra vườn, bà nhắc Mai điều gì? / HS: Bà nhắc: *Cháu đi cẩn thận kẻo ngã*.

+ GV: Vì sao Mai nghĩ là hoa đang khóc? / HS: *Vì Mai thấy cành hoa gãy đang ứa nhựa như nó đang khóc vì đau.*

+ GV: Em hãy giúp Mai nói lời xin lỗi cây hoa. / HS: *Hoa ơi, xin lỗi vì đã làm hoa đau nhé.*/...

+ GV: Hãy chọn cho Mai một cái tên mà em thích. / HS: Cô bé giàu tình cảm. /....

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

- GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì về bạn Mai? (HS: Mai rất yêu hoa. / Mai có ý thức bảo vệ cây, hoa).

- GV: Mai là cô bé nhân hậu; có tình yêu với cây cỏ, hoa lá, thiên nhiên. Các em hãy học tập Mai - có ý thức bảo vệ môi trường, yêu thương cỏ cây, hoa lá.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- Một tốp (3 HS) đọc (làm mẫu) theo 3 vai: người dẫn chuyện, Mai, bà Mai.

- 2 – 3 tốp thi đọc theo vai. GV khen những HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời; đọc đúng từ, câu; đọc biểu cảm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Chia sẻ với bạn bè, người thân về câu chuyện.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa E, Ê theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (kể chuyện, quen thuộc, Ếch, nai và sơn ca thân nhau) bằng kiểu chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Máy chiếu / bảng phụ viết mẫu chữ viết hoa E, Ê đặt trong khung chữ; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ viết trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ hoa D, Đ đã học.

- GV kiểm tra 3 – 4 HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa E, Ê, hỏi HS: Đây là mẫu chữ gì? HS: Đây là mẫu chữ in hoa E, Ê.

- GV: SGK đã giới thiệu chữ in hoa E, Ê. Bài 35 giới thiệu cả mẫu chữ E, Ê in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa E, Ê, chỉ khác chữ in hoa E, E ở các nét uốn; luyện viết các từ ngữ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa E, Ê***

- GV dùng máy chiếu hoặc bìa chữ mẫu, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tổ chữ (kết hợp mô tả và cầm que chỉ “tô” theo từng nét):

+ Chữ E viết hoa gồm 1 nét là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét cong dưới, 2 nét cong trái liền nhau. Đặt bút trên ĐK 6 tô nét cong dưới, sau đó tô tiếp 2 nét cong trái, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ và vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ, phần cuối nét cong trái thứ hai lượn hắn vào trong.

+ Chữ viết hoa gồm 3 nét: Nét đầu tô như chữ E viết hoa. Tiếp theo, tô 2 nét thẳng xiên ngắn tạo “dấu mũ” trên đầu chữ E.

- HS lần lượt tô các chữ viết hoa E, Ê cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc từ và câu ứng dụng (cỡ nhỏ): kể chuyện, quen thuộc, Ếch, nai và sơn ca thân nhau.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa chữ viết hoa E và ch, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: đọc trước nội dung bài (SGK, . tr. 105, 106 và 115); tìm tranh, ảnh (hoặc vẽ) một con vật hoặc một loài cây, loài hoa yêu thích.

TẬP ĐỌC

**KỂ CHO BÉ NGHE**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ (nghỉ dài như khi gặp dấu chấm).

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Biết cùng bạn hỏi - đáp theo nội dung bài đọc; hỏi - đáp về những con vật, đồ vật, cây cối xung quanh.

- Hiểu nội dung bài: Các con vật, đồ vật quanh em có những đặc điểm thật ngộ nghĩnh, đáng yêu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Chuyện trong vườn; trả lời câu hỏi:

- HS 1: Vì sao Mai nghĩ là hoa đang khóc?

- HS 2: Hãy chọn cho Mai một cái tên mà em thích.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1***. HS nghe hát hoặc hát bài hát về con vật. VD: bài Một con vịt (sáng tác: Kim Duyên), bài Đàn gà trong sân (nhạc Pháp, lời Việt: Ngô Ngọc Thắng) hoặc Đàn gà con (nhạc sĩ: Việt Anh).

***1.2. Giới thiệu bài***

GV đưa lên bảng hình minh hoạ bài đọc. HS quan sát tranh, nói tên các con vật, đồ vật trong tranh (vịt, chó, nhện, cối xay lúa, cua, máy bơm, máy cày, quạt hòm). Đây là các con vật, đồ vật có những đặc điểm rất ngộ nghĩnh, đáng yêu qua lời bài thơ Kể cho bé nghe của nhà thơ Trần Đăng Khoa.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: giọng vui, tinh nghịch.

b) Luyện đọc từ ngữ: ầm ĩ, vịt bầu, chó vện, chăng dây điện, quay tròn, quạt hòm, trâu sắt, phun nước bạc, nấu cơm,...

c) Luyện đọc các dòng thơ

- GV: Bài có 16 dòng thơ.

- HS đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).

d) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 8 dòng); thi đọc cả bài thơ.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 2 HS tiếp nối đọc 2 BT trong SGK (đọc cả M).

- HS làm việc nhóm đôi, cùng thực hành hỏi - đáp.

- BT 1 (hỏi - đáp theo nội dung bài đọc)

+ 2 HS hỏi - đáp:

HS 1: Hay nói ầm ĩ là con gì? HS 2: Là con vịt bầu.

HS 1: Hay hỏi đâu đâu là con gì? HS 2: Là con chó vện.

HS 1: Hay chăng dây điện là con gì? HS 2: Là con nhện con.

HS 1: Ăn no quay tròn là cái gì? HS 2: Là cối xay lúa.

HS 1: Mồm thở ra gió là cái gì? HS 2: Là cái quạt hòm.

HS 1: Không thèm cỏ non là con gì? HS 2: Là con trâu sắt.

HS 1: Rồng phun nước bạc là cái gì? HS 2: Là cái máy bơm.

HS 1: Dùng miệng nấu cơm là con gì? HS 2: Là cua là cáy.

+ (Lặp lại) GV chia lớp làm 2 nhóm. Nhóm 1 hỏi - nhóm 2 đáp.

+ (Đảo lại) Nhóm 2 hỏi - nhóm 1 đáp.

- BT 2 (hỏi - đáp về các con vật, đồ vật, cây cối xung quanh)

+ 2 HS khác hỏi - đáp:

HS 3: Con gì kêu “meo meo”? HS 4: Con mèo.

HS 3: Cái gì kêu “tùng, tùng” báo giờ học? HS 4: Cái trống trường.

HS 3: Con gì la to khi đẻ trứng? HS 4: Con gà mái.

HS 3: Con gì là bạn của nhà nông? HS 4: Con trâu…

+ (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

- GV: Bài thơ giúp em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Các con vật, đồ vật quanh em có những đặc điểm thật ngộ nghĩnh, đáng yêu. Nếu yêu quý chúng và chăm chú quan sát, các em sẽ nhận ra điều đó. Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã viết bài thơ này khi nhà thơ còn nhỏ, ở độ tuổi thiếu nhi.

\* Nếu còn thời gian, GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo.

GÓC SÁNG TẠO

**EM YÊU THIÊN NHIÊN**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Sưu tầm tranh, ảnh hoặc vẽ tranh về con vật / loài cây, loài hoa yêu thích; biết trang trí sản phẩm.

- Viết được một vài câu giới thiệu sản phẩm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Chuẩn bị của GV: Những mẩu giấy cắt hình chữ nhật đơn giản hoặc hình gì đó vui mắt (có dòng kẻ ô li) để phát cho HS viết và đính vào những sản phẩm. Các viên nam châm, kẹp hoặc ghim, băng dính để gắn sản phẩm của HS lên bảng lớp.

- ĐDHT của HS: Tranh, ảnh con vật, cây, hoa sưu tầm hoặc tranh HS tự vẽ con vật, cây, hoa; giấy màu, giấy trắng, bút chì màu, bút dạ, kéo, keo dán,...; Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài**

a) Chia sẻ: GV hướng dẫn HS quan sát các minh hoạ (BT 1), nhận ra hình ảnh các con vật, cây hoa được chụp, vẽ, cắt dán; đoán xem phải làm gì (sưu tầm tranh, ảnh, cắt dán, tô màu, vẽ, viết để thể hiện tình cảm yêu thiên nhiên).

b) Giới thiệu bài: Trong tiết học Em yêu thiên nhiên, các em sẽ sưu tầm tranh, ảnh hoặc tự vẽ tranh một con vật hoặc một loài cây, loài hoa yêu thích. Sau đó, trang trí, tô màu sản phẩm, viết lên đó lời giới thiệu. Cả lớp sẽ thi đua xem ai có sản phẩm đẹp, viết được lời giới thiệu ấn tượng, thể hiện đúng chủ đề Em yêu thiên nhiên.

**2. Khám phá** Cả lớp nhìn SGK, nghe 3 bạn tiếp nối nhau đọc 3 YC trong sách.

- HS 1 đọc YC của BT 1.

- HS 2 đọc YC của BT 2. 4 HS tiếp nối nhau đọc các lời giới thiệu làm mẫu bên 4 sản phẩm của 4 bạn HS.

- HS 3 đọc YC của BT 3; đọc lời giới thiệu bức tranh nói về tình bạn thân thiết giữa bạn Sơn và chó Lu.

**3. Luyện tập**

***3.1. Chuẩn bị***

- HS bày lên bàn ĐDHT; tranh, ảnh con vật, cây, hoa các em sưu tầm hoặc tranh, ảnh tự vẽ,... GV nhắc những HS chưa có tranh, ảnh sẽ vẽ nhanh một con vật hoặc một loài cây, loài hoa yêu thích.

- GV phát cho HS những mẩu giấy trắng có dòng kẻ ô li, cắt hình trái tim hoặc hình chữ nhật để HS sẽ viết rồi đỉnh vào vị trí phù hợp trên sản phẩm.

- HS mở VBT, GV hướng dẫn cách sử dụng trang vở;

+ Với những HS đã có sự chuẩn bị thì trang vở đó là nơi đính sản phẩm, lưu giữ sản phẩm, ghi nhận sự tiến bộ của HS.

+ Với những HS chưa có sự chuẩn bị, các em sẽ dán tranh, ảnh, vẽ con vật, cây hoa, trang trí trên trang vở này và viết lời giới thiệu ở vị trí trung tâm – chỗ có ô hình chữ nhật (hoặc hình trái tim) và các dòng kẻ ô li.

***3.2. Làm sản phẩm***

- HS trang trí sản phẩm: dán tranh, ảnh vào giấy và trang trí cho đẹp. Những HS chưa có tranh, ảnh sẽ vẽ một con vật hoặc một loài cây, hoa yêu thích (khoảng 8 – 10 phút).

- HS viết lời giới thiệu tranh, ảnh – viết vào sản phẩm hoặc vào mẩu giấy có dòng kẻ ô li, rồi dán lên sản phẩm. GV khuyến khích HS viết 3 – 4 câu. Nhắc HS ghi tên mình dưới sản phẩm.

***3.3. Giới thiệu sản phẩm với các bạn trong nhóm***

- Từng nhóm 3, 4 HS giới thiệu cho nhau sản phẩm của mình.

- GV đính lên bảng lớp 4 - 5 sản phẩm đẹp; mời HS giới thiệu. Có thể phóng to sản phẩm trên màn hình cho cả lớp nhận xét: sản phẩm nào có tranh, ảnh đẹp, lời giới thiệu hay.

\* GV cần động viên để tất cả HS đều làm việc, mạnh dạn thể hiện mình. Chấp nhận nếu HS viết sai chính tả, viết thiếu dấu câu. Không đòi hỏi chữ viết phải đẹp. Cuối giờ, GV sửa lời trên sản phẩm cho một số HS (lỗi chính tả, ngắt câu) để HS viết lại vào mẩu giấy khác (có dòng kẻ ô li) rồi đính lại vào sản phẩm.

**4. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo, nhắc HS về nhà trang trí sản phẩm cho ấn tượng hơn, viết lại lời giới thiệu cho hay hơn để chuẩn bị trưng bày vào tiết học tuần sau. Sản phẩm được sửa chữa vẫn được đính vào vị trí trong VBT (để không thất lạc) sau khi gỡ đi sản phẩm cũ.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Chuyện của hoa hồng.*

**KỂ CHUYỆN**

**CHUYỆN CỦA HOA HỒNG**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Chuyện của hoa hồng.

- Nhìn tranh, kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. Bước đầu biết thay đổi giọng kể; kể phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của hoa hồng, của mẹ đất, ông mặt trời.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Hoa hồng thơm, đẹp là nhờ công lao của mẹ đất nuôi dưỡng, nhờ sự giúp đỡ của anh giun đất,... Phải nhớ ơn những người đã nuôi dưỡng, chăm sóc mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu/ 5 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV gắn lên bảng 5 tranh minh hoạ câu chuyện Ba món quà, mời HS 1 kể chuyện theo 3 tranh đầu, HS 2 kể chuyện theo 2 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý).

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

GV gắn lên bảng 5 tranh minh hoạ Chuyện của hoa hồng: Các em hãy xem tranh để biết chuyện có những nhân vật nào? (Chuyện có 4 nhân vật: hoa hồng giun đất, mẹ đất và ông mặt trời).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***

Hoa hồng là loài hoa rất thơm và đẹp. Hoa hồng thường kiêu ngạo. Chuyện gì đã xảy ra với cô bé hoa hồng xinh đẹp trong câu chuyện này khi cô muốn rời khỏi mẹ đất đã nuôi dưỡng mình? Cuối chuyện, hoa hồng đã hiểu ra điều gì?

**2. Khám phá và luyện tập**

**2.1**. Nghe kể chuyện GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm.

- Câu mở đầu: kể khoan thai.

- Giọng hoa hồng lúc kinh hãi khi nhìn thấy giun đất; lúc coi thường, khinh miệt khi nói với mẹ về anh giun đất; lúc trầm trồ, ngưỡng mộ khi nhìn thấy cảnh vật từ trên cao; lúc sợ hãi, hoảng hốt cầu cứu ông mặt trời khi lả đi vì nắng.

- Giọng mẹ đất, ông mặt trời: chậm rãi, từ tốn.

- Hai câu cuối (sự ân hận của hoa hồng): giọng thấm thía.

Chuyện của hoa hồng

(1) Khu vườn nọ có nhiều loài hoa nhưng đẹp nhất, thơm nhất là hoa hồng.

Sáng hôm ấy, hoa hồng bỗng nghe thấy tiếng sột soạt dưới chân. Nhìn xuống, thấy một con vật thân dài loằng ngoằng, hoa hồng kêu lên: “Khiếp quá!”.

(2) Nghe thấy vậy, mẹ đất bảo:

- Đó là anh giun đất. Anh ấy là bạn tốt của cây cối. Nhờ có anh ấy mà đất tơi xốp, rễ cây hút được nước và thức ăn đấy con ạ.

Hoa hồng bĩu môi:

- Nom anh ta sợ quá. Con chả cần anh ta!

(3) Nói rồi hoa hồng đu lên cành bưởi. Từ trên cao, nó thấy khu vườn thật đẹp. Nó reo lên: “Ôi, đẹp quá!”.

(4) Đến trưa, mặt trời lên cao, những tia nắng chói chang hút dần dòng nhựa trong hoa hồng. Hoa hồng lả đi. Nó cầu cứu mặt trời:

- Cứu cháu với, ông mặt trời ơi!

Ông mặt trời bảo:

- Sao cháu lại trèo lên đó? Không có mẹ đất, cháu sống sao được. Hãy trở về với mẹ đất đi!

(5) Hoa hồng vội trèo xuống. Bộ rễ vừa tiếp đất, hoa hồng đã cảm thấy một dòng sữa ngọt lịm chạy khắp cơ thể khiến nó tỉnh táo hắn. Nó hối hận xin lỗi mẹ đất, xin lỗi anh giun đất! Từ đó, nó không bao giờ rời xa mẹ đất.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

HS nhìn tranh, nghe thầy cô hỏi, trả lời từng câu hỏi.

- GV chỉ tranh 1: Cây hoa hồng sống ở đâu? (Cây hoa hồng sống ở trong một khu vườn). Sáng ấy, hoa hồng nhìn thấy gì? (Sáng ấy, hoa hồng nhìn thấy một con vật có thân dài). Nó đã nói gì? (Nó kêu lên: Khiếp quá!).

- GV chỉ tranh 2: Mẹ đất giải thích với hoa hồng thế nào? (Mẹ giải thích: Đó là giun đất, là bạn tốt của họ nhà cây). Hoa hồng trả lời mẹ ra sao? (Hoa hồng trả lời: Con chả cần anh ta!).

- GV chỉ tranh 3: Sau đó, hoa hồng đã làm gì? (Sau đó, hoa hồng đu mình trên cành bưởi). Nó nhìn thấy gì? (Nó nhìn thấy khu vườn thật đẹp).

- GV chỉ tranh 4: Điều gì xảy ra khi mặt trời lên cao? (Khi mặt trời lên cao, những tia nắng chói chang hút dần dòng nhựa trong hoa hồng khiến hoa hồng lả đi); Hoa hồng nói gì với ông mặt trời? (Hoa hồng nói với mặt trời: Cứu cháu với, ông mặt trời ơi!). Ông trả lời ra sao? (Ông bảo hoa hồng: Không có mẹ đất, cháu sống sao được. Hãy trở về với mẹ đất đi!).

- GV chỉ tranh 5: Hoa hồng cảm thấy thế nào khi trở về với mẹ đất? (Khi trở về với mẹ đất, hoa hồng cảm thấy một dòng sữa ngọt lịm chạy khắp cơ thể khiến nó tỉnh táo hẳn). Nó đã làm gì để thể hiện sự hối lỗi? (Hoa hồng đã xin lỗi mẹ đất và anh giun đất. Từ đó, nó không dám rời xa mẹ đất nữa).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) 1 hoặc 2 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 5 tranh.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện (YC không bắt buộc).

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện này muốn nói với các em điều gì? (HS: Hoa hồng rất thơm, rất đẹp nhưng kiêu ngạo. / Hoa hồng không nên coi thường anh giun đất. Hoa hồng phải biết ơn mẹ đất và anh giun đất đã nuôi nấng, chăm sóc mình).

- GV: Hoa hồng thơm, đẹp là nhờ công mẹ đất nuôi dưỡng, nhờ sự giúp đỡ của anh giun đất,... Phải nhớ ơn của những người đã nuôi dưỡng, chăm sóc mình.

- Cả lớp và GV bình chọn HS nhớ chuyện, kể hay, hiểu nội dung chuyện.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện tuần sau Ba cô con gái (xem tranh minh hoạ, đọc lời gợi ý dưới tranh). Nhắc lại yêu cầu chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa G, H theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ ngữ và câu ứng dụng: chói chang, rung rinh, Hoa yêu mọi người nên hoa kết trái chữ thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; viết đúng quy trình; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Máy chiếu / bảng phụ chiếu / viết mẫu chữ viết hoa G, H đặt trong khung chữ (theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập hai); từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ hoa E, Ê.

- GV kiểm tra 3 – 4 HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa G, H. HS: Đây là mẫu chữ in hoa G, H.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ G, H in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa G, H; luyện viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa G, H***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tô chữ (GV vừa mô tả, vừa cầm que chỉ “tô” từng nét):

+ Chữ G viết hoa gồm 2 nét: Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản (cong dưới và cong trái nối liền nhau). Đặt bút trên ĐK 6 tô nét cong dưới, sau đó chuyển hướng tô tiếp nét cong trái, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, dừng bút ở ĐK 3 (trên). Tô tiếp nét 2 (khuyết ngược) từ trên xuống dưới, dừng bút ở ĐK 2 (trên).

+ Chữ H viết hoa gồm 3 nét: Nét đầu là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và thẳng ngang (lượn hai đầu) – tô từ phải sang trái. Nét 2 tạo nên bởi 3 nét cơ bản (khuyết ngược, khuyết xuôi và móc ngược phải). Tô nét khuyết ngược trước rồi nối liền sang nét khuyết xuôi, đến gần cuối thì tô tiếp nét móc ngược phải, dừng bút ở ĐK 2. Nét 3 là nét thẳng đứng (ngắn), tô từ trên xuống dưới, cắt giữa đoạn nối 2 nét khuyết.

- HS tô các chữ viết hoa G, H cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng***

- HS đọc từ và câu ứng dụng (cỡ nhỏ): chói chang, rung rinh, Hoa yêu mọi người nên hoa kết trái.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các con chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa chữ viết hoa H và o, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai, hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn quyển truyện tranh của mình.

- Đọc được cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV và HS mang đến lớp một số quyển truyện tranh phù hợp với lứa tuổi.

- Giá sách hoặc tủ sách mini của lớp.

- Sách Truyện đọc lớp 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu MĐYC của bài học.

**2.Luyện tập**

***2.1.*** Tìm hiểu yêu cầu của bài học 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC của bài học:

- HS 1 đọc YC 1./ GV nhắc mỗi HS đặt trước mặt quyển truyện tranh các em mang đến lớp. GV chấp nhận nếu HS mang đến 1 quyển sách là thơ, tờ báo, truyện không phải là truyện tranh. / Hỏi các nhóm đã trao đổi sách báo, hỗ trợ nhau đọc sách như thế nào.

- HS 2 đọc YC 2 (đọc cả bìa các truyện tranh trong SGK): Sự tích Hồ Gươm, Chiếc sừng hươu, Ai mua hành tôi,...

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu truyện Mưu chú sẻ (M): Đây là một truyện rất hay vì nó dạy các em bình tĩnh để thoát hiểm khi gặp kẻ xấu. Nếu không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc truyện này. (Nếu tất cả HS đều có sách mang đến lớp: Truyện Mưu chú sẻ rất hay. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc truyện này).

- HS 4 đọc YC 4.

***2.2. Giới thiệu tên truyện***

Một vài HS giới thiệu tên truyện tranh của mình. Đó là truyện gì? Truyện đó em mang từ nhà đến hay mượn ở thư viện? Truyện đó có gì làm em thích? VD: Đây là truyện tranh Đô rê mon. Truyện kể về mèo máy Đô ra ê mon rất thông minh. Tôi mượn truyện này ở thư viện trường...

***2.3. Tự đọc sách***

- GV dành thời gian yên tĩnh cho HS tự đọc truyện; nhắc HS cần chọn đọc kĩ một đoạn truyện tranh mình thích để có thể tự tin, đọc to, rõ trước lớp. Có thể cho phép 1, 2 nhóm HS đọc sách dưới gốc cây trong sân trường.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc.

**TIẾT 2**

\* HS có thể đọc thêm 5 – 7 phút nữa ở tiết 2.

***2.4.*** Đọc cho các bạn nghe một đoạn truyện em thích 2 - GV mời HS đọc truyện, ưu tiên HS đã đăng kí đọc truyện từ tuần trước.

- Từng HS đứng trước lớp (hướng về các bạn), đọc to, rõ 1 truyện hoặc 1 đoạn truyện tranh yêu thích. Các bạn và thầy, cô có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm.

- Cả lớp bình chọn bạn chọn truyện thú vị, đọc truyện hay. (GV nhận xét khéo léo để HS nào cũng thấy mình được thầy cô và các bạn động viên).

- HS đăng kí đọc trước lớp trong tiết học sau

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau: Tìm 1 quyển thơ hoặc sách, báo có bài thơ, mang đến lớp để giới thiệu và đọc cho các bạn nghe.

**CHỦ ĐIỂM GIA ĐÌNH**

TẬP ĐỌC

**ÔNG GIẲNG ÔNG GIĂNG**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung bài: Ông trăng là người bạn thân thiết của trẻ em. Những đêm trăng sáng, các bạn nhỏ muốn mời trăng xuống cùng chơi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc giấy khổ to, bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài thơ Kể cho bé nghe, trả lời câu hỏi: Em thích con vật, đồ vật nào trong bài? Đọc những dòng thơ viết về đồ vật, con vật đó.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. HS thi giải nhanh 2 câu đố***

(1) Tròn như cái đĩa

Lơ lửng giữa trời

Dịu mát, tươi vui

Đêm rằm toả sáng.

Là gì? (Ông trăng)

(2) Một mẹ sinh được vạn con,

Đến mai trời sáng chỉ còn một cha

Mặt mẹ xinh đẹp như hoa

Mặt cha nhăn nhó chẳng ma nào nhìn.

Là những gì? (Trăng, sao, mặt trời)

***1.2. Giới thiệu bài***: Ông trăng trên bầu trời luôn là người bạn thân thiết của trẻ em. Những đêm trăng sáng, các bạn nhỏ muốn mời trăng xuống cùng chơi. Các em hãy cùng lắng nghe bài đồng dao Ông giẳng ông giăng để cảm nhận được sự gần gũi giữa trăng và các bạn nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu bài, giọng nhẹ nhàng, nhí nhảnh. Giải nghĩa từ: ván cơm xôi (xôi được đóng thành khuôn nhờ những khuôn làm bằng những miếng gỗ phẳng và

mỏng), đệp bánh chưng (đệp là cái giỏ tre đựng thức ăn dự trữ); vỗ chài (vỗ lưới để bắt cá, tôm, trai,... bỏ vào giỏ). GV chỉ hình minh hoạ, giúp HS hiểu nghĩa các dòng thơ: Thằng cu vỗ chài - Bắt trai bỏ giỏ: Cậu bé vỗ lưới, bắt trai. / Cái đỏ ẵm em: Chỉ một cô bé bế em.

b) Luyện đọc từ ngữ: bầu bạn, ván cơm xôi, nồi cơm nếp, đệp bánh chưng, lưng hũ rượu, khướu đánh đu, ẵm em, gáo múc nước.

c) Luyện đọc từng dòng thơ

- GV: Bài có 17 dòng thơ.

- HS đọc tiếp nối 2 dòng thơ một (cá nhân, từng cặp) / cá nhân hoặc cặp cuối cùng đọc 3 dòng thơ cuối.

**TIẾT 2**

d) Thi đọc đoạn, bài (Có thể chia bài làm 2 đoạn: 8 dòng, 9 dòng).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 1 HS đọc 4 câu hỏi trước lớp. Sau đó đọc 4 gợi ý.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Nhà bạn nhỏ có ai? HS: Nhà bạn nhỏ có thằng cu, cái đỏ, em bé.

+ GV: Nhà bạn nhỏ có đồ vật gì? / HS: Nhà bạn nhỏ có nồi, hũ, chài, giỏ, rá, gáo, lược, liềm.

+ GV: Nhà bạn nhỏ có những con vật gì? - HS: Nhà bạn nhỏ có chim khướu, trai, trâu.

+ GV: Nhà bạn nhỏ có đồ ăn, thức uống gì? HS: Nhà bạn nhỏ có xôi, cơm nếp, bánh chưng, rượu.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

\* Nếu còn thời gian, GV có thể hướng dẫn HS học thuộc lòng 8 dòng thơ đầu.

**3. Củng cố, dặn dò**

**-** Cho HS đọc lại một số câu, đoạn trong bài đọc.

- Tuyên dương những bạn HS tích cực.

- Đọc bài đọc cho bạn bè, người thân nghe.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nghe viết 7 dòng đầu bài đồng dao Ông giẳng ông giăng, không mắc quá 2 lỗi.

- Làm đúng BT: Điền tiếng còn thiếu vào chỗ trống để hoàn chỉnh một đoạn đồng dao; điền chữ **r, d** hay **gi** vào chỗ trống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV đọc cho 2 HS viết bảng lớp: kể, câu hỏi, kiến con.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Nghe viết***

- 1 HS đọc 7 dòng đầu bài đồng dao, cả lớp đọc lại.

- GV chỉ các từ dễ viết sai, cả lớp đọc. VD: *giảng, xuống, bầu, bạn, xôi, nếp, đệp bánh chưng*.

- HS tự nhẩm đọc từng tiếng mình dễ viết sai.

- HS gấp SGK, nghe GV đọc từng dòng thơ (mỗi dòng đọc không quá 3 lần), HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai, tô chữ hoa đầu dòng thơ.

- HS viết xong, GV đọc chậm từng dòng cho HS soát lỗi, gạch chân bằng bút chì chữ viết sai, viết lại chữ đó bên lề vở.

- GV chữa trên bảng những lỗi HS thường mắc.

***2.2. Làm bài tập chính tả***

a) BT 2 (Tìm tiếng còn thiếu để hoàn chỉnh đoạn đồng dao sau)

- GV nêu YC, viết bảng: *Cái ... cắt lá / Con cá có .../Quả ... quả cam / Chè lam ... khảo*.

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai. /1 HS báo cáo (miệng), GV điền tiếng trên bảng lớp. (Có thể tổ chức theo cách thi tiếp sức: 4 HS tiếp nối nhau lên bảng điền từ vào chỗ trống, hoàn thành mỗi dòng thơ. HS nào điền xong từ thì đọc dòng thơ: HS 1: *Cái liềm cắt lá*. /HS 2: *Con cá có vẩy*./HS 3: *Quả quýt, quả cam*. /HS 4: *Chè lam bánh khảo*).

- Cả lớp đọc lại 7 dòng thơ.

b) BT 3 (Em chọn chữ nào: **r, d** hay **gi**?) (Làm tương tự BT 2).

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- GV viết lên bảng lớp các từ cần điền: *..ây điện, ...ó, ...ồng, ...ùng.*

- 1 HS lên bảng điền chữ **r, d** hay **gi** vào chỗ trống.

- Cả lớp sửa bài theo đáp án. (Có thể tổ chức theo cách thi tiếp sức).

- Cuối cùng, cả lớp đọc: Nhện con hay chăng dây điện. / Cái quạt hòm mồm thở ra gió. / Máy bơm phun nước bạc như rồng./ Cua cáy dùng miệng nấu cơm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những HS tích cực

TẬP ĐỌC

**SẺ ANH, SẺ EM**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu câu chuyện nói về tình cảm anh em trong gia đình: Anh em sẽ yêu thương, nhường nhịn nhau khiến sẻ mẹ rất vui, gia đình đầm ấm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ để HS ghi ý trả lời mình chọn (a hoặc b).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc thuộc lòng 6 hoặc 10 dòng bài đồng dao *Ông giẳng ông giăng*; trả lời câu hỏi: Nhà bạn nhỏ có ai? Nhà bạn nhỏ có đồ vật gì?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Thảo luận nhóm đôi***

- Nhà bạn có mấy anh, chị, em? Tình cảm của bạn với anh, chị, em thế nào? Tình cảm của anh, chị, em với bạn thế nào (yêu thương, nhường nhịn, giúp đỡ, chăm sóc)? Bạn cảm thấy thế nào nếu anh, chị, em đi vắng?

- 3 - 4 HS phát biểu. GV nhận xét khích lệ, không kết luận đúng - sai.

***1.2. Giới thiệu bài***

GV chỉ hình minh hoạ, HS quan sát: Sẻ mẹ đang tha mồi về cho con. Anh em sẻ há mỏ, vui mừng đón mẹ. Tình cảm gia đình thật ấm áp.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Lời sẻ mẹ hối hả lúc giục con ăn. Lời sẻ anh và sẻ em nhỏ nhẹ, dễ thương.

b) Luyện đọc từ ngữ: *vườn, rét, nằm co ro, cố sức, cọng rơm, thương yêu, mệt.*

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 13 câu.

- GV chỉ từng câu (liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).

- HS đọc tiếp nối từng câu (liền 2 câu ngắn). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu dài: *Thương em, / sẻ anh cố sức kéo ... trong tổ / che cho em.*

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (Từ đầu đến *... che cho em*./Tiếp theo đến *... ăn trước đi*. / Còn lại); thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 câu hỏi trong SGK.

- GV: Vì sao sẻ mẹ quên cả mệt? / Cả lớp giơ thẻ: Ý b. - Hỏi đáp:

+ GV: Vì sao sẻ mẹ quên cả mệt?

+ Cả lớp: Vì sẻ mẹ thấy các con rất thương yêu nhau.

- GV: Em thích sẻ anh hay sẻ em? Vì sao? (HS trả lời theo suy nghĩ riêng. VD: Em thích sẻ anh vì sẻ anh rất thương em, cố kéo những cọng rơm che cho em khỏi lạnh. / Thích sẻ anh vì sẻ anh ngoan ngoãn, nghe lời mẹ./ Thích sẻ em vì sẻ em còn nhỏ đã biết thương anh, nhường thức ăn cho anh,...).

- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? HS phát biểu. / GV: Gia đình sẽ rất đầm ấm, hạnh phúc, cha mẹ sẽ rất vui nếu con cái yêu thương, nhường nhịn nhau.

***2.3. Luyện đọc lại***

- 1 tốp (4 HS) đọc bài theo các vai: người dẫn chuyện, sẻ mẹ, sẻ anh, sẻ em.

- Lặp lại với tốp HS khác.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại một đoạn của bài tập đọc.

- Đọc lại bài tập đọc cho bạn bè, người thân nghe.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Biết tô các chữ viết hoa I, K theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (ngoan ngoãn, nhường nhịn; Kiếm được mồi, chim mẹ tha về tổ) bằng chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ rõ, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ chiếu / viết chữ viết hoa I, K; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô quy trình viết chữ viết hoa G, H.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiêu lên bảng chữ in hoa I, K. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa I, K.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ I, K in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa I, K – chỉ khác chữ I, K in hoa ở các nét uốn; luyện viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa I, K***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ, cách tổ chữ (GV vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tô” theo từng nét):

+ Chữ I hoa gồm 2 nét: Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản cong trái và thẳng ngang, (lượn hai đầu) – tô giống nét đầu của chữ H hoa. Tô tiếp nét 2 (móc ngược trái) từ trên xuống dưới, dừng bút trên ĐK 2.

+ Chữ K hoa gồm 3 nét: Nét 1 tô giống như nét đầu ở chữ I hoa, H hoa. Nét 2 là nét móc ngược trái, tô từ trên xuống dưới. Nét 3 là kết hợp của 2 nét cơ bản (móc xuôi phải và móc ngược phải) nối liền nhau, tô nét móc xuôi phải trước, đến giữa thân chữ thì tạo vòng xoắn nhỏ lồng vào thân nét 2 rồi tô tiếp nét móc ngược phải, dừng bút ở ĐK 2.

- HS lần lượt tô các chữ hoa I, K cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- Cả lớp đọc các từ và câu ứng dụng (cỡ nhỏ): ngoan ngoãn, nhường nhịn; Kiếm được mồi, chim mẹ tha về tổ.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa các chữ (giữa chữ K viết hoa và i), vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết Trưng bày tranh ảnh Em yêu thiên nhiên: viết lại lời giới thiệu cho đúng chính tả, hay hơn, trang trí sản phẩm ấn tượng hơn.

TẬP ĐỌC

**NGOAN**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài đọc.

- Hiểu nội dung bài thơ: Mọi vật xung quanh em đều ngoan ngoãn, chăm chỉ làm việc có ích. Bé ngoan là bé biết nghe lời cha mẹ, làm nhiều việc tốt.

- Học thuộc lòng bài thơ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Sẻ anh, sẻ em. HS 1 trả lời câu hỏi 1: Vì sao sẻ mẹ quên cả mệt? HS 2 trả lời câu hỏi 2: Em thích sẻ anh hay sẻ em? Vì sao?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1****.* Cả lớp nghe hát và cùng hát bài Những em bé ngoan (Sáng tác: Phan Huỳnh Điểu) hoặc bài Bé ngoan (Sáng tác: Phạm Tuyên).

***1.2. Giới thiệu bài***

- Bài đọc hôm nay có tên là Ngoan. Các sự vật trong bài đều ngoan ngoãn, làm việc có ích. HS quan sát tranh: Tranh vẽ bà đang ngồi khâu vá dưới ánh đèn dầu. Bé đang múc nước trong chum để rửa tay. Mẹ đang nấu cơm trên bếp lửa. GV: Đèn dầu giúp bà khâu vá. Nước giúp bé rửa trắng bàn tay. Lửa giúp mẹ thổi cơm. Bài thơ nói về các sự vật “ngoan” thế nào và thế nào thì được gọi là bé “ngoan”?

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng nhẹ nhàng, tình cảm.

b) Luyện đọc từ ngữ: ngoan, sáng sân nhà, thắp, ngồi may, rửa trắng, thổi đầy nồi cơm, chín đỏ vườn, quạt hương thơm.

c) Luyện đọc dòng thơ

- GV: Bài gồm 8 dòng thơ.

- GS đọc tiếp nối 2 dòng thơ một (cá nhân / từng cặp).

d) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 4 dòng thơ); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 1 HS đọc 3 câu hỏi, BT trong SGK. / Từng cặp HS trao đổi, trả lời.

- GV hỏi – HS trong lớp trả lời:

+ GV: Bài thơ khen những vật gì ngoan? / HS: Bài thơ khen trăng ngoan, đèn ngoan, nước ngoan, lửa ngoan, trái ngoan, gió ngoan.

+ GV nêu YC của BT 2. Cả lớp đọc kết quả nối ghép:

(a) Đèn - (3) thắp cho bà ngồi may.

(b) Nước - (1) rửa trắng bàn tay.

(c) Gió – (2) quạt hương thơm khắp nhà.

\* GV: Thế nào là bé ngoan? / HS: Bé ngoan là bé biết nghe lời mẹ cha, yêu cô, yêu bạn.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

***2.3. Học thuộc lòng***

- HS HTL bài thơ theo cách xoá dần chữ, chỉ giữ lại chữ đầu cậu, rồi xoá hết.

- HS tự nhẩm HTL bài thơ.

- HS thi đọc thuộc lòng 4 dòng thơ đầu / 4 dòng thơ cuối / cả bài thơ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày tranh ảnh Em yêu thiên nhiên.

GÓC SÁNG TẠO

**TRƯNG BÀY TRANH ẢNH “EM YÊU THIÊN NHIÊN**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết cùng các bạn trong nhóm trưng bày sản phẩm. - Biết bình chọn sản phẩm mình yêu thích.

- Biết giới thiệu sản phẩm tự tin, to, rõ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Sản phẩm của HS, ĐDHT phục vụ triển lãm, Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

- Các viên nam châm của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

- Trong tiết học hôm nay, các em sẽ trưng bày những sản phẩm đã làm từ tuần trước, giới thiệu sản phẩm của mình, nghe các bạn giới thiệu; cùng bình chọn sản phẩm ấn tượng.

- GV kiểm tra lại sản phẩm của HS và ĐDHT đã chuẩn bị.

**2. Luyện tập**

***2.1***. Tìm hiểu yêu cầu của bài học

3 HS tiếp nối nhau đọc 3 YC trong sách:

- HS 1 đọc YC của BT 1; 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 lời giới thiệu dưới 4 tranh. Cả lớp vừa lắng nghe vừa quan sát 4 sản phẩm mẫu.

- HS 2 đọc YC của BT 2 (bắt đầu từ Cùng xem, cùng đọc và bình chọn...); (đọc cả phần lời dưới các tranh minh hoạ mẫu). GV nhắc HS: Khi bình chọn sản phẩm, cần chú ý cả hình thức và nội dung (phần lời) của từng sản phẩm.

- HS 3 đọc YC của BT 3. GV: Những sản phẩm được chọn sẽ được gắn lên - bảng lớp để tác giả của mỗi sản phẩm sẽ tự giới thiệu sản phẩm của mình.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 8 phút.

***2.2. Trưng bày***

- GV chỉ vị trí cho các nhóm, tổ trưng bày sản phẩm (trên bảng lớp, bảng nhóm, trên tường, hoặc bày trên mặt bàn). (GV nhắc HS: Nếu đính sản phẩm trong VBT thì gỡ ra để trưng bày. Nếu làm bài trong VBT thì mở trang vở đó).

- GV cùng cả lớp đếm số sản phẩm của mỗi tổ.

- Các tổ thi trưng bày sản phẩm nhanh, sáng tạo.

***2.3. Bình chọn***

Lần lượt từng tổ đi xem sản phẩm của tổ mình và các tổ khác. Tổ 1 xem trước. Cả tổ trao đổi nhanh, bình chọn tổ trưng bày đẹp, chọn 3 sản phẩm ấn tượng của tổ mình, một vài sản phẩm ấn tượng của tổ khác. Tổ trưởng báo cáo kết quả với GV. Tiếp đến tổ 2, 3, 4,...

***2.4. Tổng kết***

GV gắn lên bảng lớp những sản phẩm được bình chọn. Kết luận về nhóm trưng bày đẹp.

***2.5. Thưởng thức***

- HS có sản phẩm được gắn lên bảng lần lượt giới thiệu sản phẩm to, rõ, tự tin.

- Cả lớp giơ tay bình chọn những sản phẩm được yêu thích. GV đếm số HS giơ tay bình chọn cho từng HS, kết luận. /Cả lớp hoan hô các bạn.

\* GV có thể chọn 1 tổ có nhiều sản phẩm hay, mời các thành viên giới thiệu sản phẩm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS có sản phẩm được bình chọn.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo “Quà tặng ý nghĩa”: đọc trước SGK (tr. 123 124 và 132, 133); tìm và mang đến lớp ảnh hoặc tranh vẽ thầy, cô hoặc 1. bạn em quý mến.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Ba cô con gái, chuẩn bị cho tiết T đọc sách bảo (Tìm và mang đến lớp 1 quyển thơ hoặc sách, báo có bài thơ).

**KỂ CHUYỆN**

**BA CÔ CON GÁI**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Ba cô con gái.

- Nhìn tranh kể lại được từng đoạn, toàn bộ câu chuyện. Bước đầu biết thay đổi giọng kể; kể phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của bà mẹ, lời ba cô con gái.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Ca ngợi lòng hiếu thảo của cô con gái út. Chế trách chị cả và chị hai không quan tâm, chăm sóc mẹ khi mẹ ốm đau.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV gắn lên bảng tranh minh hoạ câu chuyện Chuyện của hoa hồng, mời 2 HS: HS 1 kể theo 3 tranh đầu, HS 2 kể theo 2 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu** truyện (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

- GV đưa lên bảng 6 tranh minh hoạ chuyện Ba cô con gái. Mời HS xem tranh để biết ngoài bà mẹ và ba cô con gái, câu chuyện còn có nhân vật nào. (HS: có sóc con).

- GV chỉ từng cô: Cô cả mặc váy nâu. Cô út – váy xanh. Cô hai – váy hồng.

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***

Câu chuyện kể về cách cư xử của ba cô con gái với mẹ. Qua câu chuyện, các em sẽ biết cô gái nào hiếu thảo, yêu thương mẹ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện.***

GV kể chuyện 3 lần, giọng diễn cảm. Đoạn 1, 2: kể chậm rãi. Đoạn 3, 4, 5 kể với nhịp độ nhanh hơn. Câu cuối: kể khoan thai. Lời của chị cả và chị hai: ngọt ngào. Lời sóc nói với chị cả và chị hai: cao giọng, mỉa mai; nói với cô út: nhẹ nhàng, âu yếm.

**Ba cô con gái**

(1)Xưa, có một người đàn bà nghèo sinh được ba cô con gái. Ba cô đều rất xinh đẹp. Khi các cô đi lấy chồng, bà mẹ ở nhà một mình.

(2) Năm tháng trôi qua, bà mẹ ngày càng già yếu. Một lần bà bị ốm nặng, bà liền viết thư nhắn các con trở về. Bà nhờ sóc con đưa thư.

(3) Sóc đến nhà cô chị cả. Đọc xong thư của mẹ, cô cả nói:

- Ôi, chị thương mẹ chị quá! Chờ chị cọ xong mấy cái chậu này rồi chị sẽ về thăm mẹ ngay.

Sóc con giận dữ:

- Thế thì chị cứ ở nhà mà cọ chậu cả đời. Sóc vừa dứt lời, cô cả biến thành một con rùa to.

(4) Sóc đến nhà cô thứ hai. Đọc thư mẹ, cô hai nói:

- Đợi chị xe cho xong chỗ chỉ này đã rồi chị sẽ đi ngay. Sóc con bèn nói:

- Thế thì chị cứ ở nhà mà xe chỉ suốt đời. Sóc vừa nói xong thì cô hai biến thành con nhện, suốt đời giăng chỉ.

(5) Sóc con lại đi đến nhà cô út. Cô đang nhào bột. Đọc thư xong, cô hốt hoảng đi thăm mẹ ngay.

Thấy vậy, sóc con âu yếm nói:

- Chị út à, chị thật hiếu thảo. Mọi người sẽ yêu quý chị. Chị sẽ sống vui vẻ và hạnh phúc.

(6) Quả nhiên, cô út có cuộc sống hạnh phúc và được mọi người yêu quý.

***2.2. Trả lời câu hỏi dưới tranh***

- GV chỉ tranh 1: Bà mẹ có mấy cô con gái? (Bà mẹ có ba cô con gái). Vì sao bà phải ở một mình? (Vì các con gái đi lấy chồng nên bà phải ở một mình).

- GV chỉ tranh 2: Khi bị ốm, bà mẹ nhờ ai đưa thư cho các con? (Khi bị ốm, bà mẹ đã nhờ sóc đưa thư cho các con).

- GV chỉ tranh 3: Khi sóc đưa thư cho cô cả, cô cả nói gì? (Cô cả nói: Ôi, chị thương mẹ chị quá! Chờ chị cọ xong mấy cái chậu này rồi chị sẽ về thăm me ngay). Sau đó, chuyện gì đã xảy ra? (Cô cả bị biến thành một con rùa).

- GV chỉ tranh 4: Khi sóc đưa thư cho cô hai, cô hai nói gì? (Cô hại nói: Đợi chị xe cho xong chỗ chỉ này đã rồi chị sẽ đi ngay). Sau đó, chuyện gì đã xảy ra? (Cô. hai biến thành con nhện).

- GV chỉ tranh 5: Khi sóc đưa thư cho cô út, cô út nói gì? (Cô út tất tả đi thăm mẹ ngay), Sóc nói gì với cô? (Sóc nói: Chị út à, chị thật hiếu thảo. Mọi người sẽ yêu quý chị. Chị sẽ sống vui vẻ và hạnh phúc).

- GVchỉ tranh 6: Câu chuyện kết thúc thế nào? (Cô út có cuộc sống hạnh phúc và được mọi người yêu quý).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2, 3 tranh, tự kể chuyện.

b) 1 HS nhìn 6 tranh tự kể chuyện. Có thể lặp lại YC với HS 2, 3.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện này khuyên các em điều gì? HS: Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết quan tâm đến cha mẹ / phải yêu thương, hiếu thảo với cha mẹ,...

- GV: Câu chuyện khuyên các em phải biết yêu thương, hiếu thảo với cha mẹ, quan tâm, chăm sóc khi cha mẹ đau ốm.

- Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay trong tiết học.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Đi tìm vần “em” và tiết Tự đọc sách báo.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa L theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng từ ngữ, câu ứng dụng (bàn tay, hương thơm; Làm nhiều việc tốt mới là bé ngoan) bằng chữ viết thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ. .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ.

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa I, K đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa L. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa L.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ L in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tổ chữ viết hoa L; luyện viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa L***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (GV kết hợp mô tả và cầm que chỉ “tố” theo từng nét): Chữ L viết hoa gồm 1 nét, là sự kết hợp của 3 nét cơ bản: cong dưới, lượn dọc và lượn ngang. Đặt bút trên ĐK 6, tô nét cong dưới rồi chuyển hướng tô nét lượn dọc ở cả hai đầu, chuyển hướng tô tiếp nét lượn ngang (hai đầu), tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, dừng bút ở ĐK 2.

- HS tổ chữ viết hoa L cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng***

- Cả lớp đọc từ ngữ và câu ứng dụng (cỡ nhỏ): bàn tay, hương thơm; Làm nhiều việc tốt mới là bé ngoan.

- GV hướng dẫn cách viết: độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa các chữ, giữa chữ L và a, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn 1 quyển thơ hoặc sách, báo có bài thơ mình mang đến lớp.

- Đọc cho các bạn nghe bài thơ yêu thích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Một số đầu sách (thơ) hay, phù hợp với lứa tuổi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1***. Tìm hiểu yêu cầu của bài học 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC của bài học.

- HS 1 đọc YC 1./ GV nhắc mỗi HS đặt trước mặt quyển thơ hoặc sách, báo có bài thơ mình mang đến lớp (hoặc mượn ở thư viện). GV vẫn chấp nhận nếu quyển sách mang đến lớp không phải là thơ.

- HS 2 đọc YC 2 (đọc cả tên các quyển thơ trong SGK): Thơ thiếu nhi chọn lọc, Thơ cho thiếu nhi, Thơ nhi đồng Việt Nam và thế giới chọn lọc,...

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu bài thơ Khi bố đi công tác (M): *Đây là bài thơ.*

Y vẻ tình cảm gia đình. Khi sáng tác bài thơ này, tác giả chỉ lớn hơn các em và

- Không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc bài thơ này. (Nếu tất cả HS

có sách mang đến lớp: Bài thơ Khi bố đi công tác rất hay. Vì vậy, cô (thây) phân Vol18 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc bài thơ này).

- HS 4 đọc yêu cầu 4.

***2.2. Giới thiệu tên quyển thơ***

Một vài HS giới thiệu tên quyển thơ (bài thơ) mình sẽ đọc trước lớp. VD: Đây là quyên góc sân và khoảng trời của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Tập thơ này rất hay. Tôi tin là bạn nào đọc cũng sẽ rất thích. Bố tôi mua cho tôi quyền thơ này.

Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 9 – 10 phút.

***2.3. Tự đọc thơ***

- GV dành thời gian yên tĩnh cho HS đọc thơ, nhắc HS đọc kĩ một bài thơ yêu thích để tự tin, đọc to, rõ bài thơ trước lớp. Có thể cho phép 1 – 2 nhóm chọn chỗ ngồi đọc sách ngoài lớp.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn bài thơ sẽ đọc trước lớp.

***2.4***. Đọc cho các bạn nghe một bài thơ em thích

- HS đứng tại chỗ (hướng về các bạn), hoặc đứng trước lớp đọc bài thơ mình yêu thích. Ưu tiên HS đã đăng kí đọc từ tuần trước. HS đọc xong, các bạn và thầy, cô có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm. .

- Cả lớp bình chọn bạn chọn thơ hay, đọc thơ hay.

- GV nhắc các nhóm trao đổi sách báo cho nhau. HS đăng kí đọc trước lớp trong tiết Tự đọc sách báo tuần sau.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau: Tìm và mang đến lớp một quyển sách cung cấp kiến thức hoặc kĩ năng sống.

**CHỦ ĐIỂM TRƯỜNG HỌC**

TẬP ĐỌC

**CÁI KẸO VÀ CON CÁNH CAM**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu câu chuyện khen ngợi tính thật thà đáng yêu của một học sinh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ chữ để HS viết ý trả lời đúng (a hoặc b).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ Ngoan. HS 1 trả lời câu hỏi: Bài thơ khen những vật gì ngoan? HS 2 trả lời câu hỏi: Thế nào là bé ngoan?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1.*** Trò chơi Đoán chữ trên lưng

a) Cách chơi (theo cặp).

- Vòng 1: Bạn A dùng ngón tay viết một chữ cái (chữ thường) lên lưng áo bạn B (VD: a) Nếu bạn B đoán đúng và đọc đúng (a) sẽ được quay lại viết một chữ cái khác lên lưng áo bạn A(VD: d). Nếu bạn A cũng đoán đúng (d) thì kết quả hoà 1-1. Nếu bạn A đoán sai, kết quả sẽ là 1 – 0.

- Vòng 2: Cách chơi như trên nhưng mỗi bạn phải nghĩ tên 1 đồ dùng học tập (VD: sách, vở, cặp, tẩy, bút chì, bút mực, bảng con,...), dùng ngón tay viết lên lưng áo của bạn. Chơi luân phiên và tính điểm. Cộng kết quả 2 vòng để chọn bạn có tài “đoán chữ trên lưng”.

b) Sau khoảng 5 phút, GV cho HS báo cáo kết quả rồi nhận xét chung.

***1.2. Giới thiệu bài***

a) GV: Khi đến trường, các em cần mang theo những gì để phục vụ tốt cho việc học? Bài đọc hôm nay sẽ giúp các em hiểu điều đó.

b) GV gắn / chiếu lên bảng hình minh hoạ bài đọc. HS quan sát tranh.

- Tranh vẽ những gì? (Tranh vẽ lớp học, một HS đang đứng lên, trả lời cô giáo, Trong suy nghĩ của bạn là hình ảnh 1 cái kẹo và 1 con cánh cam).

- GV giải nghĩa: cánh cam (con vật cánh cứng, màu sắc lấp lánh trông rất đẹp, thường ăn lá cây); hỏi HS: Trong lớp có bạn nào đã biết con cánh cam; thích chơi với cánh cam?

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

- GV đọc mẫu: Giọng nhẹ nhàng, chậm rãi. Đọc rõ ngữ điệu các câu hỏi (Khi đi học... những gì?); câu kể (Em còn mang kẹo... nữa ạ.); câu cầu khiến (Nhưng kẹo thì nên ăn ngoài sân. Con cánh cam thì nên để ở nhà).

b) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): *luyện nói, nói dối, ngoài sân, thưởng, tràng vỗ tay*. Giải nghĩa: *nói dối* (nói sai sự thật, nhằm che giấu điều gì).

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 14 câu. HS đọc vỡ từng câu (1 HS, cả lớp).

- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (đoạn 3 câu / 6 câu/ 5 câu); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi trước lớp.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Cô giáo hỏi cả lớp câu gì? / HS: Cô giáo hỏi: Khi đi học, em mang những gì?

+ GV: Ngoài đồ dùng học tập, Trung còn mang những gì đến lớp? /HS: Ngoài ĐDHT, Trung còn mang hôm thì cái kẹo, hôm thì con cánh cam.

+ GV: Vì sao cô giáo và cả lớp vỗ tay khen Trung? / HS cả lớp giơ thẻ: Ý b.

GV hỏi lại: Vì sao ... vỗ tay khen Trung? / Cả lớp: Vì Trung rất thật thà.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp.

- GV: Câu chuyện muốn nói điều gì? (HS: Trung thật thà kể với cô giáo và các bạn: Ngoài ĐDHT, Trung còn mang đến lớp hôm thì cái kẹo, hôm thì con cánh cam / Bạn Trung rất thật thà, đáng yêu).

- GV: Câu chuyện khen ngợi bạn Trung thật thà. Người thật thà, trung thực không nói dối là người rất đáng quý, đáng yêu.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- 1 tốp (3 HS đọc làm mẫu theo 3 vai: người dẫn chuyện, cô giáo, bạn Trung - 2 tốp thi đọc truyện theo vai. Cả lớp và GV bình chọn tốp đọc hay.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những HS tích cực.

- Chia sẻ bài đọc với bạn bè và người thân trong gia đình.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Chép đúng 4 dòng thơ bài Cô và mẹ, khoảng 15 phút, không mắc quá 1 lỗi.

- Viết đúng các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k dưới mỗi hình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV đọc cho 2 HS viết trên bảng lớp 3 từ ngữ trong bài chính tả trước. VD: liềm, vậy, quả quýt hoặc gió, rồng, dây điện.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV nêu MĐYC của tiết học.

- GV hoặc cả lớp hát bài Cô và mẹ của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tập chép***

- GV đọc bài Cô và mẹ./ Cả lớp đọc lại bài thơ.

- GV chỉ từng tiếng HS dễ viết sai, cả lớp đọc: *cũng là, cô giáo, đến trường, mẹ hiền.*

- GV: Bài thơ nói về điều gì? (*Mẹ là cô giáo ở nhà, cô giáo là mẹ ở lớp. Mỗi HS đều có 2 mẹ, 2 cô giáo).*

- HS chép bài vào vở Luyện viết 1, tập hai; tô các chữ hoa đầu câu.

- HS viết xong, nhìn sách, tự sửa bài hoặc nghe GV đọc, soát lỗi.

- HS đổi vở, xem lại bài viết của nhau.

- GV có thể chiếu bài của HS lên bảng, chữa lỗi, nêu nhận xét chung.

***2.2. Làm bài tập chính tả*** (Viết vào vở: Bạn Trung mang gì đi học?)

- 1 HS đọc YC, đọc M (bảng con).

- GV nhắc HS: các từ cần điền đều chứa tiếng bắt đầu bằng c hay k.

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- GV phát phiếu khổ to in BT 2 cho 1 HS.

- (Chữa bài) HS làm bài trên phiếu gắn bài lên bảng lớp, đọc kết quả: 1) bảng con, 2) thước kẻ, 3) cặp sách, 4) kẹo, 5) kéo, 6) cánh cam.

- GV: Những chữ nào bắt đầu bằng c? (con, cặp, cánh cam)/ Những chữ nào bắt đầu bằng k? (kẻ, kẹo, kéo).

- Cả lớp đọc lại đáp án. Sửa bài theo đáp án (nếu sai).

**3. Củng cố, dặn dò**

- Tuyên dương những HS viết đẹp, nắn nót.

TẬP ĐỌC

**GIỜ HỌC VẼ**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Bạn bè cần giúp đỡ, hỗ trợ nhau.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Hai HS tiếp nối nhau đọc bài Cái kẹo và con cánh cam. HS 1 trả lời câu hỏi: Ngoài đồ dùng học tập, Trung còn mang những gì đến lớp? HS 2 trả lời câu hỏi: Vì sao cô giáo và cả lớp vỗ tay khen Trung?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Giải đúng câu đố – nhận quà trao*** tay (tổ chức nhanh)

- GV chuẩn bị một số hộp quà kèm câu đố về đồ dùng học tập. VD:

(1) Ruột dài từ mũi đến chân

Mũi mòn, ruột cũng dần dần mòn theo.

(Là cái gì? – Bút chì)

(2) Nhỏ như cái kẹo

Dẻo như bánh giầy

Ở đâu mực dây

Có em là sạch.

(Là cái gì? – Cục tẩy).

(3) Mình tròn thân trắng

Dáng hình thon thon

Thân phận cỏn con

Mòn dần theo chữ.

(Là viên gì? – Viên phấn)

(4) Có tôi đường kẻ thẳng băng

Làm bài, tập vẽ, ngang bằng sổ ngay.

(Là cái gì? – Thước kẻ) (5)

(5) Chỉ lớn hơn quyển sách

Nhưng chưa biết bao điều

Sông núi lẫn mây trời

Mở ra là thấy đó

Cùng các bạn trò nhỏ

Cầm tay hay khoác vai.

(Là cái gì? - Cặp sách)

(6) Tên cũng gọi là cây

Không mọc lên từ đất

Chữ xếp hàng thẳng tắp

Khi có bàn tay tôi.

(Là cây gì? – Cây bút, cây viết)

- HS mở hộp quà, đọc to câu đố trong đó và giải câu đố để cả lớp nhận xét. Nếu lời giải đúng, HS được nhận quà (để sẵn trong hộp). Nếu sai thì phải để bạn khác giúp “giải cứu” và nhận quà (nếu có lời giải đúng).

***1.2. Giới thiệu bài***

GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ, hỏi: Tranh vẽ gì? (Tranh vẽ ngôi nhà mái ngói đỏ, những hộp bút màu). Bài đọc kể chuyện xảy ra trong giờ học tô màu bức tranh ngôi nhà. Các em hãy lắng nghe.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, giọng kể chuyện vui, nhẹ nhàng. Lời Hiếu hồn nhiên, lễ phép khi nói với cô, thân thiện, cởi mở khi nói với Quế. Lời cô giáo dịu dàng, ân cần.

b) Luyện đọc từ ngữ: *màu xanh, vườn cây, mặt trời, mái nhà, khung trồng, ngạc nhiên, cười ồ, bút màu.*

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài có 14 câu.

- HS đọc vỡ từng câu (đọc liền 2 câu lời thoại).

- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu lời nhân vật) (cá nhân, từng cặp HS).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc 3 đoạn (Từ đầu đến *... cô giáo ngạc nhiên*. / Tiếp theo đến ... *Tớ chỉ thiếu màu đỏ*./

Còn lại); thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời từng câu hỏi.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Ai cho Hiếu mượn bút màu đỏ? HS: Quế cho Hiếu mượn bút màu đỏ.

+ GV: Hãy nói lời của Hiếu cảm ơn bạn cho mượn bút. /HS: *Cảm ơn Quế nhé! Rất cảm ơn bạn. /...*

+ GV: Cô giáo khuyên HS điều gì? /HS cả lớp giơ thẻ chọn ý a.

GV hỏi lại: Cô giáo khuyên HS điều gì?

- Cả lớp: Đổi bút màu cho nhau để tô.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi/ cả lớp đáp.

- GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (HS: Nhờ đổi bút màu cho nhau, tranh của hai bạn Hiếu và Quế đều được tô màu đẹp. / Hiếu và Quế biết giúp đỡ nhau).

- GV: Bạn bè cần giúp đỡ nhau. Hiếu không có bút chì đỏ để tô mái nhà, Quế cho Hiếu mượn. Hai bạn đổi bút màu cho nhau nên tranh của cả hai đều đẹp.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai).

- 1 tốp (3 HS) đọc bài theo 3 vai người dẫn chuyện, Hiếu, cô giáo.

- 1 tốp nữa đọc lại.

- Cả lớp và GV bình chọn tốp đọc hay.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Khen ngợi những HS tích cực.

- Đọc lại bài đọc cho bạn bè, người thân nghe.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa M, N theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng từ ngữ, câu ứng dụng (mặt trời, màu xanh; Mái nhà ngói mới đỏ tươi). bằng chữ thường, cỡ nhỏ; rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ chiếu/ viết chữ viết hoa M, N; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ hoa L đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa M, N. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa M, N.

- GV: Các em đã biết mẫu chữ M, N in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tổ chữ viết hoa M, N; luyện viết các từ ngữ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ hoa M, N***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tổ chữ viết hoa M, N. (GV vừa mô tả, vừa tô theo từng nét):

+ Chữ viết hoa M gồm 4 nét: Nét 1 là nét móc ngược trái, đặt bút trên ĐK 2, tô từ dưới lên. Nét 2 là nét thẳng đứng, tô từ trên xuống, hơi lượn một chút ở cuối nét.

Nét 3 là nét thẳng xiên, tô từ dưới lên (hơi lượn ở hai đầu). Nét 4 là nét móc ngược | phải, tô từ trên xuống, dừng bút ở ĐK 2.

+ Chữ viết hoa N gồm 3 nét: Nét 1 là nét móc ngược trái, đặt bút trên ĐK 2, tô từ dưới lên, hơi lượn sang phải. Nét 2 là nét thẳng xiên, tô từ trên xuống. Nét 3 là nét móc xuôi phải, tô từ dưới lên, hơi nghiêng sang phải, dừng bút ở ĐK 5.

- HS tô các chữ viết hoa M, N cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc từ ngữ, câu (cỡ nhỏ): mặt trời, màu xanh, Mái nhà ngói mới đỏ tươi.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các con chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét từ M sang ai, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: Mang đến lớp 1 tấm ảnh (hoặc tranh vẽ) thầy, cô hoặc 1 người bạn em quý mến; nghĩ lời giới thiệu sẽ viết.

TẬP ĐỌC

**QUYỂN VỞ CỦA EM**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài đọc.

- Hiểu nội dung bài thơ: Quyển vở mới thật thời chữ đẹp, giữ vở sạch đẹp để rèn tính nết của người trò ngoan.

- Học thuộc lòng 2 khổ thơ cuối của bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- HS tiếp nối nhau đọc bài Giờ học vẽ; trả lời câu hỏi: Vì sao Hiếu và Quế đều tô được những bức tranh đẹp?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1.*** Cả lớp hát một bài hát về sách vở, đồ dùng học tập hoặc về trường lớp. VD: Bài Em yêu trường em (Nhạc và lời: Hoàng Vân).

***1.2. Giới thiệu bài***

GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ: Bạn HS ngồi học bên bàn. Trước mặt bạn là quyển vở sạch, đẹp với những trang giấy trắng tinh, thơm tho,... Bài thơ các em học hôm nay nói về quyển vở – một ĐDHT quen thuộc, như người bạn thân thiết, giúp HS học giỏi, trở thành người tốt.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, tình cảm.

b) Luyện đọc từ ngữ: *quyển vở, ngay ngắn, xếp hàng, mát rượi, thơm tho, nắn nót, mới tinh, sạch đẹp, tính nết, trò ngoan*. Giải nghĩa từ: *thơm tho* (mùi thơm rất dễ chịu, hấp dẫn); *nắn nót* (làm cẩn thận từng li, từng tí cho đẹp, cho chuẩn).

c) Luyện đọc dòng thơ

- GV: Bài thơ có 12 dòng.

- HS đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS kết thúc các dòng chắn 2, 4, 6,... nghỉ hơi dài hơn.

d) Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ, thi đọc cả bài thơ.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối đọc 3 câu hỏi trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời từng câu hỏi.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV (câu hỏi 1): Mở vở ra, bạn nhỏ thấy gì trên trang giấy trắng? /HS: *Mở vở ra, bạn nhỏ thấy trên trang giấy trắng từng dòng kẻ ngay ngắn như HS xếp hàng.*

+ GV (câu hỏi 2): Lật từng trang, bạn nhỏ cảm thấy thế nào? / HS: *Lật từng trang, bạn nhỏ cảm thấy giấy trắng sờ mát rượi, mùi giấy mới thơm tho.*

+GV (câu hỏi 3): Nếu em là quyển vở, em sẽ nói gì với các bạn nhỏ? /HS (nhiêu ý kiến): *Các bạn đừng làm quăn mép, đừng làm bẩn, đừng xé rách tôi. Hãy giữ cho tôi luôn mới mẻ, phẳng phiu*. (Tôi mát rượi, thơm tho thế này, hãy giữ tôi luôn sạch đẹp. Chữ đẹp là tính nết của những người trò ngoan...

- GV (khích lệ HS lí giải): Vì sao người học trò ngoan là người biết giữ vở sạch, chữ đẹp? (*Vì người học trò ngoan chăm học, thích học nên luôn yêu quý sách vở*).

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

- GV: Hãy nhìn quyển vở, quyển sách của mình xem các em đã giữ gìn sách vở thế nào? HS phát biểu.

- GV: Bài thơ giúp em hiểu điều gì? (HS phải biết giữ vở sạch, chữ đẹp,...).

- GV: Sách, vở giúp các em học hành. Nhưng vẫn có HS chưa biết yêu quý, giữ gìn nên sách vở sớm quăn mép, nom cũ kĩ, chữ nguệch ngoạc, dây mực bẩn,... Các em cần giữ gìn sách vở, viết sạch đẹp để rèn tính nết của học trò ngoan.

***2.3. Học thuộc lòng***

- GV hướng dẫn HS học thuộc 2 khổ thơ cuối bài (hoặc cả bài) theo cách xoá dần chữ, chỉ giữ lại các chữ đầu dòng. Cuối cùng xoá hết.

- HS nhẩm HTL 2 khổ thơ cuối.

- HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ cuối hoặc cả bài thơ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo, tiết kể chuyện Đi tìm vần “em”.

**GÓC SÁNG TẠO “QUÀ TẶNG Ý NGHĨA”**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

Chuẩn bị được món quà ý nghĩa tặng thầy cô hoặc 1 bạn trong lớp: Đó là 1 tấm ảnh, bức tranh thầy cô hoặc 1 người bạn do HS tự vẽ. Tranh, ảnh được trang trí, tổ màu. Viết được lời giới thiệu thể hiện tình cảm với người trong tranh, ảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Chuẩn bị của GV: Một số sản phẩm của HS các năm học trước do GV sưu tầm những mẩu giấy cắt hình chữ nhật có dòng kẻ ô li để phát cho HS viết và đính vào sản phẩm; các viên nam châm, kẹp hoặc ghim, băng dính.

- ĐDHT của HS: Tranh, ảnh thầy cô, bạn bè HS sưu tầm hoặc tự vẽ; giấy màu, giây trắng, hoa lá để cắt dán trang trí, bút chì màu, bút dạ, kéo, keo dán,...; Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

a) Chia sẻ: GV hướng dẫn HS quan sát các tranh minh hoạ (BT 1). HS nhận biết đó là tranh, ảnh thầy, cô giáo, các bạn HS. Cần làm quà tặng thể hiện tình cảm với thầy cô, các bạn.

b) Giới thiệu bài

- Trong tiết học hôm nay, mỗi em sẽ làm một món quà để tặng thầy, cô giáo hoặc tặng một bạn. Để món quà có ý nghĩa, các em cần:

+ Chọn ảnh của người đó hoặc vẽ người đó bằng tất cả tấm lòng yêu mến. Sau đó, trình bày, trang trí tranh, ảnh.

+ Viết vài lời giới thiệu về người đó. Lời giới thiệu cần thể hiện được tình cảm của các em.

- Những quà tặng này sẽ được trưng bày trong tiết học tới. Sau đó, được tặng cho thầy cô, bạn bè. Các em hãy thi đua xem quà của ai có ý nghĩa, làm cho người nhận quà vui mừng, cảm động.

- GV giới thiệu một vài quà tặng của HS năm trước (nếu có) để lớp tham khảo.

**2. Khám phá**

Cả lớp nhìn SGK, nghe 3 bạn tiếp nối nhau đọc 3 YC trong SGK:

- HS 1 đọc YC của BT 1.

- HS 2 đọc YC của BT 2; đọc các lời giới thiệu bên tranh, ảnh.

- HS 3 đọc YC của BT 3. GV mời 2 HS (đóng vai bạn nam, bạn nữ) đọc lời trao đổi của 2 HS trong SGK.

**3. Luyện tập**

***3.1. Chuẩn bị***

- HS bày lên bàn ĐDHT; tranh, ảnh thầy cô hoặc bạn các em sưu tầm hoặc tự vẽ. GV nhận xét: Bao nhiêu HS mang ảnh, bao nhiêu HS vẽ tranh, HS nào chuẩn bị ĐDHT cẩn thận, chu đáo (Những HS chưa có tranh, ảnh sẽ vẽ nhanh thầy, cô hoặc một bạn vào giấy hoặc VBT).

- GV phát cho HS những mẩu giấy trắng có dòng kẻ ô li, cắt hình trái tim hoặc hình chữ nhật để sau đó HS viết rồi đính vào vị trí phù hợp trên sản phẩm.

- HS mở VBT, GV hướng dẫn cách sử dụng trang vở (như các tiết trước). HS nào chưa chuẩn bị giấy, có thể làm bài vào VBT.

***3.2. Làm sản phẩm***

- HS dán tranh, ảnh vào giấy trắng / giấy màu, hoặc dán vào giữa bông hoa giấy, trang trí, tô màu cho đẹp, vẽ thêm hoa lá,... (Những HS chưa có sản phẩm sẽ về nhanh thầy, cô, hoặc bạn).

- Viết lời giới thiệu những nét nổi bật, đáng quý của người trong tranh, ảnh. GV khuyến khích HS viết 3 – 5 câu. Nhắc HS ghi tên mình dưới sản phẩm, giữ bí mật món quà (để trống tên người được tặng quà với quà là tranh vẽ) để bảo đảm tính bất ngờ.

***3.3. Trao đổi sản phẩm với các bạn trong nhóm***

- Từng nhóm 3, 4 HS giới thiệu cho nhau sản phẩm của mình, góp ý cho nhau.

- GV đính lên bảng lớp 4 - 5 sản phẩm đẹp; mời HS giới thiệu. Có thể phóng to sản phẩm trên màn hình cho cả lớp nhận xét: sản phẩm nào có tranh, ảnh đẹp, trang trí, tô màu đẹp; lời giới thiệu hay.

\* GV cần động viên để tất cả HS đều làm việc; mạnh dạn thể hiện mình. Chấp nhận nếu HS viết sai chính tả, viết thiếu dấu câu. Không đòi hỏi chữ viết phải đẹp.

**4. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo.

- Dặn HS hoàn thiện quà tặng trước khi trưng bày, trao tặng. Sản phẩm được sửa hoặc làm mới được đính lại vào VBT (để tránh thất lạc) sau khi gỡ đi sản. phẩm cũ. ..

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Đi tìm vần “ôm”.

KỂ CHUYỆN

**ĐI TÌM VẦN “ÊM”**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nghe hiểu câu chuyện Đi tìm vần “êm”.

- Nhìn tranh, kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. Bước đầu biết thay đổi giọng để phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của Tết, lời của bà ngoại, của má Tết.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Việc học của Tết thật vui. Mọi người trong gia đình đều hào hứng ủng hộ, giúp đỡ Tết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ chuyện Ba cô con gái, mời 2 HS kể chuyện: HS 1 kể theo 3 tranh đầu, HS 2 kể theo 3 tranh cuối.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Trò chơi***: “Gọi tên theo vần” (thực hiện nhanh 2 – 3 phút)

GV hướng dẫn chơi “Gọi tên theo vần”: 1 HS xung phong làm “Quản trò”, dựa vào tên các bạn trong lớp sẽ lần lượt đưa ra lệnh, VD: Mời các bạn có tên mang vẫn uyên đứng dậy. Các bạn có tên chứa vần uyên (VD: Huyền, Tuyển, Xuyến, Luyến) đứng dậy nhanh sẽ được cả lớp thưởng một tràng vỗ tay. Quản trò điều khiển các bạn chơi 2, 3 lượt nữa với 2 hoặc 3 vần khác. Sau đó GV nhận xét, khen những HS thực hiện tốt.

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***

Ở giai đoạn Học vần, các em đã nhiều lần làm BT *tìm tiếng, từ chứa vần mới học*. Câu chuyện *đi tìm vần “êm”* kể về hoạt động tìm tiếng chứa vần mới học của HS lớp 1. BT này lôi cuốn mọi người trong gia đình cùng tham gia. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện 3 lần với giọng vui, dí dỏm. Đoạn 1 kể chậm rãi, sau nhanh dần, giọng vui, sôi nổi. Kể các đoạn sau cần thể hiện đúng lời nhân vật: Lời cô giáo nhẹ nhàng. Lời Tết nói với ngoại, với má ngoan ngoãn, đáng yêu. Giọng bà ngoại vui vẻ. Giọng mà ân cần, nhiệt tình. Kết hợp giải nghĩa từ ngữ (khi kể lần 2 hoặc 3): **đám giỗ** (lễ tưởng nhớ hằng năm đối với người đã mất, thường có thờ cúng, cỗ bàn); **têm trầu** (quét vôi vào lá trầu rồi cuốn lại để nhai); **mắm nêm** (mắm làm bằng các loại cá nhỏ, đun lên ăn rất thơm ngon).

**Đi tìm vần “êm”**

(1) Hôm nay, lớp của Tết học vần **am**. Cô giáo cho các tổ thi tìm tiếng có vần **am**. Các bạn thi nhau phát biểu. Bạn thì nói: xe lam. Bạn nói: bị cảm. Bạn lại nói: đảm giỗ... Cô ghi lên bảng mãi không hết.

(2) Hết giờ, cô bảo: “Ngày mai học vần êm. Các em chuẩn bị nhé!”. Tổ nào cũng hẹn nhau về nhà tìm thật nhiều tiếng mới.

(3) Về đến nhà, Tết chạy ngay ra vườn tìm bà ngoại. Bà đang hái trầu. Tết nói: “*Ngoại ơi, ngoại tìm cho con một tiếng có vần êm*”. Bà ngoại bảo: “*Têm trầu được không*?”.

(4) Tết cảm ơn bà rồi chạy vào bếp. Má đang nấu ăn. Tết giục: “*Má nghĩ cho con một tiếng có vần êm đi*!”. Má cười: “*Đêm trăng êm đềm*...”. Tết phụng phịu: “*Mấy tiếng ấy sách của con có rồi”.*

(5) Má bảo: “*Thế thì hai má con lên coi sách của ba xem có chữ gì mới không*”. Thế rồi, má cùng Tết lên phòng làm việc của ba.

(6) Má cầm cuốn sách, chưa kịp mở thì “xèo”, từ dưới bếp bốc lên một mùi thơm nức. Má buông sách chạy xuống bếp, vừa chạy vừa nói: “Mắm nêm, mắm nêm”. Tết cảm ơn má, thầm cảm ơn cả nồi mắm kho vừa trào ra cái tiếng thơm nức kia.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

- GV chỉ tranh 1: Hôm nay, lớp Tết học vần gì? (Hôm nay, lớp Tết học vần am). Cô giáo cho các tổ làm gì? (Cô giáo cho các tổ thi tìm tiếng có vần am). Các bạn phát biểu thế nào? (Các bạn phát biểu rất hăng hái, cô giáo ghi bảng mãi không hết).

- GV chỉ tranh 2: Cô dặn ngày mai học vần gì? (Cô dặn ngày mai học vần êm). Các tổ hẹn nhau về nhà làm gì? (Các tổ hẹn nhau về nhà tìm thật nhiều tiếng mới có vần êm).

- GV chỉ tranh 3: Về nhà, Tết chạy ra vườn tìm bà ngoại làm gì? (Về nhà, Tết chạy ra vườn tìm bà ngoại xin bà tìm cho một tiếng có vần êm). Bà tìm ra tiếng gì? (Bà tìm ra tiếng têm – têm trầu).

- GV chỉ tranh 4: Sau đó, Tết vào bếp tìm ai? (Sau đó, Tết vào bếp tìm má đang làm bếp). Kết quả thế nào? (Tết xin má cho một tiếng có vần êm, má cho các tiếng “Đêm trăng êm đềm” nhưng Tết nói mấy tiếng ấy trong sách có rồi).

- GV chỉ tranh 5: Hai má con lên phòng của ba làm gì? (Hai má con lên phòng của ba để tìm tiếng mới trong sách của ba).

- GV chỉ tranh 6: Chuyện gì xảy ra giúp mà tìm được vần “êm”? (Nồi mắm kho thơm nức bốc lên từ dưới bếp giúp má tìm được tiếng có vần “êm” – nêm - mắm nêm).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 - 3 tranh, tự kể chuyện.

b) HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).

c) 2 hoặc 3 HS nhìn 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện (YC không bắt buộc).

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: *Câu chuyện cho thấy ban Tết là HS thế nào*? (Tết rất lo học, chăm học).

“ Trong gia đình giúp đỡ Tết thế nào? (Mọi người ai cũng nhiệt tình, hào hứng giúp đỡ Tết). GV: Tết rất chăm lo học hành. Việc học rất vui. Gia đình ai cũng sẵn sàng, vui vẻ giúp đỡ Tết.

- Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay trong tiết học.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV dặn HS chuẩn bị cho tiết KC *Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon*. Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo (tìm và mang đến lớp một quyển sách về kiến thức hoặc kĩ năng sống để giới thiệu, đọc hoặc kể cho các bạn nghe).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa O, Ô, Ơ theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (*quyển vở, mát rượi*; *Ở trường vui như hội*) bằng kiểu chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí; đưa bút đúng quy trình viết; dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa M, N trên bìa chữ.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa O, Ô, Ơ. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa, O, Ô, Ơ

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ O, Ô, Ơ in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa O, Ô, Ơ; luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa O, Ô, Ơ***

- GV đưa lên bảng chữ viết hoa O, Ô, Ơ, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (vừa mô tả vừa cầm que chỉ tô theo từng nét):

+ Chữ viết hoa là nét cong khép kín, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ. Cách tổ chữ O: Đặt bút trên ĐK 6, đưa bút sang trái để tô nét cong kín, phân cuối nét lượn vào trong bụng chữ đến ĐK 4 thì cong lên một chút rồi dừng bút.

+ Chữ Ô viết hoa gồm 3 nét: Nét 1 là chữ O, nét 2 và 3 là 2 nét thẳng xiên ngắn tạo dấu mũ trên đầu chữ ). Cách tô; tô nét 1 như chữ O, tô 2 nét thẳng xiên theo thứ tự 2, 3 tạo dấu mũ trên 1 thành chữ Ô.

+ Chữ Ơ viết hoa gồm 2 nét (nét cong kín và nét râu). Cách tô: tô nét 1 tạo thành chữ O, tô đường cong nhỏ (nét râu) bên phải tạo thành chữ viết hoa Ơ.

- HS tô các chữ viết hoa O, Ô, Ơ cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng (***cỡ nhỏ).

- HS đọc từ, câu (cỡ nhỏ): *quyển vở, mát rượi, ở trường vui như hội.*

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng); cách nối nét, viết liền mạch các chữ cái, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn một quyển sách về kiến thức hoặc kĩ năng sống (KNS) mình mang tới lớp.

- Đọc cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV và HS mang đến lớp một số quyển sách về kiến thức (hoặc KNS), phù hợp với lứa tuổi.

- Giá sách nhỏ của lớp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học***

- 4 HS tiếp nối nhau đọc các YC của tiết học.

- HS 1 đọc YC 1.

+ Cả lớp đọc tên các quyển sách được giới thiệu trong SGK (để hiểu thế nào là Sách về kiến thức và KNS): *Mười vạn câu hỏi vì sao, Hướng tới tương lai, Bách khoa thư an toàn cho lứa tuổi thiếu niên nhi đồng, Kĩ năng trong sinh hoạt thường ngay, Kĩ năng giao tiếp. Lời từ chối, Lời tạm biệt.*

- GV hướng dẫn: *Mười vạn câu hỏi vì sao* là cuốn sách “khám phá khoa học thần kì. Sách giúp các em có những kiến thức bổ ích và thú vị về cuộc sống xung quanh. */ Hướng tới tương lai* là cuốn sách kể về những phát minh kì diệu của loài người. / *Bách khoa thư an toàn cho lứa tuổi thiếu niên nhi đồng* giúp thiếu nhi có Kĩ năng phòng tránh những điều nguy hiểm để sống an toàn. / *Kĩ năng giao tiếp* là Sách dạy cho các bạn nhỏ (qua tranh vẽ) cách giao tiếp lịch sự, đạt hiệu quả. *Lời từ chối, Lời tạm biệt* là hai cuốn sách vui và thú vị về các loài vật nhỏ bé. Cuốn sách dạy các em biết nói lời từ chối, tạm biệt, cung cấp nhiều KNS bổ ích,...

- HS 2 đọc YC 2.

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu bài *Sử dụng đồ điện an toàn* (M): Đây là một bài rất bổ ích vì nó dạy các em dùng đồ điện thế nào để không gây nguy hiểm. Nếu không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc bài này. (Nếu tất cả HS đều có sách mang đến lớp: Bài Sử dụng đồ điện an toàn rất bổ ích. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc bài này).

- HS 4 đọc YC 4.

***2.2. Giới thiệu sách***

- GV kiểm tra các nhóm đã trao đổi sách, hỗ trợ nhau đọc sách như thế nào.

- YC mỗi HS đặt sách trước mặt; kiểm tra sự chuẩn bị của HS, xem các em có mang đến lớp đúng loại sách về kiến thức và KNS không (GV chấp nhận nếu HS mang loại sách khác, không phải là sách về kiến thức và KNS).

- Một vài HS giới thiệu trước lớp quyển sách của mình. VD: *Đây là quyển sách về KNS bố mẹ đã mua cho tôi. Quyển sách này rất hay. Sách có tên là Lời xin lỗi...*

\* Thời gian dành cho các hoạt động trên khoảng 10 phút.

***2.3. Tự đọc sách***

- GV dành thời gian yên tĩnh cho HS tự đọc sách; nhắc HS nên đọc kĩ một mẩu chuyện hoặc thông tin thú vị để tự tin, đọc to, rõ trước lớp. Những HS không mang sách đến lớp có thể tìm sách trên giá sách của lớp hoặc đọc lại bài Sử dụng đồ điện an toàn.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc.

***2.4. Đọc cho các bạn nghe*** (BT 4)

- Từng HS đứng trước lớp (hướng về các bạn), đọc lại to, rõ những gì vừa đọc (ưu tiên những HS đã đăng kí đọc từ tuần trước). Mỗi HS đọc xong, các bạn có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm.

- Cả lớp bình chọn bạn đọc to, rõ, đọc hay, cung cấp những thông tin thú vị.

- HS đăng kí đọc trước lớp trong tiết học sau.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS đã thể hiện tốt trong giờ học.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau (đọc báo, SGK, tr. 135, 136)

- Mang đến lớp 1 tờ báo thiếu nhi để đọc, thông báo tin tức mới cho các bạn.

**CHỦ ĐIỂM THIÊN NHIÊN**

TẬP ĐỌC

**CUỘC THI KHÔNG THÀNH**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Mỗi loài, mỗi người xung quanh ta đều có đặc điểm, thói quen riêng. Cần tôn trọng đặc điểm, thói quen của mỗi loài, mỗi người, không nên đòi người khác phải giống mình, làm như mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Mỗi HS 1 mảnh giấy trắng (cỡ 5 x 10 cm) để tham gia trò chơi khởi động.

- Thẻ đủ cho mỗi HS làm BT 2 (Chọn ý trả lời đúng: a hay b?).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2, 3 HS đọc thuộc lòng 2 khổ cuối của bài thơ *Quyển vở của em*, trả lời câu hỏi: *Ai biết giữ vở sạch, chữ đẹp?*

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Thi viết tên con vật sống dưới nước***

a) Cách chơi

- GV phát cho mỗi HS 1 tờ phiếu (kích thước 5 x 10 cm), HS tự ghi họ tên trên phiếu (mặt trước).

- GV nêu YC: khi có lệnh “bắt đầu mỗi em ghi thật nhanh trong 1 phút) tên 3 con vật sống dưới nước (*VD: tôm, thờn bơn, cá mập*) vào mặt sau phiếu.

- Hết thời gian 1 phút, GV thu các phiếu đã ghi đủ tên 3 con vật để chấm. Cử 2 HS khá giỏi thay nhau đọc từng phiếu (đọc tên HS, tên 3 con vật) để cả lớp nhận xét đúng / sai. (Ai chưa làm xong bị xem là “chưa về đích”)

b) GV cùng cả lớp biểu dương những HS về đích trong cuộc thi (tìm và “ghi đúng tên 3 con vật dưới nước); nhắc những HS phạm luật chơi (ghi nhâm tên con vật không sống dưới nước), động viên những HS chưa về đích cần cố gắng trong các cuộc thi sau.

***1.2. Giới thiệu bài***

- GV chiếu lên bảng hình minh hoạ bài đọc (SGK), hỏi: Tranh vẽ những con vật nào? Chúng sống trên cạn hay dưới nước? Chúng “đi lại” có giống nhau không (Tranh vẽ tôm, cá, cua, rùa. Chúng sống dưới nước).

- GV: Tôm, cá và cua là 3 con vật sống dưới nước. (Rùa sống dưới nước là chính nhưng cũng có thể sống trên cạn). Chúng định thi chạy xem ai về đích trước, nhưng mỗi con lại có cách “chạy” khác nhau. Con nào cũng muốn các bạn phải chạy theo cách của mình. Liệu cuộc thi có thành công không? Các em hãy cùng đọc bài Cuộc thi không thành để giải đáp được điều đó.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng kể rõ ràng, chậm rãi. Đọc rõ ngữ điệu lời từng nhân vật: “Hai cậu phải quay đuôi về đích như mình!” (Tôm); “Không, hai cậu phải quay đầu về đích như tớ!” (Cá); “Hai cậu phải quay ngang như tớ!” (Cua).

b) Luyện đọc từ ngữ: *không thành, trọng tài, xuất phát, chuyện rắc rối, quay đuôi, ngúng nguẩy, quay đầu, quay ngang, giật lùi, phóng thẳng, bò ngang, khuyên bảo*,... Giải nghĩa: *ngúng nguẩy* (tỏ thái độ không bằng lòng hay hờn dỗi).

c) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số câu trong bài.

- HS đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu sau để không bị hụt hơi: *Chúng cãi nhau vì / tôm chỉ quen bơi giật lùi, /cá chỉ biết phóng thẳng, cua chỉ bò ngang*. (Từ bài này, bước “Luyện đọc câu” có thể bỏ qua hoạt động “đọc vỡ”. Tuỳ khả năng đọc của HS lớp mình, GV có thể bỏ hoạt động “đọc vỡ” sớm hơn hoặc muộn hơn).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (2 câu /1 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc trước lớp 3 BT.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi - HS trả lời:

+ GV: Tôm, cá và cua định làm gì? / HS: Tôm, cá và cua định thi chạy.

+ GV: Vì sao cuộc thi của ba bạn không thành? / HS (chọn ý b): Vì bạn nào cũng đòi bạn khác “chạy” theo cách của mình. (Nếu HS chọn ý a, GV giải thích: Ý là không đúng vì theo nội dung bài thì các con vật chưa chạy mà chỉ đòi bạn chạy theo cách của mình).

+ GV nêu YC của BT nối ghép (Qua bài đọc, em hiểu cách “chạy” của mỗi bạn thế nào?), chỉ từng vế câu cho HS đọc.

- HS phát biểu: a) Tôm - (2) bơi giật lùi. b) Cá - (3) phóng thẳng. c) Cua - (1) bò ngang.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp:

+ 1 HS: Tôm, cá và cua định làm gì? / Cả lớp: Tôm, cá và cua định thi chạy.

+ 1 HS: Vì sao cuộc thi của ba bạn không thành? / Cả lớp (ý b): Vì bạn nào cũng đòi bạn khác “chạy” theo cách của mình.

+ 1 HS: Qua bài đọc, em hiểu cách “chạy” của mỗi bạn thế nào?/ Cả lớp: a) Tôm - (2) bơi giật lùi. b) Cá - (3) phóng thẳng. c) Cua - (1) bò ngang

- GV: Cuộc thi của tôm, cá và của không thành bởi vì ai cũng đòi “chạy” theo cách của mình. Cuộc thi muốn thành thì ba bạn phải chấp nhận điều gì? HS phát biểu, GV: Cuộc thi muốn thành thì ba bạn phải chấp nhận kiểu “chạy” của mỗi người: Cho tôm quay đuôi về đích, “chạy” giật lùi. Cho cua bò ngang để về đích. Cho cá phóng thẳng tới đích. Ai về đích trước thì thắng cuộc.

GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? (HS: *Mỗi người có thói quen, đặc điểm riêng*,...). GV: Mỗi bạn có đặc điểm, thói quen, lối sống riêng. Cần tôn trọng đặc điểm riêng của bạn, không nên đòi hỏi bạn phải làm, phải nghĩ giống mình,...

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- GV hướng dẫn 3 HS đọc lời đối thoại của 3 nhân vật trong câu chuyện:

+ Tôm: Hai cậu phải quay đuôi về đích như mình!

+ Cá: Không, hai cậu phải quay đầu về đích như tớ!

+ Cua: Hai cậu phải quay ngang như tớ!

- Mời 2 tốp (mỗi tốp 4 HS) thi đọc theo vai người dẫn chuyện, tôm, cá, cua.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn HS về nhà kể với người thân điều em đã hiểu được qua câu chuyện. Tìm hiểu trước về loài cá hẹo để chuẩn bị cho bài đọc Anh hùng biển cả.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Tập chép bài thơ *Rùa con đi chợ*, không mắc quá 1 lỗi.

- Làm đúng BT điền **ng/ ngh** vào chỗ trống; tìm và viết đúng chính tả 1 tiếng có vần uôi, 1 tiếng có vần uây trong bài *Cuộc thi không thành*.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV đọc cho 2 HS viết bảng lớp các từ ngữ: cái kéo, cặp sách, thước kẻ.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tập chép***

- Cả lớp đọc trên bảng bài thơ Rùa con đi chợ.

- GV hỏi HS về nội dung bài thơ (Bài thơ kể chuyện rùa con đi chợ mua hạt giống về gieo trồng. Rùa bò chậm nên đi từ đầu xuân, mùa hè mới đến cổng chợ).

- GV chỉ từng tiếng dễ viết sai cho cả lớp đọc. VD: *đầu xuân, cổng chợ, hoa trái, bộn bề, hạt giống, trồng gieo .*

- HS mở vở Luyện viết 1, tập hai, chép lại bài; tô các chữ hoa đầu câu,

- HS viết xong, đối chiếu bài để soát và chữa lỗi.

- GV có thể chiếu bài của HS lên màn hình, chữa những lỗi HS thường mắc.

***2.2. Làm bài tập chính tả***.

a) BT 2 (Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?)

- 1 HS đọc YC của BT; nói lại quy tắc*: ngh +e, ê, i, iê, ng+ các chữ khác*.

- HS làm bài trong vở Luyện viết 1, tập hại.

- (Chữa bài) 1 HS điền chữ trên bảng lớp. Đáp án: *ngang, nghe, ngay ngắn*. (Có thể tổ chức cho 2 tốp HS thi tiếp sức).

- Cả lớp đọc các câu văn, dòng thơ đã hoàn chỉnh. Sửa bài theo đáp án (nếu sai).

b) BT 3 (Tìm trong bài đọc và viết lại)

- 1 HS đọc YC./ Cả lớp đọc thầm bài Cuộc thi không thành, tìm nhanh 1 tiếng có vần uôi, 1 tiếng có vần uây, viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- 1 HS báo cáo kết quả: Viết 2 tiếng: *đuôi, nguẩy*. Đọc 2 câu văn: có vần *uôi*, có vần *uây*.

- Cả lớp đọc lại 2 câu văn: *Hai cậu phải quay đuôi về đích như mình*. */ Cá ngúng nguẩy*.

**3. Củng cố, dặn dò**

**-** Tuyên dương những bạn viết sạch đẹp, cẩn thận.

TẬP ĐỌC

**ANH HÙNG BIỂN CẢ**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng, biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu câu chuyện nói về những đặc điểm của loài cá heo, ca ngợi cá heo thông minh, tài giỏi, là bạn tốt của con người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Cuộc thi không thành. / HS 1 trả lời câu hỏi: *Vì sao cuộc thi của ba bạn không thành*? /HS 2 trả lời câu hỏi: *Cuộc thi muốn thành thì ba bạn phải chấp nhận điều gì?*

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Nói về cá heo***

- GV hỏi HS biết gì về cá heo. HS phát biểu: đã xem cá heo trên phim ảnh, đã xem cá heo biểu diễn, cá heo là bạn tốt của con người,...

- GV: Cá heo là một trong số các loài động vật thông minh và thân thiện nhất hành tinh. Cá heo là loài động vật có vú, sinh con và nuôi con bằng sữa. Cá heo ăn thịt, chủ yếu là ăn cá và mực. Cá heo có khả năng hiểu được ngôn ngữ, hành vi đơn giản của con người, có khả năng nhận ra mình trong gương. Khi huấn luyện viên dạy một chú cá heo các động tác cơ bản, chúng có thể truyền lại động tác ấy cho đồng loại.

***1.2. Giới thiệu bài***

***-*** GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài đọc *Anh hùng biển cả* – bài đọc cung cấp những hiểu biết thú vị về loài cá heo.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, giọng ngưỡng mộ, cảm phục.

b) Luyện đọc từ ngữ: *tay bơi, nhanh vun vút, thông minh, dẫn tàu thuyền, săn lùng, huân chương*. Giải nghĩa: *tay bơi* (bơi rất giỏi).

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 8 câu.

- HS đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu dài*: Một chú cá heo ở Biển Đen từng được thưởng huân chương / vì đã cứu sông một phi công. Nó giúp anh thoát khỏi lũ cá mập / khi anh nhảy dù xuống biển / vì máy bay bị hỏng.*

**TIẾT 2**

d) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu/ 4 câu); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV: Cá heo có đặc điểm gì khác loài cá? / HS: *Cá heo không đẻ trứng như cá mà sinh con và nuôi con bằng sữa.*

+ GV: Vì sao cá heo được gọi là “anh hùng biển cả”? / HS: Cá heo được gọi là anh hùng biển cả vì nó là tay bơi giỏi nhất ở biển, thông minh, làm nhiều việc giúp con người. .

+ GV: Chọn một tên gọi khác mà em thích để tặng cá heo. / Mỗi HS có thể chọn 1 tên bất kì: a) Bạn của con người b) Tay bơi số một c) Người lính thuỷ đặc biệt.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

***2.3. Luyện đọc lại***

- 2 HS thi đọc tiếp nối 2 đoạn – mỗi HS đọc 1 đoạn.

- 2 nhóm (mỗi nhóm 4 HS) thi đọc cả bài.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Bài đọc này giúp em biết thêm điều gì?

- Đọc lại bài đọc cho người thân nghe.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa **P, Q** theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng từ, câu: *cá heo, vun vút; Quê hương em tươi đẹp* chữ viết thường, cỡ nhỏ; đúng kiểu, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ. Bìa chữ mẫu O, Ô, Ơ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô quy trình viết chữ viết hoa O, Ô, Ơ đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV đưa lên bảng chữ in hoa P, Q. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa P, Q.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ P, Q in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa P, Q, tập viết các từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa P, Q***

- GV đưa lên bảng chữ mẫu viết hoa P, Q, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tố” theo từng nét):

+ Chữ P viết hoa gồm 2 nét: Nét 1 là nét móc ngược trái, đặt bút trên ĐK 6, tô từ trên xuống dưới, đầu móc công vào phía trong. Nét 2 là nét cong trên, đặt bút từ ĐK 5 tô theo đường cong vòng lên, cuối nét lượn vào trong, dừng bút gần ĐK 5.

+ Chữ Q viết hoa gồm 2 nét: Nét 1 là nét cong kín (giống chữ O), đặt bút trên ĐK 6, đưa bút sang trái để tô nét cong, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ đến ĐK 4 thì cong lên một chút rồi dừng bút. Nét 2 là nét lượn ngang, đặt bút gần ĐK 2 tô nét lượn ngang từ trong lòng chữ ra ngoài, dừng bút trên ĐK 2.

- HS tô các chữ viết hoa P, Q cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc từ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ): *cá heo, vun vút; Quê hương em tươi đẹp*.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét từ chữ viết hoa Q sang tu, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hại.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày “*Quà tặng ý nghĩa*” (làm cho sản phẩm đẹp hơn, lời giới thiệu ấn tượng hơn).

TẬP ĐỌC

**HOA KẾT TRÁI**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu nội dung bài thơ: Mỗi loài hoa đều có màu sắc, vẻ đẹp riêng, đều kết quả ngọt lành tặng con người. Các bạn nhỏ cần yêu quý hoa, đừng hái hoa tươi để hoa đơm bông kết trái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài Anh hùng biển cả. / HS 1 trả lời câu hỏi: Vì sao cá heo được gọi là anh hùng biển cả? /HS 2 trả lời câu hỏi: Chọn một tên gọi khác mà em thích để tặng cá heo.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Cả lớp hát bài Quả*** (Nhạc và lời: Xanh Xanh)

**1.2. Giới thiệu bài**

Quả cà, quả mướp, quả lựu,... những loài quả mà các em thấy thường ngày đều được làm nên từ những bông hoa (HS quan sát tranh minh hoạ các loài hoa trong bài). GV: Mỗi loài hoa đều có những màu sắc, hương vị, vẻ đẹp riêng,... nhưng chúng giống nhau: đều làm nên những trái cây, những thứ quả ngon lành. Bài thơ Hoa kết trái sẽ giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp, ích lợi của các loài hoa.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, giọng vui, sôi nổi, tình cảm. Nhấn giọng (tự nhiên, biểu cảm), các từ ngữ nói về đặc điểm của mỗi loài hoa: tim tím, vàng vàng, chói chang, đỏ, nho nhỏ, xinh xinh, trắng tinh, rung rinh.

b) Luyện đọc từ ngữ: *kết trái, tim tím, hoa mướp, hoa lựu, chói chang, đốm lửa, hoa vừng, xinh xinh, trắng tinh, rung rinh, hoa tươi,*... Giải nghĩa: *kết trái* (hình thành trái, quả từ hoa). GV giới thiệu một vài bông hoa mang đến lớp (nếu có) - hoa cà, hoa lựu, hoa vừng, hoa đỗ.

c) Luyện đọc dòng thơ

- GV: Bài đọc có 12 dòng thơ.

- Đọc tiếp nối hai dòng thơ một cá nhân, từng cặp). GV hướng dẫn HS đọc ngắt nhịp nhanh giữa các từ ngữ trong dòng thơ: Hoa cà / tim tím – Hoa mướp / vàng vàng - Hoa lựu/ chói chang. Đọc liền hơi các dòng thơ: Đỏ như đốm lửa - Rung rinh trong gió – Này các bạn nhỏ – Đừng hái hoa tươi – Hoa yêu mọi người – Nên hoa kết trái..

d) Thi đọc 2 đoạn (8 dòng / 4 dòng); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

a) 3 HS tiếp nối nhau đọc YC của 3 BT.

b) BT1

- GV chỉ từng vế câu ở mỗi bên cho cả lớp đọc. / HS làm bài.

- 1 HS báo cáo kết quả (đọc từng câu thơ).

- Cả lớp đọc lại: a) Hoa cà - 3) tim tím. b) Hoa mướp - 1) vàng vàng. c) Hoa lựu - 4) đỏ như đốm lửa. d) Hoa mận - 2) trắng tinh.

c) BT 2

- 1 HS đọc mẫu./ GV chỉ M, giải thích: Mỗi loài hoa trong bài đều cho một thứ quả hoặc hạt. VD: Hoa vừng cho hạt vừng. Từ hạt vừng có thể làm dầu vừng và làm kẹo vừng, mè xửng là những loại kẹo rất thơm ngon. Còn những loài hoa khác thì sao?

- HS trao đổi, nói kết quả. GV nhận xét hoặc bổ sung. VD:

+ Hoa cà kết thành quả cà. Quả cà dùng để làm món nấu, món xào hoặc đem muối, làm món cà muối.

+ Hoa mướp kết thành quả mướp có thể xào, nấu canh.

+ Hoa lựu kết thành quả lựu, ăn vừa ngọt vừa rộn rốt chua.

+ Hoa đỗ kết thành quả đỗ. Quả đỗ có thể luộc hoặc xào. Nếu để già, có thể bóc vỏ lấy hạt. Hạt đỗ xanh dùng để nấu chè hoặc làm các loại bánh đậu xanh, bánh chưng / bánh tét, bánh nếp), nấu xôi,...

+ Hoa mận kết thành quả mận, Quả mận tươi ngon có thể ăn ngay hoặc dùng làm mứt mận, ô mai mận,...

d) BT 3

- GV: *Bài thơ khuyên các bạn nhỏ điều gì*? (HS: Bài thơ khuyên các bạn nhỏ đừng hái hoa tươi để hoa kết trái). GV: Bài thơ ca ngợi mỗi loài hoa đều có màu sắc, vẻ đẹp riêng đều kết quả ngọt lành tặng cho con người. Các bạn nhỏ cần yêu quý, bảo vệ hoa, đừng hái hoa để hoa đơm bông kết trái.

***2.3. Luyện đọc lại***

- Một vài HS thi đọc bài thơ trước lớp.

- Cả lớp và GV bình chọn bạn đọc hay: đọc đúng từ, câu, rõ ràng, biểu cảm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV dặn HS về nhà đọc bài thơ cho người thân nghe, hỏi người thân những loại hoa nào kết thành quả, quả nào ăn được.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày “Quà tặng ý nghĩa”; chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon.*

GÓC SÁNG TẠO

**TRƯNG BÀY QUÀ TẶNG Ý NGHĨA**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết trưng bày sản phẩm Quà tặng ý nghĩa để các bạn xem và bình chọn.

- Biết giới thiệu sản phẩm của mình, nhận xét sản phẩm của bạn; biết trao tặng sản phẩm với thái độ trân trọng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Sản phẩm quà tặng của HS. ĐDHT phục vụ cho việc trưng bày sản phẩm (viên nam châm, hồ dán, kẹp hoặc ghim, băng dính,...). .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

Trong tiết Góc sáng tạo tuần trước, mỗi em đã hoàn thành sản phẩm Quà tặng ý nghĩa. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ trưng bày, giới thiệu, bình chọn các quà tặng. Chúng ta sẽ xem quà tặng của ai được đánh giá cao.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của tiết học***

4 HS tiếp nối nhau đọc các YC của tiết học:

- HS 1 đọc YC 1. Cả lớp vừa lắng nghe vừa quan sát tranh ảnh trong SGK.

- HS 2 đọc YC 2 (bắt đầu từ Cùng xem, cùng đọc và bình chọn, đọc lời dưới 3 tranh). GV nhắc HS: Khi bình chọn sản phẩm, cần chú ý cả hình thức và nội dung (phần lời) của từng sản phẩm.

- HS 3 đọc YC 3. GV lưu ý: Những sản phẩm được chọn sẽ được gắn lên bảng lớp để cả lớp bình chọn tiếp.

- HS 4 đọc YC 4; cùng 1 bạn nữa đóng vai HS và cô giáo, đọc lời trao tặng và cảm ơn.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 7 phút.

***2.2. Trưng bày***

- HS gắn sản phẩm lên bảng lớp, bảng nhóm, lên tường, hoặc bày lên mặt bàn. GV tạo điều kiện, giúp đỡ để HS trưng bày sản phẩm nhanh, sáng tạo,

- GV cùng cả lớp đếm số bưu thiếp của mỗi tổ.

***2.3. Bình chọn***

GV mời lần lượt từng tổ cùng xem, cùng đọc và bình chọn: Nhóm nào trưng bày đẹp? Sản phẩm nào ấn tượng? Một tổ xem trước. Cả tổ trao đổi, bình chọn tổ trưng bày đẹp; chọn 3 bưu thiếp ấn tượng của tổ mình, một vài bưu thiếp ấn tượng của tổ khác. Tổ trưởng báo cáo kết quả với GV. Tiếp đến các tổ khác.

***2.4. Tổng kết***

- GV kết luận về nhóm trưng bày đẹp (bố trí hợp lí, sáng tạo; có đủ sản phẩm và có nhiều sản phẩm đẹp). Cả lớp vỗ tay.

- GV gắn lên bảng lớp những sản phẩm được chọn dự thi; viết trên bảng lớp tiêu chí về sản phẩm hay: tranh, ảnh ấn tượng, trình bày đẹp; lời giới thiệu hay.

***2.5. Thưởng thức***

- Từng bạn có sản phẩm được gắn lên bảng lớp lần lượt giới thiệu món quà của mình, đọc lời viết trên “món quà”, sau đó trao quà cho thầy, cô, bạn bè. Nếu đó là thầy, cô, bạn bè ở lớp mẫu giáo hoặc thầy cô ở môn học khác, các em có thể bỏ quà vào phong bì, đề rõ tặng ai trên phong bì để gửi sau.

- HS bình chọn những quà tặng được nhiều bạn yêu thích nhất. GV đếm số HS giơ tay bình chọn cho từng HS.

- Cả lớp hoan hô các bạn đã thể hiện xuất sắc trong tiết học.

- Cuối giờ, những HS khác sẽ trao tặng quà của mình cho người nhận.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS có sản phẩm được bình chọn.

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo “*Em là học sinh*”: đọc trước SGK (tr. 142, 150, 151); mỗi HS mang đến lớp 1 tấm ảnh của mình hoặc tranh tự hoại

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC *Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon.*

KỂ CHUYỆN

**CUỘC PHIÊU LƯU CỦA GIỌT NƯỚC TÍ HON**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện *Cuộc phiêu lưu của giọt nước ti hon.*

- Nhìn tranh, kể từng đoạn, toàn bộ câu chuyện, bước đầu thể hiện được cảm xúc của giọt nước tí hon qua từng đoạn.

- Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện: Giọt nước tí hon thực hiện một chuyến phiêu lưu, đi thăm đất liền đẹp đẽ, nhưng vừa đi nó đã nhớ mẹ biển, tìm mọi cách để sớm được trở về với mẹ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

- Sơ đồ nhân vật và sự việc gắn với diễn biến câu chuyện.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV gắn lên bảng tranh minh hoạ chuyện Đi tìm vần “êm”, mời 2 HS nhìn tranh, kể lại câu chuyện: mỗi HS kể theo 3 tranh.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1.*** HS hát một bài về mẹ hoặc về gia đình. VD: *Ba ngọn nến lung linh* (Nhạc và lời: Ngọc Lễ).

***1.2. Giới thiệu câu chuyện***

Gia đình thật đầm ấm, thân thương, ai đi xa cũng nhớ. Câu chuyện hôm nay kể về cuộc phiêu lưu của một giọt nước tí hon. Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh. Cuộc phiêu lưu diễn ra rất tốt đẹp, vậy mà giọt nước không thể tiếp tục vì nó rất nhớ mẹ. Câu chuyện kết thúc thế nào, các em hãy nghe.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện 3 lần, giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Sử dụng ngữ điệu kế linh hoạt gắn với nội dung từng đoạn (nhanh, chậm, cao, thấp,...); kết hợp lời kể với mô tả hành động VD: *giọt nước bám vào sợi dây... - vụt bay lên cao - ngồi trên mây*... để HS nhớ hành động của nhân vật. Nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho HS.

Kể xong lần 1, GV hỏi: *Truyện có những nhân vật nào*? (HS: Truyện có các nhân vật: giọt nước tí hon, ông sấm, chị suối, bà sông, mẹ biển). GV giới thiệu sơ đồ nhân vật trên bảng:

1) Giọt nước tí hon làm gì? Giọt nước bay lên từ nước biển,

-> theo thuyền đi vào đất liền,

-> nhớ mẹ, khóc hu hu,

2) Ai giúp giọt nước trở về?

Ông sấm rền vang, giọt nước nhảy xuống đất.

Chị suối đưa nó ra sông.

Bà sông dắt nó qua làng mạc, núi đồi, về biển.

3) Câu chuyện kết thúc thế nào?

Giọt nước vui sướng gặp lại mẹ biển.

Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng.

GV kể lần 2, lần 3 (kết hợp chỉ tranh) - kể rõ ràng, rành rẽ từng câu, từng đoạn theo nội dung mỗi tranh. Kể lần 2, kết hợp giải nghĩa từ phiêu lưu (làm theo ý thích một điều gì đó có phần nguy hiểm, chưa suy nghĩ kĩ).

Nội dung câu chuyện:

**Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon**

(1) Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh bao la. Nó được mẹ cưng chiều lắm.

(2) Một hôm, giọt nước gặp thuyền đang đi vào đất liền. Giọt nước rất muốn biết đất liền như thế nào, bèn bám vào sợi dây tết bằng những tia nắng óng ánh, Thế là nó vụt bay lên cao, ngồi trên mây theo thuyền đi vào đất liền.

(3) Đất liền rất đẹp, có bánh ngọt, hoa thơm. Giọt nước đi mãi, đi mãi, đến tận một cánh rừng líu lo chim hót. Bỗng nó nhớ mẹ, bật khóc hu hu..

(4) Ông sấm thấy vậy, thương tình muốn giúp. Ông bảo nó: khi nào nghe ông rền vang thì hãy nhảy ngay xuống đất. Ông sấm rền vang, giọt nước nhắm mắt, nhảy ào xuống. Người nó đau điếng nhưng vẫn không thấy mẹ. Thế là nó lại khóc.

(5) Chị suối thương tình đưa nó ra sông, rồi gửi bà sống dắt nó qua bao nhiêu làng mạc, núi đồi, đưa nó về với mẹ biển xanh.

(6) Giọt nước vui sướng ào vào lòng mẹ. Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng, dịu dàng cất tiếng hát ru trầm bổng muôn đời.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

- GV chỉ tranh 1: *Giọt nước tí hon là con của ai*? (Giọt nước tí hon là con của mẹ biển xanh bao la).

- GV chỉ tranh 2: *Vì sao giọt nước theo thuyền đi vào đất liền*? (Giọt nước theo thuyền vào đất liền vì muốn biết đất liền như thế nào). *Nó làm thế nào để đi theo thuyền* ?(Nó bám vào sợi dây tết bằng những tia trên mây theo thuyền đi vào đất liền).

- GV chỉ tranh 3: *Đất liền rất đẹp, có bánh ngọt, hoa thơm nhưng vì sao giọt nước đó nước lại khóc*? (Đất liền rất đẹp, có nhiều của lạ nhưng giọt nước vẫn khóc vì nó nhớ mę).

- GV chỉ tranh 4: *Ông sấm muốn giúp giọt nước, bảo nó phải làm gì*? (Ông sấm muốn giúp giọt nước, bảo nó khi nào nghe ông rền vang thì hãy nhảy ngay xuống đất. Vì sao khi đã xuống đất, giọt nước vẫn khóc? (Dù đã nhảy xuống đất, giọt nước vẫn khóc vì nó không thấy mẹ).

- GV chỉ tranh 5: Chị suối, bà sông giúp giọt nước như thế nào để đưa nó về với mẹ? (Chị suối đưa giọt nước ra sông. Bà sông dắt nó qua bao làng mạc, núi đồi về với mẹ biển xanh).

- GV chỉ tranh 6: *Hai mẹ con giọt nước gặp nhau như thế nào*? (Gặp mẹ, giọt nước vui sướng ào vào lòng mẹ. Mẹ âu yếm ôm nó vào lòng, cất tiếng hát ru trầm bổng)..

**2.3. Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 - 3 tranh, tự kể chuyện.

b) 2 hoặc 3 HS nhìn 6 tranh, tự kể chuyện.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện (YC không bắt buộc).

**2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**

- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? HS phát biểu (VD: Giọt nước rất yêu mẹ biển. Đi xa, những đứa con luôn nhớ mẹ, muốn trở về nhà với mẹ,...). GV: Giọt nước bay lên từ biển. Dù đi đâu nó cũng nhớ mẹ biển, tìm mọi cách để sớm được trở về với mẹ. Câu chuyện nói về tình cảm của giọt nước, của những đứa con với mẹ, với gia đình.

- Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Hai tiếng kì lạ (*xem tranh minh hoạ, đọc lời dưới tranh); chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách bảo (Tìm và mang đến lớp 1 tờ báo thiếu nhi để giới thiệu, đọc cho các bạn nghe).

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa R, S theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (*trắng tinh, cánh diều; Rừng cây rộn rã tiếng chim*) kiểu chữ thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dâu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ. Bìa chữ mẫu P, Q.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa P, Q đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa R, S. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa R, S.

- GV: SGK đã giới thiệu mẫu chữ R, S in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tổ chữ viết hoa R, S; luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa R, S***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (GV vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tô” theo từng nét):

+ Chữ R viết hoa gồm 2 nét. Nét 1 là nét móc ngược trái. Đặt bút trên ĐK 6, tô từ trên xuống dưới, phần cong cuối nét lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2. Nét 2 bắt đầu từ ĐK 5, tô theo đường cong trên, cuối nét lượn vào giữa thân chữ tạo vòng xoắn nhỏ rồi tô tiếp nét móc ngược phải, dừng bút trên ĐK 2..

+ Chữ S viết hoa tô liền 1 nét. Đặt bút trên ĐK 6, tô nét cong xuống dưới rồi lại lượn lên đến ĐK 6, chuyển hướng bút tô tiếp nét móc ngược trái, tạo vòng xoắn to phía dưới, cuối nét móc lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2.

- HS tộ các chữ viết hoa R, S cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ).

- HS đọc từ ngữ, câu: *trắng tinh, cánh diều, Rừng cây rộn rã tiếng chim*.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét từ R sang tư, vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách báo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin một tờ báo thiếu nhi mang tới lớp (tên báo, ai mua hoặc cho mượn,...).

- Đọc cho các bạn nghe những nội dung của bài báo yêu thích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV, HS sưu tầm, mang đến lớp một số tờ báo thiếu nhi có bài hay hoặc mới lạ (có thể cho HS mượn đọc tại lớp).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học***

4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC của bài học:

- HS 1 đọc YC 1. GV chỉ tên từng tờ báo thiếu nhi trong SGK, cả lớp đọc: *Chăm học, Măng non, Hoạ mi, Nhi đồng Những thử nghiệm khiếp vía), Cười vui (Phải tích cực tập bơi), Rùa vàng, Văn tuổi thơ, Khăn quàng đỏ.*

(Kiểm tra sự chuẩn bị) GV yêu cầu mỗi HS đặt trước mặt một tờ báo thiếu nhi các em mang đến lớp (hoặc mượn ở thư viện), nhắc HS chú ý trao đổi sách báo cho nhau. GV vẫn chấp nhận nếu có HS mang sách khác (thơ, truyện) không phải là báo.

- HS 2 đọc YC 2. GV mời một vài HS giới thiệu tờ báo mình đã mang tới lớp (Tên tờ báo. Lí do có tờ báo: Ai mua hoặc cho em mượn?). VD: *Mực tím* là tờ báo dành cho tuổi học trò. Đây là tờ báo rất bổ ích với HS tiểu học. / Báo *Hoạ mi* dành cho HS lớp 1 và mẫu giáo. Tôi rất thích báo này vì báo có nhiều truyện tranh hay.

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu bài *Ngỗng* (M): Đây là một bài rất bổ ích vì nó giúp các em hiểu thêm về một vật nuôi trong nhà - con ngỗng. Nếu không có sách báo mang đến lớp, các em có thể đọc bài này. (Nếu tất cả HS đều có sách báo mang đến lớp: Bài Ngỗng rất bổ ích. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc lại bài này).

- HS 4 đọc YC 4.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 8, 9 phút.

***2.2. Tự đọc báo***

- GV bảo đảm yên tĩnh cho HS đọc; nhắc HS đọc kĩ một mẩu tin hoặc bài báo ngắn mình yêu thích để có thể tự tin, đọc to, rõ trước lớp. Với những HS không có báo, GV cho HS mượn báo hoặc YC các em đọc bài *Ngỗng* trong SGK.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc.

***2.3. Đọc cho các bạn nghe*** (BT 4)

- Lần lượt từng HS đứng trước lớp, đọc những tin tức hoặc nội dung một bài báo yêu thích (ưu tiên những HS đã đăng kí). HS đọc xong, các bạn có thể đặt câu hỏi để hỏi thêm.

- Cả lớp bình chọn bạn đọc hay, cung cấp những tin tức, thông tin, mẩu chuyện thú vị, bổ ích.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài học. Nhắc nhở những HS còn hạn chế về khả năng đọc, khả năng nói, diễn đạt trước lớp.

- Dặn HS tiết Tự đọc sách báo tuần sau sẽ đọc sách ở thư viện.

**CHỦ ĐIỂM GIA ĐÌNH**

TẬP ĐỌC

**NGÔI NHÀ ẤM ÁP**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu câu chuyện nói về tình cảm gia đình: Thỏ con rất vui vì được sống trong ngôi nhà ấm áp, bố mẹ con cái vui chơi, làm việc cùng nhau.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ để HS làm BT trắc nghiệm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc bài thơ *Hoa kết trái*, trả lời câu hỏi: Bài thơ khuyên các bạn nhỏ điều gì?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1*** Cả lớp hát bài *Cả nhà thương nhau* (Nhạc sĩ: Phan Văn Minh).

***1.2*** Thảo luận: HS chia sẻ về gia đình. Ví dụ:

- Gia đình bạn có mấy người? Đó là những ai?

- Bạn cảm thấy thế nào khi một người thân trong gia đình bạn đi vắng?

- Vào thời gian nào, mọi người trong gia đình bạn bên nhau đông đủ nhất?

- Mọi người trong gia đình bạn thường cùng nhau làm những việc gì?

- Bạn thích làm gì cùng người thân? Vì sao bạn thích?

***1.3. Giới thiệu bài***

a) GV: Các em đều rất yêu gia đình. Có một chú thỏ con cũng rất yêu gia đình. Chú luôn mong muốn cả nhà cùng làm việc, cùng vui chơi. Câu chuyện *Ngôi nhà ấm áp* sẽ giúp các em hiểu vì sao thỏ con nói: Ngôi nhà của mình thật là ấm áp.

b) GV đưa lên bảng hình minh hoạ bài tập đọc. HS quan sát tranh.

- GV: Tranh vẽ những gì? (Tranh vẽ cảnh gia đình thỏ: thỏ bố, thỏ mẹ và thỏ con, đang ở trong bếp. Thỏ mẹ nấu ăn. Thỏ bố thái cà rốt. Thỏ con cầm củ cà rốt giơ lên trước mặt bố).

- GV: Trong bức tranh, vẻ mặt của thỏ bố, thỏ mẹ, thỏ con đều rất vui vẻ, hạnh phúc. Các em cùng nghe câu chuyện để biết vì sao họ vui như vậy,

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Lời dẫn chuyện đọc nhẹ nhàng, tình cảm; lời thỏ mẹ giao hẹn lúc chơi cờ: vui, thân mật, lời thỏ con khi thì hồn nhiên Bố mẹ ơi, cả nhà làm việc cùng nhau đi!; khi vui sướng: *Nhà mình thật ấm áp, bố mẹ nhỉ!*

b) Luyện đọc từ ngữ: *giao hẹn, nấu ăn, làm vườn, thỏ thẻ, làm việc, thích lắm, vui vẻ, ấm áp,...* Giải nghĩa: thỏ thẻ (lời nói nhỏ nhẹ, đáng yêu).

c) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số câu.

- HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 cậu lời nhân vật) (cá nhân, từng cặp).

**TIẾT 2**

4) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (Từ đầu đến ... *ra vườn chăm cây.* ( Tiếp theo đến ... *cùng nhau đi*! Còn lại); thi đọc cả bài. Cuối cùng, 1 HS đọc, cả lớp đọc.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi và BT; các ý trả lời, lời dưới 4 tranh (BT 2).

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ Câu hỏi 1: GV: *Ai thắng ván cờ*? / Cả lớp viết lên thẻ phương án mình chọn, giơ thẻ. Đáp án: Ý b đúng (*Thỏ mẹ thắng*). / GV hỏi lại: *Ai thắng ván cờ*? Cả lớp: *Thỏ mẹ thắng*. (GV: Thỏ mẹ giao hẹn Ai thắng nấu ăn, ai thua làm vườn. Hết ván cờ, thỏ mẹ vào bếp nấu ăn nghĩa là thỏ mẹ thắng).

+ Câu hỏi 2: GV: *Thỏ con muốn gì*? Chọn 2 tranh thích hợp để trả lời. / Cả lớp đáp: (Tranh 3 và tranh 4) cùng nấu ăn, cùng chăm cây./ GV hỏi lại: *Thỏ con muốn gì*? Cả lớp: cùng nấu ăn, cùng chăm cây.

+ Câu hỏi 3: GV: Vì sao thỏ con nói: “*Nhà mình thật ấm áp*”? / Cả lớp giơ thẻ. Đáp án: Ý a đúng (*Vì cả nhà thỏ yêu thương nhau*). / GV: Vì sao thỏ con nói “*Nhà mình thật là ấm áp*”? / Cả lớp: Vì cả nhà thỏ yêu thương nhau.

+ GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? (Gia đình sẽ rất hạnh phúc, rất ấm áp khi mọi người yêu thương nhau, cùng nhau làm việc, vui chơi).

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- 1 tốp (3 HS) đọc (làm mẫu) theo các vai người dẫn chuyện, thỏ mẹ, thỏ con.

- 2 tốp HS phân vai, thi đọc truyện. GV khen HS, tốp HS đọc đúng, đọc hay.

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS đọc lại một vài câu trong bài đọc.

- Qua bài đọc này em học được điều gì?

- Chia sẻ bài đọc với bạn bè, người thân trong gia đình.

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe viết lại bài Cả nhà thương nhau (28 chữ), không mắc quá 1 lỗi.

- Điền đúng âm đầu **r, d** hay **gi**, điền đúng vần (**an, ang** hay **oan, anh**) vào chỗ trống để hoàn thành các câu văn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết bài thơ cần tập chép.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV viết bảng: *bò …ang, ..e, ...ay ...ắn* (2 lần); mời 2 HS lên bảng điền ng, ngh vào chỗ trống, đọc kết quả. Cả lớp đọc lại.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Nghe viết***

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc trên bảng bài thơ cần chép.

- GV: Bài thơ nói về điều gì? (*Cả nhà bố mẹ, con cái đều thương yêu nhau, ai cũng vui vẻ, hạnh phúc).*

- GV chỉ từng tiếng dễ viết sai cho HS đọc. VD: *thương yêu, giống, cười,…*

- HS nhẩm đọc lại những từ các em dễ viết sai.

- HS gấp SGK, mở vở Liên viết 1 tập hai, nghe GV đọc từng dòng thơ, viết lại. GV có thể đọc 3 – 4 chữ một: Đọc “Ba thương con” 2 - 3 lần, rồi đọc tiếp “ vì con giống mẹ”... GV nhắc HS tô các chữ hoa đầu câu hoặc viết chữ in hoa (nếu viết vở)

- HS viết xong, rà soát lại bài viết; đổi vở với bạn để sửa lỗi.

- GV chiếu lên bảng một số bài viết, chữa bài, nhận xét.

**2.2. Làm bài tập chính tả**

***2.2.1. BT 2*** (Em chọn chữ nào: **r, d** hay **gi**? )

- 1 HS đọc YC.

- GV viết bảng: *...ao hẹn, ...a vườn, ...úp mẹ, ...ễ thương.*

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai

- (Chữa bài) 1 HS làm bài trên bảng lớp. GV chốt đáp án: *giao hẹn, ra vườn, giúp mẹ, dễ thương.*

- Cả lớp đọc lại 4 câu đã hoàn chỉnh và sửa bài theo đáp án (nếu sai): *1) Thỏ mẹ giao hẹn... 2) Hai mẹ con thỏ cùng ra vườn... 3) Hai bố con thỏ cùng vào bếp giúp mẹ... 4) Thỏ con rất dễ thương.*

***2.2.2. BT 3*** (Tìm vần hợp với chỗ trống: **an, ang** hay **oan, anh**?).

- (Thực hiện tương tự BT 2) HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- (Chữa bài) 1 HS làm bài trên bảng lớp. GV chốt lại đáp án.

- Cả lớp đọc lại các câu văn đã hoàn chỉnh và sửa bài theo đáp án (nếu sai): *Thỏ con ngoan ngoãn, đáng yêu. Cả nhà thỏ thương nhau. Ngôi nhà tràn ngập hạnh phúc*.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV tuyên dương những HS viết cẩn thận, sạch đẹp.

TẬP ĐỌC

**EM NHÀ MÌNH LÀ NHẤT**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài đọc.

- Hiểu câu chuyện nói về tình cảm anh em: Nam thích em trai. Dù mẹ sinh em gái Nam vẫn rất yêu em. Với Nam, em nhà mình là nhất.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Ngôi nhà ấm áp; trả lời câu hỏi: Vì sao thỏ con nói: Nhà mình thật là ấm áp?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Thảo luận nhóm***

- Nhà bạn có anh, chị hoặc em không? Anh, chị hoặc em của bạn có gì đáng yêu? Bạn thường làm gì với anh, chị hoặc em của mình?

- Một vài HS phát biểu trước lớp.

***1.2. Giới thiệu bài:*** *Em nhà mình là nhất* nói về tình cảm của Nam với em gái. (HS quan sát tranh minh họa: Tranh vẽ bố mẹ đưa em bé mới sinh về. Mẹ bế em trong tay. Từ xa, Nam vui sướng giơ tay chào đón. Bên cạnh là hình ảnh Nam mong ước sẽ được đá bóng cùng em trai). Các em hãy cùng đọc để biết Nam yêu em thế nào.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu bài, giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Lời Nam khi háo hức: Mẹ sinh em trai để em đá bóng với con nhé!; khi vùng vằng: Con bảo mẹ sinh em trai cơ mà!; khi kiên quyết: Con không đổi đâu!; quả quyết: Em gái cũng đá bóng được. Em nhà mình là nhất! Con không đổi đâu! Lời mẹ mừng rỡ: Nam ơi, vào đây với em. Em gái con xinh lắm! Lời bố đùa, vui vẻ,...

b) Luyện đọc từ ngữ: *giao hẹn, mừng quýnh, xinh lắm, vùng vằng, kêu toáng, quả quyết*,... Giải nghĩa từ: *mừng quýnh* (mừng tới mức cuống quýt); *vùng vằng* (điệu bộ tỏ ra giận dỗi, vung tay vung chân), *kêu toáng* (kêu to lên), *quả quyết* (tỏ ý chắc chắn, không thay đổi).

c) Luyện đọc câu

- GV: Bài đọc có 20 câu.

- HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 hoặc 3 câu) (cá nhân, từng cặp).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc đoạn, bài

- Từng cặp HS (nhìn SGK) cùng luyện đọc trước khi thi.

- Từng cặp, tổ thi đọc tiếp nối 3 đoạn (Từ đầu đến ... Em gái con xinh lắm! / Tiếp theo đến ... không đổi đâu! / Còn lại).

- Từng cặp, tổ thi đọc cả bài.

- 1 HS đọc cả bài.

- Cả lớp đọc.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi và các ý lựa chọn.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi - HS trả lời:

+ GV: Mẹ Nam sinh em trai hay em gái? HS: Mẹ Nam sinh em gái.

+ GV: Vì sao Nam không vui khi mẹ gọi vào với em? /HS (ý b): *Vì Nam thích em trai.*

+ GV: Vì sao Nam không muốn đổi em gái? / HS (ý a): *Vì Nam yêu em mình.*

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - Cả lớp đáp.

- GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (HS: *Nam rất yêu em bé. / Anh chị luôn yêu quý em. / Nam thích em trai nhưng vẫn yêu em gái. / Em gái rất đáng yêu, không đổi được,.*..). GV: Nam thích em trai. Dù mẹ sinh em gái, Nam vẫn rất yêu em. Với Nam, em nhà mình là nhất.

***2.3. Luyện đọc lại*** (theo vai)

- 1 tốp (4 HS) đọc (làm mẫu) theo 4 vai: người dẫn chuyện, Nam, mẹ, bố.

- 2 tốp thi đọc theo vai.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn HS về nhà đọc (kể) cho người thân nghe câu chuyện Em nhà mình là nhất.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa T theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng *(mừng quýnh, quả quyết; Thỏ con thật đáng yêu*) bằng chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Máy chiếu / bảng phụ viết mẫu chữ viết hoa T; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ viết trên dòng kẻ ô li. Bìa chữ viết hoa mẫu R, S.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng trên bảng quy trình viết chữ viết hoa R, S đã học.

- GV kiểm tra một vài HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa T. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa T.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ T in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa T; luyện viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa T***

- GV đưa lên bảng chữ viết hoa T, hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tô” theo từng nét): Chữ T viết hoa gồm 1 nét là sự kết hợp của 3 nét cơ bản: cong trái (nhỏ), lượn ngang và cong trái (to). Đặt bút giữa ĐK 4 và ĐK 5, tô nét cong trái (nhỏ) nối liền với nét lượn ngang từ trái sang phải, sau đó chuyển hướng tô nét cong trái (to) cắt nét lượn ngang, tạo vòng xoắn nhỏ ở đầu chữ, cuối nét cong tô lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2.

- HS tô chữ viết hoa T cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- Cả lớp đọc: mừng quýnh, quả quyết; Thỏ con thật đáng yêu.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các con chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa T và h, viết liền mạch các chữ, vị trí đặt dấu thanh,

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: Tìm một tấm ảnh của mình hoặc tự vẽ mình; chuẩn bị giấy A4, giấy màu, bút màu, hồ dán, kéo,...

TẬP ĐỌC

**LÀM ANH**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài đọc.

- Hiểu điều bài thơ muốn nói: Làm anh, làm chị rất khó vì phải biết cư xử “người lớn”. Những ai yêu thương em của mình thì đều làm được người anh, người chị tốt.

- Học thuộc lòng khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Em nhà mình là nhất; trả lời câu hỏi: Vì sao Nam không muốn đổi em gái?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1.*** HS nghe hát hoặc hát bài Làm anh khó đấy (Thơ: Phan Thị Thanh Nhàn, nhạc: Huỳnh Đình Khiêm).

***1.2. Giới thiệu bài***

Các em vừa nghe (hoặc hát) bài hát Làm anh khó đấy. Lời của bài hát chính là lời bài thơ Làm anh các em học hôm nay. Đây là một bài thơ viết rất hay về tình cảm anh em. .

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, giọng vui tươi, nhí nhảnh, tình cảm. Nhấn giọng các từ ngữ: phải “người lớn” cơ, thật khó, thật vui, thì làm được thôi. Đọc tương đối liền mạch từng cặp hai dòng thơ (dòng 1, 2; dòng 3, 4...). Nghỉ hơi dài hơn một chút sau mỗi khổ thơ.

b) Luyện đọc từ ngữ, chuyện đùa, người lớn, dỗ dành, dịu dàng, quà bánh, nhường em luôn,...; đọc một số dòng thơ; Phải “người lớn” cơ / Anh phải dỗ dành / Anh nâng dịu dàng.

c) Luyện đọc dòng thơ

- GV: Bài có 16 dòng thơ.

- HS đọc tiếp nối 4 dòng thơ một cá nhân / từng cặp).

d) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 2 khổ thơ); thi đọc cả bài thơ.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 2 HS đọc 2 câu hỏi trong SGK. (Với câu hỏi 2, đọc lần lượt các vế câu ở mỗi bên).

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài trong VBT.

- Thực hành hỏi đáp (theo 2 câu hỏi).

- GV hỏi - HS trả lời:

+ GV (câu hỏi 1): Làm anh dễ hay khó?

- HS: Làm anh rất khó. / Làm anh khó vì đòi hỏi phải biết cư xử “người lớn”.

+ GV nêu YC nối ghép: Làm anh phải như thế nào?; gắn lên bảng lớp nội dung BT 2. / 2 HS nói kết quả. GV giúp HS nối các vế câu trên bảng. Cả lớp đọc:

a) Khi em bé khóc – 3) anh phải dỗ dành.

b) Nếu em bé ngã – 1) anh nâng dịu dàng.

c) Mẹ cho quà bánh – 4) chia em phần hơn.

d) Có đồ chơi đẹp - 2) cũng nhường em luôn.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp:

+ 1 HS (câu hỏi 1): Làm anh dễ hay khó?.

Cả lớp: *Làm anh rất khó. / Làm anh khó vì đòi hỏi phải biết cư xử “người lớn”*.

+ 1 HS (câu hỏi 2): Làm anh phải như thế nào? Cả lớp:

a) Khi em bé khóc - 3) anh phải dỗ dành.

b) Nếu em bé ngã - 1) anh nâng dịu dàng.

c) Mẹ cho quà bánh - 4) chia em phần hơn.

d) Có đồ chơi đẹp - 2) cũng nhường em luôn.

- GV: Ai “làm anh” được? HS: Ai yêu em bé thì làm được. GV: Làm anh, làm chị rất khó vì đòi hỏi anh, chị phải biết cư xử “người lớn”; phải yêu thương, chăm sóc, nhường nhịn em. Nhưng làm anh, làm chị cũng rất vui. Ai yêu em của mình thì đều làm được người anh, người chị tốt.

***2.3. Học thuộc lòng***

GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ đầu và khổ thơ cuối tại lớp theo cách xoá dần từng chữ.

- HS thị đọc thuộc lòng khổ thơ đầu / khổ thơ cuối.

- HS thi đọc thuộc lòng khổ thơ đầu hoặc cả bài thơ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết học Góc sáng tạo.

GÓC SÁNG TẠO

**“EM LÀ CÂY NẾN HỒNG”**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Làm được một sản phẩm giới thiệu bản thân: Dán ảnh (hoặc tranh vẽ) bản thân vào giấy, trang trí, tô màu. Viết được một vài câu tự giới thiệu bản thân (gắn với gia đình).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a) Chuẩn bị của GV: Các viên nam châm để gắn lên bảng sản phẩm của HS; Những mảnh giấy có dòng kẻ ô li GV phát cho HS để dán vào sản phẩm, viết lên đó.

b) Chuẩn bị của HS:

- Ảnh HS, tranh HS tự hoạ bản thân.

- Giấy màu, giấy trắng, bút chì màu, bút dạ, kéo, keo dán,...

- Các viên nam châm để gắn lên bảng sản phẩm của HS.

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài**

***1.1. Chia sẻ***

GV hướng dẫn HS quan sát tranh, ảnh ở BT 1, nhận ra hình ảnh các bạn HS; đoán xem phải làm gì (làm một sản phẩm có tranh tự hoạ hoặc tấm ảnh bản thân, viết lời tự giới thiệu).

***1.2. Giới thiệu bài***

Tiết học Góc sáng tạo hôm nay có tên Em là cây nến hồng. Đây là một câu lấy từ lời bài hát Ba ngọn nến lung linh, ý nói: *Các em rất đẹp. Các em là ánh sáng lung linh, là những con ngoan, trò giỏi; là niềm tự hào của gia đình.* Trong tiết học này, các em sẽ tự giới thiệu mình bằng cách: *dán ảnh mình hoặc tự vẽ chân dung mình lên giấy, trang trí, tô màu, viết lời tự giới thiệu.* Các em hãy cố gắng để có một sản phẩm ấn tượng.

**2. Khám phá**

- Cả lớp nhìn SGK, nghe 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 YC của tiết học.

+ HS 1 đọc YC 1,/ Cả lớp quan sát tranh, ảnh trong SGK.

+ HS 2 đọc YC 2. / 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 lời giới thiệu làm mẫu bên tranh, ảnh của 3 HS (SGK). GV giới thiệu vài sản phẩm do HS năm trước đã làm( nếu có).

+ HS 3 đọc YC 3.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị không quá 8 phút.

**3. Luyện tập**

***3.1. Chuẩn bị***

- HS bày lên bàn ĐDHT, ảnh hoặc tranh em tự vẽ mình hoặc người thân vẽ.

- GV phát cho HS những mẩu giấy trắng có dòng kẻ ô li, cắt hình chữ nhật đơn giản hoặc hình gì đó vui mắt để HS sẽ viết lời tự giới thiệu rồi đính vào sản phẩm.

- HS mở VBT, GV nhắc lại cách sử dụng trang vở (như đã hướng dẫn).

***3.2. Làm sản phẩm***

- HS dán tranh, ảnh vào giấy, trang trí, tô màu. Những HS chưa có tranh, ảnh sẽ vẽ nhanh tranh tự hoạ - vẽ vào giấy hoặc VBT.

- HS viết lời giới thiệu. Viết ở trên, dưới hoặc bên cạnh tranh, ảnh. GV khuyến khích HS viết 3 – 5 câu; nhắc HS viết hoa chữ đầu câu; viết hoa họ, tên mình.

***3.3. Giới thiệu sản phẩm với các bạn trong nhóm***

- Từng cặp hoặc nhóm giới thiệu cho nhau sản phẩm, nghe các bạn góp ý.

- GV đính lên bảng lớp 4 – 5 sản phẩm ấn tượng, mời HS giới thiệu. Có thể phóng to sản phẩm trên màn hình cho cả lớp nhận xét: sản phẩm nào có tranh, ảnh đẹp; lời giới thiệu hay.

\* GV cần động viên để tất cả HS đều mạnh dạn thể hiện mình. Chấp nhận nếu HS viết sai chính tả, viết thiếu dấu câu. Không đòi hỏi chữ viết phải đẹp.

Cuối giờ, GV sửa lời tự giới thiệu cho một số HS (lỗi chính tả, ngắt câu) để HS viết lại trên trang 2 của VBT hoặc viết vào mẩu giấy rồi đính lại vào sản phẩm.

**4. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo; dặn HS mang sản phẩm về nhà, cùng người thân góp ý, sửa lại sản phẩm cho đẹp, gắn lại vào VBT để chuẩn bị cho tiết Trưng bày tuần tới.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Hai tiếng kì lạ.

KỂ CHUYỆN

**HAI TIẾNG KÌ LẠ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Hai tiếng kì lạ.

- Nhìn tranh, kể lại được từng đoạn, toàn bộ câu chuyện. Bước đầu biết thay đổi giọng để phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của bà cụ, cậu bé, chị cậu bé.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Lời nói lễ phép, lịch sự có sức mạnh kì diệu. Nó làm cho mọi người yêu mến, sẵn lòng giúp đỡ em.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ truyện Cuộc phiêu lưu của giọt nước tí hon, mời 2 HS nhìn tranh kể chuyện, mỗi HS kể theo 3 tranh.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

GV gắn lên bảng 6 tranh minh họa câu chuyện, hướng dẫn HS quan sát : Một cậu bé ngồi trước cửa nhà, mặt cau có; một bà cụ thì thầm gì đó vào tai cậu. Những cảnh khác: Cậu bé bước vào phòng, chị cậu nhìn ra, vẻ mặt đề phòng, cảnh giác. Tranh tiếp – hai chị em rất thân ái. Cậu bé gặp anh, hai anh em nắm tay nhau, tươi cười. Cậu bé gõ cửa nhà ai đó, không rõ để làm gì.

***1.2. Giới thiệu truyện***

Có một cậu bé tức giận cả nhà. Vì sao cậu giận? Vì sao cậu thay đổi và mọi chuyện trở nên tốt đẹp. Các em hãy cùng nghe câu chuyện Hai tiếng kì lạ để biết đó là hai tiếng gì. Sức mạnh diệu kỳ của hai tiếng đó.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Đoạn 1, 2 kể chậm rãi. Lời bà cụ thân mật, khích lệ. Lời cậu bé cáu kỉnh. Những đoạn sau, lời cậu bé nói với chị, với anh: nhẹ nhàng, lịch sự. Các chi tiết tả sự thay đổi hắn thái độ của chị, của anh cậu bé cần được kể với giọng ngạc nhiên, thích thú.

**Hai tiếng kì lạ**

(1) Có một cậu bé mặt mũi cau có ngôi trước cửa nhà. Thấy bà cụ hàng xóm đi qua, cậu chẳng chào. Bà cụ thấy lạ, hỏi:

- Ai trêu chọc cháu thế?.

Cậu bé đáp:

- Không ai trêu chọc cháu, nhưng cũng không ai yêu cháu. Chị cháu không cho cháu mượn bút màu. Anh cháu đi bơi cũng không cho cháu đi theo.

Nói xong, cậu tủi thân, khóc thút thít.

(2) Bà cụ bèn nói:

- Bà sẽ dạy cháu hai tiếng kì lạ để mọi người đều yêu cháu. Bà cụ thì thầm vào tai cậu, rồi dặn thêm:

- Cháu nhớ nói thật dịu dàng nhé.

(3) Cậu bé muốn thử phép màu, chạy ngay vào nhà. Chị cậu đang ngồi vẽ. Thấy em trai, chị vội lấy tay che đống bút màu,

(4) Cậu bé bèn nhìn vào mắt chị, nói thật dịu dàng: “Chị cho em mượn một cái bút, chị nhé”. Chị cậu ngạc nhiên mở to mắt, rồi khẽ nói: “Em thích chiếc nào thì cầm đi!”. Cậu bé vui mừng cầm lấy một chiếc bút màu xanh rồi trả lại ngay cho chị.

(5) Muốn thử tiếp phép màu của hai tiếng kì lạ, cậu liền tìm anh. Cậu đặt tay lên tay anh, hỏi: “Ngày mai, anh cho em đi bơi cùng, anh nhé!”. Thật bất ngờ là anh gật đầu đồng ý ngay. .

(6) Hai tiếng “chị nhé”, “anh nhé” thật là kì diệu. Cậu bé sang cảm ơn bà cụ hàng xóm, nhưng cụ chưa về. Có lẽ cụ đi mách hai tiếng kì lạ cho những cậu bé, cô bé khác.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh.

- GV chỉ tranh 1: Vì sao cậu bé ngồi trước nhà cậu có? (Vì cậu cảm thấy không ai trong nhà yêu cậu. Chị cậu không cho cậu mượn bút màu. Anh đi bơi cũng không cho cậu đi theo).

- GV chỉ tranh 2: Bà cụ nói gì với cậu? (Bà cụ nói: Bà sẽ dạy cháu hai tiếng kì lạ để mọi người đều yêu cháu).

- GV chỉ tranh 3: Cậu bé chạy vào nhà làm gì? (Cậu bé chạy ngay vào nhà vì muốn thử phép màu). Chị cậu làm gì khi thấy cậu? (Chị cậu đang ngồi vẽ. Thấy cậu, chị vội lấy tay che đống bút màu).

- GV chỉ tranh 4: Vì sao sau đó chị cậu cho cậu mượn bút màu? (Chị cho cậu mượn bút màu vì thấy cậu nhìn vào mắt chị, nói dịu dàng: Chị cho em mượn một cái bút, chị nhé!).

- GV chỉ tranh 5: Muốn thử tiếp phép màu, cậu bé đã tìm gặp ai? (Muốn thử tiếp phép màu của hai tiếng kì lạ, cậu liền tìm anh. Cậu đặt tay lên tay anh, hỏi: Ngày mai, anh cho em đi bơi cùng, anh nhé!). Kết quả ra sao? (Kết quả thật bất ngờ, anh cậu gật đầu đồng ý ngay).

- GV chỉ tranh 6: Hai tiếng kì lạ đó là gì? (HS: Hai tiếng kì lạ đó là “chị nhé”, “anh nhé”, GV: Đó là những tiếng thể hiện thái độ lễ phép, lịch sự). Cậu bé cảm ơn ai? (Cậu bé muốn cảm ơn bà cụ hàng xóm).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS kể chuyện theo 2 tranh.

b) 2 hoặc 3 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện, không nhìn tranh.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? (HS phát biểu. GV: Câu chuyện nói về sức mạnh kì diệu của lời nói lễ phép, lịch sự, dễ nghe. Nói năng lễ phép, lịch sự, thể hiện mình là một học trò ngoan, có văn hoá, em sẽ chiếm được tình cảm yêu mến, nhận được sự giúp đỡ của mọi người xung quanh. Các em cần học hỏi để trở thành người HS biết nói năng lễ phép, lịch sự).

- Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em mới học được qua câu chuyện.

- Dặn HS chuẩn bị cho tiết KC Chuyện của thước kẻ.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Biết tô chữ viết hoa U, Ư theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết các từ ngữ, câu ứng dụng (dỗ dành, tràn ngập; Uốn cây từ thuở còn non) bằng chữ viết thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ chiếu / viết mẫu chữ viết hoa U, Ư đặt trong khung chữ; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô quy trình viết chữ viết hoa T.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiêu lên bảng chữ in hoa U, Ư. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa U, Ư.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ U, Ư in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa U, Ư; tập viết các từ ngữ và câu ứng dụng cỡ chữ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tô chữ viết hoa U, Ư***

- HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tô (GV vừa mô tả vừa cầm que chỉ “tô” theo từng nét):

+ Chữ U viết hoa gồm 2 nét: Nét 1 là nét móc hai đầu; tô từ điểm bắt đầu trên ĐK 5, lượn theo đường cong đầu móc bên trái phía trên rồi tô thẳng xuống chân móc bên phải. Rê bút lên ĐK 6, tô tiếp nét 2 là nét móc ngược phải, từ trên xuống dưới.

+ Chữ Ư viết hoa gồm 3 nét: Nét 1 và 2 tô như chữ U hoa. Sau đó tô tiếp nét 3 là “nét râu” (đường cong nhỏ bên phải nét móc) tạo thành chữ hoa U.

- HS tô các chữ viết hoa U, Ư cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc: dỗ dành, tràn ngập; Uốn cây từ thuở còn non.

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa các chữ (nối giữa U và ô), vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS sẽ học 2 tiết Tự đọc sách báo ở thư viện trường.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết cách chọn sách, mượn sách và trả sách ở thư viện.

- Hiểu quy định và thực hiện đúng quy định về mượn sách, trả sách, đọc và bảo quản sách ở thư viện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Thư viện trường có một số cuốn sách thiếu nhi được phân loại theo nhóm (truyện cổ tích, truyện thiếu nhi, sách khoa học, thơ, sách giáo khoa,...), được sắp xếp khoa học, gọn gàng, dễ tìm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

GV đưa HS đến thư viện trường.

**1. Giới thiệu bài**

Hôm nay, các em sẽ học 2 tiết Tự đọc sách báo ở thư viện trường. Tiết học sẽ giúp các em:

- Biết chọn sách, mượn sách, trả sách ở thư viện.

- Hiểu và thực hiện đúng quy định ở thư viện; học được phép lịch sự khi đọc sách ở thư viện (giữ trật tự, không làm ồn, không ăn trong thư viện), bảo quản sách (không làm bẩn, làm rách sách).

**2. Luyện tập**

- 3 HS tiếp nối đọc 3 yêu cầu 2, 3, 4 của bài học. Cả lớp nghe, quan sát minh hoạ.

***2.1. Tự chọn sách, mượn sách***

a) GV (hoặc nhân viên thư viện (NVTV) giới thiệu cho HS nơi sắp xếp các loại sách. VD: Đây là nơi xếp các truyện cổ tích. Đây là nơi xếp các truyện thiếu nhi. Đây là nơi xếp các sách khoa học... Nếu cần giúp đỡ, các em hỏi NVTV.

b) GV / NVTV hướng dẫn HS tự tìm sách. VD: .

- NVTV: Cháu muốn tìm truyện gì?

- HS 1: Cháu muốn tìm truyện Cây tre trăm đốt.

- NVTV: Truyện Cây tre trăm đốt là truyện cổ tích, cháu phải tìm ở giá sách đặt truyện cổ tích. (NVTV tìm, chỉ cho HS). Đây là truyện cháu muốn tìm.

- HS 1: Cảm ơn cô.

- HS 2: Cô cho cháu hỏi: Sách về khủng long ở đâu ạ?

- NVTV: Sách về khủng long là loại sách khoa học, cháu phải tìm ở giá sách đặt truyện khoa học. Đây là nơi xếp những truyện viết về khủng long. Cháu tìm đi!

- HS 2: Vâng ạ. Cảm ơn cô.

\* HS tìm sách, nhờ GV hoặc NVTV giúp đỡ (nếu cần).

c) Hướng dẫn HS giao tiếp khi mượn sách

\* GV đưa HS tới chỗ NVTV, hướng dẫn HS cách giao tiếp lịch sự với NVTV:

- HS: Cô cho cháu mượn truyện Dế Mèn phiêu lưu kí ạ.

- NVTV: Cháu đợi một lát nhé. (Sau đó đưa sách) Truyện của cháu đây.

- HS (nhận sách bằng hai tay): Cháu cảm ơn cô ạ!

\* HS thực hành mượn sách theo hướng dẫn.

***2.2. Hướng dẫn HS đọc sách***

- Mỗi HS cầm 1 quyển sách đi đến bàn đọc sách. GV nhắc HS không làm ồn khi đọc sách; không làm bẩn, làm rách sách; không ăn trong thư viện.

- HS trật tự đọc sách.

- Một vài HS báo cáo đã đọc được sách gì, truyện gì; đã biết thêm được điều gì mới. Cả lớp nghe nội dung thông tin mà mỗi bạn cung cấp.

***2.3. Trả sách***

Hết giờ, GV nhắc HS để sách lại chỗ cũ. Nếu mượn sách của NVTV, các em cần trả lại sách. GV hướng dẫn HS cách giao tiếp lịch sự với NVTV. VD:

- HS: Cô cho cháu trả sách ạ. / Cô cho cháu gửi lại quyển sách ạ.

- NVTV: Cảm ơn cháu!

- HS: Cháu cảm ơn cô ạ.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV hỏi: Khi đến thư viện đọc sách, để thể hiện là một người lịch sự, thực hiện đúng quy định của thư viện, em cần chú ý điều gì? (HS nói lại những gì đã học được: Biết giao tiếp lịch sự với NVTV khi mượn sách, trả sách. / Giữ trật tự, không làm ồn, không ăn trong thư viện. / Không làm bẩn, làm rách sách).

- GV khen ngợi những HS đã thể hiện tốt trong giờ học.

- Nhắc HS chuẩn bị trước cho tiết Tự đọc sách báo tuần sau: Đọc trước nội dung bài; tìm sách, báo, truyện, bài thơ yêu thích mang đến lớp để giới thiệu, đọc hoặc kể cho các bạn nghe.

**CHỦ ĐIỂM TRƯỜNG HỌC**

TẬP ĐỌC

**VE CON ĐI HỌC**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dấu câu.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu nội dung câu chuyện kể về ve con vì lười học nên đã không biết chữ, qua đó, khuyên HS cần chăm chỉ học hành để trở thành người hiểu biết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS đọc thuộc lòng khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ Làm anh, trả lời câu hỏi: Làm anh dễ hay khó?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1***. HS nghe hát hoặc hát bài Mùa hoa phượng nở (Nhạc và lời: Hoàng Vân).

***1.2. Giới thiệu bài***

- GV có thể cho HS nghe một đoạn băng thu sẵn tiếng ve kêu, giới thiệu: Đây chính là tiếng kêu của những chú ve. Mỗi mùa hè đến, những chú ve lại cất tiếng kêu ran trong những vòm cây. Bây giờ các em sẽ đọc câu chuyện về một chú ve.

- GV đưa lên bảng hình minh hoạ bài đọc, hướng dẫn HS quan sát

+ Tranh vẽ gì? (Tranh vẽ một lớp học, thầy giáo cánh cam đang chỉ lên bảng chữ e. Học trò trong lớp là ve, bướm, ong, chuồn chuồn).

+ Ve đang làm gì? (Ve đang chạy ra khỏi lớp, vừa chạy vừa kêu e... e... Thầy giáo ngạc nhiên nhìn theo ve).

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu: Giọng đọc thong thả. Lời ve bố dịu dàng. Lời ve con mừng rỡ khi reo: E... e... e. Mình biết chữ rồi!

b) Luyện đọc từ ngữ: ham chơi, gọi mãi, biết chữ, trốn học, tưởng mình giỏi, suốt ngày, khoe tài, ...

c) Luyện đọc câu

- GV cùng HS đếm số câu trong bài.

- HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 – 3 câu ngắn).

**TIẾT 2**

d) Thi đọc 3 đoạn (Từ đầu đến ... chạy tới trường. Tiếp theo đến ... Mình biết chữ rồi! / Còn lại); thi đọc cả bài.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối đọc 3 câu hỏi.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài vào VBT.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV (câu hỏi 1): Vì sao về con chỉ biết đọc chữ e?/ Cả lớp giơ thẻ (chọn ý b).

+ GV (nhắc lại): Vì sao ve con chỉ biết đọc chữ e? / HS: Vì mới học được chữ e, ve con đã bỏ học đi chơi.

+ GV (câu hỏi 2): Ve con suốt ngày đọc “e... e...” để làm gì? / HS giơ thẻ (chọn ý b).

+ GV (nhắc lại): Ve con suốt ngày đọc “e... e...” để làm gì? / HS: Để khoe tài.

+ GV (câu hỏi 3): Nếu ve hiểu trốn học là sai, bạn ấy sẽ nói lời xin lỗi bố mẹ thế nào? / HS (1 - 2 em) (*Con xin lỗi bố mẹ. Từ nay con sẽ chăm chỉ học, không trốn học đi chơi nữa*. /...).

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - cả lớp đáp (theo câu hỏi 1, câu hỏi 2):

+ 1 HS (câu hỏi 1): Vì sao ve con chỉ biết đọc chữ e? / Cả lớp: *Vì mới học được chữ e, ve con đã bỏ học đi chơi.*

+ 1 HS (câu hỏi 2): *Ve con suốt ngày đọc “e... e...” để làm gì*?/ Cả lớp: Để khoe tài..

- GV: Ve con đáng chê vì ham chơi, lười học. Ve con cũng đáng thương vì không biết chữ lại tưởng mình giỏi nên thích khoe khoang. Từ câu chuyện về ve con, các em cần hiểu: Những HS lười biếng, bỏ học, sẽ thiếu hiểu biết, trở thành người vô dụng, dễ bị lôi kéo làm việc xấu.

***2.3. Luyện đọc lại***

- 2 cặp HS tiếp nối nhau thi đọc cả bài (mỗi cặp đọc nửa bài).

- 2 nhóm (mỗi nhóm 4 HS) thi đọc cả bài (mỗi nhóm đều đọc cả bài).

**3. Củng cố, dặn dò**

**CHÍNH TẢ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Tập chép 1 khổ thơ của bài Dàn đồng ca mùa hạ, không mắc quá 1 lỗi.

- Điền đúng âm đầu **g, gh**; vần **eo, oe** vào chỗ trống để hoàn thành câu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS lên bảng, điền r, d, gi vào chỗ trống để hoàn thành các từ ngữ (tiết chính tả trước): ...ao hẹn, ...a vườn, ...úp mẹ, ...ễ thương.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu mục tiêu của tiết học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tập chép***

- HS (cá nhân, cả lớp) đọc khổ thơ cần chép.

- GV: Khổ thơ nói về điều gì? (Tiếng ve kêu mùa hè như tiếng hát của một dàn đồng ca trong cây lá).

- GV chỉ từng tiếng dễ viết sai cho cả lớp đọc: *râm ran, bè trầm, bè thanh, dày đặc, màn lá*...

- HS nhìn SGK, đọc lại những từ các em dễ viết sai.

- HS mở vở Luyện viết 1, tập hai, chép lại khổ thơ, tô các chữ hoa đầu câu.

- HS viết xong, rà soát lại bài viết: hoặc nghe GV đọc, sửa lỗi.

- GV chữa bài của HS: có thể chiếu một vài bài của HS lên bảng, nhận xét.

***2.2. Làm bài tập chính tả***

***2.2.1. BT 2*** (Chọn chữ hợp với chỗ trống)

- 1 HS đọc YC. GV viết bảng: *...ọi, ...ặp, giỏi ...ê.*

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- (Chữa bài) 1 HS làm bài trên bảng lớp. Đáp án: *gọi, gặp, ghê.*

- Cả lớp đọc lại 2 cậu đã hoàn chỉnh. 1) Ve mẹ gọi mãi,... 2) *Ve con gặp ai cũng khoe: “Tớ giỏi ghê!*”./ Cả lớp sửa bài (nếu làm sai).

***2.2.2. BT 3*** (Chọn vần hợp với chỗ trống)

Thực hiện tương tự BT 2:

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- (Chữa bài) GV viết bảng*: kh... tài, r... mừng*. Mời 1 HS làm bài trên bảng lớp. / Đáp án: *khoe, reo*.

- Cả lớp đọc lại 2 câu văn đã hoàn chỉnh: 1) *Suốt mùa hè, ve con khoe tài ca hát. / Được cô khen, dế con nhảy nhót reo mừng.*

- Cả lớp sửa bài (nếu làm sai).

**3. Củng cố, dặn dò**

- Cho HS nhắc lại luật chính tả e, ê, i.

- Tuyên dương những HS tích cực.

TẬP ĐỌC

**SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG HỌC TẬP AN TOÀN**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc rõ ràng, rành mạch từng ý trong văn bản thông tin, phát âm đúng.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Trả lời đúng các câu hỏi tìm hiểu bài.

- Hiểu nội dung bài: Đồ dùng học tập rất có ích với HS nhưng cần biết cách sử dụng chúng cho an toàn, không gây nguy hiểm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện *Ve con đi học*. HS 1 trả lời câu hỏi: *Vì sao ve con chỉ biết đọc chữ e*? / HS 2 trả lời câu hỏi: *Em có thích ve con không? Vì sao?*

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1. Quan sát tranh và phỏng đoán***

GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc: các ĐDHT (kéo, bút bi, dao, bút chì, thước kẻ) được vẽ nhân hoá rất sinh động. Đoán bài đọc này muốn nói điều gì với các em.

***1.2.*** Giới thiệu ĐDHT là bạn thân thiết của HS. Nhưng nếu HS không biết sử dụng những ĐDHT này thì chúng có thể gây nguy hiểm: vì dao, kéo, thước kẻ cũng có thể gây thương tích. Bút chì, bút bi nom rất hiền lành nhưng cũng chứa chất độc hại.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, rõ ràng, rành mạch từng thông tin. Nghỉ hơi dài sau mỗi ý được gạch đầu dòng.

b) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): *cẩn thận, đồ dùng sắc nhọn, gây thương tích, sạch sẽ, chất độc hại,...*

c) Luyện đọc câu: GV: Bài đọc có 7 câu. HS đọc tiếp nối từng câu.

**TIẾT 2**

d) Luyện đọc 4 ý (4 đoạn), xem mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn (từng cặp, tổ).

e) Từng cặp, tổ thi đọc cả bài. Cuối cùng 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc.

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV hỏi – HS trong lớp trả lời:

+ GV: Vì sao khi dùng những vật sắc nhọn, em phải cẩn thận? HS: *Vì những đồ dùng sắc nhọn dễ gây thương tích cho bản thân và người khác.*

+ GV: Khi dùng bút, em cần chú ý điều gì?/ HS: Khi dùng bút, không nên cắn hay ngậm đầu bút vào miệng. Dùng xong bút sáp, bút chì, nên rửa tay sạch sẽ để tránh chất độc hại.

+ GV: Vì sao không nên làm gãy thước kẻ?/ HS: Không nên làm gãy thước kẻ vì khi gãy, thước kẻ dễ làm cho bản thân hoặc người khác bị thương

- (Lặp lại) 1 HS hỏi - Cả lớp đáp.

- GV: Bài đọc cung cấp cho em những thông tin gì bổ ích? (HS: VD: Đọc bài này em mới biết bút sáp, bút chì cũng có chất độc hại. /... thước kẻ cũng có thể gây thương tích,...). GV: ĐDHT là bạn thân thiết của HS nhưng nếu không biết sử dụng thì chúng cũng gây nguy hiểm. Các em phải biết sử dụng ĐDHT an toàn, để chúng thực sự là những đồ dùng hữu ích.

**2.3. Luyện đọc lại**

- 4 HS thi đọc tiếp nối 4 đoạn.

- 2 tổ thi đọc cả bài.

- GV khen HS, tổ / HS đọc đúng, trôi chảy, rõ ràng, rành mạch từng thông tin.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV cho HS đọc lại một số câu, từ bất kỳ.

- Chia sẻ bài đọc cho bạn bè, người thân nghe.

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô các chữ viết hoa V, X theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ, câu ứng dụng (trôi chảy, lưu loát; Vui tới lớp, học điều hay) chữ viết thường, cỡ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu / bảng phụ viết mẫu chữ viết hoa V, X đặt trong khung chữ; từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ viết trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô đúng quy trình viết chữ viết hoa U, Ư đã học.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà trong vở Luyện viết 1, tập hai.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV chiếu lên bảng chữ in hoa V, X. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa V, X.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu mẫu chữ V, X in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tổ chữ viết hoa V, X; luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa V, X.***

- GV hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và chỉ dẫn cách tô từng chữ hoa:

+ Chữ V viết hoa gồm 3 nét: Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản (cong trái, lượn ngang), tô giống nét đầu các chữ viết hoa H, I, K. Nét 2 là nét thẳng nhưng lượn ở hai đầu, tô từ trên xuống ĐK 1. Sau đó chuyển hướng đầu bút, tô tiếp nét 3 (móc xuôi phải) từ dưới lên, dừng bút ở ĐK 5.

+ Chữ X viết hoa tô liền 1 nét (có 2 đầu móc, 2 vòng xoắn hình khuyết cân đối): Tô đầu móc trái phía trên xuống, tạo nét móc hai đầu (trái) rồi vòng lên tô tiếp nét thẳng xiên từ trái sang phải (lượn hai đầu). Sau đó chuyển hướng đầu bút tô tiếp nét móc hai đầu phải từ trên xuống, cuối nét lượn vào trong, dừng bút trên ĐK 2.

- HS tô các chữ viết hoa V, X cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai. 2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng (cỡ nhỏ) - HS đọc từ, câu ứng dụng: trôi chảy, lưu loát; Vui tới lớp, học điều hay.

- HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa các chữ (nối giữa chữ viết hoa V sang u), vị trí đặt dấu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hai; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Trưng bày tranh ảnh Em là cây nến hồng.

**TẬP ĐỌC CHUYỆN Ở LỚP**

(1 tiết).

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc trơn bài thơ, phát âm đúng các tiếng. Biết nghỉ hơi sau các dòng thơ, ngắt hơi đúng nhịp ở mỗi dòng thơ.

- Hiểu các từ ngữ trong bài.

- Hiểu, trả lời đúng các câu hỏi về bài đọc,

- Hiểu nội dung bài thơ: Bạn nhỏ kể cho mẹ nghe nhiều chuyện chưa ngoan của các bạn trong lớp. Nhưng mẹ muốn nghe bạn kể: Ở lớp bạn đã ngoan thế nào.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các thẻ từ viết nội dung BT 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 2 HS tiếp nối nhau đọc bài Sử dụng đồ dùng học tập an toàn (mỗi HS đọc 2 ý)./ HS 1 trả lời câu hỏi: Vì sao khi dùng những vật sắc nhọn, em phải cẩn thận?/ HS 2 trả lời câu hỏi: Khi dùng bút, em cần chú ý điều gì?

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu bài** (gợi ý)

***1.1.*** Cả lớp nghe hát hoặc hát bài hát về trường, lớp. Ví dụ, bài Lớp em như một vườn hoa (sáng tác: Việt Anh), hoặc Em yêu trường em (nhạc và lời: Hoàng Vân), Ở trường cô dạy em thế (nhạc Nga).

***1.2. Giới thiệu bài***: Các em vừa nghe hát (hoặc hát) một bài hát về lớp học, mái trường. Bây giờ, chúng ta sẽ cùng đọc bài thơ viết về “Chuyện ở lớp”.

HS quan sát tranh: Hình ảnh hai mẹ con bạn HS. Mẹ nhìn con dịu dàng, âu yếm. Bạn nhỏ lưng đeo cặp sách hớn hở chạy tới ôm mẹ, vẻ mặt rất vui, như muốn kể với mẹ chuyện gì đó. Các em hãy nghe bài thơ để biết bạn nhỏ muốn kể điều gì.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Luyện đọc***

a) GV đọc mẫu, giọng vui tươi, tình cảm. Đọc tương đối liền mạch từng cặp hai dòng thơ (dòng 1, 2; dòng 3, 4).

b) Luyện đọc từ ngữ: ở lớp, sáng nay, đỏ bừng tai, trêu, đầy mực, bôi bẩn, vuốt tóc, chẳng nhớ nổi,...

c) Luyện đọc dòng thơ

- GV: Bài thơ có 12 dòng.

- HS đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).

d) Thi đọc 3 khổ thơ, cả bài thơ

***2.2. Tìm hiểu bài đọc***

- 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 BT trong SGK.

- Từng cặp HS trao đổi, làm bài.

- GV (BT 1): gắn lên bảng 6 thẻ từ ngữ, chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc. /1 HS lên bảng ghép các thẻ từ ngữ; báo cáo kết quả. Cả lớp đồng thanh:

a) Bạn Hoa - 2) không học bài.

b) Bạn Hùng - 3) trêu bạn trong lớp.

c) Bạn Mai - 1) bôi bẩn ra bàn.

- GV (BT 2): Mẹ bạn nhỏ muốn biết điều gì? / Cả lớp giơ thẻ. Đáp án: Ý b.

GV (nhắc lại): Mẹ bạn nhỏ muốn biết điều gì? / Cả lớp: Mẹ muốn biết con ngoan thế nào.

GV: Bạn nhỏ kể về những việc chưa ngoan của các bạn trong lớp, nhưng mẹ bạn chỉ muốn nghe bạn kể về mình: Ở lớp, bạn đã ngoan thế nào.

\* Nếu còn thời gian, GV có thể hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ cuối hoặc cả bài thơ tại lớp.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV dặn HS về nhà kể cho người thân: Hôm nay ở lớp em đã ngoan thế nào?

- Nhắc lại YC không quên mang sản phẩm cho tiết Trưng bày Em là cây nến hồng, chuẩn bị cho tiết KC Chuyện của thước kẻ.

GÓC SÁNG TẠO

**TRƯNG BÀY TRANH ẢNH “EM LÀ CÂY NẾN HỒNG”**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Biết cùng các bạn và thầy cô trưng bày sản phẩm cho đẹp.

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin sản phẩm của mình với các bạn và thầy cô.

- Biết nhận xét, bình chọn sản phẩm mình yêu thích

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ảnh hoặc tranh tự hoạ mỗi HS đã viết lời giới thiệu và trang trí.

- Những viên nam châm, bút màu, bút dạ, kéo, hồ, keo dán,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**

Trong tiết học này, các em sẽ trưng bày tranh ảnh Em là cây nến hồng; tham gia bình chọn sản phẩm yêu thích. Giới thiệu sản phẩm của mình với các bạn và thầy cô.

**2. Luyện tập**

***2.1.*** Tìm hiểu yêu cầu của bài học 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 YC (4 bước) của bài học:

- HS 1 đọc YC1. Cả lớp vừa lắng nghe vừa quan sát tranh, ảnh: một cách trưng bày sản phẩm của các bạn HS.

- HS 2 đọc YC 2 (bắt đầu từ Cùng xem, cùng đọc và bình chọn...).

- HS 3 đọc YC 3; đọc lời tự giới thiệu làm mẫu của 3 HS (SGK).

- HS 4 đọc YC 4. GV: Sau giờ học, các em sẽ gắn tranh, ảnh của mình lên bảng nhóm ở góc học tập, để ở đó suốt tuần.

\* Thời gian dành cho hoạt động chuẩn bị khoảng 8 phút.

***2.2. Trưng bày***

- GV kiểm tra HS đã chuẩn bị những gì cho giờ học: ĐDHT, sản phẩm của tiết học trước có mang đến lớp không.

- GV chỉ cho các nhóm, tổ vị trí phù hợp để trưng bày. Có thể gắn tranh ảnh lên tường như một phòng tranh. Khuyến khích cách trưng bày mới lạ.

- Cả lớp đếm sản phẩm của mỗi tổ (1 tiêu chí thi đua).

***2.3. Bình chọn***

Lần lượt từng tổ cùng xem sản phẩm của tổ mình và các tổ khác, bình chọn. Một tô xem trước. Các bạn trao đổi, bình chọn tổ trưng bày đẹp; chọn 3 sản phẩm ấn tượng của tổ mình, một vài sản phẩm ấn tượng của tổ khác. Tổ trưởng báo cáo kết quả. (GV đánh dấu những sản phẩm được đánh giá cao). Tiếp đến các tổ khác.

***2.4. Tổng kết***

GV gắn lên bảng lớp những sản phẩm được bình chọn (tranh, ảnh ấn tượng; trang trí, tô màu đẹp, lời giới thiệu hay). Kết luận về nhóm trưng bày đẹp (có đủ sản phẩm; sắp xếp hợp lý, sáng tạo).

***2.5. Thưởng thức***

- Từng HS có sản phẩm được chọn lần lượt giới thiệu trước lớp tranh, ảnh của mình; đọc lời tự giới thiệu bản thân. ..

- Cả lớp bình chọn những sản phẩm được nhiều bạn yêu thích. GV đếm số HS giơ tay bình chọn cho từng HS, khéo léo động viên tất cả.

- Cả lớp hoan hô các bạn đã thể hiện xuất sắc trong tiết học.

\* HS gắn tranh, ảnh của mình lên bảng nhóm ở góc học tập, lưu giữ suốt tuần.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi những HS, tổ HS đã làm nên một tiết học bổ ích, sáng tạo.

- Nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết KC Chuyện của thước kẻ.

KỂ CHUYỆN

**CHUYỆN CỦA THƯỚC KẺ**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Nghe hiểu câu chuyện Chuyện của thước kẻ.

- Nhìn tranh, kế lại được từng đoạn, toàn bộ câu chuyện.

- Bước đầu biết thay đổi giọng để phân biệt lời của người dẫn chuyện, lời của bút mực, bút chì, thước kẻ, tẩy.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Không nên kiêu căng, coi thường người khác. Cần khiêm tốn, chung sức với mọi người để làm được điều có ích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV đưa lên bảng tranh minh họa chuyện Hai tiếng kì lạ, mời 2 HS nhìn tranh. tiếp nối nhau kể lại câu chuyện (mỗi HS kể theo 3 tranh).

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)

***1.1. Quan sát và phỏng đoán***

- GV đưa lên bảng tranh minh hoạ câu chuyện Chuyện của thước kẻ. HS xem tranh, nói câu chuyện có những nhân vật nào. (Chuyện có 6 nhân vật: thước kẻ, bút mực, bút chì, tẩy, bà cụ, bác thợ mộc).

- GV: Các em hãy quan sát tranh 4: thước kẻ soi gương. Nhìn trong gương, các em sẽ thấy tay phải của thước kẻ thực ra là tay nào? (Tay phải của thước kẻ ở trong gương thực ra là tay trái). Tương tự, vạch đo của cái thước kẻ ở trong gương nằm ở bên phải, nhưng thực ra là ở bên trái của chiếc thước kẻ thực. Các em cần chú ý chi tiết này để hiểu câu chuyện.

***1.2. Giới thiệu chuyện:*** Thước kẻ là một ĐDHT không thể thiếu của HS. Chiếc thước kẻ trong câu chuyện này rất kiêu căng. Nó luôn ưỡn ngực lên, đến nỗi trở thành một chiếc thước kẻ cong. Cuối cùng thì nó cũng đã hiểu đúng về mình. Các em hãy lắng nghe.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Nghe kể chuyện***

GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm. Kể phân biệt lời các nhân vật. Lời bút mực và bút chì: phàn nàn, không vui. Lời thước kẻ: kiêu căng, tự mãn. Lời bác thợ mộc: từ tốn.

**Chuyện của thước kẻ**

(1) Thước kẻ, bút mực, bút chì và tẩy kết bạn. Chúng cùng nhau làm việc rất vui vẻ.

(2) Bỗng một hôm, thước kẻ nghĩ rằng nó quan trọng nhất, không có nó thì bút mực, bút chì không thể kẻ thẳng được. Nghĩ là mình oai lắm, nó cứ ưỡn ngực lên. Dần dần, nó trở thành chiếc thước kẻ cong.

(3) Một hôm, bút mực và bút chì phàn nàn: “Anh thước kẻ bị cong rồi. Đường kẻ của chúng ta cong quá!”. Thước kẻ đáp: “Tại các anh không biết vẽ, chứ tôi lúc nào cũng thẳng!”. Tẩy bảo: “Anh cứ soi gương thì biết!”.

(4) Thước kẻ soi gương. Nó sợ hãi thấy mình hơi cong. Nhưng rồi nó lại tươi tỉnh: “Cái thước kẻ ở trong gương kia không phải tôi. Vạch đo của tôi ở bên trái, còn vạch đo của cái thước kẻ kia ở bên phải. Các số ở đó còn ngược nữa!”.

(5) Thước kẻ trườn xuống bãi cỏ, hi vọng sẽ có bạn mới biết tài nó. Một bà cụ nhặt thước kẻ, định đem về làm củi. Nhưng thước kẻ la ầm lên nó không phải là củi. Bác thợ mộc thấy vậy, bèn nói: “Đây là cái thước kẻ gỗ. Nó hơi cong. Để tôi bào lại nó cho thẳng”.

(6) Phải qua nhiều đau đớn, thước kẻ mới thẳng trở lại. Các bạn vui vẻ đón nó trở về. Từ đó, nó luôn chăm chỉ cùng các bạn bút, kẻ những đường thẳng tắp.

***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh***

Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh. Có thể lặp lại câu hỏi với HS 2.

- GV chỉ tranh 1: Thước kẻ và các bạn làm việc cùng nhau như thế nào? (Thước kẻ và các bạn làm việc với nhau rất vui vẻ).

- GV chỉ tranh 2: Vì sao thước kẻ bị cong? (Thước kẻ nghĩ rằng nó quan trọng nhất, không có nó thì bút không thể kẻ thẳng. Nghĩ là mình oai lắm, nó cứ ưỡn ngực lên. Dần dần, nó trở thành chiếc thước kẻ cong).

- GV chỉ tranh 3: Bút mực và bút chì phàn nàn điều gì? (Bút mực và bút chì phàn nàn: Anh thước kẻ bị cong rồi nên đường kẻ của chúng ta cong quá!).

- GV chỉ tranh 4: Thước kẻ nói gì khi thấy mình trong gương? (Thước kẻ nói: Cái thước kẻ ở trong gương kia không phải tôi. Vạch đo của tôi ở bên trái, còn vạch đo của cái thước kẻ kia ở bên phải. Các số ở đó còn ngược nữa!).

- GV chỉ tranh 5, hỏi từng câu: Điều gì xảy ra khi thước kẻ bỏ đi? (Một bà cụ nhặt thước kẻ, định đem về làm củi. Những thước kẻ la ầm lên rằng nó không phải là củi). Bác thợ mộc nói gì với bà cụ? (Bác thợ mộc nói: Đây là cái thước kẻ gỗ. Nó hơi cong. Để tôi bào lại nó cho thằng).

- GV chỉ tranh 6: Sau khi được sửa lại, hình dáng và tính nết của thước kẻ có gì thay đổi? (Sau khi được sửa, thước kẻ đã thẳng trở lại. Các bạn vui vẻ đón nó trở về. Từ đó, nó luôn chăm chỉ cùng các bạn bút - kẻ những đường thẳng tắp).

***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi)

a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

b) 2 hoặc 3 HS nhìn 6 tranh, kể lại toàn bộ câu chuyện.

\* GV cất tranh, 1 HS giỏi kể lại câu chuyện, không cần sự hỗ trợ của tranh.

***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***

- GV: Câu chuyện này khuyên các em điều gì? (HS: Câu chuyện khuyên chúng ta phải khiêm tốn / không nên kiêu ngạo / phải đoàn kết,...). GV: Câu chuyện khuyên các em không nên kiêu căng, coi thường người khác. Cần khiêm tốn, chung sức với mọi người để làm được điều có ích.

- Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách bảo,

**TẬP VIẾT**

(1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết tô chữ viết hoa Y theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Viết đúng các từ ngữ, câu ứng dụng (*bẽn lẽn, cẩn thận; Yêu trẻ, trẻ đến nhà*) bằng kiểu chữ viết thường, cỡ nhỏ, đúng kiểu, đều nét; đặt dấu thanh đúng vị trí dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- 1 HS cầm que chỉ, tô quy trình viết chữ viết hoa V, X.

- GV kiểm tra HS viết bài ở nhà.

B. DẠY BÀI MỚI

**1. Giới thiệu bài**

- GV viết lên bảng chữ in hoa Y. HS nhận biết đó là mẫu chữ in hoa Y.

- GV: Bài 35 đã giới thiệu cả mẫu chữ Y in hoa và viết hoa. Hôm nay, các em sẽ học tô chữ viết hoa Y; luyện viết các từ, câu ứng dụng cỡ nhỏ.

**2. Khám phá và luyện tập**

***2.1. Tổ chữ viết hoa Y***

- GV hướng dẫn HS quan sát cấu tạo nét chữ và cách tổ chữ viết hoa Y: Chữ Y viết hoa gồm 2 nét: Nét 1 là nét móc hai đầu, tô giống như chữ U viết hoa. Nét 2 là nét khuyết ngược, tô từ ĐK 6 (trên) xuống, đến ĐK 4 (dưới) thì vòng lên, dừng bút ở ĐK 2 (trên).

- HS tổ chữ viết hoa Y cỡ vừa và cỡ nhỏ trong vở Luyện viết 1, tập hai.

***2.2. Viết từ ngữ, câu ứng dụng*** (cỡ nhỏ)

- HS đọc: *bẽn lẽn, cẩn thận; Yêu trẻ, trẻ đến nhà.*

- GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao của các chữ cái, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách nối nét giữa các chữ (giữa chữ Y viết hoa và ê), vị trí đặt dâu thanh.

- HS viết vào vở Luyện viết 1, tập hại; hoàn thành phần Luyện tập thêm.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc lại YC chuẩn bị cho tiết Tự đọc sách bảo.

**TỰ ĐỌC SÁCH BÁO**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Biết giới thiệu rõ ràng, tự tin với các bạn quyển sách, truyện, tập thơ hay tờ báo mình mang tới lớp.

- Đọc hoặc kể lại cho các bạn nghe những gì vừa đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Một số đầu sách hay, phù hợp với lứa tuổi do GV hoặc HS mang đến lớp.

- Giá sách của lớp.

- Sách Truyện đọc lớp 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Giới thiệu bài**: GV nêu MĐYC của bài học.

**2. Luyện tập**

***2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài học***

4 HS tiếp nối nhau đọc 4 bước trong tiến trình của bài học:

- HS 1 đọc YC 1. GV yêu cầu mỗi HS đặt trước mặt quyển sách, quyển truyện hoặc tờ báo, bài thơ các em mang đến lớp..

- HS 2 đọc YC 2, đọc cả lời giới thiệu của hai bạn trong SGK.

- HS 3 đọc YC 3. GV giới thiệu bài thơ Mèo con đi học và 2 câu đố (M): Đây là một bài thơ rất vui và 2 câu đố rất thú vị. Nếu không có sách mang đến lớp, các em có thể đọc bài này. (Nếu tất cả HS đều có sách mang đến lớp: Bài thơ Mèo con đi học và 2 câu đố đều rất hay. Vì vậy, cô (thầy) phân công 3 bạn đọc rồi đọc lại cho cả lớp nghe. Khi về nhà, các em nên đọc bài thơ và 2 câu đố này).

- HS 4 đọc YC 4.

***2.2. Giới thiệu tên sách***

- GV hỏi các nhóm đã trao đổi sách báo, hỗ trợ nhau đọc sách như thế nào.

- Mời một vài HS giới thiệu trước lớp tên quyển sách, tờ báo, quyển truyện, bài thơ mình mang tới lớp; khuyến khích cách giới thiệu vui. VD: Đây là truyện cổ tích Cô bé Lọ Lem mà mẹ tặng minh nhân ngày sinh nhật. Truyện rất hay. Mình sẵn sàng cho mượn nếu bạn nào muốn mượn truyện này. / Đây là tập thơ Góc sân và khoảng trời của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Đảm bảo bạn nào đọc cũng phải mê. / Đây là tờ báo Mực tím viết về tuổi học trò. Tờ báo có nhiều tin thú vị. Các bạn nên xem. Tôi sẵn sàng cho mượn.

\* Thời gian dành cho các hoạt động trên khoảng 10 phút.

***2.3. Tự đọc sách***

- GV đảm bảo sự yên tĩnh cho HS đọc sách. Nhắc HS đọc kĩ một đoạn truyền, mẩu tin, bài thơ mình yêu thích để đọc trước lớp.

- GV đi tới từng bàn giúp HS chọn đoạn đọc.

***2.4. Đọc (hoặc kể) cho các bạn nghe những điều thú vị em đã đọc***

- GV mời HS lần lượt đọc / hoặc kể trước lớp (với những HS có nhu cầu kể) những gì vừa đọc. (Ưu tiên những HS đã đăng kí đọc). Nhắc HS đọc to, rõ.

- Cả lớp bình chọn HS đọc hay, biểu cảm, cung cấp những thông tin, mẩu truyện, bài thơ thú vị.

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV nhắc HS cần chăm đọc sách báo để học hỏi được nhiều điều bổ ích.

**ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**Luyện tập**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Đọc đúng và hiểu bài Buổi học cuối năm - buổi học đầy ý nghĩa, nói về tình cảm thầy trò lưu luyến khi xa nhau.

- Làm đúng BT điền vần **ui** hay **uy**; điền chữ **ng** hay **ngh** vào chỗ trống.

- Nghe viết khổ thơ *Cả nhà đi học* (34 chữ), không mắc quá 2 lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết khổ thơ cần nghe viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học. \

**2. Luyện tập**

***2.1. Làm bài tập***

***2.1.1. Tập đọc*** (BT 1)

a) GV giới thiệu tranh minh họa bài Buổi học cuối năm: *Thầy giáo vẻ học trò tạm biệt nhau, tình cảm đầy lưu luyến, có bạn oà khóc.*

b) GV đọc mẫu. Đoạn đầu: giọng vui thể hiện không khí chuẩn bị náo nức. Đoạn sau (thầy trò chia tay): giong chậm, nhẹ nhàng, tình cảm. Giải nghĩa từ *tíu tít* (từ gợi tả vẻ bận rộn, tất bật của nhiều người); *hí húi* (từ gợi tả dáng và Công làm việc gì đó một cách tỉ mỉ)..

c) Luyện đọc từ ngữ: *tíu tít, cuối năm, ngộ nghĩnh, hí húi, chiếc túi, tạm biệt, đỏ hoe, oà lên nức nở, không thấy thiếu.*

d) Luyện đọc câu

GV: Bài có 11 câu. HS đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở các câu dài (để đọc không bị hụt hơi):

*Thầy giáo treo lên tường / những bức ảnh ngộ nghĩnh / thầy chụp chúng tôi.*

*Chúng tôi hứa viết thư cho thầy / để thấy không thấy thiếu chúng tôi / trong mấy tháng hè*.

e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.

**TIẾT 2**

g) Tìm hiểu bài đọc

- 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 câu hỏi trong SGK và các phương án trả lời.

- Từng cặp HS trao đổi, trả lời câu hỏi.

- GV hỏi - HS trong lớp trả lời:

+ GV (câu hỏi 1): Các bạn nhỏ chuẩn bị những gì cho buổi học cuối năm? HS: Các bạn làm quà tặng cha mẹ. Đó là những chiếc túi bí mật, đặt ở đó những gì tốt nhất các bạn đã làm trong năm. Thầy giáo sẽ đặt thêm vào đó bản nhận xét của thầy.

+ GV (câu hỏi 2): Vì sao khi tạm biệt thầy giáo, mắt bạn nào cũng đỏ hoe? Đáp án: Ý a (Vì các bạn buồn khi phải xa thầy).

GV hỏi lại: Vì sao khi tạm biệt thầy giáo, mắt bạn nào cũng đỏ hoe? / Cả lớp: Vì các bạn buồn khi phải xa thầy.

- (Lặp lại) 1 HS hỏi – cả lớp đáp.

- GV: Bài đọc nói về điều gì? (HS phát biểu). GV: Bài đọc nói về buổi học kết thúc năm học đầy ý nghĩa, về tình cảm thầy trò lưu luyến khi xa nhau,

***2.1.2***. Chọn chữ: **ng** hay **ngh**? (BT 2)

- 1 HS đọc YC.

- GV viết lên bảng: *...ắm, ngộ ...ĩnh, ...ày, tràn ập.*

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- (Chữa bài) 1 HS lên bảng, điền **ng** hay **ngh** vào chỗ trống, báo cáo kết quả.

- Cả lớp đọc lại các câu văn đã điền vần hoàn chỉnh: *Chúng tôi thích thú ngắm... Trong ảnh, nhìn ai cũng vui và ngộ nghĩnh. Hôm ấy là ngày tràn ngập niềm vui.*

- Cả lớp sửa bài theo đáp án (nếu sai).

***2.1.3***. Chọn vần: **ui** hay **uy**? (BT 3)

- Làm như BT 2.

- GV viết bảng: *hí h..., chiếc t..., t... bận rộn, rất v...*

- HS làm bài vào vở Luyện viết 1, tập hai.

- (Chữa bài) 1 HS làm bài trên bảng. Đáp án: *hí húi, chiếc túi, tuy, rất vui.*

- Cả lớp đọc lại 2 câu đã hoàn chỉnh: Chúng tôi hi húi làm những chiếc túi bí mật ... Tuy bận rộn nhưng chúng tôi rất vui.

- HS cả lớp sửa bài theo đáp án (nếu sai).

***2.1.4. Nghe viết*** (BT4)

- HS (cá nhân, cả lớp) nhìn bảng, đọc khổ thơ Cả nhà đi học.

- GV nhắc HS chú ý những từ các em dễ viết sai, chỉ chậm từng từ ngữ cho cả lớp đọc. VD: *đến lớp, mỗi ngày, thưa thầy, tình cờ, vui thay.*

- HS gấp SGK, nghe GV đọc lần lượt từng dòng thơ cho HS viết. (Có thể đọc 2 tiếng một với dòng 6: Đưa con – đến lớp – mỗi ngày... Đọc 4 tiếng một với dòng 8: Như con, mẹ cũng – “thưa thầy”, “chào cô”). Đọc mỗi dòng, mỗi cụm từ 2 hoặc 3 lần.

- HS viết xong, nghe GV đọc, cầm bút chì để sửa lỗi.

- GV có thể chiếu bài của 1 số HS lên bảng lớp để chữa. Nêu nhận xét chung. (Mang bài của một số HS về nhà để sửa chữa, nhận xét).

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV dặn HS về nhà đọc bài **Xóm chuồn chuồn**, truyện **Hoàng tử ếch** để chuẩn bị cho bài kiểm tra Đọc thành tiếng.

**Đánh giá**

**ĐỌC THÀNH TIẾNG**

(6 tiết)

**1. Yêu cầu**

- Mỗi HS trong lớp đọc một đoạn văn, thơ khoảng 40 – 50 tiếng chứa vần đã học. Ngữ liệu để đánh giá là các văn bản *Vẽ ngựa, Em yêu mùa hè, Xóm chuồn chuồn*, *Hoàng tử ếch* mà SGK đã giới thiệu, cũng có thể là một bài ngắn, một đoạn bất kì trong các bài đọc của SGK đã học trước đó, trong *Truyện đọc Lớp 1*; hoặc 1 đoạn văn bản ngoài SGK (GV không sợ lạc vần vì đến lúc này, HS đã học xong các vấn tiếng Việt).

**2. Cách thực hiện**

- GV làm các thăm ghi tên bài đọc, số của đoạn cần đọc.

- HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc.

- HS đọc trước lớp đoạn văn (không nhất thiết phải đọc hết đoạn). GV có thể yêu cầu HS phân tích 1 tiếng bất kì để tăng điểm cho HS.

- GV nhận xét. Chỉ đánh giá đạt và khá, giỏi. Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để đánh giá lại.

**ĐỌC HIỂU, VIẾT**

(Bài luyện tập)

(Chuẩn bị cho bài kiểm tra chính thức)

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- HS đọc đúng, hiểu và làm đúng các BT nối ghép, đọc hiểu.

- Nhớ quy tắc chính tả **c/k, g/ gh**; làm đúng BT Điền vào chỗ trống: **c** hoặc **k**, **g** hay **gh**?

- Chép đúng câu văn.

- Tập chép 6 dòng đầu bài thơ *Gửi lời chào lớp Một*, mắc không quá 1 lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

HS làm bài **Đọc** trong VBT, làm bài **viết** trong vở Luyện viết 1, tập hai. (GV cũng có thể làm phiếu phô tô bài đánh giá kĩ năng đọc hiểu, viết của HS theo đề bài trong SGK phát đủ cho từng HS. Với bài Tập chép, cần có bài viết mẫu, các dòng chấm chấm hoặc dòng kẻ ô li, giúp HS viết thẳng hàng. Các chữ đầu câu và chữ Một được viết hoa sẵn để HS tô).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

**1. Giới thiệu bài kiểm tra**: Hôm nay, các em sẽ làm thử một đề kiểm tra *Đọc hiểu, viết* trước khi làm bài kiểm tra chính thức.

**2. Tìm hiểu đề**

**Phần A - Đọc**

- 1 HS đọc YC của BT1 (*Nối đúng*). GV hướng dẫn cách làm bài: HS đọc thầm từng từ ngữ, nối từng từ ngữ ở bên A với từ ngữ tương ứng ở bên B.

- GV nêu YC của BT 2 (SGK: Đọc thầm bài thơ *Gửi lời chào lớp Một*, trả lời câu hỏi a và b./ GV dành thời gian khoảng 10 phút hướng dẫn HS đọc bài thơ Gửi lời chào lớp Một trước khi làm bài tập.

**Phần B - Viết**

- BT 1 (Điền chữ **c** hay **k**, **g** hay **gh**?): HS đọc YC. GV nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả để điền đúng chữ **c** hay **k, g** hay **gh** vào chỗ trống.

- BT 2 (Tập chép: 6 dòng thơ đầu của bài Gửi lời chào lớp Một): Cả lớp đọc lại 6 dòng thơ; chú ý những từ các em dễ viết sai. GV nhắc HS cần viết đúng khổ thơ, cỡ chữ nhỏ.

- BT 3 (Viết lời chào tạm biệt và cảm ơn cô giáo (thầy giáo) lớp Một của em: GV hướng dẫn HS có thể viết 2 câu (1 câu chào, 1 câu cảm ơn). Cũng có thể viết 3 câu.

**TIẾT 2**

**3. Làm bài**

***3.1. HS lần lượt làm các BT***

- Đọc: BT 1 (Đọc - Nối từ ngữ với hình) / BT 2 (Đọc thầm và làm bài tập).

- Viết: BT 1, BT 2, BT 3. HS tự sửa bài; đổi bài để chữa lỗi cho nhau.

**4. Chấm, chữa bài**

**5. Củng cố, dặn dò**: GV nhận xét tiết kiểm tra thử. Khích lệ HS cần làm tốt, đạt kết quả tốt trong 2 tiết kiểm tra chính thức.

**ĐỌC HIỂU, VIẾT**

(Bài kiểm tra)

(2 tiết)

- GV tham khảo cách ra đề trong Bài luyện tập đọc hiểu, viết (SGK) để ra đề kiểm tra cho HS.

- GV phô tô đề bài, phát đề cho từng HS. Chú ý: Cần có dòng kẻ ô li dưới đoạn văn, khổ thơ cần tập chép, giúp HS chép câu thẳng hàng.

- GV chỉ giải thích đề, hướng dẫn khi có HS thắc mắc vì chưa hiểu đề.

- HS làm bài kiểm tra.

- Cuối giờ, GV thu bài, chấm bài.